

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH KINH TẾ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2400 /QĐ-TĐHHN ngày 08 tháng 07 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2019

MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
1.1.Một số thông tin về chương trình đào tạo	1
1.2.Mục tiêu đào tạo	1
1.2.1 Mục tiêu chung	1
1.2.2 Mục tiêu cụ thể	1
1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh:	2
1.4. Hình thức đào tạo:Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.....	2
1.5.Điều kiện tốt nghiệp	2
PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	3
2.1. Kiến thức	3
2.2. Kỹ năng	3
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm	4
PHẦN 3. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....	5
PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	6
4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo.....	6
4.2. Khung chương trình đào tạo	6
4.3 Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra.....	36
4.4 Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ).....	44
4.5. Đề cương các học phần	49
4.6. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình	442
4.7. Hướng dẫn thực hiện chương trình	458

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình dạy học trình độ đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định 456/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

Căn cứ Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/2014/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình dạy học trình độ đại học chính quy gồm các ngành đào tạo: Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; Công nghệ thông tin; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Kỹ thuật địa chất; Kỹ thuật trắc địa bản đồ; Khí tượng và khí hậu học; Luật; Quản lý biển; Quản lý tài nguyên nước; Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị kinh doanh; Thủy văn học.

Chương trình dạy học trình độ đại học chính quy các ngành đào tạo được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2019.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường, giảng viên và học viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 2;
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT (5b).

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Trần Duy Kiều

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình:
 - Tiếng Việt: **Kinh tế tài nguyên thiên nhiên**
 - Tiếng Anh: **Natural resources Economics**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Kinh tế tài nguyên thiên nhiên**
- Mã số: **52850102**
- Thời gian đào tạo: **04 năm**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp
 - Tiếng Việt: **Cử nhân Kinh tế tài nguyên thiên nhiên**
 - Tiếng Anh: **Bachelor of Natural resources Economics**

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên đào tạo cử nhân Kinh tế tài nguyên thiên nhiên có kiến thức lý thuyết và thực tiễn; kỹ năng nhận thức, thực hành nghề nghiệp; có khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng về kinh tế tài nguyên và kinh tế môi trường để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn về lĩnh vực tài nguyên, môi trường nhằm khai thác, sử dụng và quản lý bền vững tài nguyên và môi trường.

1.2.2 Mục tiêu cụ thể

Đào tạo cử nhân đạt được các mục tiêu sau:

a) Kiến thức:

MT1: Có những kiến thức lý thuyết cơ bản về kinh tế học, quản lý và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kinh tế tài nguyên và môi trường như các mô hình sử dụng tối ưu các dạng tài nguyên; các công cụ kinh tế trong quản lý tài nguyên và môi trường; các chính sách, pháp luật bảo vệ tài nguyên và môi trường; lượng giá giá trị tài nguyên và môi trường, quản lý, khai thác sử dụng hiệu quả bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

b) Về kỹ năng:

MT2: Có kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn về kinh tế tài nguyên và môi trường để thực hiện các công việc chuyên môn như quản lý tài nguyên, thẩm định, quản lý dự án đầu tư, dự án kinh doanh trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên và môi trường. Có kỹ năng viết, trình bày, lập kế hoạch báo cáo, kết quả báo cáo nghiên cứu khoa học; Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành như GIS, SPSS, có khả năng sử dụng máy chiếu, máy tính, đọc bản đồ GIS; Có trình độ ngoại ngữ, có khả năng giao tiếp với người nước ngoài về các vấn đề liên quan đến tài nguyên môi trường;

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT3: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên thiên nhiên, môi trường; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

d) Phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe:

MT4: Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm công dân; có khả năng tìm việc làm, có sức khỏe phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước.

e) Đủ khả năng học tập lên trình độ cao hơn

MT5: Có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh:

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: theo quy định của bộ giáo dục đào tạo.

1.4. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

1.5. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Điều 28 của Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, ban hành kèm theo Quyết định số 3625/QĐ-TĐHHN ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Kiến thức

KT1: Nhận thức được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh - Quốc phòng; Hiểu được các kiến thức về khoa học tự nhiên làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên sâu.

KT2: Hiểu và vận dụng, phân tích được những kiến thức cơ sở ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, khoa học công nghệ, luật pháp trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên và môi trường.

KT3: Hiểu, vận dụng và phân tích, đánh giá được trong thực tế các vấn đề liên quan đến khai thác tối ưu tài nguyên, quản lý tài nguyên và môi trường; quản lý và xây dựng kế hoạch, đề án về tài nguyên, môi trường; lượng giá giá trị tài nguyên, lập báo cáo, tư vấn, tham mưu cho các nhà quản lý để đưa ra quyết định và xây dựng chính sách sử dụng và quản lý tài nguyên và môi trường.

KT4: Vận dụng được những phương pháp nghiên cứu kinh tế trong nghiên cứu kinh tế tài nguyên thiên nhiên.

KT5: Kiến thức Tiếng Anh và Tin học:

+ Đạt trình độ tiếng Anh bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc đạt chứng chỉ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu và tương đương.

+ Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và tương đương do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch.

+ Sử dụng được Internet và một số phần mềm chuyên ngành để phục vụ tốt yêu cầu công việc.

2.2. Kỹ năng

KN1: Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề: tìm hiểu vấn đề và giải quyết các vấn đề bằng các giải pháp phù hợp đúng chuyên môn.

KN2: Phân tích các vấn đề lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Có khả năng nghiên cứu độc lập, cập nhật kiến thức trong lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên.

KN3: Có khả năng xây dựng, phân tích và đánh giá hiệu quả các dự án về xử lý, cải tạo môi trường và khai thác tài nguyên;

KN4: Có khả năng phân tích, tổng hợp thông tin kinh tế và môi trường; phân tích ảnh hưởng chính sách kinh tế tài nguyên và môi trường;

KN5: Có kỹ năng sắp xếp, lập kế hoạch và quản lý công việc: có khả năng xác định nội dung và cách thức thực hiện công việc, bố trí sắp xếp công việc khoa học hiệu quả.

KN6: Biết sử dụng thành thạo tin học văn phòng, phần mềm ứng dụng trong lượng giá giá trị kinh tế tài nguyên và môi trường; Biết giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh, và có khả năng dịch, hiểu được các tài liệu tiếng anh chuyên ngành liên quan đến kinh tế môi trường.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

NL1: Có ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc, chấp hành sự phân công của lãnh đạo.

NL2: Có bản lĩnh nghề nghiệp, có thể vận dụng linh hoạt các kiến thức và kỹ năng trong xử lý các tình huống nghề nghiệp.

PHẦN 3. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO				
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5
Kiến thức	KT1	X	X		x	
	KT2	X	X	x		
	KT3			x		x
	KT4	X	x	x	x	x
	KT5	X	x			
Kỹ năng	KN1	X	x			
	KN2	X	x	x		
	KN3	X	x	x		x
	KN4	X	x	x	x	x
	KN5		x	x	x	
	KN6		x	x		x
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	NL1			x	x	x
	NL2			x	x	x

PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	132
Trong đó:	
Khối kiến thức Giáo dục đại cương (Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN)	27
Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	105
Kiến thức cơ sở ngành	19
Kiến thức ngành	86
+ Bắt buộc:	74
+ Tự chọn:	12
Kiến thức thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	12

4.2. Khung chương trình đào tạo

Ký hiệu: - LT : Lý thuyết

- TL, TH, TT: Thảo luận, thực hành, thực tập

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương			27				
I.1	Lý luận chính trị			10				
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	LTML2101	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về triết học; Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.	2	22	8	60	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	LTML 2102	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất	3	32	13	90	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học; Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.					
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LTTT2101	Sau khi kết thúc học phần sinh viên trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại; Vận dụng sáng tạo lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác; Hun đúc lòng yêu nước, nâng cao lòng tự hào về Chủ tịch Hồ Chí Minh, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt	2	21	9	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			Nam.					
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	LTĐL2101	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên phân tích và chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích được nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam và đánh giá được kết quả thực hiện đường lối đó; Vận dụng trong giải quyết một số vấn đề lý luận chính trị - xã hội; xác định được trách nhiệm của bản thân để thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.	3	32	13	90	
I.2	<i>Khoa học xã hội</i>			4				
5	Kỹ năng mềm	KTQU2151	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và vận dụng được một số kỹ năng mềm cơ bản	2	20	10	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			nếu: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm.					
6	Pháp luật đại cương	LTPL2101	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung và nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế	2	20	10	60	
I.3	Ngoại ngữ			8				
7	Tiếng Anh 1	NNTA2101	Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể phát âm thành thạo vốn từ đã học. Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày đồng thời sử dụng các	3	8	37	90	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức. Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc. Có các kỹ năng đọc, nghe, nói, viết.					
8	Tiếng Anh 2	NNTA2102	Sau khi kết thúc học phần sinh viên có kiến thức cơ bản về các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiên trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc, du lịch... và các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiên trung cấp.	3	5	40	90	
9	Tiếng Anh 3	NNTA2103	Sau khi kết thúc học phần sinh viên có kiến thức nâng cao (trình độ trung cấp) trong việc sử dụng từ, ngữ pháp phổ biến, phân biệt văn phong học thuật và văn phong	2	5	25	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			hội thoại, cách dựng câu...; Phương pháp thuyết trình khoa học và các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp					
I.4	Khoa học tự nhiên – Tin học			5				
10.	Toán cao cấp	KDTO2108	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành kế toán, bất động sản, quản trị du lịch, kinh tế tài nguyên ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn	3	25	20	90	
11.	Tin học đại cương	CTKH2151	Hiểu được nội dung về Khái niệm tin học, cấu trúc và hoạt động của hệ	2	20	10	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			thống máy tính, mạng máy tính, Internet và tìm kiếm tài liệu học thuật trên Internet; Một số hệ điều hành thông dụng và sử dụng hệ điều hành; Các chương trình ứng dụng MS Word, Excel và Powerpoint.					
I.5	<i>Giáo dục thể chất</i>			5				
I.6	<i>Giáo dục quốc phòng-an ninh</i>			165 tiết				
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			105				
II.1	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>			25				
II.1 .1	<i>Bắt buộc</i>							
12.	Tài chính - Tiền tệ	KTKN2301	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các khái niệm căn bản về phạm trù tài chính – tiền tệ, các bộ phận của hệ thống tài chính, chức năng cũng như các nguyên lý về hình thức hoạt động của nó trong nền kinh tế hàng hóa, nền kinh tế thị trường; Hiểu được những vấn đề liên quan đến lãi suất và tín	3	37	8	90	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			dụng, Ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian đặc biệt là Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung Ương và Chính sách tiền tệ, tài chính quốc tế...					
13.	Kinh tế vi mô	KTKH2301	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản của kinh tế vi mô như cung-cầu, thị trường, hành vi của người bán và người mua, đặc điểm thị trường, thất bại của thị trường và vai trò của chính phủ.	3	32	13	90	
14.	Kinh tế vĩ mô	KTKH2302	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản; những nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng của	3	31, 5	13,5	90	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			một nền kinh tế, hay các vấn đề về lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách của nền kinh tế mở.					
15.	Nguyên lý thống kê kinh tế	PES202	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản trong quá trình thống kê như thu thập thông tin, tổng hợp và xử lý các số liệu thống kê, phân tích, đánh giá và dự báo trên cơ sở những thông tin đã được xử lý.	3	33	12	90	
16.	Cơ sở khoa học môi trường	MTQM2301	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được Những kiến thức chung liên quan đến môi trường và khoa học môi trường, các thành phần cơ bản của môi trường, tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường; Các vấn đề về dân số, lương thực thực phẩm, năng lượng và phát triển bền vững.	2	20	10	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
17.	Nguyên lý kế toán	KTKE2501	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết được các phương pháp và lý thuyết thực hành kế toán	3	30	15	90	
18.	Quản trị học	KTQU2101	Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị, các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin quản trị, ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị.	2	19	11	60	
II.1 .2	<i>Tự chọn</i>	6/12						
19.	Tâm lý quản lý	POM101	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những vấn đề chung của tâm lý học quản lý; đặc điểm tâm lý của đối tượng quản lý; tâm lý trong công tác lãnh đạo và tâm lý trong việc quản lý và sử dụng con người; và những hiện tượng tâm lý trong tập thể lao động	2	20	10	60	
20.	Lịch sử các học thuyết kinh tế (*)	KTKH2510	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết những quan điểm tư tưởng và	2	27	3	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			học thuyết kinh tế cơ bản của các nhà kinh tế tiêu biểu thuộc các trường phái qua các thời đại lịch sử như lý thuyết kinh tế của William Petty, những đóng góp về kinh tế của K.Marx, F.Engls... Lý thuyết về lợi thế so sánh, lợi thế tuyệt đối, học thuyết kinh tế của AdamSmith, lý thuyết “năng suất giới hạn” của Mỹ...					
21.	Kinh tế đầu tư (*)	INE202	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và vận dụng được hệ thống các chỉ tiêu để phân tích, đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển, đánh giá hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội của dự án.	2	22	8	60	
22.	Quản lý nhà nước về kinh tế	SME203	Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản quản lý Nhà nước về kinh tế, bao gồm: Nhà nước và quản lý Nhà nước, đặc điểm, đối tượng	2	25	5	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			của quản lý Nhà nước về kinh tế, mục tiêu, nguyên tắc, công cụ và phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế, các chức năng cơ bản của quản lý Nhà nước về kinh tế, văn bản và quyết định trong quản lý Nhà nước về kinh tế, cơ cấu và công chức trong bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế					
23.	Tài chính công	PLF203	Hiểu được những vấn đề cơ bản về tài chính công như hoạt động và cách thức tổ chức, các bộ phận cấu thành của khu vực tài chính công, ngân sách nhà nước, nguyên tắc Ngân sách nhà nước, các vấn đề về hệ thống và chu trình ngân sách nhà nước	2	26	4	60	
24.	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám (*)	TBAB2451	Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về viễn thám, bộ cảm biến và các vệ tinh viễn thám; Biết những nguyên lý	2	12	18	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			<p>ơ bản về các kiểu cấu trúc dữ liệu thường gặp trong các hệ thống thông tin địa lý hiện hành. Biết nhập và xây dựng cơ sở dữ liệu là một công đoạn quan trọng trong ứng dụng GIS.</p>					
II.2	Kiến thức ngành			52				
II.2 .1	Bắt buộc							
25.	Cơ sở lý thuyết trong kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2530	<p>Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và phân tích được những kiến thức về lý thuyết thặng dư, lý thuyết về ngoại ứng, lựa chọn trong điều kiện rủi ro; thị trường yếu tố sản xuất; can thiệp của chính phủ thông qua các công cụ kinh tế nhằm khắc phục những thất bại của thị trường trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên và môi trường.</p>	3	31	14	90	
26.	Kinh tế công cộng	PLE202	<p>Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được cơ sở kinh tế và các hoạt</p>	3	34	11	90	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			động của khu vực công trong nền kinh tế; Phân tích và đánh giá được các chức năng, hệ quả các hoạt động và các chính sách của chính phủ áp dụng trong vào nền kinh tế thị trường.					
27.	Phân tích chi phí - lợi ích	CBA203	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các công cụ phân tích kinh tế hữu ích nhằm cung cấp thông tin cho người ra quyết định xem xét, đánh giá và quyết định lựa chọn những phương án tốt nhất xét về khía cạnh đóng góp phúc lợi cho xã hội.	3	35	10	90	
28.	Kinh tế học biến đổi khí hậu	ECC202	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và phân tích được cách tiếp cận kinh tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu; từ đó đưa ra các giải pháp, các chính sách để kiểm soát các tác động từ biến đổi khí hậu đến hoạt động của con người, hướng đến	2	22	8	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu.					
29.	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	ERM204	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên kinh tế như: xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế.	2	24, 5	5,5	79	
30.	Kế toán tài chính	KTKE2524	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được kế toán tài chính doanh nghiệp bao gồm lập chứng từ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; nội dung; phương pháp ghi chép trên các tài khoản kế toán; sổ sách kế toán tổng hợp và việc lập hệ thống báo cáo tài chính.	2	21	9	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
31.	Thương mại và tài nguyên môi trường	CRE203	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và phân tích được một số khái niệm cơ bản liên quan đến thương mại và tài nguyên môi trường như: khái niệm thương mại; khái niệm môi trường, tài nguyên. Trình bày, phân tích được mối quan hệ giữa thương mại với tài nguyên, môi trường. Nhận biết, hiểu và trình bày được các hiệp định liên quan đến vấn đề môi trường trong WTO và các thảo luận quốc tế về môi trường. Đánh giá xu hướng phát triển mới của thương mại quốc tế có đề cập đến môi trường và sự phát triển bền vững cho thương mại và môi trường trong nước và trên thế giới.	2	23	7	60	
32.	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	KTTM2538	Hiểu và vận dụng được các nội dung cơ bản về quản lý dự án tài nguyên và môi trường; các nội dung cơ bản	3	34	11	90	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			trong quản lý dự án tài nguyên và môi trường như lập kế hoạch quản lý, điều phối thực hiện dự án, kiểm tra, giám sát thực hiện dự án					
33.	Hạch toán quản lý môi trường	EMA204	Hiểu và vận dụng được để ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí môi trường và dự toán chi phí môi trường cho kỳ kế hoạch, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho chức năng kiểm soát và đánh giá chi phí. Bên cạnh đó, sinh viên nắm bắt được mối quan hệ giữa chi phí và lợi ích môi trường để từ đó hiểu được tầm quan trọng của các yếu tố tác động đến lợi nhuận doanh nghiệp	3	30	15	90	
34.	Lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2419	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề lý luận của định giá kinh tế tài nguyên và môi trường như:	5	39	36	150	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			phương pháp luận, các nhóm phương pháp định giá, cách tính toán và sử dụng đối với từng phương pháp định giá giá trị tài nguyên và môi trường; Vận dụng được định giá kinh tế tài nguyên và môi trường trong việc ra quyết định về các dự án kinh tế tài nguyên và môi trường					
35.	Kinh tế môi trường	EVE202	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học Kinh tế môi trường; trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường, phát triển và phát triển bền vững; phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; Biết được	3	30	15	90	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như khái niệm ô nhiễm, khái niệm ngoại ứng,...; xác định được mức ô nhiễm tối ưu và phân tích được các công cụ kiểm soát ô nhiễm; phân tích các công cụ và chính sách quản lý môi trường. Đánh giá được những tác động (tích cực và tiêu cực) của các hoạt động phát triển (kinh tế và xã hội) đến môi trường					
36.	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	KTTM2418	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng được các kiến thức để tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân, chất lượng, hiệu quả công việc. Phân tích, đánh giá được những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp với các đối tượng bên trong và ngoài doanh nghiệp nhằm đáp ứng	2	20	10	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			những yêu cầu mới; kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch và ra quyết định, áp dụng kỹ năng tư duy, phân tích, tổng hợp vào công việc					
37.	Kinh tế tài nguyên biển	KTTM2510	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và vận dụng được cơ bản những nội dung về tài nguyên biển, vai trò, biết được mô hình lý thuyết trong khai thác tài nguyên biển; phân tích được các công cụ kinh tế trong quản lý tài nguyên biển; hiểu được những vấn đề cơ bản về quy hoạch không gian biển, quản lý tổng hợp vùng ven biển, xây dựng khu bảo tồn biển.	2	23	7	60	
38.	Kiến tập	KTTM2505	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng những kiến thức lý thuyết đã học để tìm hiểu tình hình hoạt động trong lĩnh vực khai	4	-	60	56	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			thác, sử dụng và quản lý tài nguyên và môi trường tại đơn vị thực tập.					
39.	Thực hành nghề nghiệp	KTTM2527	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng, phân tích và đánh giá được thực trạng khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên và môi trường tại đơn vị thực tập.	4	-	60	40	
40.	Đề án môn học-Kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2539	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và phân tích được các vấn đề lý thuyết thuộc nội dung các môn học chuyên ngành; Vận dụng được kiến thức lý thuyết để phân tích, đánh giá thực tiễn hoạt động khai thác, sử dụng, quản lý tài nguyên và môi trường;	3	-	45	40	
<i>II.2</i> <i>.2</i>	<i>Tự chọn</i>	<i>6/14</i>						
41.	Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên (*)	KTTM2637	Sinh viên hiểu được những nội dung cơ bản về cộng đồng và phát triển cộng đồng trong quản lý tài nguyên như: Khái	2	21	9	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			niệm cộng đồng, khái niệm phát triển cộng đồng, mục tiêu, nội dung, nguyên lý của phát triển cộng đồng, tiến trình phát triển cộng đồng, sự tham gia, năng lực tự quản, các mâu thuẫn trong cộng đồng; khái niệm và vai trò của quản lý tài nguyên; khái niệm và sự cần thiết của tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên; Các nguồn lực cho phát triển cộng đồng; các công cụ thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong quản lý tài nguyên; Sự tham gia của cộng đồng; sự tham gia của cộng đồng trong quản lý một số tài nguyên ở Việt Nam.					
42.	Dự báo phát triển kinh tế xã hội	KTTM2641	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên trình bày được các nội dung cơ bản về nhiệm vụ dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế và dự báo	2	17	13	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Biết được các phương pháp dự báo thông dụng.					
43.	Du lịch sinh thái	ECT202	Hiểu được các nội dung cơ bản về tài nguyên du lịch sinh thái.	2	21	9	60	
44.	Kiểm soát ô nhiễm môi trường (*)	EVT202	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về kiểm soát ô nhiễm môi trường như chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước về kiểm soát ô nhiễm môi trường; Bốn trụ cột trong kiểm soát ô nhiễm môi trường; Các quy định pháp luật liên quan đến kiểm soát ô nhiễm môi trường; Các thủ tục hành chính trong kiểm soát ô nhiễm môi trường; Hướng dẫn các hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, nhập khẩu phế liệu, kiểm soát ô nhiễm hóa chất; Hướng dẫn xây dựng kế hoạch kiểm soát ô	2	20	10	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			nhhiễm môi trường					
45.	Thống kê tài nguyên và môi trường	SRE203	Sinh viên hiểu, vận dụng được phương pháp tính một số dạng tài nguyên, các phương pháp thống kê tài nguyên.	2	22	8	90	
46.	Đánh giá tác động môi trường	EIA424	Hiểu được những vấn đề cơ bản về đánh giá tác động môi trường; Trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường; Các phương pháp dùng trong đánh giá tác động môi trường.	2	20	10	60	
47.	Kiểm toán môi trường (*)	KTKN2604	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được khái niệm và nội dung kiểm toán môi trường; khái niệm và quy trình thực hiện kiểm toán đánh giá tác động môi trường; khái niệm và quy trình thực hiện kiểm toán hệ thống quản lý môi trường; Khái niệm, quy trình thực hiện kiểm toán chất thải.	2	19	11	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
II.3	Kiến thức chuyên sâu			16				
II.3 .1	Chuyên sâu về Kinh tế tài nguyên và môi trường			16				
48.	Quản lý kinh tế môi trường	KTTM2524	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các kiến thức về cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý môi trường trong các lĩnh vực tự nhiên, kinh tế, xã hội đặc biệt là về tự nhiên và kinh tế.	3	27	18	90	
49.	Quản lý kinh tế tài nguyên	KTTM2525	Hiểu được các phương thức quản lý, thực trạng quản lý các loại tài nguyên thiên nhiên	3	28	17	90	
50.	Kinh tế tài nguyên du lịch	KTTM2512	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về kinh tế tài nguyên du lịch; hiểu và phân tích được các tác động của hoạt động du lịch đến tài nguyên du lịch; hiểu và phân tích được một số triết lý cơ bản trong khai thác tài nguyên du lịch; hiểu và phân tích được một số phương pháp điều	2	21	9	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			tra và đánh giá tài nguyên du lịch và các biện pháp bảo vệ và phát triển tài nguyên du lịch.					
51.	Kinh tế tài nguyên đất	KTTM2511	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và phân tích được các nội dung cơ bản về kinh tế tài nguyên đất	2	17, 5	12,5	60	
52.	Kinh tế tài nguyên nước	KTTM 2515	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được đặc điểm của tài nguyên nước; vận dụng, phân tích được các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả dự án, thị trường nước.	2	20	10	60	
53.	Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản	KTTM2514	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các nội dung cơ bản về đặc điểm tài nguyên khoáng sản, mô hình khai thác khoáng sản.	2	16, 5	13,5	60	
54.	Kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học	KTTM2516	Sinh viên hiểu và phân tích được một số nét khái quát về kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học nói chung; hiểu và phân tích được các mô hình trong sử	2	19	11	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			dụng, khai thác tài nguyên rừng, hệ thống kinh tế lâm nghiệp, thị trường lâm sản, tình hình quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên rừng ở Việt Nam; hiểu được các giá trị đa dạng sinh học, nguyên nhân gây suy thoái đa dạng sinh học dưới góc độ kinh tế; thực trạng sử dụng, khai thác đa dạng sinh học và bảo vệ đa dạng sinh học ở Việt Nam.					
II.3 .2	<i>Chuyên sâu về Kinh tế tài nguyên biển</i>			16				
55.	Kinh tế tài nguyên sinh vật biển	KTTM2517	Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu và phân tích được một số mô hình lý thuyết cơ bản trong khai thác tài nguyên sinh vật biển; Đường cung của ngành khai thác tài nguyên sinh vật biển	4	41	4	90	
56.	Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản biển	KTTM2509	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và phân tích được các mô hình khai thác tài	4	16, 5	13,5	60	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			nguyên khoáng sản biển, thị trường và giá cả khoáng sản biển					
57.	Kinh tế tài nguyên du lịch biển	KTTM2513	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và phân tích được những nội dung cơ bản về đặc điểm, vai trò, của tài nguyên du lịch biển, mô hình khai thác	4	43	17	120	
58.	Quản lý tổng hợp vùng ven biển	KTTM2526	Hiểu và phân tích được các vấn đề cơ bản về tài nguyên vùng ven biển, quản lý tổng hợp và quản lý tổng hợp vùng ven biển	4	47	13	150	
II.4	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp			12				
59.	Thực tập tốt nghiệp	ITS204	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên iết được tình hình thực tế của công tác khai thác và quản lý tài nguyên, môi trường; Các vấn đề về lượng giá giá trị tài nguyên, môi trường; Thực tế sử dụng phân tích chi phí - lợi ích trong lựa chọn các dự án tài nguyên, môi trường ... tại đơn vị	6	-	90	80	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
			thực tập.					
60.	Khóa luận tốt nghiệp	DTT204	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng được những kiến thức cơ bản về ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên đã được trang bị vào thực tế để đưa ra được lựa chọn giữa các phương án về khai thác, quản lý tài nguyên và môi trường.	6	-	90	-	
II.5	Các môn thay thế đồ án tốt nghiệp			6				
<i>II.5</i> <i>.1</i>	<i>Chuyên ngành kinh tế tài nguyên và môi trường</i>							
61.	Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên	KTTM2840	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên vận dụng, phân tích được vấn đề sử dụng đất; phân tích được mô hình sinh học và mô hình kinh tế khai thác thủy sản, một số công cụ sử dụng trong quản lý thủy sản; hiểu và phân tích được mô hình sinh học và mô hình kinh tế khai thác gỗ và quản lý tài nguyên rừng.	3	12	31	90	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Tổng số TC	LT	TL, TH, TT	Tự học	Ghi chú
62.	Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường	EEM204	Sinh viên hiểu và phân tích được nguyên nhân và cách thức con người gây ô nhiễm môi trường; hiểu và phân tích được các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường.	3	16	29	90	
<i>II.5</i> <i>.2</i>	<i>Chuyên ngành kinh tế tài nguyên biển</i>							
63.	Phân tích tổng hợp quản lý tài nguyên biển	KTTM2829	Sinh viên hiểu và phân tích được một số mô hình cơ bản trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển; vận dụng, đánh giá được thực trạng khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam.	3	12	33	90	
64.	Phân tích tổng hợp kinh tế tài nguyên biển	KTTM2828	Sinh viên hiểu và phân tích được một số nội dung cơ bản về quản lý tổng hợp tài nguyên biển; vận dụng và đánh giá được thực trạng quản lý tổng hợp nguyên biển ở Việt Nam.	3	12	33	90	
Tổng số tín chỉ				132				

4.3 Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN	NL1	NL2
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương													
I.1	Lý luận chính trị													
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	x			x		x				x		x	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	x			x		x				x		x	
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	x			x		x				x		x	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x			x		x				x		x	
I.2	Khoa học xã hội													
4	Pháp luật đại	x			x		x			x			x	

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN	NL1	NL2
	cương													
5	Kỹ năng mềm	x			x		x				x	x	x	x
I.3	<i>Ngoại ngữ</i>													
7	Tiếng Anh 1					x	x					x		x
8	Tiếng Anh 2					x	x					x		x
9	Tiếng Anh 3					x	x					x		x
I.4	<i>Khoa học tự nhiên - Tin học</i>													
10	Toán cao cấp	x					x							
11	Tin học đại cương	x					x					x		
I.5	<i>Giáo dục thể chất</i>													
I.6	<i>Giáo dục quốc phòng-an ninh</i>													
II	Khoá kiến thức giáo dục chuyên nghiệp													
II.1	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>													
12	Tài chính - Tiền tệ		x				x			x				

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN	NL1	NL2
13	Kinh tế vi mô		x				x				x			
14	Kinh tế vĩ mô		x				x				x			
15	Nguyên lý thống kê kinh tế		x				x				x			
16	Cơ sở khoa học môi trường		x				x				x			x
17	Nguyên lý kế toán		x				x				x			
18	Quản trị học		x				x				x			
19	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám		x				x					x		
20	Kinh tế đầu tư		x				x				x			x
21	Lịch sử các học thuyết kinh tế		x				x				x			x
II.2	Kiến thức ngành													
II.2.1	Bắt buộc													
22	Cơ sở lý thuyết kinh tế tài nguyên và môi trường		x		x	x	x	x						x

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN	NL1	NL2
23	Kinh tế công cộng			x	x		x	x					x	x
24	Phân tích chi phí-lợi ích			x	x		x	x	x				x	x
25	Kinh tế học biến đổi khí hậu			x	x		x	x					x	x
26	Phương pháp nghiên cứu kinh tế			x	x		x	x					x	x
27	Kế toán tài chính			x	x		x	x					x	x
28	Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên			x	x		x	x		x			x	x
29	Thương mại và tài nguyên môi trường			x	x		x	x		x			x	x
30	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường			x	x		x	x	x	x	x		x	x
31	Hạch toán quản lý môi trường			x	x		x	x		x			x	x
32	Lượng giá kinh tế tài nguyên và môi			x	x		x	x	x	x		x	x	x

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN	NL1	NL2
	trường													
33	Kinh tế môi trường			x	x		x	x	x	x			x	x
34	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp			x	x		x	x		x	x		x	x
35	Kinh tế tài nguyên biển			x	x		x	x	x	x			x	x
36	Kiến tập			x	x		x	x			x		x	x
37	Thực hành nghề nghiệp			x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
38	Đề án môn học- Kinh tế tài nguyên và môi trường			x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
II.2.2	Kiến thức chuyên sâu													
A	<i>Kinh tế tài nguyên và môi trường</i>													
39	Quản lý kinh tế môi trường			x	x		x		x	x	x	x	x	x
40	Quản lý kinh tế tài nguyên			x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
41	Kinh tế tài nguyên du lịch			x	x		x	x	x	x			x	x
42	Kinh tế tài			x	x		x	x	x	x			x	x

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN	NL1	NL2
	nguyên đất													
43	Kinh tế tài nguyên nước			x	x		x	x	x	x			x	x
44	Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản			x	x		x	x	x	x			x	x
B	<i>Kinh tế tài nguyên biển</i>													
45	Kinh tế tài nguyên sinh vật biển			x	x		x	x	x	x			x	x
46	Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản biển			x	x		x	x	x	x			x	x
47	Kinh tế tài nguyên du lịch biển			x	x		x	x	x	x			x	x
48	Quản lý tổng hợp vùng ven biển			x	x		x	x	x	x			x	x
II.3	<i>II.3 Thực tập và Đồ án tốt nghiệp</i>													

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN	NL1	NL2
49	Thực tập tốt nghiệp				x		x	x	x	x			x	x
50	Khóa luận tốt nghiệp				x		x	x	x	x			x	x
III	<i>kiến thức bổ trợ, tự chọn</i>													
III.1	<i>Khối kiến thức tự chọn</i>													
51	Tâm lý quản lý		x		x		x				x		x	x
52	Lịch sử các học thuyết kinh tế		x		x		x			x			x	x
53	Kinh tế đầu tư		x		x		x		x		x	x	x	x
54	Quản lý nhà nước về kinh tế		x		x		x		x	x	x		x	x
55	Tài chính công		x				x			x			x	x
56	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám		x				x					x		
57	Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên				x	x	x	x					x	x
58	Dự báo phát triển kinh tế xã hội				x	x	x				x		x	x
59	Du lịch sinh thái				x		x		x	x			x	x

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN	NL1	NL2
60	Kiểm soát ô nhiễm môi trường			x	x		x		x	x			x	x
61	Thống kê tài nguyên và môi trường			x	x		x	x		x		x	x	x
62	Đánh giá tác động môi trường			x			x		x	x	x		x	x
63	Kiểm toán môi trường			x			x		x	x	x		x	x
III/.2	Các môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp													
A	<i>Kinh tế tài nguyên và môi trường</i>													
64	Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên			x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
65	Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường			x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
B	<i>Kinh tế tài nguyên biển</i>													
66	Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên			x	x		x	x	x	x	x	x	x	x

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA												
		Kiến thức					Kỹ năng						Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN	NL1	NL2
	biên													
67	Phân tích tổng hợp trong quản lý tài nguyên biển			x	x		x	x	x	x	x	x	x	

4.4 Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương		27										
I.1	Lý luận chính trị		10										
1.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	LTML2101	2	2									
2.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	LTML 2102	3		3								
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LTTT2101	2			2							
4.	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	LTĐL2101	3				3						
I.2	Khoa học xã hội		4										
5.	Kỹ năng mềm	KTQU2151	2		2								
6.	Pháp luật đại cương	LTPL2101	2	2									
I.3	Ngoại ngữ		8										
7.	Tiếng Anh 1	NNTA2101	3	3									
8.	Tiếng Anh 2	NNTA2102	3		3								

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
9.	Tiếng Anh 3	NNTA2103	2			2							
I.4	<i>Khoa học tự nhiên – Tin học</i>		5										
10.	Toán cao cấp	KDTO2108	3	3									
11.	Tin học đại cương	CTKH2151	2	2									
I.5	<i>Giáo dục thể chất</i>		5										
I.6	<i>Giáo dục quốc phòng-an ninh</i>		165 tiết										
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		105										
II.1	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>		25										
II.1.1	<i>Bắt buộc</i>												
12.	Tài chính - Tiền tệ	KTKN2301	3				3						
13.	Kinh tế vi mô	KTKH2301	3	3									
14.	Kinh tế vĩ mô	KTKH2302	3		3								
15.	Nguyên lý thống kê kinh tế	PES202	3			3							
16.	Cơ sở khoa học môi trường	MTQM2301	2		2								
17.	Nguyên lý kế toán	KTKE2501	3				3						
18.	Quản trị học	KTQU2101	2		2								
II.1.2	<i>Tự chọn</i>	6/12											
19.	Tâm lý quản lý	POM101	2										

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
				6/1 2								
20.	Lịch sử các học thuyết kinh tế (*)	KTKH2510	2		2							
21.	Kinh tế đầu tư (*)	INE202	2				2					
22.	Quản lý nhà nước về kinh tế	SME203	2									
23.	Tài chính công	PLF203	2									
24.	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám (*)	TBAB2451	2				2					
II.2	Kiến thức ngành		52									
II.2.1	Bắt buộc											
25.	Cơ sở lý thuyết trong kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2530	3			3						
26.	Kinh tế công cộng	PLE202	3				3					
27.	Phân tích chi phí - lợi ích	CBA203	3						3			
28.	Kinh tế học biến đổi khí hậu	ECC202	2					2				
29.	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	ERM204	2						2			
30.	Kế toán tài chính	KTKE2524	2					2				
31.	Thương mại và tài nguyên môi trường	CRE203	2				2					
32.	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	KTTM2538	3						3			

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
33.	Hạch toán quản lý môi trường	EMA204	3								3	
34.	Lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2419	5					5				
35.	Kinh tế môi trường	EVE202	3			3						
36.	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	KTTM2418	2								2	
37.	Kinh tế tài nguyên biển	KTTM2510	2					2				
38.	Kiến tập	KTTM2505	4			4						
39.	Thực hành nghề nghiệp	KTTM2527	4					4				
40.	Đề án môn học-Kinh tế tài nguyên và môi trường	KTTM2539	3								3	
II.2.2	Tự chọn	6/14										
41.	Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên (*)	KTTM2637	2								2	
42.	Dự báo phát triển kinh tế xã hội	KTTM2641	2									
43.	Du lịch sinh thái	ECT202	2									
44.	Kiểm soát ô nhiễm môi trường (*)	EVT202	2					2				
45.	Thống kê tài nguyên và môi trường	SRE203	2									
46.	Đánh giá tác động môi trường	EIA424	2									
47.	Kiểm toán môi trường (*)	KTKN2604	2						2			
II.3	Kiến thức chuyên sâu		16									

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
II.3.1	<i>Chuyên sâu về Kinh tế tài nguyên và môi trường</i>		16									
48.	Quản lý kinh tế môi trường	KTTM2524	3						3			
49.	Quản lý kinh tế tài nguyên	KTTM2525	3							3		
50.	Kinh tế tài nguyên du lịch	KTTM2512	2							2		
51.	Kinh tế tài nguyên đất	KTTM2511	2					2				
52.	Kinh tế tài nguyên nước	KTTM 2515	2						2			
53.	Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản	KTTM2514	2						2			
54.	Kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học	KTTM2516	2							2		
II.3.2	<i>Chuyên sâu về Kinh tế tài nguyên biển</i>		16									
55.	Kinh tế tài nguyên sinh vật biển	KTTM2517	4						4			
56.	Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản biển	KTTM2509	4						4			
57.	Kinh tế tài nguyên du lịch biển	KTTM2513	4							4		
58.	Quản lý tổng hợp vùng ven biển	KTTM2526	4							4		
II.4	<i>Thực tập và Đồ án tốt nghiệp</i>		12									
59.	Thực tập tốt nghiệp	ITS204	6									6
60.	Khóa luận tốt nghiệp	DTT204	6									6
II.5	<i>Các môn thay thế đồ án tốt nghiệp</i>		6									

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Số tín chỉ theo học kỳ								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
II.5.1	<i>Chuyên ngành kinh tế tài nguyên và môi trường</i>											
61.	Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên	KTTM2840	3									3
62.	Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường	EEM204	3									3
II.5.2	<i>Chuyên ngành kinh tế tài nguyên biển</i>											
63.	Phân tích tổng hợp quản lý tài nguyên biển	KTTM2829	3									3
64.	Phân tích tổng hợp kinh tế tài nguyên biển	KTTM2828	3									3
Tổng số tín chỉ học mỗi kỳ học				15	17	17	18	19	17	17	12	
Tổng số tín chỉ			132/ 156									

Ghi chú: (*) Không kể GDTC và GDQP-AN

4.5. Đề cương các học phần

4.5.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1**
 - * Tiếng Anh: **Basic Principles of Marxist Leninism 1**
- Mã học phần: LTML2101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
<input checked="" type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - * Bài tập: 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 07 tiết

* Kiểm tra : 01 tiết

- Thời gian tự học : 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về triết học
- *Về kỹ năng:* Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

NL1: Có năng lực nhận thức vấn đề thế giới quan duy vật, phương pháp luận biện chứng và nhân sinh quan cách mạng, góp phần hình thành nhân cách người học theo chuyên ngành được đào tạo.

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin.

- Chương 1: Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- Chương 2: Phép biện chứng duy vật
- Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (từ năm 2007 đến nay), *Giáo trình môn Triết học Mác-Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia (2010), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin* (Tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thựchành Khác

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương mở đầu. NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC -LÊNIN	3			3	6	Đọc TLC, từ trang 09 – 23
I. Khái lược về chủ nghĩa Mác – Lênin <i>1. Chủ nghĩa Mác – Lênin và ba bộ phận cấu thành</i> <i>2. Khái lược quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác Lênin</i>	2			2	4	
II. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin <i>1. Đối tượng, mục đích học tập, nghiên cứu</i> <i>2. Một số yêu cầu cơ bản về phương pháp học tập, nghiên cứu</i>	1			1	2	
Chương 1. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	3		2	5	10	Đọc TLC từ trang 33 – 60, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1.1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng <i>1.1.1. Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học</i>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng – hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật						
1.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức 1.2.1. Vật chất 1.2.2. Ý thức 1.2.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức 1.2.4. Ý nghĩa phương pháp luận	2		1	3	6	
Chương 2. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT	9		3	12	24	
2.1. Phép biện chứng và phép biện chứng duy vật 2.1.1. Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng 2.1.2. Phép biện chứng duy vật	1			1	2	Đọc TLC từ trang 61 - 124, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.2. Các nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật 2.2.1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến 2.2.2. Nguyên lý về sự phát triển	2		1	3	6	
2.3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật 2.3.1. Cái chung và cái riêng 2.3.2. Nguyên nhân và kết quả 2.3.3. Tất nhiên và ngẫu nhiên 2.3.4. Nội dung và hình thức 2.3.5. Bản chất và hiện tượng 2.3.6. Khả năng và hiện thực	2			2	4	
2.4. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật 2.4.1. Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại 2.4.2. Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4.3. Quy luật phủ định của phủ định						
2.5. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng 2.5.1. Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn với nhận thức 2.5.2. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý	2		1	3	6	
Chương 3. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ	7		2	9	18	
3.1. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất 3.1.1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó 3.1.2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất	2		1	3	6	Đọc TLC từ trang 125 - 182, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 3.2.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 3.2.2. Quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng	1			1	2	
3.3. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội 3.3.1. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội 3.3.2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội	1			1	2	
3.4. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội 3.4.1. Phạm trù hình thái kinh tế xã hội 3.4.2. Quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>thái kinh tế xã hội</i> 3.4.3. <i>Giá trị khoa học của lý luận hình thái kinh tế xã hội</i>						
3.5. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp 3.5.1. <i>Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp</i> 3.5.2. <i>Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp</i>	1			1	2	
3.6. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân 3.6.1. <i>Con người và bản chất của con người</i> 3.6.2. <i>Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân .</i>	1		1	2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22		08	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2**
 - * Tiếng Anh: **Basic Principles of Marxist Leninism 2**
- Mã học phần: LTML2102
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
 - * Bài tập: 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 11 tiết
 - * Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học
- *Về kỹ năng:* vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ kinh tế, chính trị - xã hội, góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương:

- Chương 4,5,6 trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.
- Chương 7,8 khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội.
- Chương 9 khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn (từ năm 2007 đến nay), *Giáo trình các môn học Kinh tế chính trị Mác-Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (từ năm 2007 đến nay), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thựchành Khác

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 4. HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ	5		2	7	14	Đọc TLC từ trang 185-217, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
4.1. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá 4.1.1. Điều kiện ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hoá 4.1.2. Đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hoá	1		0.5	1.5	3	
4.2. Hàng hoá 4.2.1. Hàng hoá và hai thuộc tính hàng hoá 4.2.2. Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá 4.2.3. Lượng giá trị hàng hoá và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá	2		0.5	2.5	5	
4.3. Tiền tệ 4.3.1. Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ 4.3.2. Lịch sử ra đời và bản chất của tiền tệ	1		0.5	1.5	3	
4.4. Quy luật giá trị 4.4.1. Nội dung và yêu cầu của quy luật giá trị 4.4.2. Tác động của quy luật giá trị	1		0.5	1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 5. HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ	12		3	15	30	Đọc TLC từ trang 218-312, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
5.1. Sự chuyển hoá của tiền thành tư bản 5.1.1. Công thức chung của tư bản 5.1.2. Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản 5.1.3. Hàng hoá sức lao động	2		0.5	2.5	5	
5.2. Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư 5.2.1. Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư 5.2.2. Bản chất của tư bản. Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến 5.2.3. Tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư 5.2.4. Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư 5.2.5. Sản xuất giá trị thặng dư – quy luật kinh tế tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản	2		1.0	3	6	
5.3. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản 5.3.1. Bản chất kinh tế của tiền công 5.3.2. Hai hình thức cơ bản của tiền công trong CNTB 5.3.3. Tiền công danh nghĩa và tiền công thực tế	2			2.0	4.0	
5.4. Sự chuyển hoá của giá trị thặng dư thành tư bản-tích lũy tư bản 5.4.1. Thực chất và động cơ của tích lũy tư bản 5.4.2. Tích tụ tư bản và tập trung tư bản 5.4.3. Cấu tạo hữu cơ của tư bản	2		0.5	2.5	5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.5. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư 5.5.1. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản 5.5.2. Tái sản xuất và lưu thông của tư bản xã hội 5.5.3. Khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản	2			2.0	4.0	
5.6. Các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư 5.6.1. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận 5.6.2. Lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất 5.6.3. Sự chuyển hoá của giá trị hàng hoá thành giá cả sản xuất 5.6.4. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa các giai cấp bóc lột trong chủ nghĩa tư bản	2		1.0	3.0	6	
Chương 6. HỌC THUYẾT VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC	5		2	7	14	Đọc TLC từ trang 313-355 Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
6.1. Chủ nghĩa tư bản độc quyền 6.1.1. Những nguyên nhân chuyển biến của chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh thành chủ nghĩa tư bản độc quyền 6.1.2. Những đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền 6.1.3. Sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền	2		1.0	3.0	6	
6.2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước 6.2.1. Nguyên nhân hình thành và bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước	1			1.0	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2.2. Những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước						
6.3. Chủ nghĩa tư bản ngày nay và những biểu hiện mới của nó. 6.3.1. Những biểu hiện mới trong năm đặc điểm của CNTB độc quyền. 6.3.2. Những biểu hiện mới trong cơ chế điều tiết kinh tế của CNTB độc quyền Nhà nước 6.3.3. Những nét mới trong sự phát triển của CNTB hiện đại	1			1.0	2	
6.4. Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản 6.4.1. Vai trò của CNTB đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội 6.4.2. Hạn chế của chủ nghĩa tư bản 6.4.3. Xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản	1		1	2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 7. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	5		2	7	14	Đọc TLC từ trang 358-416, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
7.1. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 7.1.1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 7.1.2. Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 7.1.3. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	2		1.0	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.2. Cách mạng xã hội chủ nghĩa 7.2.1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó 7.2.2. Mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa 7.2.3. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng XHCN	2		0.5	2.5	5	
7.3. Hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa 7.3.1. Xu hướng tất yếu của sự xuất hiện hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa 7.3.2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế-xã hội CSCN	1		0.5	1.5	3	
Chương 8. NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	3		2	5	10	Đọc TLC từ trang 417-463, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
8.1. Xây dựng nền dân chủ XHCN và nhà nước XHCN 8.1.1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa 8.1.2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa	1		0.5	1.5	3	
8.2. Xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa 8.2.1. Khái niệm văn hóa, nền văn hóa và nền văn hoá xã hội chủ nghĩa 8.2.2 Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa 8.2.3. Nội dung và phương thức xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa	1		0.5	1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8.3. Giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo 8.3.1. Vấn đề dân tộc và những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc 8.3.2. Tôn giáo và những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo	1		1.0	2	4	
Chương 9. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG	2			2	4	Đọc TLC từ trang 463-488, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
9.1. Chủ nghĩa xã hội hiện thực 9.1.1. Cách mạng tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới 9.1.2. Sự ra đời của hệ thống XHCN và những thành tựu của nó	1			1	2	
9.2. Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết và nguyên nhân của nó 9.2.1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết 9.2.2. Nguyên nhân dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết	0.5			0.5	1	
9.3. Triển vọng của chủ nghĩa xã hội 9.3.1. Chủ nghĩa tư bản – không phải là tương lai của xã hội loài người 9.3.2. Chủ nghĩa xã hội – tương lai của xã hội loài người.	0.5			0.5	1	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	32		13	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Tiếng Việt: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**

- Tiếng Anh: **Ho Chi Minh's Ideology**
- Mã học phần: LTTT2101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 50 phút/ tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
- Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại.

- *Về kỹ năng:* Vận dụng sáng tạo tri thức môn học, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm :*

NL1: Có lập tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh theo tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

NL2: Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác –Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

NL3: Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; Có năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực nghề nghiệp.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Mô tả vắn tắt nội dung ngoài Chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: Chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2013), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. GS.Song Thành (2009), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, NXB Lý luận chính trị.
2. GS. Song Thành (2010), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
3. Ban Tuyên giáo trung ương - Thông tấn xã Việt Nam (2007), *Những mẫu chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, NXB Thông tin, Hà Nội

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

• Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương mở đầu. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	1			1	2	
<p>I. Đối tượng nghiên cứu</p> <p>1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>2. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>3. Mối quan hệ của môn học này với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac- Lênin và môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>II. Phương pháp nghiên cứu</p> <p>1. Cơ sở phương pháp luận:</p> <p>2. Các phương pháp cụ thể:</p> <p>III. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên</p> <p>1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác</p> <p>2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị</p>	1				2	<p>Đọc TLC trang 9-24</p> <p>Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên</p>
Chương 1. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.	3		1	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)		
	LT	BT	TL, KT				
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
<p>1.1. Cơ sở hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p><i>1.1.1 Cơ sở khách quan</i></p> <p><i>1.1.2. Nhân tố chủ quan</i></p>	1					2	
<p>1.2. Quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p><i>1.2.1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước.</i></p> <p><i>1.2.2. Thời kỳ từ 1911 - 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc</i></p> <p><i>1.2.3. Thời kỳ từ 1921 - 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam</i></p> <p><i>1.2.4. Thời kỳ từ 1930 - 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ vững lập trường cách mạng</i></p> <p><i>1.2.5. Thời kỳ từ 1945 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện</i></p> <p>1.3. Giá trị Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p><i>1.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc</i></p> <p><i>1.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển</i></p>	2		1			6	<p>Đọc TLC trang 25-56</p> <p>Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>thế giới</i>						
Chương 2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC	3		1	4	8	
2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề Dân tộc 2.1.1. Vấn đề dân tộc thuộc địa 2.1.2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp	1				2	
2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Cách mạng giải phóng dân tộc 2.2.1. Tính chất, nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc 2.2.2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản 2.2.3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo 2.2.4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc 2.2.5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi	2		1		6	Đọc TLC trang 57-95 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p><i>trước cách mạng vô sản ở chính quốc</i></p> <p>2.2.6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực</p>						
<p>Chương 3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM</p>	2		1	3	6	
<p>3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>3.1.1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>3.1.2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>3.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>	1			1	2	<p>Đọc TLC trang 96-127</p> <p>Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên</p>
<p>3.2. Con đường, biện pháp quá độ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>3.2.1. Đặc điểm, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam</p> <p>3.2.2. Những chỉ dẫn có tính định hướng về nguyên tắc bước đi, biện pháp thực</p>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<i>hiện trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.</i>						
Chương 4. TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	3		1	4	8	
4.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò và bản chất của Đảng cộng sản Việt Nam 4.1.1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.4. Quan niệm về Đảng Cộng sản cầm quyền	2		1	3	6	Đọc TLC trang 128-162 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh 4.2.1. Xây dựng Đảng - quy luật tồn tại và phát triển của Đảng 4.2.2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	Sinh viên ôn tập kiến thức từ chương 1 đến chương 4
Chương 5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI	3		1	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ						
5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc 5.1.1. Vị trí vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng 5.1.2. Lực lượng đại đoàn kết dân tộc 5.1.3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc	2			2	4	Đọc TLC trang 163-203 Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 5.2.1 Vai trò của đoàn kết quốc tế 5.2.2. Lực lượng đoàn kết và hình thức tổ chức 5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế	1		1	2	4	
Chương 6. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN	3		1	4	8	
6.1. Xây dựng nhà nước thể hiện quyền là chủ và làm chủ của nhân dân 6.1.1. Nhà nước của dân 6.1.2. Nhà nước do dân 6.1.3. Nhà nước vì dân 6.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước</p> <p>6.2.1. Về bản chất giai cấp công nhân của nhà nước</p> <p>6.2.2 Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân, tính dân tộc của nhà nước</p>	2			2	4	<p>Đọc TLC trang 204-228;</p> <p>Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên</p>
<p>6.3. Xây dựng nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ</p> <p>6.3.1 Xây dựng nhà nước hợp hiến, hợp pháp</p> <p>6.3.2. Hoạt động quản lý của nhà nước bằng hiến pháp, pháp luật và trú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống</p>						
<p>6.4. Xây dựng nhà nước trong sạch hoạt động có hiệu quả</p> <p>6.4.1. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài</p> <p>6.4.2. Đề phòng khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước</p>	1		1	2	4	
CHƯƠNG 7. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HOÁ, ĐẠO ĐỨC VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI	3		2	5	10	
7.1. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hoá	1			1	2	Đọc TLC trang 229-284.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<p>7.1.1. Định nghĩa về văn hoá và quan điểm xây dựng nền văn hóa mới</p> <p>7.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hoá.</p> <p>7.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về một số lĩnh vực chính của văn hoá</p>						Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
<p>7.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức</p> <p>7.2.1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức</p> <p>7.2.2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh</p>	1		1	2	4	
<p>7.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới</p> <p>7.3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về Con người</p> <p>7.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người và chiến lược "trồng người"</p>	1		1	2	4	
Cộng	21		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

▪ Tiếng Việt: **Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam**

▪ Tiếng Anh: **Revolutionary Policies of Vietnamese Communist Party**

- Mã học phần: LTĐL2101

- Số tín chỉ: 03

- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: **Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.**

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết

▪ Thảo luận, hoạt động nhóm: 12 tiết

▪ Kiểm tra: 01 tiết

- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Khoa Lý luận chính trị.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích được nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam và đánh giá được kết quả thực hiện đường lối đó.

- Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề lý luận chính trị - xã hội.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có lập trường tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

+ Xác định được trách nhiệm của bản thân đối với công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước;

+ Có năng lực đánh giá và giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường theo chủ trương, đường lối của Đảng.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hóa; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị;

chương VII: Đường lối xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, HN.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb CTQG, HN.
2. Website: www.tapchiconsan.org.vn; www.dangcongsan@cpv.org.vn.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp:

Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Bản đồ tư duy

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương mở đầu. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM						Đọc TLC, chương mở đầu
1.1. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu 1.1.1. Đối tượng nghiên cứu 1.1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu						
1.2. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học 1.2.1. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu môn học 1.2.2. Ý nghĩa của việc học tập môn học						
Chương 1. SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG	4		1	5	10	
1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam 1.1.1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX 1.1.2. Hoàn cảnh trong nước	2			2	4	- Đọc TLC, chương 1; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
1.2. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1.2.1. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 1.2.2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam 1.2.3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	2		1	3	6	
Chương 2. ĐƯỜNG LỐI ĐẦU	4		1	5	10	- Đọc TLC,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)						chương2; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
2.1. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939 2.1.1. Trong những năm 1903-1935 2.1.2. Trong những năm 1936-1939	2			2	4	
2.2. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945 2.2.1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng 2.2.2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền	2		1	3	6	
Chương 3. ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975)	4		2	6	12	- Đọc TLC, chương3; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
3.1. Đường lối kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược (1945-1954) 3.1.1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946) 3.1.2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954) 3.1.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm	2		1	3	6	
3.2. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thống nhất Tổ quốc (1954-1975)	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.1. Đường lối trong giai đoạn 1954-1964 3.2.2. Đường lối trong giai đoạn 1965-1975 3.2.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm						
Chương 4. ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA	4		1	5	10	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC, chương 4; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
4.1. Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới 4.1.1. Mục tiêu và phương hướng công nghiệp hóa 4.1.2. Đánh giá sự thực hiện đường lối công nghiệp hóa	1			1	2	
4.2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới 4.2.1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa 4.2.2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa 4.2.3. Nội dung và định hướng CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức 4.2.4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân	3		1	4	8	
Chương 5. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	3		2	5	10	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC, chương 5; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
5.1. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường 5.1.1. Cơ chế quản lý kinh tế thời kỳ trước đổi mới 5.1.2. Sự hình thành tư duy của	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới						
5.2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta 5.2.1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản 5.2.2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa 5.2.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân	2			2	4	
Kiểm tra			1	1	2	<i>SV ôn kiến thức đã học</i>
Chương 6. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ	3		1	4	8	
6.1. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945-1985) 6.1.1. Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân (1945-1954) 6.1.2. Hệ thống dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản (1954-1975) 6.1.3. Hệ thống chuyên chính vô sản theo tư tưởng làm chủ tập thể (1975-1985)	1		1	2	4	- Đọc TLC, chương 6; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
6.2. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới 6.2.1. Đổi mới tư duy về hệ thống chính trị 6.2.2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới 6.2.3. Đánh giá sự thực hiện	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
đường lối						
Chương 7. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI	6		3	9	18	- Đọc TLC, chương 7; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
7.1. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa 7.1.1. Thời kỳ trước đổi mới 7.1.2. Trong thời kỳ đổi mới	3		2	5	10	
7.2. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội 7.2.1. Thời kỳ trước đổi mới 7.2.2. Trong thời kỳ đổi mới	3		1	4	8	
Chương 8. ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI	3		2	5	10	- Đọc TLC, chương 8; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
8.1. Đường lối đối ngoại từ năm 1975 đến năm 1986 8.1.1. Hoàn cảnh lịch sử 8.1.2. Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng 8.1.3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân	1		1	2	4	
8.2. Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới 8.2.1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối 8.2.2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế 8.2.3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân	2		1	3	6	
Cộng	32		13	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.5. Kỹ năng mềm

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kỹ năng mềm**
 - Tiếng Anh: **Soft Skills**
- Mã học phần: KTQU2151
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy các ngành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.
- *Về kỹ năng:* Biết vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công việc và trong cuộc sống như: quá trình giao tiếp, quá trình giải quyết vấn đề, giải quyết xung đột tại nơi làm việc, kỹ năng lãnh đạo, thực tiễn đi xin việc và hòa nhập với công việc mới.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao

trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng mềm bao gồm các vấn đề thiết thực và gần gũi, cung cấp cho người học những Kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Hoàng Thị Thu Hiền, Bùi Thị Bích, Nguyễn Như Khương, Nguyễn Thanh Thủy (2014), *Giáo trình kỹ năng mềm - Tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác*, NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.
2. Lại Thế Luyện (2014), *Kỹ năng tìm việc làm*, NXB Thời đại.
3. Dương Thị Liễu (2013), *Kỹ năng thuyết trình*, NXB Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thị Oanh (2007), *Làm việc theo nhóm*, Nhà xuất bản Trẻ.
2. Dale Carnegie (2008), *Đắc nhân tâm*, Nhà xuất bản Trẻ.
3. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu (2011), *Giáo trình Kỹ năng làm việc nhóm*, Nhà xuất bản Trẻ.
4. Huỳnh Phú Thịnh (2009), *Giáo trình Kỹ năng tìm việc làm*, Trường Đại học An Giang.
5. Nguyễn Thanh Bình (2011), *Giáo trình chuyên đề giáo dục Kỹ năng sống*, Trường Đại học Sư Phạm.
6. M.S. Rao (2012), *Soft Skills for Students – Classroom to Corporate*, Bhawani Gali..

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, làm việc nhóm, tình huống, tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Vấn đáp

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KỸ NĂNG MỀM	3			3	6	
1.1. Khái niệm Kỹ năng mềm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Phân biệt Kỹ năng mềm với Kỹ năng sống, Kỹ năng cứng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.3. Tầm quan trọng của các Kỹ năng mềm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.4. Giới thiệu một số Kỹ năng mềm cơ bản	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG GIAO TIẾP	6	3		10	20	
2.1. Giao tiếp 2.1.1. Khái niệm và vai trò của giao tiếp 2.1.2. Cấu trúc của giao tiếp 2.1.3. Chức năng của giao tiếp 2.1.4. Phân loại giao tiếp	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
2.2. Các phương tiện giao tiếp 2.2.1. Ngôn ngữ 2.2.2. Phi ngôn ngữ	2	1		4	8	Đọc TLC 3, chương 1
2.3. Các phong cách giao tiếp 2.3.1. Khái niệm phong cách giao tiếp 2.3.2. Các loại phong cách giao tiếp	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4. Các Kỹ năng giao tiếp cơ bản 2.4.1. Kỹ năng lắng nghe 2.4.2. Kỹ năng đặt câu hỏi 2.4.3. Kỹ năng thuyết phục 2.4.4. Kỹ năng thuyết trình 2.4.5. Kỹ năng đọc và tóm tắt văn bản 2.4.6. Kỹ năng viết	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 2
2.5. Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp cơ bản vào một số hình thức giao tiếp phổ biến		1		1	2	Đọc TLC 3, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM	4	2		6	12	
3.1. Khái quát về làm việc nhóm	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
3.2. Xây dựng nhóm làm việc	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
3.3. Kỹ năng làm việc nhóm 3.3.1. Kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề theo nhóm 3.3.2. Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm 3.3.3. Kỹ năng giao tiếp nhóm 3.3.4. Kỹ năng lãnh đạo nhóm	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2
3.4. Vận dụng các Kỹ năng làm việc nhóm vào các hoạt động của tổ chức (Tình huống)		1		1	2	Đọc TLC 1, chương 2
CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG TÌM KIẾM VIỆC LÀM	7	3		10	20	Đọc TLC 1, chương 2
4.1. Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân và mục tiêu nghề nghiệp	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.1. Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân 4.1.2. Kỹ năng xác định mục tiêu nghề nghiệp						
4.2. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm 4.2.1. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm mới 4.2.2. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm trong quá trình làm việc	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3
4.3. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc 4.3.1. Tiêu chuẩn bộ hồ sơ xin việc 4.3.2. Các bước chuẩn bị và gửi bộ hồ sơ xin việc 4.3.3. Nghệ thuật viết đơn xin việc 4.3.4. Nghệ thuật viết lý lịch cá nhân	1,5	1,5		3	6	Đọc TLC 2, chương 3
4.4. Kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng 4.4.1. Chuẩn bị cho cuộc phỏng vấn 4.4.2. Các vòng phỏng vấn 4.4.3. Các hình thức phỏng vấn 4.4.4. Nghệ thuật trả lời phỏng vấn	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 3
4.5. Kỹ năng thương lượng về chế độ đãi ngộ 4.5.1. Thương lượng về tiền lương 4.5.2. Phụ cấp và các khoản phúc lợi khác	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3
4.6. Kỹ năng chuẩn bị cho công việc mới	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.7. Vận dụng các Kỹ năng tìm kiếm việc làm trong thực tế	0,5	0,5		2		Đọc TLC 2, chương 3
Kiểm tra (thảo luận nhóm)			1	1	2	Đọc TLC 2, chương 3
Cộng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.6. Pháp luật đại cương

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Pháp luật đại cương**
 - Tiếng Anh: **Basic Law**
- Mã học phần: LTPL2101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 05 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Pháp luật, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung;

+ Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam

- *Về kỹ năng:*

+ So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam;

+ So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau;

+ Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

NL1: Có năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống.

NL2: Có khả năng xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 03 chương trình bày về các vấn đề sau:

- Chương 1: Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật;

- Chương 2: Quy phạm pháp luật, Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý;

- Chương 3: Một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2010), *Pháp luật đại cương*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Trường Đại học Luật Hà Nội (2010), *Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật*; NXB. Công An Nhân Dân, Hà Nội

3. Vũ Quang (2014), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB. Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Lệ Thu (2012), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (*Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*)
3. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*;
4. Quốc hội (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012*;
5. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự năm 2015*;
6. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự năm 2015*;
7. Quốc hội (2012), *Bộ luật lao động năm 2012*;
8. Quốc hội (2014), *Luật hôn nhân và gia đình năm 2014*;
9. Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp năm 2014*;
10. Quốc hội (2005), *Luật phòng chống tham nhũng năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2012*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Làm việc nhóm, Tình huống

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT	04		02	06	12	
1.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước <i>1.1.1. Nguồn gốc</i> <i>1.1.2. Bản chất</i> <i>1.1.3. Hình thức</i> <i>1.1.4. Chức năng</i>	02		01	03	06	- Đọc TLC 1, Chương I - Đọc TLC 2, Chương II, VI - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
1.2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật <i>1.2.1. Nguồn gốc và bản chất</i> <i>1.2.2. Thuộc tính</i> <i>1.2.3. Hình thức</i>	02		01	03	06	
Chương 2. QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUAN HỆ PHÁP LUẬT, VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ	05	03		08	16	
2.1. Quy phạm pháp luật <i>2.1.1. Khái niệm, đặc điểm</i> <i>2.1.2. Các thành phần cấu thành</i>	01	01		1.5	03	- Đọc TLC 1, Chương II - Đọc TLC 2, Chương VII - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.2. Quan hệ pháp luật <i>2.2.1. Khái niệm, đặc điểm</i> <i>2.1.2. Các thành phần cấu thành</i>	01			1.5	03	
2.3. Vi phạm pháp luật <i>2.3.1. Khái niệm, dấu hiệu</i> <i>2.3.2. Các yếu tố cấu thành</i>	02	02		04	08	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương XI - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
2.4. Trách nhiệm pháp lý <i>2.4.1. Khái niệm</i> <i>2.4.2. Phân loại</i>	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						XI - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
Chương 3. MỘT SỐ NGÀNH LUẬT CHỦ YẾU TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM	11	02	03	16	32	
3.1. Luật Hiến pháp 3.1.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh 3.1.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp năm 2013	01		01	02	04	- Đọc TLC 1, Chương IV - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 3 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.2. Luật Hành chính 3.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.2.2. Vi phạm pháp luật hành chính và xử lý vi phạm pháp luật hành chính	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương V - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 4 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.3. Luật Dân sự 3.3.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.3.2. Quyền sở hữu 3.3.3. Quyền thừa kế	01	02		03	06	- Đọc TLC 1, Chương VII - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 5 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.4. Luật Hình sự 3.4.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.4.2. Tội phạm 3.4.3. Hình phạt	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương VI - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 6 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.5. Luật lao động 3.5.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.5.2. Hợp đồng lao động 3.5.3. Bảo hiểm xã hội	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương VIII - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 7 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.6. Luật hôn nhân và gia đình	01			01	02	- Đọc TLĐT 1, Chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.6.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.6.2. Chế định kết hôn						6 - Đọc TLĐT 8 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.7. Luật kinh tế 3.7.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.7.2. Các loại hình doanh nghiệp	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương IX - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 9 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
3.8. Pháp luật phòng chống tham nhũng 3.8.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.8.2. Nguyên nhân, điều kiện, tác hại của tham nhũng 3.8.3. Giải pháp phòng chống tham nhũng	04		01	05	10	- Đọc TLĐT 2 - Đọc TLĐT 10 - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
Kiểm tra			01	01	02	
Tổng	20	05	05	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.7. Tiếng anh 1

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Tiếng anh 1**
Tiếng Anh: **English 1**
- Mã học phần: NNTA2101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 8 tiết
 - Bài tập: 14 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 21 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Ngữ âm: Sinh viên có thể phát âm được rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng để người tham gia hội thoại có thể hiểu.

+ Ngữ pháp: Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức.

+ Từ vựng: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

- Về kỹ năng:

* Kỹ năng đọc:

- Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.

- Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

* Kỹ năng nghe:

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.

- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.

- Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

* Kỹ năng nói:

- Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.

- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.

- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.

- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.

- Miêu tả người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.

- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

* Kỹ năng viết:

- Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....
- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối.
- Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

- Về thái độ:

- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần .

- Xây dựng và phát huy tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng.

- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.

- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.

- Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.

- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng các hoạt động trên lớp.

- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên.

- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Unit 1: People and Places

- Unit 2: Everyday life

- Unit 3: Loves and Hates

- Unit 4: Eating and Drinking

- Unit 5: Extraordinary Lives

- Unit 6: Buying and Selling

- Unit 7: The world around us

- Unit 8: Going places

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Cunningham, Sarah (2011), *New cutting Edge (Elementary)*, NXB Từ điển bách khoa

2. Chris Redston, Gille Cunningham (2012), *Face2face 2nd edition (Starter)*, Cambridge

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

Tài liệu tham khảo:

1. A.J.Thomson & A.V. Martinet. 1992. *A practical English Grammar*. Oxford University Press.

2. Alireza Memarzadeh. 2007. *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.

3. Esol examinations. 2013. *Preliminary English Test*. Cambridge University Press.

4. Practice Exercise 1. 2014. Internal circulation. Department of Foreign Language, University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như:

- Về lý thuyết: thuyết trình và thảo luận nhóm/cặp.
- Về thực hành: hoạt động thảo luận theo nhóm/ cặp kết hợp làm việc cá nhân.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên : 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 1: People and places	1	1	2	4	8	<ul style="list-style-type: none">• Cách sử dụng của động từ To Be• Từ vựng về các thông tin cá nhân (nghề nghiệp, quốc tịch...)• Số đếm trong TA Tự học: Module 2: You and Yours (p20-25)
<ul style="list-style-type: none">• Nghe 1: Thông tin cá nhân (p.11)• Nói 1: Hỏi và trả lời về thông tin cá nhân của 4 nhân vật trong bài nghe (p.11)• Viết: Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân (p.12, 13)• Nói 2: Giới thiệu ngắn gọn về bản thân mình theo nhóm hoặc cá nhân trước lớp (p.12,13)• Đọc: Đọc các loại giấy tờ tùy thân để tìm thông tin cá nhân điền vào						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
bảng. (p.14, 15) • Nghe 2: Nghe và điền thông tin còn thiếu vào bảng tóm tắt thông tin (p.16)						
Unit 2: Everyday Life	1	1	2	4	8	<ul style="list-style-type: none"> • Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Hiện tại đơn • Cách nói thời gian trong TA (p.30) • Nói về các hoạt động thường làm vào ngày nghỉ cuối tuần của bản thân
<ul style="list-style-type: none"> • Đọc: Đọc và làm bài tập theo hướng dẫn (p.28) • Nghe: Nghe và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.29) • Nói 1: Thảo luận về cuộc sống hàng ngày của người Úc và so sánh với người Việt Nam (p.29) • Nói 2: Hỏi và trả lời theo cặp về hoạt động hàng ngày (p.31) • Viết: Viết về một ngày điển hình của bản thân (p.31) 						
Unit 3: Loves and Hates	1	1	2	4	8	<ul style="list-style-type: none"> • Từ vựng về các hoạt động/môn thể thao ưa thích • Vị trí, ý nghĩa và cách dùng của trạng từ chỉ tần suất trong thì hiện tại đơn • Nói về sở thích cá nhân
<ul style="list-style-type: none"> • Nghe: nghe về sở thích của các nhân vật nổi tiếng và làm các hoạt động nghe theo hướng dẫn (p.34) • Đọc: Đọc về cuộc sống của hai ngôi sao và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.36) • Viết: Viết về sở thích của bản thân: thức ăn/đồ uống; môn thể thao/hoạt động, con vật, đồ vật, hoạt động ưa thích... (p. 35) • Nói 1: Hỏi và trả lời theo cặp về sở thích cá nhân sử dụng trạng từ chỉ tần suất (p.38) • Nói 2: Cách đưa ra lời yêu cầu và đề nghị lịch sự cũng như các cách đáp lại (p.40) 						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 4: Eating and Drinking	1	1	2	4	8	<ul style="list-style-type: none"> Từ vựng về chủ đề ăn uống; tên các loại thực phẩm, đồ ăn Cách sử dụng các từ chỉ định lượng; phân biệt <i>some</i> và <i>any</i> Cấu trúc <i>How much</i> / <i>How many</i> Nói về thói quen ăn uống của bản thân. <p>Tự học: <i>Module 5: Getting from A to B</i> (p.42-49)</p>
<ul style="list-style-type: none"> Nghe 1: Nghe một số nhân vật đến từ các quốc gia khác nhau nói về bữa sáng của họ (thói quen, thời điểm, thức ăn...) và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.53) Đọc: Đọc 6 đoạn văn ngắn về các quan niệm và các lời khuyên về ăn uống; làm các nhiệm vụ theo yêu cầu (p.54) Nói: Làm việc theo cặp, sử dụng các câu hỏi trang 56 để hỏi và trả lời về các chủ đề được nêu (p.56) Nghe 2: Nghe 3 bài hội thoại về cách gọi món ăn trong nhà hàng và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.58) 						
Unit 5: Extraordinary Lives						<ul style="list-style-type: none"> Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Quá khứ đơn Động từ có quy tắc và bất quy tắc sử dụng trong thì Quá khứ đơn

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<ul style="list-style-type: none"> Nói 1: Làm việc theo cặp. Hỏi và trả lời về bản thân hoặc người thân trong gia đình, sử dụng các câu hỏi cho trước (p.61) Đọc: Đọc về Tim Berners Lee – nhà sáng lập ra trang web và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.62) Nghe : Nghe Mariene kể về cuộc đời của mình và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.66) Nói 2: Làm việc theo nhóm. Nói về lần cuối làm một việc gì đó là khi nào (p.65) Viết: Kể vắn tắt về cuộc đời của bản thân tính tới thời điểm hiện tại (p.66) 						<ul style="list-style-type: none"> Từ vựng về các mốc thời gian (năm, thập niên, thế kỷ) Chia động từ trong ngoặc để hoàn thành đoạn văn và nghe lại để kiểm tra đáp án (p.63) Nói về một sự kiện đáng nhớ nào đó đã xảy ra với bản thân
Consolidation Modules 1-6			2	2	8	
Revision 1						
Progress Test 1		1	1	2		
Unit 6: Buying and Selling	1	1	2	4	8	
<ul style="list-style-type: none"> Nói 1: So sánh các cặp đồ vật trong tranh sử dụng tính từ cho trước (p.79) Đọc: Đọc về các khu chợ nổi tiếng nhất thế giới và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.80-81) Nghe : Nghe 4 tình huống về mua sắm và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.83) Nói 2: Trình bày ý kiến cá nhân hoặc thảo luận theo cặp/nhóm về các món quà lưu niệm du khách nên mua khi đến Việt Nam. Chú ý các mẫu câu được sử dụng khi đưa 						<ul style="list-style-type: none"> Từ vựng về chủ đề mua sắm Cấu trúc câu so sánh; các tính từ và trạng từ so sánh bất quy tắc Cách hỏi và nói giá tiền trong mua sắm Nghe 6 đoạn hội thoại và hoàn thành nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.84) Nói về thói quen mua sắm của bản

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
ra ý kiến cá nhân về một vấn đề nào đó và các cách đáp lại khi người nghe đồng tình hoặc phản đối. (p. 84)						thân hoặc một khu chợ nổi tiếng ở Việt Nam Tự học: Module 10: Street life (p.86-93)
Unit 7: The world around us	1	1	2	4	8	<ul style="list-style-type: none"> • Từ vựng về động vật và thế giới tự nhiên • Động từ khuyết thiếu CAN để nói về khả năng • Các dạng câu hỏi thu thập thông tin (Wh- questions) • Cách sử dụng các mạo từ A/AN/THE • Nói về một loài vật yêu thích Tự học: Module 13: Learning for the future (p.86-93)
<ul style="list-style-type: none"> • Đọc: Đọc các thông tin về thế giới tự nhiên và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.96-97) • Nói: Hoạt động theo cặp, hỏi và trả lời các thông tin về thế giới tự nhiên, sử dụng dạng câu hỏi WH (p.98-99 +102) • Nghe: Nghe về 2 loài vật thân thiết với con người và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p. 100) • Viết: Tìm hiểu các thông tin khoa học về một loài vật yêu thích và viết một đoạn văn ngắn (100–120 từ) để miêu tả loài vật đó 						
Unit 8: Going Places	1	1	2	4	8	<ul style="list-style-type: none"> • Từ vựng về các địa danh và các địa điểm trong thành phố • Cấu trúc và cách dùng của các động từ khuyết thiếu Have to/don't have to và Can/can't • Các giới từ chỉ phương hướng, sự chuyển động (p.130-
<ul style="list-style-type: none"> • Nghe: Nghe bài giới thiệu về thành phố Edinburgh và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.129) • Nói: Làm việc theo cặp/nhóm, lập các bài hội thoại về hỏi và chỉ đường (p.132-133) • Đọc: Đọc các biển báo giao thông và hoàn thành các nhiệm vụ theo yêu cầu (p. 132) • Viết: miêu tả một địa danh nổi 						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tiếng						131) • Các cách hỏi và chỉ đường • Nói về một thành phố/quốc gia yêu thích Tự học: <i>Module 12: A weekend away (p.104-110)</i>
Consolidation Modules 7 -15			2	2	8	
Revision 1						
Progress Test 1		1	1	2		
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercise 1		2	3	5	10	
Tổng	8	14	23	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.8. Tiếng anh 2

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Tiếng anh 2**
Tiếng Anh: **English 2**
- Mã học phần: NNTA2102
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã hoàn thành môn Tiếng Anh 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 6 tiết
 - Bài tập: 23 tiết

- Thảo luận, hoạt động nhóm: 16 tiết
- Kiểm tra: 0 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Ngữ âm: Sinh viên có thể phát âm được rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng để người tham gia hội thoại có thể hiểu.

+ Ngữ pháp: Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức.

+ Từ vựng: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

- Về kỹ năng:

* Kỹ năng đọc:

- Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.

- Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

* Kỹ năng nghe:

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.

- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.

- Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

* Kỹ năng nói:

- Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.

- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.

- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.

- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.

- Miêu tả người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.

- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

* Kỹ năng viết:

- Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....
- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối.
- Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

* *Về thái độ:*

- Nhận thức được tầm quan trọng của học phần .
- Xây dựng và phát huy tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng.
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.
- Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.
- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng các hoạt động trên lớp
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên.
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Chương trình tiếng Anh cơ bản dành cho hệ Cao đẳng và Đại học. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh như: Ôn tập lại cách sử dụng của động từ to be, thời hiện tại đơn, quá khứ đơn, động từ khuyết thiếu...

Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày cũng như giúp SV nói được về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như bản thân, gia đình, quê hương, đất nước. các hoạt động thể thao, nghề nghiệp trong tương lai...

Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học cách phát âm các dạng động từ được chia ở dạng hiện tại và quá khứ; danh từ số nhiều....

Các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết ở dạng làm quen ban đầu.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Cunningham, Sarah (2011), *New cutting Edge (Pre- Intermediate)*, NXB Từ điển bách khoa.
2. Chris Redston, Gille Cunningham (2012), *Face2face 2nd edition (Elementary)*, Cambridge

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. A.J.Thomson & A.V. Martinet. 1992. *A practical English grammar*. Oxford University Press.
2. Alireza Memarzadeh. 2007. *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.
3. Esol examinations. 2013. *Preliminary English test*. Cambridge University Press.
4. Department of Foreign Language. 2014. *Practice exercise 1*. Internal circulation. University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như:

- + Về lý thuyết: thuyết trình và thảo luận nhóm/cặp.
- + Về thực hành: hoạt động thảo luận theo nhóm/ cặp kết hợp làm việc cá nhân.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên : 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Module 1: Leisure and Lifestyle - Nói: Nói về cách luyện tập để giữ gìn sức khỏe (p.7,8,9) - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.10) - Từ vựng: Liên quan đến các hoạt động giải trí. - Nghe: Nghe thông tin và trả lời câu hỏi (p.11) - Viết: Viết về thông tin cá nhân dựa theo mẫu (p.13)	1	1	2	4	8	- củng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại đơn giản, các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông tin cá nhân
Module 2: Importance First - Nói 1: Trao đổi ngắn về một số hoạt động đã làm trong quá khứ (p.18) - Nghe 1: Nghe thông tin chi tiết về một sự kiện ấn tượng	1	1	2	4	8	- Thì quá khứ đơn - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ đơn - Từ vựng diễn tả cảm xúc

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>đã xảy ra trong quá khứ, trả lời câu hỏi liên quan (p.10,21)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói 2: Kể về những dấu ấn trong quá khứ. - Viết: Viết một đoạn văn kể về những kỷ niệm thời thơ ấu (Có thể chuẩn bị bài viết ở nhà) - Nghe 2 (+ Nói 3): Diễn tả cảm xúc <p>Từ vựng: Các tính từ miêu tả.</p>						<ul style="list-style-type: none"> - Cách chia và phát âm các động từ sử dụng với thì quá khứ đơn - Các liên từ sử dụng trong văn trần thuật
Module 3: At rest, at work	1	2	1	4	8	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc và cách sử dụng của các động từ khuyết thiếu: SHOULD; CAN; HAVE TO - Từ vựng về chủ đề công việc hàng ngày và nghề nghiệp
<ul style="list-style-type: none"> - Đọc: Đọc đoạn văn để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.24,25) - Nói 1: Thảo luận để đưa ra lời khuyên (p.26) - Nói 2: Nói về nhiệm vụ phải làm và khả năng (p.27) - Nghe: Nghe lấy thông tin để điền vào bảng (p.29) - Nói 3: Thảo luận để đưa ra lời khuyên về lựa chọn công việc phù hợp (p.28,29) - Từ vựng: Hoạt động thường nhật 						
Module 4: Speacial Occassions		2	2	4	8	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt cấu trúc và cách sử dụng thì Hiện tại đơn với thì Hiện tại tiếp diễn - Cách sử dụng thì hiện tại tiếp diễn cho một dự định đã được sắp xếp trong tương lai - Từ vựng về Ngày, tháng, năm - Từ vựng về các ngày lễ
<ul style="list-style-type: none"> - Đọc: Đọc lướt để lấy thông tin về cách thức, truyền thống tổ chức sinh nhật ở một số nước trên thế giới (p.32,33) - Nghe: Nghe về cách đón năm mới và điền thông tin vào bảng (p.36, 37) - Nói (+ nghe 2): Về sắp xếp lịch cá nhân (p.38,39) 						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Viết: Viết một bức thư mời (Có thể chuẩn bị ở nhà) - Từ vựng: Mốc các sự kiện và các lễ hội đặc biệt.						tết và các hoạt động thường trong các lễ hội đặc biệt. Tự học: Module 6 Time off (p.52)
Consolidation Modules 1-4		2		2	8	
Revision 1						
Progress Test 1		2		2		
Module 5: Appearances	1	1	2	4	8	
- Đọc: Đọc để tìm thông tin chính về sự thay đổi về quan điểm về cái đẹp xưa và nay (p.42,43) - Nghe 1: Nghe mô tả và so sánh về ngoại hình (p.44,45) - Nghe 2: Nghe thông tin chi tiết về mô tả người (p.46,47) - Nói: Mô tả một người nào đó (ngoại hình + tính cách)						- Cấu trúc và cách sử dụng của các loại câu so sánh - Từ vựng về mô tả ngoại hình và tính cách
Module 6: Ambitions and Dreams	1	3	2	6	12	Ôn lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn. Phân biệt các trạng từ chỉ thời gian khi sử dụng với hai thì này. - Đặc biệt chú ý về động từ bất quy tắc và quá khứ phân từ. Cách sử dụng của thì tương lai đơn với ý nghĩa tiên đoán.
- Nghe : Nghe thông tin về 8 nhân vật nổi tiếng. - Vocabulary: Cung cấp một số từ vựng về tham vọng, ước mơ và thành quả. - Nói: nói về những ước mơ những dự định của mình trong cuộc sống. - Viết : viết về ước mơ nghề nghiệp trong tương lai.						
Module 7: Countries and cultures	1	2	3	6	12	- Ôn lại cách sử dụng mạo từ.
- Đọc hiểu về các thông tin						Từ chỉ số lượng với danh

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
địa lý. Đọc đoạn văn để trả lời câu hỏi. - Nghe: Sắp xếp lại câu theo đúng thứ tự. Nghe đoạn hội thoại về cuộc sống của Stuart ở thành thị. - Từ vựng: Liên quan đến đặc điểm địa lý. - Nói: Nói về cách chỉ đường. - Viết: Thiệp mời.						từ đếm được và không đếm được. - Tự học: Module 10+ 11: (p.90-98)
Consolidation Modules 5-8; Revision 2 Progress test 2		3		4	8	
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		3	2		10	
Tổng	6	23	16	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.9. Tiếng anh 3

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: **Tiếng anh 3**

Tiếng Anh: **English 3**

Mã học phần: NNTA 2103

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Đại học chính quy, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

Các học phần tiên quyết/học trước: Đã hoàn thành môn Tiếng Anh 1.

Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 06 tiết

▪ Bài tập:	10	tiết
▪ Thảo luận, hoạt động nhóm:	14	tiết
▪ Kiểm tra:	0	tiết
Thời gian tự học:	60	giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

* *Ngữ âm*: Sinh viên có thể phát âm rõ ràng theo hướng dẫn và tự tin hơn trong các hội thoại có hướng dẫn trong và ngoài lớp.

* *Ngữ pháp*: Có vốn kiến thức cơ bản và nâng cao về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như cuộc sống truyền thống và hiện đại, các vấn đề về sức khỏe, các vật dụng cá nhân và trong gia đình, thông tin cá nhân, mô tả người quen và trao đổi những trải nghiệm. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo cấu trúc câu.

* *Từ vựng*: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp cơ bản và nâng cao hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

- Về kỹ năng:

* *Kỹ năng đọc*:

- Đọc hiểu các đoạn văn có độ dài trung bình.

- Rèn luyện kỹ năng đọc lướt nhanh để lấy thông tin chính cho các bài tập đọc hiểu.

- Đọc lướt các văn bản dài để xác định các thông tin cần tìm, thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản, hay từ nhiều văn bản khác nhau nhằm hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể trong bài đọc.

- Xác định được các kết luận chính được chỉ rõ ra trong các bài báo hay đoạn văn.

* *Kỹ năng nói*:

- Giao tiếp được trong những tình huống cơ bản và hiểu được những hội thoại với những chủ đề trong giao tiếp cơ bản và nâng cao.

- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề trong tình huống giao tiếp cơ bản và nâng cao.

- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để trao đổi, chia sẻ và thảo luận về những trải nghiệm trong cuộc sống.

- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ cơ bản như thảo luận về một chủ đề quen thuộc, hay trao đổi và chia sẻ thông tin với những cách diễn đạt và ngôn ngữ cơ bản.

- Miêu tả tính cách sự vật sự việc, những thay đổi giữa cuộc sống hiện đại và truyền thống, chia sẻ những trải nghiệm của bản thân.

- Trình bày một chủ đề cơ bản về những vấn đề liên quan đến cuộc sống và các tình huống gặp phải, đưa ra lý do và có thể có thuyết phục người nghe đồng tình theo quan điểm cá nhân.

* *Kỹ năng viết*

- Viết về một chủ đề với những gợi ý.

- Viết các cụm từ, các câu cơ bản sử dụng câu điều kiện, câu trực tiếp gián tiếp, động danh từ.

- Cách viết lại câu giữa các thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản.

** Kỹ năng nghe*

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến những hoạt động đã xảy ra khi chúng được nói một cách trôi chảy.

- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách trôi chảy.

- Hiểu được nội dung chính trong các hội thoại hoặc các cuộc thảo luận.

** Các nhóm kỹ năng khác*

- Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (sử dụng từ ngữ đơn giản và ngôn từ rõ ràng).

- Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet, báo chí để phục vụ cho học phần chuyên ngành của mình.

- Khích lệ sinh viên hỏi đáp và nhận xét đánh giá.

- *Về thái độ:*

+ Nhận thức được tầm quan trọng của học phần .

+ Xây dựng và phát huy tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng.

+ Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.

+ Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.

+ Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.

+ Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng các hoạt động trên lớp.

+ Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên.

+ Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Chương trình tiếng Anh cơ bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh như: Ôn tập lại cách sử dụng của động từ ở thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, câu điều kiện và động từ khuyết thiếu.

- Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày cũng như giúp SV nói được về các chủ đề quen thuộc của cuộc sống như cuộc sống truyền thống và hiện đại, các vấn đề về sức khỏe, các vật dụng cá nhân và trong gia đình, thông tin cá nhân, mô tả người quen và trao đổi những trải nghiệm.

- Bảng phiên âm quốc tế và cách phát âm phụ âm, nguyên âm, các âm phổ biến trong tiếng Anh. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học cách phát âm các dạng động từ được chia ở dạng hiện tại, quá khứ; hiện tại hoàn thành, câu điều kiện và câu trực tiếp, gián tiếp.

- Các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết ở dạng cơ bản.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Cunningham, Sarah (2011), *New cutting Edge (Pre- Intermediate)*, NXB Từ điển bách khoa.

2. Chris Redston, Gille Cunningham (2012), *Face2face 2nd edition (Elementary)*, Cambridge

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. A.J.Thomson & A.V. Martinet. 1992. *A practical English grammar*. Oxford University Press.
2. Alireza Memarzadeh. 2007. *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.
3. Esol examinations. 2013. *Preliminary English test*. Cambridge University Press.
4. Department of Foreign Language. 2014. *Practice exercise 1*. Internal circulation. University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như:
- Về lý thuyết: thuyết trình và thảo luận nhóm/cặp
- Về thực hành: hoạt động thảo luận theo nhóm/cặp kết hợp làm việc cá nhân.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

STT	Loại điểm	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra số 1	0,2	Điểm kiểm tra thường xuyên : 40 %
2	Điểm kiểm tra số 2 (thảo luận; chuyên cần)	0,2	
3	Điểm thi kết thúc học phần	0,6	Điểm thi kết thúc học phần: 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Module 1: Old and New	1	2	3	6	10	-Ngữ pháp: May, might, will, definitely, etc...; - Thời hiện tại đi sau if, when, before, etc... -Từ vựng: Hiện đại và
- Đọc: <i>The 1900 house</i> (p.80-81) - Nói: Facelift (p.84-85)						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Viết: <i>Imagine your life without Internet and mobile phone</i>						truyền thống -Chủ điểm từ vựng: IF
Module 2: Take care	1	2	3	6	10	-Ngữ pháp: used to; thời quá khứ tiếp diễn -Từ vựng: Sức khỏe và tai nạn
- Nghe: <i>Health helpline</i> (p.89) - Nói 1: Các cuộc hội thoại tư vấn về bệnh tật (p.89) + Đọc: <i>Hazardous History</i> (p.90-91) + Nói 2: <i>Choose the Hero of the Year</i> (p.94) + Viết: Sử dụng các liên từ trong lối văn tường thuật. Kể về một kỷ niệm đáng nhớ.						
Module 3: Got to have it	1	2	3	6	10	-Từ vựng: - danh từ chỉ các đồ vật hàng ngày, các cấu trúc câu dung để đưa ra lời gợi ý -Ngữ pháp: Câu bị động (thì Hiện tại đơn; Quá khứ đơn) -Ngữ âm: Các phát âm ED sau động từ
-Đọc: <i>The World's Most Popular</i> (p.106-107) -Nói 1: Một thương hiệu mà bạn ưa thích hoặc một sản phẩm mà bạn muốn sở hữu -Nói 2: Lập các bài hội thoại về đưa ra các gợi ý (trong những tình huống nhất định) (p.112)						
Module 4: Choosing the right person	1	1	3	5	10	- Cùng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản. Các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông tin cá nhân
- Nói: Mô tả về các hoạt động thể thao (p.114) - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.117) - Từ vựng: Mô tả tính cách cá nhân. - Nghe: Nghe thông tin và điền từ vào chỗ trống (p.115) - Viết: Viết đơn xin việc theo mẫu (p.121)						
Module 5: Money, money, money	1	1	2	4	10	- Thì quá khứ hoàn thành - Trạng từ chỉ thời gian

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
- Nói 1: Chia sẻ về những trải nghiệm đã qua thông qua hội thoại và kể chuyện (p.124, 129) - Nghe 1: Nghe ý chính và điền thông tin vào chỗ trống và trả lời câu hỏi (p.126, 130) - Đọc: các số liệu và ghép thông tin chính với từng đoạn văn (p.125,127) - Viết: Viết câu sử dụng từ gợi ý						sử dụng với thì quá khứ hoàn thành - Từ vựng về kinh tế và tiền tệ - Cách chia và phát âm các động từ sử dụng với thì quá khứ hoàn thành (PII)
Consolidation Modules 1-5	1			1	5	- Đọc và dịch lại bài. Hoàn thành các bài tập đi kèm
End of Term Test		1		1		
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		1		1		- Ôn tập theo nội dung cho trước.
Cộng	6	10	14	30	60	
Tổng	6	23	16	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.10. Toán cao cấp

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Toán cao cấp.**
 - Tiếng Anh: **Advanced Mathematics for Economics.**
- Mã học phần: KĐT02108
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
√	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 25tiết
 - Bài tập: 18 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học đại cương.

1. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của ngành kế toán, bất động sản, quản trị du lịch, kinh tế tài nguyên ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn.
- Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng cơ bản về nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp(bao gồm các kiến thức về ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân).
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.

2. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Các kiến thức về ma trận và định thức.
- Các kiến thức về hệ phương trình tuyến tính.
- Các kiến thức về hàm số một biến số.
- Các kiến thức về hàm số nhiều biến số.
- Các kiến thức về cực trị của hàm số nhiều biến số.
- Các kiến thức về phương trình vi phân.

3. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004, *Toán học cao cấp (Tập 1,2,3)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.
2. Lê Xuân Hùng- Lê Thị Hương- Nguyễn Ngọc Linh- Đàm Thanh Tuấn, 2018, *Bài tập Toán cao cấp*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004, *Bài tập Toán cao cấp (Tập 1,2,3)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.

4. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

5. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chú ý nghe giảng, hăng hái phát biểu ý kiến; tự nghiên cứu tài liệu ở nhà, chuẩn bị bài trước khi lên lớp; trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; hoàn thành các qui định đúng thời hạn, chuẩn bị chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên internet),...
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

6. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

7. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: Hai đầu điểm hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

8. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. MA TRẬN VÀ ĐỊNH THỨC	5	3		8	16	
1.1. Ma trận 1.1.1. Các định nghĩa 1.1.2. Các phép toán đối với ma trận 1.1.3. Các phép biến	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về ma trận.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
đôi sơ cấp đối với ma trận. Hạng của ma trận						
1.2. Định thức của ma trận vuông. 1.2.1. Khái niệm định thức của ma trận 1.2.2. Các tính chất của định thức	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về định thức.
1.3. Ma trận nghịch đảo 1.3.1. Khái niệm và cách tính ma trận nghịch đảo 1.3.2. Tính chất của ma trận nghịch đảo	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về ma trận nghịch đảo.
CHƯƠNG 2. HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH	5	2		7	14	
2.1. Định nghĩa	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về hệ phương trình tuyến tính.
2.2. Hệ phương trình Cramer	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về hệ Cramer.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
2.3. Giải hệ phương trình tuyến tính trường hợp tổng quát	2	1		3	6	Giải thành thạo hệ phương trình tổng quát
2.4. Hệ phương trình thuần nhất	1	1		2	4	Khắc sâu hệ thuần nhất
CHƯƠNG 3. HÀM SỐ MỘT BIẾN SỐ	5	5	1	12	23	
3.1. Các hàm số lượng giác ngược 3.1.1. Hàm số $y = \arcsin x$ 3.1.2. Hàm số $y = \arccos x$ 3.1.3. Hàm số $y = \arctan x$ 3.1.4. Hàm số $y = \operatorname{arccot} x$	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các hàm số lượng giác ngược
3.2. Quy tắc Lôpitan	1	1		2	4	Nắm được Quy tắc Lôpitan và vận dụng được vào việc giải bài tập
3.3. Tích phân suy rộng	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các dạng tích phân suy rộng
3.4. Chuỗi số	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về chuỗi số
3.5. Chuỗi hàm	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về chuỗi hàm

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. HÀM SỐ NHIỀU BIẾN SỐ	3	2		5	10	
4.1. Các khái niệm cơ bản	1			1	2	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các khái niệm của hàm số nhiều biến số
4.2. Giới hạn và tính liên tục	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về giới hạn và tính liên tục của hàm số nhiều biến số
4.3. Đạo hàm riêng và vi phân toàn phần	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về đạo hàm riêng và vi phân toàn phần
CHƯƠNG 5. CỰC TRỊ CỦA HÀM NHIỀU BIẾN SỐ	3	2		5	10	
5.1. Cực trị không có điều kiện ràng buộc	2	1		3	6	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về cực trị không có điều kiện ràng buộc
5.2. Cực trị có điều kiện ràng buộc	1	1		2	4	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về cực trị có điều kiện ràng buộc
CHƯƠNG 6. PHƯƠNG TRÌNH VI PHÂN	4	4	1	8	17	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
6.1. Phương trình vi phân cấp 1	2	2		4	8	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các dạng phương trình vi phân cấp 1
6.2. Phương trình vi phân cấp 2	2	2		4	8	Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các dạng phương trình vi phân cấp 2
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	25	18	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành

4.5.11 Giáo dục thể chất

Bao gồm phần bắt buộc và phần tự chọn:

* Phần bắt buộc (3TC)

(1) Thể dục (1TC):

Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản trong công tác giáo dục thể chất (nhiệm vụ và chức năng của sinh viên, các hình thức giáo dục thể chất trong trường đại học; cấu trúc cơ bản của vận động thông qua một số bài thể dục cơ bản, giúp cho SV có được tư thế tác phong nhằm chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và nâng cao thể lực.

(2) Điền kinh 1 (1TC) và Điền kinh 2 (1TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức cơ bản trong môn chạy cự ly trung bình, cự ly ngắn và môn nhảy cao; phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài điền kinh.

* Phần tự chọn (2TC): SV chọn một trong các môn học sau (mỗi môn học bao gồm 2 học phần):

(1) Bóng chuyền 1 (1TC) và Bóng chuyền 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: các kiến thức cơ bản về luật và phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng chuyền; một số kỹ thuật cơ bản trong bóng chuyền nhằm chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

(2) Cầu lông 1(1TC) và Cầu lông 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: các kiến thức về lịch sử ra đời và phát triển môn cầu lông trên thế giới và Việt Nam, tác dụng của tập luyện và thi đấu; kỹ thuật, chiến thuật trong thi đấu cầu lông. Luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn cầu lông, giúp SV chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

(3) Bơi lội 1(1TC) và Bơi lội 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: một số kiến thức và kỹ thuật cơ bản về bơi lội thông qua các bài tập, giúp SV chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

(4) Bóng rổ 1 (1TC) và Bóng rổ 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: những kiến thức cơ bản về môn bóng rổ thông qua các bài tập, giúp SV có được tư thế tác phong, chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

4.5.12 Giáo dục Quốc phòng - An ninh

Bao gồm 3 học phần: Đường lối quân

sự của Đảng; Công tác quốc phòng – an ninh và Quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

(1) Đường lối quân sự của Đảng (3TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức về Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, Nghệ thuật quân sự Việt Nam.

(2) Công tác quốc phòng – an ninh và Quân sự chung (2TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức về chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

(3) Quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (3TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.

4.5.13. Tin học đại cương

1. Thông tin chung về học phần

– Tên học phần:

- Tiếng Việt: **Tin học đại cương**
- Tiếng Anh: **General Informatics**

– Mã học phần: **CTKH2151**

– Số tín chỉ: 02

– Đối tượng học: Sinh viên đại học chính quy; các ngành

– Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

– Các học phần tiên quyết: Toán cao cấp

– Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết

- Thực hành trên lớp: 9 tiết
- Kiểm tra : 2 tiết
- Tự học: 60 giờ

– Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học máy tính và ứng dụng, Khoa Công nghệ Thông tin

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

– *Về kiến thức*: Trình bày các kiến thức cơ bản về thông tin, công cụ xử lý thông tin, áp dụng được các phần mềm thông dụng ứng dụng hỗ trợ trong công tác văn phòng, và khai thác Internet.

– *Về kỹ năng*: Vận dụng được các kỹ năng có thể sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng để có thể: Soạn thảo tài liệu; Quản lý dữ liệu qua các bảng tính; Trình chiếu; Khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử; Tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết vấn đề thông dụng.

– *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng được những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo, có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần xây dựng cho sinh viên các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, cấu trúc máy tính, mạng máy tính, phân loại, sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng. Nội dung chính gồm:

- Khái niệm tin học, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet và tìm kiếm tài liệu học thuật trên Internet.
- Một số hệ điều hành thông dụng và sử dụng hệ điều hành.
- Các chương trình ứng dụng MS Word, Excel và Powerpoint.

4. Tài liệu học tập

4.1. Sách, giáo trình chính

1. Phạm Thị Anh Lê (CB) &nnk, (2015), *Tin học đại cương* tập 1, 2, 3, Đại học Sư phạm
2. *Tự học Microsoft Excel 2010, Tự học PowerPoint 2010* (2012), NXB Văn hóa Thông tin.
3. *Tự học Word 2010* (2011), NXB Hồng Bàng.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Lê Lan Anh, *Giáo trình Tin học đại cương*, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Công Tuấn - Công Bình, *20 Bài thực hành MicroSoft Word 2010*, NXB Văn hóa Thông tin.

3. Công Tuấn - Công Bình, 20 Bài thực hành MicroSoft Excel 2010, NXB Văn hóa Thông tin.

4. Bùi Thế Tâm, 2010, Giáo trình Tin học đại cương, NXB Giao thông Vận tải.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: thuyết trình, phân tích, xử lý số liệu, đàm thoại, thu thập số liệu, tự học.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

– Dự lớp: Sinh viên phải tham gia giờ trên lớp, tham gia thực hành theo số tiết qui định. Đảm bảo đầy đủ, đạt yêu cầu các bài kiểm tra giữa học kỳ.

– Bài tập: Hoàn thành tất cả các bài tập thực hành trên lớp, bài tập về nhà.

– Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết, hoàn thiện các bài tập thực hành trên máy tính.

– Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU VỀ TIN HỌC	2			1	3	6	
1.1. Thông tin và xử lý thông tin	1				1	2	<ul style="list-style-type: none"> • Đọc TLC [1], TLĐT [1] • SV chuẩn bị các kiến thức
1.2. Kiến trúc chung của Máy tính điện tử							
1.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính	0.5				0.5	1	
1.4. Virus tin học và cách phòng	0.5				1.5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
chống							cơ bản để nhận biết các thiết bị của máy tính.
1.5. Mạng máy tính và Internet				1			
1.6. Ứng dụng của công nghệ thông tin							
CHƯƠNG 2. HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS	2			1	3	6	
2.1. Giới thiệu chung 2.1.1. Khái niệm Hệ điều hành 2.1.2. Chức năng của Hệ điều hành 2.1.3. Sự phát triển của Hệ điều hành 2.1.4. Giới thiệu một số Hệ điều hành phổ biến	1				1	2	<ul style="list-style-type: none"> • Đọc TLC [1], TLĐT [1] • SV phải thao tác được với hệ điều hành Windows
2.2. Hệ điều hành Windows 2.2.1. Giao diện của hệ điều hành Windows 2.2.2. Quản lý tệp tin, thư mục 2.2.3. Quản lý đĩa từ 2.5.4. Thay đổi cấu hình (Control Panel)	1			1	2	4	
CHƯƠNG 3. PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN.	6		1	3	10	20	
3.1. Giới thiệu màn hình làm việc 3.2. Các thao tác cơ bản	0.5				0.5	1	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.3. Thực hiện định dạng văn bản 3.3.1. Định dạng ký tự (Font) 3.3.2. Định dạng đoạn văn bản (Paragraph) 3.3.3. Bao khung và tô nền cho đoạn văn 3.3.4. Đánh chỉ mục tự động đầu đoạn văn bản (Bullets and Numbering) 3.3.5. Chia cột văn bản (Columns) 3.3.6. Định dạng chữ lớn đầu đoạn văn (Drop Cap) 3.3.7. Định dạng Tab	2			1	3	6	
3.4. Chèn các đối tượng vào văn bản	1.5			1	2.5	5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.4.1. Chèn các kí tự đặc biệt (Symbol) 3.4.2. Chèn chữ nghệ thuật (Word Art) 3.4.3. Chèn ClipArt và hình ảnh 3.4.4. Chèn hộp văn bản (Text box) 3.4.5. Chèn và hiệu chỉnh hình vẽ (Shapes) 3.4.6. Chèn và hiệu chỉnh biểu đồ (Chart) 3.4.7. Chèn và hiệu chỉnh biểu thức toán học (Equation)							- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.5. Bảng biểu 3.5.1. Tạo bảng 3.5.2. Các thao tác trên bảng 3.5.3. Định dạng trên bảng 3.5.3. Tính toán trên bảng	1			0.5	1.5	3	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.6. Một số chức năng khác 3.6.1. Tìm kiếm và thay thế 3.6.2. Đặt chế độ tự động 3.6.3. Kiểm tra chính tả và văn phạm 3.6.4. Tạo bookmark 3.6.5. Tạo mục lục tự động 3.6.6. Trộn thư	0.5			0.5	1	2	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.7. In ấn 3.7.1. Định dạng trang in 3.7.2. Tạo Header and Footer 3.7.3. Ngắt trang 3.7.4. Chèn số trang 3.7.5. Xem trước khi in 3.7.6. Thực hiện lệnh in	0.5				0.5	1	- SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
Kiểm tra			1		1	2	
CHƯƠNG 4. XỬ LÝ BẢNG TÍNH VỚI MS EXCEL	6		1	3	10	20	
4.1. Giới thiệu chung về MS Excel 4.1.1. Giới thiệu	0.5				0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4.1.2. Màn hình làm việc 4.1.3. Cấu trúc một Workbook 4.1.4. Cấu trúc một Worksheet							
4.1.5. Các kiểu dữ liệu và các toán tử							
4.2. Các thao tác cơ bản	0.5			0.5	1	2	
4.2.1. Xử lý trên vùng 4.2.2. Thao tác trên cột và dòng 4.2.3. Các lệnh xử lý tập tin 4.2.4. Các loại địa chỉ sử dụng trong excel							
4.3. Các hàm cơ bản trong Excel	3			1.5	4.5	9	
4.3.1. Cách sao chép công thức							
4.3.2. Cú pháp chung của hàm 4.3.3. Cách sử dụng các hàm 4.3.4. Các hàm thông dụng							
4.4. Cơ sở dữ liệu 4.4.1. Khái niệm 4.4.2. Các thao tác trên cơ sở dữ liệu 4.4.3. Các hàm thao tác trên cơ sở dữ liệu	1			0.5	1.5	3	- Đọc TLC [3], TLĐT [3] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
4.5. Biểu đồ trong Excel	0.5			0.5	1	2	
4.5.1. Các thành phần của biểu đồ 4.5.2. Các bước dựng biểu đồ 4.5.3. Điều chỉnh và định dạng biểu đồ							
4.6. In ấn 4.6.1. Định dạng trang in 4.6.2. Xem văn bản trước khi in 4.6.3. In tài liệu	0.5				0.5	1	
Kiểm tra			1		1	2	
CHƯƠNG 5. TRÌNH DIỄN VỚI MS POWERPOINT	3			1	4	8	
5.1. Giới thiệu về phần mềm trình diễn	0.5				0.5	1	- Đọc TLC [4]

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
5.2. Các thành phần cơ bản của MS PowerPoint							- SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
5.3. Tạo một bản trình bày cơ bản trong MS PowerPoint	0.5			0.5	1	2	
5.4. Cập nhật và định dạng	1.5			0.5	2	4	
5.4.1. Cửa sổ trong các Slide							
5.4.2. Thao tác trên Slide 5.4.3. Tạo hiệu ứng động và hoạt hình							
5.5. Thực hiện một buổi trình diễn	0.5				0.5	1	
Cộng	19		2	9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành

4.5.14. Tài chính – Tiền tệ

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tài chính – Tiền tệ**
 - Tiếng Anh: **Theory Of Money And Finance**
- Mã học phần: KTKN2301
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 37 tiết
 - Bài tập: 05 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, nguồn tài chính và hệ thống tài chính; Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước, vấn đề thu - chi và cân đối Ngân sách Nhà nước; Nắm được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản về tài chính; Nắm được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như vốn kinh doanh, nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và phân phối lợi nhuận cũng như những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ, sự tác động của thị trường tài chính đến nền kinh tế và tài chính doanh nghiệp. Từ đó tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp và cho nền kinh tế.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.

+ Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.

+ Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo

sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Các khái niệm căn bản về phạm trù tài chính – tiền tệ, các bộ phận của hệ thống tài chính, chức năng cũng như các nguyên lý về hình thức hoạt động của nó trong nền kinh tế hàng hóa, nền kinh tế thị trường. Đặc biệt đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến lãi suất và tín dụng, Ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian đặc biệt là Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung Ương và Chính sách tiền tệ, tài chính quốc tế...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đinh Xuân Hạng, Phạm Ngọc Dũng (2014), *Giáo trình Tài chính – Tiền tệ*, NXB Tài chính.
2. TS. Lê Thị Mận (2013), *Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Lao động Xã hội.
3. Nguyễn Văn Tiến (2011), *Giáo trình Tài chính – Tiền tệ*, NXB Thống kê.

Kinh tế 4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. PGS.TS Phan Thị Cúc (2012), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Phương Đông.
2. TS. Đặng Thị Việt Đức, ThS. Vũ Quang Kết, ThS. Phan Anh Tuấn (2016), *Lý thuyết Tài chính tiền tệ*, NXB Thông tin và Truyền thông.
3. Dương Thị Bình Minh, Sử Đình Thành (2010), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Thống kê.
4. TS. Nguyễn Hòa Nhân, PGS.TS Lâm Chí Dũng, TS. Hồ Hữu Tiến, ThS. Võ Văn Vang, ThS. Trịnh Thị Trinh, ThS. Đặng Tùng Lâm (2012), *Giáo trình Tài chính tiền tệ*, NXB Tài chính.
5. Nguyễn Hữu Tài (2012), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính tiền tệ*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
6. PGS.TS Lê Văn Tề (2011), *Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*, NXB Phương Đông.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Đọc tài liệu theo yêu cầu của giảng viên trước giờ lên lớp.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

• Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH TIỀN TỆ	3	1		4	8	
1.1. Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ <i>1.1.1. Sự ra đời và phát triển của tiền tệ</i> <i>1.1.2. Bản chất của tiền tệ</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLĐT 6, chương 1.
1.2. Các chức năng của tiền tệ <i>1.2.1. Chức năng đơn vị định giá</i> <i>1.2.2. Chức năng phương tiện trao đổi</i> <i>1.2.3. Chức năng phương tiện dự trữ giá trị</i>						
1.3. Các khối tiền tệ <i>1.3.1. Khối lượng tiền cần thiết cho lưu thông</i> <i>1.3.2. Khối lượng tiền trong lưu thông</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLĐT 6, chương 1.
1.4. Cung và cầu tiền tệ <i>1.4.1. Cầu tiền tệ</i> <i>1.4.2. Cung tiền cho lưu thông</i>						
1.5. Khái niệm và chức năng tài chính <i>1.5.1. Khái niệm tài chính</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLĐT 6, chương 1.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.5.2. Các chức năng của tài chính						
1.6. Hệ thống tài chính 1.6.1. Khái niệm về hệ thống tài chính 1.6.2. Cấu trúc của hệ thống tài chính						
Chương 2. TÍN DỤNG VÀ LÃI SUẤT TÍN DỤNG	6	2		8	16	
2.1. Sự ra đời và phát triển của tín dụng 2.1.1. Cơ sở ra đời của tín dụng 2.1.2. Khái niệm tín dụng 2.1.3. Sự phát triển của quan hệ tín dụng trong nền kinh tế thị trường 2.1.4. Phân loại tín dụng	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 4; Đọc TLĐT 2, chương 2.
2.2. Các hình thức tín dụng 2.2.1. Tín dụng thương mại 2.2.2. Tín dụng Nhà nước 2.2.3. Tín dụng ngân hàng	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 4; Đọc TLĐT 2, chương 2.
2.3. Vai trò của tín dụng 2.3.1. Tín dụng góp phần thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển 2.3.2. Tín dụng là công	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 4; Đọc TLĐT 2, chương 2.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p><i>cụ thực hiện chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước</i></p> <p><i>2.3.3. Tín dụng góp phần quan trọng vào việc làm giảm thấp chi phí sản xuất và lưu thông</i></p> <p><i>2.3.4. Tín dụng là công cụ thực hiện chính sách xã hội và nâng cao đời sống dân cư</i></p>						
<p>2.4. Các chức năng của tín dụng</p> <p><i>2.4.1. Tập trung và phân phối lại tiền nhàn rỗi trên nguyên tắc hoàn trả</i></p> <p><i>2.4.2. Kiểm soát các hoạt động kinh tế bằng tiền</i></p>	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 4; Đọc TLĐT 2, chương 2.
<p>2.5. Lãi suất tín dụng</p> <p><i>2.5.1. Khái niệm lợi tức tín dụng và lãi suất tín dụng</i></p> <p><i>2.5.2. Phân loại lãi suất tín dụng</i></p> <p><i>2.5.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến lãi suất tín dụng</i></p>	2	2		4	8	Đọc TLĐT 1, chương 4; Đọc TLĐT 2, chương 2.
Chương 3. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	4			4	8	
3.1. Khái niệm và vai trò	1			1	2	Đọc TLĐT 6, chương 3;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>của Ngân sách Nhà nước</p> <p><i>3.1.1. Khái niệm, đặc điểm của Ngân sách Nhà nước</i></p> <p><i>3.1.2. Vai trò của Ngân sách Nhà nước</i></p>						Đọc TLC 2, chương 2.
<p>3.2. Thu Ngân sách Nhà nước</p> <p><i>3.2.1. Khái niệm, đặc điểm thu Ngân sách Nhà nước</i></p> <p><i>3.2.2. Nội dung thu Ngân sách Nhà nước</i></p>	1			1	2	Đọc TLĐT 6, chương 3; Đọc TLC 2, chương 2.
<p>3.3. Chi Ngân sách Nhà nước</p> <p><i>3.3.1 Khái niệm, đặc điểm chi Ngân sách Nhà nước</i></p> <p><i>3.3.2 Nội dung chi Ngân sách Nhà nước</i></p>	1			1	2	Đọc TLĐT 6, chương 3; Đọc TLC 2, chương 2.
<p>3.4. Cân đối ngân sách</p> <p>3.5. Phân cấp quản lý ngân sách</p> <p><i>3.5.1. Khái niệm phân cấp quản lý ngân sách</i></p> <p><i>3.5.2. Nội dung phân cấp quản lý ngân sách</i></p> <p><i>3.5.3. Nguyên tắc phân cấp quản lý ngân sách</i></p>	1			1	2	Đọc TLĐT 6, chương 3; Đọc TLC 2, chương 2.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 4. TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	5	2	1	8	16	
4.1. Khái niệm và vai trò của tài chính doanh nghiệp <i>4.1.1. Khái niệm tài chính doanh nghiệp</i> <i>4.1.2. Vai trò của tài chính doanh nghiệp</i>	1			1	2	Đọc TLĐT 6, chương 4; Đọc TLC 2, chương 3.
4.2. Cấu trúc tài chính của doanh nghiệp <i>4.2.1. Cấu trúc về vốn kinh doanh</i> <i>4.2.2. Cấu trúc về nguồn vốn kinh doanh</i>	2	2		4	8	Đọc TLĐT 6, chương 4; Đọc TLC 2, chương 3.
4.3. Chi phí, doanh thu của doanh nghiệp <i>4.3.1. Chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm</i> <i>4.3.2. Doanh thu của doanh nghiệp</i>	1			1	2	Đọc TLĐT 6, chương 4; Đọc TLC 2, chương 3.
4.4. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp <i>4.4.1. Lợi nhuận của doanh nghiệp</i> <i>4.4.2. Phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp</i>	1			1	2	Đọc TLĐT 6, chương 4; Đọc TLC 2, chương 3.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. THỊ	4			4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TRƯỜNG TÀI CHÍNH						
5.1. Sự hình thành thị trường tài chính	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 15.
5.2. Cấu trúc thị trường tài chính <i>5.2.1. Thị trường nợ và thị trường cổ phiếu</i> <i>5.2.2. Thị trường sở cấp và thị trường thứ cấp</i> <i>5.2.3. Thị trường tiền tệ và thị trường vốn</i> <i>5.2.4. Thị trường tập trung và phi tập trung</i>	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 15.
5.3. Công cụ của thị trường tài chính <i>5.3.1. Công cụ của thị trường tiền tệ</i> <i>5.3.2. Công cụ của thị trường vốn</i>	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 15.
5.4. Các chủ thể tham gia thị trường tài chính <i>5.4.1. Nhà phát hành</i> <i>5.4.2. Nhà đầu tư</i> <i>5.4.3. Nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ</i> <i>5.4.4. Nhà quản lý thị trường</i>	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 15.
5.5. Chức năng, vai trò của thị trường tài chính <i>5.5.1. Chức năng của thị</i>						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>trường tài chính</i> 5.5.2. <i>Vai trò của thị trường tài chính</i>						
Chương 6. CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH TRUNG GIAN	2			2	4	
6.1. Khái niệm, chức năng và vai trò của các tổ chức tài chính trung gian <i>6.1.1. Khái niệm tổ chức tài chính trung gian</i> <i>6.1.2. Chức năng của các tổ chức tài chính trung gian</i> <i>6.1.3. Vai trò của các tổ chức tài chính trung gian</i>	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 3; Đọc TLĐT 6, chương 6.
6.2. Các loại hình tổ chức tài chính trung gian <i>6.2.1. Các tổ chức nhận tiền gửi</i> <i>6.2.2. Các công ty tài chính</i> <i>6.2.3. Các tổ chức tiết kiệm theo hợp đồng</i> <i>6.2.4. Các trung gian đầu tư</i>	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 3; Đọc TLĐT 6, chương 6.
Chương 7. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	3			3	6	
7.1. Quá trình ra đời và phát triển của ngân hàng	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLĐT 6, chương 8.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
thương mại						
7.2. Khái niệm và phân loại ngân hàng thương mại <i>7.2.1. Khái niệm ngân hàng thương mại</i> <i>7.2.2. Phân loại ngân hàng thương mại</i>						
7.3. Chức năng của ngân hàng thương mại <i>7.3.1. Chức năng trung gian tín dụng</i> <i>7.3.2. Chức năng trung gian thanh toán</i> <i>7.3.3. Chức năng tạo tiền</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLĐT 6, chương 8.
7.4. Hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại <i>7.4.1. Hoạt động huy động vốn</i> <i>7.4.2. Hoạt động sử dụng vốn</i> <i>7.4.3. Các hoạt động khác</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 13; Đọc TLĐT 6, chương 8.
Chương 8. NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	4			4	8	
8.1. Ngân hàng Trung ương <i>8.1.1. Khái niệm Ngân hàng Trung ương</i> <i>8.1.2. Chức năng của Ngân hàng Trung ương</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 12; Đọc TLĐT 6, chương 10.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>8.1.3. Vai trò của Ngân hàng Trung ương</i>						
8.2. Chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương <i>8.2.1. Định nghĩa</i> <i>8.2.2. Mục tiêu của chính sách tiền tệ</i> <i>8.2.3. Nội dung cơ bản chính sách tiền tệ</i> <i>8.2.4. Công cụ của chính sách tiền tệ</i>	3			3	6	Đọc TLC 2, chương 12; Đọc TLĐT 6, chương 10.
Chương 9. LẠM PHÁT	4		2	6	12	
9.1. Khái niệm và phân loại lạm phát <i>9.1.1. Khái niệm</i> <i>9.1.2. Phân loại lạm phát</i>	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 8; Đọc TLĐT 6, chương 12.
9.2. Nguyên nhân của lạm phát <i>9.2.1. Lạm phát do nhu cầu tiền tăng</i> <i>9.2.2. Lạm phát do chi phí tăng</i> <i>9.2.3. Hệ thống chính trị không ổn định</i>						Đọc TLC 2, chương 8; Đọc TLĐT 6, chương 12.
9.3. Tác động của lạm phát đến phát triển kinh tế xã hội <i>9.3.1. Tác động của lạm phát vừa phải</i> <i>9.3.2. Tác động của lạm</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 8; Đọc TLĐT 6, chương 12.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>phát phi mã và siêu lạm phát</i>						
9.4. Các biện pháp khắc phục lạm phát <i>9.4.1. Giải pháp tác động vào tổng cầu</i> <i>9.4.2. Giải pháp tác động vào tổng cung</i> <i>9.4.3. Cải cách tiền tệ</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 8; Đọc TLĐT 6, chương 12.
Thảo luận			1	1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 10. QUAN HỆ THANH TOÁN VÀ TÍN DỤNG QUỐC TẾ	2			2	4	
10.1. Cán cân thanh toán quốc tế <i>10.1.1. Khái niệm cán cân thanh toán quốc tế</i> <i>10.1.2. Nội dung cán cân thanh toán quốc tế</i> <i>10.1.3. Các biện pháp điều chỉnh cán cân thanh toán quốc tế</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 17; Đọc TLĐT 6, chương 11.
10.2. Tỷ giá hối đoái <i>10.2.1. Khái niệm và phương pháp yết tỷ giá hối đoái</i> <i>10.2.2. Các nhân tố ảnh</i>						Đọc TLC 2, chương 17; Đọc TLĐT 6, chương 11.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>hướng đến tỷ giá hối đoái</i>						
10.3. Các phương tiện và phương thức thanh toán quốc tế thông dụng <i>10.3.1. Các phương tiện thanh toán quốc tế</i> <i>10.3.2. Các phương thức thanh toán quốc tế</i>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 17; Đọc TLĐT 6, chương 11.
10.4. Tín dụng quốc tế <i>10.4.1. Khái niệm tín dụng quốc tế</i> <i>10.4.2. Các hình thức tín dụng quốc tế</i>						Đọc TLC 2, chương 17; Đọc TLĐT 6, chương 11.
Cộng	37	5	3	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.15. Kinh tế vi mô

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Kinh tế vi mô**

Tiếng Anh: **Microeconomics**

- Mã học phần: KTKH2301

- Số tín chỉ: 03

- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
- Bài tập: 09 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường.

- *Về kỹ năng:*

- + Kỹ năng nhận thức: Trình bày và hiểu được những nguyên lý chung về kinh tế học; có khả năng áp dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau.

- + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp.

- + Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.

- + Kỹ năng tư duy: Có thể đưa ra các vấn đề mới về công tác quản trị.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- + Rèn luyện phương pháp làm việc khoa học, thu thập thông tin đầy đủ, phân tích, đánh giá trước khi ra quyết định.

- + Rèn luyện tính cách thận trọng, phán đoán logic

- + Rèn luyện tính chủ động, linh hoạt trong xử lý tình huống phát sinh

- + Yêu thích môn học, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vi mô phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

- + Hiểu được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: lý thuyết về cầu - cung hàng hóa và giá cả hàng hóa trên thị trường; lý thuyết về sản xuất (tối đa hóa sản lượng), về chi phí sản

xuất (tối thiểu hóa chi phí) và về lợi nhuận (tối đa hóa lợi nhuận); Các lý thuyết về cấu trúc của thị trường hàng hóa (thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo) và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong các thị trường này. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng; phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hoá và thị trường các yếu tố sản xuất. Ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường; Phân tích những thất bại vốn có của thị trường và vai trò Chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Nguyễn Gia Thọ, Phạm Thị Ngoan, Đào Thị Thương (2018), *GT Kinh tế vi mô*, Nhà xuất bản xây dựng.
2. PGS.TS Vũ Kim Dũng (2012), *GT Nguyên lý kinh tế học vi mô*, NXB Lao động – Xã hội.
3. PGS.TS Phí Mạnh Hồng (2013), *Giáo trình Kinh tế vi mô*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Dân (2011), *Kinh tế vi mô 1*, NXB Tài chính.
5. Robert S.Pindyck, Daniel L.Rubinfeld (2015), *Kinh tế học vi mô*, NXB Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Đinh Phi Hồ (2013), *Kinh tế vi mô căn bản và nâng cao*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Kim Dũng (2008), *Hướng dẫn thực hành kinh tế học vi mô*, NXB Lao động – Xã hội.
2. Vũ Kim Dũng và Đinh Thiện Đức (2010), *Giáo trình Kinh tế học vi mô*, NXB văn hóa thông tin.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Giáo trình Kinh tế học vi mô*, NXB Giáo dục.
4. Viện Đại học Mở HN (2009), *GT Kinh tế học vi mô*, NXB Thống kê.
5. Nguyễn Văn Dân (2012), *Kinh tế vi mô*, NXB Tài chính.
6. Robert C. Guell, dịch giả: Nguyễn Văn Dung (2009), *Kinh tế vi mô*, NXB Đồng Nai.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>

Phân tích, xử lý số liệu Trình bày báo cáo khoa học Tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Chuẩn bị bài trước khi lên lớp;

Tập trung nghe giảng và tham gia các hoạt động trên lớp;

Bài tập: Vận dụng kiến thức lý thuyết để làm bài tập;

Làm tất cả các bài kiểm tra.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

• Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH TẾ HỌC	3,5			3,5	7	
1.1. Khái niệm về kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1.
1.2. Phân loại kinh tế học <i>1.2.1. Phân loại kinh tế học theo cách thức nghiên cứu</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>1.2.2. Phân loại kinh tế học theo phạm vi nghiên cứu</i>						
1.3. Các vấn đề cơ bản của kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.4. Mười nguyên lý của kinh tế học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.5. Chi phí cơ hội và đường giới hạn khả năng sản xuất <i>1.5.1. Chi phí cơ hội</i> <i>1.5.2. Đường giới hạn khả năng sản xuất</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.6. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học vi mô	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 2. CẦU - CUNG HÀNG HÓA VÀ GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG	8	2,5		10,5	21	
2.1. Thị trường <i>2.1.1. Khái niệm</i> <i>2.1.2. Phân loại thị trường</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6
2.2. Cầu <i>2.2.1. Một số khái niệm</i> <i>2.2.2. Luật cầu</i> <i>2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến cầu</i> <i>2.2.4. Hàm số cầu và đường cầu</i> <i>2.2.5. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cầu</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 3, chương 2
2.3. Cung <i>2.3.1. Một số khái niệm</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2.3.2. Luật cung</p> <p>2.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến cung</p> <p>2.3.4. Hàm số cung và đường cung</p> <p>2.3.5. Sự di chuyển và dịch chuyển của đường cung</p>						Đọc TLC 3, chương 2
<p>2.4. Trạng thái thị trường</p> <p>2.4.1. Trạng thái cân bằng và sự thay đổi của trạng thái cân bằng</p> <p>2.4.2. Trạng thái dư thừa và thiếu hụt</p>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 2
<p>2.5. Hệ số co giãn</p> <p>2.5.1. Hệ số co giãn của cầu</p> <p>2.5.2. Hệ số co giãn của cung theo giá</p>	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 3, chương 2; Làm bài tập chương 2
<p>2.6. Một số ứng dụng lý thuyết cung cầu trong việc hoạch định chính sách của chính phủ</p> <p>2.6.1. Chính sách thuế và trợ cấp</p> <p>2.6.2. Chính sách kiểm soát giá</p>	1	1,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 2
Chương 3. LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG	4	2	1,5	7,5	15	
<p>3.1. Lợi ích</p> <p>3.1.1. Một số khái niệm</p> <p>3.1.2. Thặng dư tiêu dùng</p>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>3.2. Đường bàng quan</p> <p>3.2.1. Khái niệm về đường bàng quan</p> <p>3.2.2. Tỷ lệ thay thế biên</p> <p>3.2.3. Mối quan hệ giữa lợi ích biên và tỷ lệ thay thế biên</p> <p>3.2.4. Đường bàng quan với các sở thích khác nhau</p>	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4
<p>3.3. Đường ngân sách</p> <p>3.3.1. Khái niệm về đường ngân sách</p> <p>3.3.2. Tác động của sự thay đổi về thu nhập và giá cả đối với đường ngân sách</p>	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập chương 3
<p>3.4. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích của người tiêu dùng</p> <p>3.4.1. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp hình học</p> <p>3.4.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp số nhân Lagrange</p> <p>3.4.3. Nguyên tắc tối đa hóa lợi ích bằng phương pháp trực quan</p>	1	1		2	4	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập chương 3
<p>3.5. Ảnh hưởng của thu nhập và giá cả đến sự lựa chọn của người tiêu dùng</p> <p>3.5.1. Ảnh hưởng của thu nhập đến sự lựa chọn của người tiêu dùng</p> <p>3.5.2. Ảnh hưởng của giá cả đến sự lựa chọn của người tiêu dùng</p>	0,5	0,5	0,5	1,5	3	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 4; Làm bài tập chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.6. Đường cầu thị trường	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI CỦA NHÀ SẢN XUẤT	6,5	2,5		9	18	
4.1. Lý thuyết sản xuất 4.1.1. Sản xuất và hàm sản xuất 4.1.2. Sản xuất với một yếu tố đầu vào biến đổi 4.1.3. Sản xuất với hai yếu tố đầu vào biến đổi	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 3, chương 4; Làm bài tập chương 4
4.2. Lý thuyết chi phí sản xuất 4.2.1. Chi phí kinh tế và chi phí kế toán 4.2.2. Chi phí ngắn hạn 4.2.3. Chi phí dài hạn	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 4; Làm bài tập chương 4
4.3. Lý thuyết lợi nhuận 4.3.1. Khái niệm và phương pháp xác định lợi nhuận 4.3.2. Doanh thu biên, chi phí biên và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận tổng quát	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4
4.4. Tối đa hóa doanh thu	1	0,5		1,5	3	Đọc TLĐT 5, chương 5;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Làm bài tập chương 4
4.5. Thặng dư sản xuất 4.5.1. Khái niệm và phương pháp xác định thặng dư sản xuất 4.5.2. Mối quan hệ giữa thặng dư sản xuất, thặng dư tiêu dùng và hiệu quả xã hội	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5; Làm bài tập chương 4
Chương 5. THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH HOÀN HẢO	4	1		5	10	
5.1. Khái niệm thị trường cạnh tranh hoàn hảo	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 5
5.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 5
5.3. Quyết định cung của doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo 5.3.1. Đường cung ngắn hạn 5.3.2. Đường cung dài hạn	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 5
5.4. Đường cung của ngành 5.4.1. Đường cung ngắn hạn của ngành 5.4.2. Đường cung dài hạn của ngành	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6
5.5. Cân bằng dài hạn của ngành cạnh	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
tranh hoàn hảo						chương 6
Chương 6. THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH KHÔNG HOÀN HẢO	5	1	0,5	6,5	13	
6.1. Thị trường độc quyền 6.1.1. Khái niệm thị trường độc quyền 6.1.2. Nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của nhà độc quyền 6.1.3. Các cách định giá của nhà độc quyền 6.1.4. Sức mạnh độc quyền và vấn đề phân bổ tài nguyên 6.1.5. Chính sách hạn chế độc quyền	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 6 Làm bài tập chương 6
6.2. Thị trường cạnh tranh độc quyền 6.2.1. Khái niệm 6.2.2. Cân bằng trong ngắn hạn và dài hạn 6.2.3. Cạnh tranh độc quyền và hiệu quả kinh tế	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 6
6.3. Độc quyền tập đoàn 6.3.1. Cân bằng trong thị trường độc quyền tập đoàn 6.3.2. Lý thuyết trò chơi	1		0,5	1,5	3	Đọc TLC 1, chương 6; Làm bài tập chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 7. VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	2		0	2	4	
7.1. Những thất bại của kinh tế thị trường 7.1.1. Cạnh tranh không hoàn hảo	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.1.2. Ngoại ngữ 7.1.3. Hàng hóa công cộng 7.1.4. Bất bình đẳng về kinh tế						chương 10.
7.2. Vai trò của chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 2, chương 10.
Cộng	33	09	3	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.16 Kinh tế vĩ mô

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Kinh tế vĩ mô**

Tiếng Anh: **Macroeconomics**

- Mã học phần: KTKH2302

- Số tín chỉ: 03

- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 31,5 tiết

Bài tập: 11,5 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu và phân tích được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế... phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ *Kỹ năng tư duy:* Có khả năng tư duy để góp phần dự đoán và có định hướng phát triển cho nền kinh tế vĩ mô.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

+ Yêu thích học phân, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô.

+ Nhận thức được tầm quan trọng của việc nhận xét, đánh giá nền kinh tế vĩ mô. Nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Kinh tế học vĩ mô (Macroeconomic) là một phân ngành của kinh tế học chuyên nghiên cứu về đặc điểm, cấu trúc và hành vi của cả một nền kinh tế nói chung. Kinh tế học vĩ mô và kinh tế học vi mô là hai lĩnh vực chung nhất của kinh tế học. Trong khi kinh tế học vi mô chủ yếu nghiên cứu về hành vi của các cá thể đơn lẻ như công ty và cá nhân người tiêu dùng, kinh tế học vĩ mô lại nghiên cứu các chỉ tiêu cộng hưởng như GDP, tỷ lệ thất nghiệp, và các chỉ số giá cả để hiểu cách hoạt động của cả nền kinh tế. Học phần bao gồm 7 chương, sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản; những nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng của một nền kinh tế, hay các vấn đề về lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách của nền kinh tế mở.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Công (2012), *Giáo trình Nguyên lý Kinh tế vĩ mô*, GDVN
2. Nguyễn Văn Ngọc (2013), *Bài giảng Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Nguyễn Gia Thọ, Ngô Thị Duyên (2018), *Giáo trình Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Giáo dục;
2. Nguyễn Văn Dân (2008), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Tài chính;
3. Tổng cục thống kê (2017), Công văn số 325/TCTK-TKQG V/v biên soạn số liệu GDP.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập;

Bài tập: Vận dụng kiến thức lý thuyết đã học để làm bài tập ở nhà;

Tự học: Nghiên cứu tài liệu để hiểu rõ lý thuyết sau đó làm bài tại nhà và sửa chữa trên lớp;

Làm các bài kiểm tra bộ phận và thi hết học phần.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%;

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

• Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. GIỚI THIỆU MÔN HỌC VÀ HẠCH TOÁN THU NHẬP QUỐC DÂN	6,5	2,5		9	18	
1.1. Kinh tế vĩ mô là gì ?	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1;
1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.3. Các nội dung cơ bản trong kinh tế vĩ mô	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1;
1.4. Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	2,5	1,5		4	8	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.5. Mối quan hệ giữa GDP, GNP, NNP, NI, Yd	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Làm bài tập chương 1
1.6. GDP và phúc lợi kinh tế	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2
1.7. Chỉ số giá hàng tiêu dùng	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, phần 2; Làm bài tập chương 1
Chương 2. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	4	0,5		4,5	9	
2.1. Khái niệm và đo lường tăng trưởng kinh tế	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3; Làm bài tập chương 2
2.2. Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế dài hạn	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, phần 3
2.3. Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng	1			1	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, phần 3
2.4. Tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam và trên thế giới	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3
Chương 3. TỔNG CẦU VÀ TỔNG CUNG	3			3	6	
3.1. Tổng cầu của nền kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6;
3.2. Tổng cung của nền kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6;
3.3. Sự cân bằng của sản lượng và mức giá	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6;
3.4. Biến động kinh tế	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA	4	4		8	16	
4.1. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu theo cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu	3	3		6	12	Đọc TLC 1, chương 7; Làm bài tập chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.1. Cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu	1,5			1,5	3	
4.1.2. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế giản đơn	0,5	1		1,5	3	
4.1.3. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế đóng	0,5	1		1,5	3	
4.1.4. Sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong nền kinh tế mở	0,5	1		1,5	3	
4.2. Chính sách tài khoá	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 7;
Chương 5. TIỀN TỆ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	4	3		7	14	
5.1. Khái niệm, chức năng và phân loại tiền	0,5			1	2	Đọc TLC 1, chương 8;
5.2. Hệ thống ngân hàng	0,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 8
5.3. Cung tiền	1	1,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 8; Làm bài tập chương 5
5.4. Cầu tiền	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8;
5.5. Cân bằng thị trường tiền tệ	0,5	1		1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Làm bài tập chương 5
5.6. Chính sách tiền tệ	0,5	0,5		0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8 Đọc TLC 2, phần 3
5.7. Sự tương tác giữa chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ	0,5			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
Chương 6. LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP	6	1,5		7,5	15	
6.1. Lạm phát	2,5	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 9;
6.1.1. Khái niệm và đo lường lạm phát	0,5	1		1	2	Làm bài tập chương 6
6.1.2. Phân loại lạm phát	0,5			0,5	1	
	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.1.3. Nguyên nhân gây ra lạm phát 6.1.4. Tác động của lạm phát	0,5			0,5	1	
6.2. Thất nghiệp 6.2.1. Khái niệm và đo lường thất nghiệp 6.2.2. Phân loại thất nghiệp 6.2.3. Tác động của thất nghiệp	2,5 0,5 1,5 0,5	0,5 0,5		3 1 1,5 0,5	6 2 3 1	Đọc TLC 1, chương 5; Làm bài tập chương 6
6.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp	1			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 9
Chương 7. KINH TẾ VĨ MÔ CỦA NỀN KINH TẾ MỞ	4			4	8	
7.1. Cán cân thanh toán	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
7.2. Tỷ giá hối đoái	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
7.3. Các hệ thống tỷ giá hối đoái	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 10;
7.4. Tỷ giá hối đoái và cán cân thương mại	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
7.5. Các chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 10; Đọc TLC 2, phần 3
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	31,5	11,5	02	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.17. Nguyên lý thống kê kinh tế

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Nguyên lý thống kê kinh tế**
Tiếng Anh: **Principles of Economic Statistics**
- Mã học phần: PES202

- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Kinh tế tài nguyên (KTTN)
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp, Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 33 tiết
 - Bài tập : 09 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra : 02 tiết
- Thời gian tự học : 90 tiết
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2 Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được những kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê kinh tế như: thu thập thông tin thống kê, tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê, các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng, các phương pháp phân tích thống kê và các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng.

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng hệ thống các chỉ tiêu thống kê thông dụng, phân tích, đánh giá tình hình và có kỹ năng dự báo các biến động của các hiện tượng kinh tế trong thực tế của các ngành, địa phương và của đất nước.

+ Kỹ năng làm việc nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học.

- *Về năng lực trách nhiệm :* có khả năng cải tiến và cập nhật kiến thức mới trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong công việc, có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, khả năng hoạch định, điều phối và tổ chức thực hiện; có năng lực đánh giá hiệu quả công việc và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong phạm vi lĩnh vực

3 Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần Nguyên lý thống kê kinh tế giới thiệu những vấn đề cơ bản trong quá trình thống kê như thu thập thông tin, tổng hợp và xử lý các số liệu thống kê, phân tích, đánh giá và dự báo trên cơ sở những thông tin đã được xử lý.

Nội dung kiến thức của học phần được phân bổ thành 6 chương:

Chương 1. Tổng quan về nguyên lý thống kê: giới thiệu những kiến thức chung thống kê, học phần nguyên lý thống kê, khái niệm thường dùng trong thống kê, quá trình nghiên cứu thống kê và một số phần mềm thông dụng trong nghiên cứu thống kê.

Chương 2. Thu thập dữ liệu thống kê: giới thiệu những kiến thức về thông tin thống kê, thu thập thông tin thống kê, bao gồm: khái niệm, các hình thức tổ chức, phương pháp thu thập thông tin thống kê, phương pháp chọn mẫu.

Chương 3. Tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê bằng bảng và đồ thị: giới thiệu các kiến thức về phân tổ thống kê, bảng thống kê, đồ thị thống kê.

Chương 4. Các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng: giới thiệu những kiến thức về các chỉ số so sánh, các chỉ tiêu thể hiện điển hình, các chỉ tiêu đánh giá mức độ điển hình của số bình quân và cách sử dụng phần mềm SPSS trong tính toán các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng.

Chương 5. Các phương pháp phân tích thống kê: giới thiệu các kiến thức về ước lượng khoảng tin cậy, kiểm định giả thuyết thống kê, phân tích tương quan, hồi qui và cách sử dụng phần mềm SPSS trong tính toán các chỉ tiêu phân tích thống kê.

Chương 6. Các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng: giới thiệu các phương pháp dự báo dựa trên dãy số biến động thời gian và phương pháp chỉ số.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phan Công Nghĩa, Bùi Đức Triệu (2014), *Giáo Trình thống kê Kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2017), *Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh*, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

3. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB Hồng Đức

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thị Kim Thúy (2008), *Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ*, NXB thống kê,

2. Chu Văn Tuấn, Phạm Thị Kim Vân (2008), *Lý thuyết thống kê và phân tích dự báo*, NXB Tài chính.

3. Hoàng Trọng - Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2009), *Bài tập & Bài giải Thống kê ứng dụng trong Kinh tế - xã hội*, NXB Thống kê.

4. Hà Văn Sơn (2010), *Giáo trình Lý thuyết thống kê, ứng dụng trong Quản trị và kinh tế*, NXB Thống Kê

5. Tổng cục thống kê (2008), *Từ điển thống kê*, NXB Thống kê.

5 Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp. Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận.

Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

Trong quá trình học giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao...Sinh viên cần thực hiện nghiêm túc các yêu cầu này của giảng viên.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7 Thang điểm đánh giá

Môn học được đánh giá theo thang điểm 10, phòng đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8 Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

• Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9 Nội dung chi tiết học phần và phân bổ thời gian

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ	3,0			3,0	6,0	
1.1 Thống kê là gì?	0,5			0,5	1,0	
1.1.1 Khái niệm về thống kê						Đọc TLC 2, Chương 1;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1.2 Nhiệm vụ của thống kê						TLĐT chương 1, TLĐT4, chương 1
1.2 Giới thiệu về học phần nguyên lý thống kê	0,5			0,5	1,0	
1.2.1 Khái niệm về nguyên lý thống kê 1.2.2 Đối tượng nghiên cứu của nguyên lý thống kê 1.2.3 Các phương pháp nghiên cứu của nguyên lý thống kê 1.2.4 Thống kê ứng dụng trong kinh tế - xã hội						Đọc TLC 2, Chương 1; TLĐT chương 1, TLĐT4, chương 1
1.3 Một số khái niệm thường dùng trong thống kê	1,0			1,0	2,0	
1.3.1 Dữ liệu và thông tin 1.3.2 Tổng thể thống kê, đơn vị tổng thể, mẫu, đơn vị mẫu, quan sát 1.3.3 Tiêu thức thống kê, lượng biến, tần số, tần suất 1.3.4 Đặc điểm thống kê 1.3.5 Chỉ tiêu thống kê 1.3.6 Các loại thang đo						Đọc TLC 2, Chương 1; TLĐT chương 1, TLĐT4, chương 1
1.4 Quá trình nghiên cứu thống kê	0,5			0,5	1,0	
1.4.1 Điều tra thống kê 1.4.2 Xử lý và tổng hợp thống kê 1.4.3 Phân tích và dự đoán thống kê						Đọc TLC 2, Chương 1; TLĐT chương 1, TLĐT4, chương 1
1.5 Một số phần mềm thông dụng trong nghiên cứu thống kê	0,5			0,5	1,0	Đọc TLC 3, Chương 1
CHƯƠNG 2. THU THẬP DỮ LIỆU THỐNG KÊ	5,0	1,0	1,0	7,0	14	
2.1 Khái niệm về dữ liệu thống kê	1,0			1,0	2,0	
2.1.1 Định nghĩa về dữ liệu thống kê 2.1.2 Phân loại dữ liệu thống kê						Đọc TLC 2, chương 2, TLĐT 4, chương 2,7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1.3 Xác định dữ liệu cần thu thập						
2.2 Thu thập dữ liệu thống kê	1,0	1,0		2,0	4,0	
2.2.1 Khái niệm về thu thập dữ liệu thống kê 2.2.2 Hình thức tổ chức thu thập dữ liệu thống kê 2.2.3 Các phương pháp thu thập dữ liệu thống kê 2.2.4 Sai số trong thu thập dữ liệu thống kê						Đọc TLC 2, chương 2, TLĐT 4, chương 2,7; Làm BT ở TLĐT 3 chương 2
2.3 Xây dựng kế hoạch điều tra thống kê	2,0		1,0	3,0	6,0	
2.3.1 Xác định mục đích điều tra 2.3.2 Xác định đối tượng điều tra và đơn vị điều tra 2.3.3 Nội dung điều tra 2.3.4 Xác định thời điểm và thời kỳ điều tra 2.3.5 Bảng điều tra và cách ghi bảng						Đọc TLC 2, chương 2, TLĐT 4, chương 2,7; Làm BT ở TLĐT 3 chương 2
2.4 Phương pháp chọn mẫu	1,0			1,0	2,0	
2.4.1 Khái niệm về chọn mẫu 2.4.2 Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên 2.4.3 Phương pháp chọn mẫu phi ngẫu nhiên 2.4.4 Phương pháp tổ chức điều tra chọn mẫu 2.4.5 Sai số trong điều tra chọn mẫu						Đọc TLC 2, chương 2, TLĐT 4, chương 2,7; Làm BT ở TLĐT 3 chương 2
CHƯƠNG 3. TỔNG HỢP VÀ TRÌNH BÀY DỮ LIỆU THỐNG KÊ BẰNG BẢNG VÀ ĐỒ THỊ	6	1		7	14	
3.1 Phân tổ thống kê	2			2	4	
3.1.1 Khái niệm về phân tổ thống kê 3.1.2 Tiêu thức phân tổ thống kê						Đọc TLC 2, chương 3, TLĐT 4, chương 3; Làm BT ở TLĐT 3 chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.3 Các phương pháp phân tổ thống kê						
3.2 Bảng thống kê	2	1,0		3,0	6,0	
3.2.1 Khái niệm về bảng thống kê 3.2.2 Phân loại bảng thống kê 3.2.3 Yêu cầu và qui ước xây dựng bảng thống kê 3.2.4 Tổng hợp và trình bày dữ liệu định tính 3.2.5 Tổng hợp và trình bày dữ liệu định lượng 3.2.5 Thao tác trình bày bảng thống kê trên SPSS						Đọc TLC 2, chương 3, TLĐT 4, chương 3; Làm BT ở TLĐT 3 chương 3
3.3 Đồ thị thống kê	2			2,0	4,0	
3.3.1 Khái niệm về đồ thị thống kê 3.3.2 Phân loại đồ thị thống kê 3.3.3 Yêu cầu khi xây dựng đồ thị thống kê 3.3.4 Tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê bằng đồ thị 3.3.5 Tổng hợp và trình bày dữ liệu định tính bằng đồ thị 3.3.6 Thao tác vẽ đồ thị thống kê trên SPSS						Đọc TLC 2, chương 3, TLĐT 4, chương 3; Làm BT ở TLĐT 3 chương 3
CHƯƠNG 4. CÁC CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH MỨC ĐỘ CỦA HIỆN TƯỢNG	6	2	1	9	18	
4.1 Các chỉ tiêu so sánh	1			1	2	
4.1.1 Số tuyệt đối 4.1.2 Số tương đối						Đọc TLC 2, chương 4, TLĐT 4, chương 4;
4.2 Các chỉ tiêu thể hiện điển hình	2	1		3	6	
4.2.1 Số bình quân cộng 4.2.2 Số bình quân nhân 4.2.3 Trung vị 4.2.4 Mốt						Đọc TLC 2, chương 4, TLĐT 4, chương 4; Làm BT ở TLĐT 3 chương 4
4.3 Các chỉ tiêu đánh giá mức độ điển hình của số bình quân	2	1		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3.1 Khoảng biến thiên 4.3.2 Độ lệch tuyệt đối bình quân 4.3.3 Phương sai 4.3.4 Độ lệch chuẩn 4.3.5 Hệ số biến thiên						
4.4 Thao tác tính toán một số chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng trên SPSS			1	1	2	
4.4.1 Mô tả dữ liệu Frequencies 4.4.2 Mô tả dữ liệu Descriptives						
Kiểm tra			1		2	
CHƯƠNG 5. CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH DÃY SỐ BIẾN ĐỘNG THEO THỜI GIAN	7	3		10	20	
5.1 Khái niệm dãy số thời gian	1			1	2	
5.1.1 Dãy số thời kỳ 5.1.2 Dãy số thời điểm						Đọc TLC 2, chương 13, TLĐT 4, chương 12; Làm BT ở TLĐT 3 chương 13
5.2 Các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian	4	2		6	12	
5.2.1 Mức độ trung bình theo thời gian 5.2.2 Lượng tăng, giảm tuyệt đối 5.2.3 Tốc độ phát triển 5.2.4 Tốc độ tăng, giảm 5.2.5 Giá trị tuyệt đối của 1% tăng, giảm						Đọc TLC 2, chương 13, TLĐT 4, chương 12; Làm BT ở TLĐT 3 chương 13
5.3 Dự đoán biến động của dãy số thời gian	2	1		3	6	
5.3.1 Dự đoán dựa vào lượng tăng, giảm tuyệt đối trung bình 5.3.2 Dự đoán dựa vào tốc độ phát triển trung bình 5.3.3 Dự đoán ngoại suy hàm xu thế						Đọc TLC 2, chương 13, TLĐT 4, chương 12; Làm BT ở TLĐT 3 chương 13

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 6. CÁC PHƯƠNG PHÁP CHỈ SỐ	6	2	1	9	18	
6.1 Khái niệm và phân loại chỉ số	1			1	2	
6.1.1 Khái niệm chỉ số 6.1.2 Phân loại chỉ số						Đọc TLC 2, chương 14, TLĐT 4, chương 13
6.2 Chỉ số cá thể	1,0	1,0		2,0	4,0	
6.2.1 Chỉ số cá thể giá 6.2.2 Chỉ số cá thể lượng						Đọc TLC 2, chương 14, TLĐT 4, chương 13; Làm BT ở TLĐT 3 chương 14
6.3 Chỉ số tổng hợp	2	1,0		3,0	6,0	
6.3.1 Chỉ số tổng hợp giá 6.3.2 Chỉ số tổng hợp lượng						Đọc TLC 2, chương 14, TLĐT 4, chương 12,13; Làm BT ở TLĐT 3 chương 14
6.4 Chỉ số không gian	1,0	1,0		2,0	4,0	
6.4.1 Chỉ số lượng không gian 6.4.2 Chỉ số giá không gian						Đọc TLC 2, chương 14, TLĐT 4, chương 13; Làm BT ở TLĐT 3 chương 14
Kiểm tra			1		2,0	
Tổng cộng	33	9	3	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL,KT: Thảo luận và kiểm tra; TH,TN: Thực hành và thí nghiệm; TNC: tự nghiên cứu.

4.5.18. Cơ sở khoa học môi trường

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Cơ sở khoa học môi trường**
 - Tiếng Anh: **Fundamentals of Environmental Science**
- Mã học phần: MTQM2301
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Công nghệ kỹ thuật Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
- Thảo luận: 09 tiết
- Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa môi trường

3. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: có khả năng trình bày được những kiến thức cơ bản về môi trường và khoa học môi trường: Các khái niệm cơ bản về tài nguyên và môi trường, các thành phần môi trường...; Phân tích được các vấn đề ô nhiễm môi trường nước, đất, không khí, các vấn đề nền tảng liên quan tới môi trường như dân số, năng lượng, lương thực
- Về kỹ năng: vận dụng được những kiến thức cơ sở về môi trường cần thiết để tiếp cận học các môn chuyên ngành
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Biết tích hợp kiến thức cơ sở khoa học môi trường vào thực tiễn và các học phần khối kiến thức chuyên ngành. Có thái độ, hành vi đúng đắn với môi trường sống, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm của bản thân với môi trường

4. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những kiến thức chung liên quan đến môi trường và khoa học môi trường, các thành phần cơ bản của môi trường, tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường; Các vấn đề về dân số, lương thực thực phẩm, năng lượng và phát triển bền vững

5. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Lưu Đức Hải (2007), *Cơ sở khoa học môi trường*, NXB ĐHQG Hà Nội.
2. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2008), *Khoa học môi trường*, NXB Giáo dục.
3. Nguyễn Chu Hồi (2005), *Cơ sở tài nguyên và môi trường biển*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020;
2. Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;
3. Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030
4. Luật bảo vệ môi trường 2014;
5. Nghị quyết số 63/NQ-CP, ngày 23/12/2009 của chính phủ về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia;

6. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình <input checked="" type="checkbox"/>	Động não <input type="checkbox"/>	Từng cặp /Chia sẻ <input type="checkbox"/>	Học dựa trên vấn đề <input type="checkbox"/>	Hoạt động nhóm <input checked="" type="checkbox"/>
Đóng vai <input type="checkbox"/>	Học dựa vào dự án <input type="checkbox"/>	Mô phỏng <input type="checkbox"/>	Nghiên cứu tình huống <input checked="" type="checkbox"/>	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập <input type="checkbox"/>

7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp. Trường hợp nghỉ phải được sự đồng ý theo quy định.

- Sinh viên sẽ làm việc nhóm, thảo luận và hoàn thành 01 bài báo cáo theo yêu cầu, hình thức trình bày dạng Powerpoint, báo cáo trước lớp.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

8. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

• Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Vấn đáp

Thực hành

10. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG	5		1	6	12	Đọc Chương 1, TLC 1; Điều 3, Luật BVMT
1.1. Một số khái niệm liên quan tới môi trường	1			1	2	
1.2. Phân loại môi trường	0,5			0,5	1	
1.3. Các chức năng của môi trường	1			1	2	
1.4. Quan hệ giữa môi trường và phát triển	1		1	2	2	
1.5. Ô nhiễm, suy thoái và khủng hoảng môi trường	0,5			0,5	1	
1.6. Quan hệ giữa khoa học môi trường, công nghệ môi trường và quản lý môi trường	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 2. CÁC THÀNH PHẦN CƠ BẢN CỦA MÔI TRƯỜNG	5		1	6	12	Đọc chương 2, TLC 1 và Chương 2, giáo trình 2
2.1. Thạch quyển 2.1.1. Sự hình thành và cấu trúc của Trái đất 2.1.2. Sự hình thành đá 2.1.3. Sự hình thành đất	1,5			1,5	3	
2.2. Thủy quyển 2.2.1. Cấu tạo hình thái của thủy quyển 2.2.2. Vòng tuần hoàn nước 2.2.3. Đặc điểm các nguồn nước	1,5		1	2,5	5	
2.3. Khí quyển 2.3.1. Thành phần của không khí 2.3.2. Cấu trúc khí quyển 2.3.3 Chế độ nhiệt, bức xạ và hoàn lưu khí quyển	1,5			1,5	3	
2.4. Sinh quyển	0,5			0,5	1	
Chương 3. Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG	2		5	7	14	Đọc TLC 1, chương 5; TLC2, chương 8 Tham khảo các tài liệu trên Internet
3.1. Ô nhiễm nước 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm nước 3.1.3. Giải pháp bảo vệ nguồn nước	0,5		1	1,5	3	
3.2. Ô nhiễm khí quyển 3.2.1. Khái niệm 3.2.2. Nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm khí quyển 3.2.3. Giải pháp hạn chế, giảm thiểu ô nhiễm khí quyển 3.2.4. Các tác động toàn cầu của ô nhiễm khí quyển (nguyên nhân, hậu quả, giải pháp hạn chế)	1		3	4	8	
3.4. Ô nhiễm và suy thoái	0,5		1	1,5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
đất 3.4.1. Khái niệm 3.4.2. Nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm và suy thoái đất 3.4.3. Giải pháp hạn chế ô nhiễm và suy thoái đất						
Chương 4. TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN	4		1	5	10	Đọc TLC1, chương 4
4.1.Đặc điểm chung và phân loại tài nguyên	0,5			0,5	1	Các nội dung tìm hiểu đối với mỗi loại tài nguyên: - Vai trò; - Hiện trạng tài nguyên; - Các tác động của con người đối với tài nguyên - Giải pháp khai thác, sử dụng hiệu quả và bảo vệ tài nguyên;
4.2.Tài nguyên nước	0,5			0,5	1	
4.3.Tài nguyên đất	0,5			0,5	1	
4.4.Tài nguyên khoáng sản	0,5			0,5	1	
4.5. Tài nguyên Biển	0,5			0,5	1	
4.6. Tài nguyên rừng và sinh vật	0,5			0,5	1	
4.7.Tài nguyên khí hậu và cảnh quan	1			1	2	
Kiểm tra 1 tiết (chương 1,2,3,4)			1		1	
Chương 5. CÁC VẤN ĐỀ NỀN TẢNG VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	4		1	6	12	Đọc TLC1, chương 7; TLC2, chương 10 Tham khảo tài liệu trên Internet
5.1.Vấn đề về dân số 5.1.1. Khái niệm Bùng nổ dân số 5.1.2.Mối quan hệ giữa vấn đề và môi trường	1		1	2	2	Đọc mở rộng các mục tiêu cơ bản nêu trong “Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020”.
5.2.Vấn đề về lương thực thực phẩm của loài người 5.2.1. Khái niệm an ninh lương thực? 5.2.2. Sản xuất và tiêu dùng lương thực với vấn	1			1	2	Đọc mở rộng các mục tiêu cụ thể và nhiệm vụ, giải pháp được đưa ra trong Nghị quyết số 63/NQ-CP, ngày

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
đề môi trường						23/12/2009 của chính phủ về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.
5.3. Vấn đề năng lượng 5.3.1. Các dạng năng lượng cơ bản 5.3.2. Tác động của việc sản xuất và sử dụng năng lượng đối với môi trường;	1			1	2	Đọc mở rộng mục tiêu và định hướng phát triển về năng lượng được nêu trong “Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050”.
5.4. Phát triển bền vững (PTBV) 5.4.1. Khái niệm PTBV 5.4.2. Nguyên tắc PTBV 5.4.3. Mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam	2			2	4	Đọc mở rộng các mục tiêu phát triển bền vững được nêu trong “Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.19. Nguyên lý kế toán

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Nguyên lý kế toán**
 - Tiếng Anh: **Principles of Accounting**
- Mã học phần: KTKE2501
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Hiểu và vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình.
- *Về kỹ năng*:
 - + *Kỹ năng về nhận thức*: Nắm được bản chất của kế toán, các phương pháp kế toán, các quá trình kinh doanh chủ yếu và toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể.
 - + *Kỹ năng về nghề nghiệp*: Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Vận dụng được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác thông qua giờ thảo luận và thực hành.
 - + *Kỹ năng tư duy*: Tổng hợp và đánh giá khái quát được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có thể đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. Từ các báo cáo tài chính có thể cung cấp được các thông tin khái quát về tình hình tài chính giúp cho doanh nghiệp có biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.
 - *Về năng lực trách nhiệm*: Hiểu được công việc về kế toán, từ đó có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. Biết được tầm quan trọng của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái niệm; các nguyên tắc cơ bản.
- Đối tượng nghiên cứu của kế toán.
- Hệ thống phương pháp kế toán gồm: Phương pháp chứng từ, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối.
- Các quá trình kinh doanh chủ yếu.
- Các hình thức kế toán; Tổ chức bộ máy kế toán.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính(TLC)

1. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên, (2018), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội

2. Bộ Tài chính (2015), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính
3. Phan Đức Dũng (2014), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Bộ tài chính, *Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 thay thế Quyết định 15/2006/QĐ-BTC*
2. Phan Đức Dũng (2012), *Bài tập và Bài giải Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội
3. Đoàn Xuân Tiên, Lê Văn Liên, Nguyễn Thị Hồng Vân (2014), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, NXB Tài chính

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp;
- Làm việc nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:
 Tự luận Trắc nghiệm Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN	3	1		4	8	Đọc TLC (1) Chương 1
1.1. Khái niệm và phân loại kế toán 1.1.1 Khái niệm kế toán 1.1.2 Phân loại kế toán						
1.2 Ý nghĩa, yêu cầu và đặc điểm của thông tin kế toán trong đơn vị						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2.1. Ý nghĩa và vị trí của thông tin kế toán trong đơn vị 1.2.2. Yêu cầu và đặc điểm của thông tin kế toán trong đơn vị						
1.3. Nhiệm vụ của hệ thống kế toán trong đơn vị						
1.4. Các nguyên tắc và khái niệm chung được thừa nhận 1.4.1. Các khái niệm và giả định kế toán 1.4.2. Các nguyên tắc kế toán						
1.5. Đối tượng nghiên cứu của kế toán 1.5.1. Khái quát chung về đối tượng của kế toán 1.5.2. Tài sản và nguồn vốn của đơn vị 1.5.3. Tuần hoàn vốn trong kinh doanh						
1.6. Hệ thống phương pháp kế toán 1.6.1. Phương pháp chứng từ kế toán 1.6.2. Phương pháp tính giá 1.6.3. Phương pháp đối ứng tài khoản kế toán 1.6.4. Phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán						Đọc TLC (1) Chương 1
1.6. Chu trình kế toán trong đơn vị						
CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP CHỨNG TỪ KẾ TOÁN	3	1		4	8	Đọc TLC (1) Chương 2
2.1. Khái niệm và ý nghĩa của phương pháp chứng từ kế toán						
2.2. Hệ thống bản chứng từ kế toán 2.2.1. Khái niệm chứng từ kế toán 2.2.2. Các yếu tố của chứng từ kế toán 2.2.3. Nguyên tắc và căn cứ xây dựng hệ thống bản chứng từ 2.2.4 Phân loại chứng từ kế toán 2.2.4.1. Phân loại theo nghiệp vụ kinh tế phản ánh trên chứng từ 2.2.4.2. Phân loại theo công dụng của chứng từ 2.2.4.3. Phân loại theo thời điểm lập chứng từ						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.4.4. Phân loại theo địa điểm lập chứng từ 2.2.4.5. Phân loại theo tính cấp bách của thông tin phản ánh trên chứng từ						
2.3. Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán						
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ	3	2		5	10	
3.1. Khái niệm và vai trò của phương pháp tính giá 3.1.1. Khái niệm phương pháp tính giá 3.1.2. Vai trò của phương pháp tính giá						Đọc TLC (1) Chương 3
3.2. Yêu cầu và nguyên tắc của phương pháp tính giá 3.2.1. Yêu cầu của phương pháp tính giá 3.2.2. Nguyên tắc của phương pháp tính giá 3.3. Nội dung và trình tự tính giá tài sản mua vào 3.3.1. Nội dung tính giá tài sản mua vào 3.3.2. Trình tự tính giá tài sản mua vào						
3.4. Nội dung và trình tự tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất 3.4.1. Nội dung tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất 3.4.2. Trình tự tính giá sản phẩm dịch vụ sản xuất						
3.5. Nội dung và trình tự tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất kho sử dụng cho sản xuất – kinh doanh 3.5.1. Nội dung tính giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất 3.5.2. Trình tự tính giá sản phẩm, hàng						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất kho sử dụng cho sản xuất – kinh doanh.						
CHƯƠNG 4. PHƯƠNG PHÁP ĐỐI ỨNG TÀI KHOẢN						Đọc TLC (1) Chương 4
4.1. Khái niệm phương pháp đối ứng tài khoản	4	1		5	10	
4.1.1. Khái niệm phương pháp đối ứng tài khoản						
4.1.2. Vị trí và tác dụng của phương pháp đối ứng tài khoản						
4.2. Tài khoản kế toán						
4.2.1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản về nội dung, kết cấu tài khoản						
4.2.2. Kết cấu các tài khoản kế toán cơ bản						
4.2.3. Chức năng của tài khoản kế toán						
4.3. Quan hệ đối ứng và phương pháp ghi sổ kép						
4.3.1. Các quan hệ đối ứng tài khoản						
4.3.2. Phương pháp ghi sổ kép						
4.4. Tài khoản tổng hợp và tài khoản phân tích						
4.4.1. Tài khoản tổng hợp						
4.4.2. Tài khoản phân tích						
4.5 Hệ thống tài khoản kế toán						
4.5.1. Đặc trưng cơ bản của hệ thống tài khoản kế toán						
4.5.2. Đánh số hiệu và tên gọi các tài khoản						
4.5.3. Mô hình sắp xếp tài khoản kế toán						
4.5.2. Phân loại tài khoản kế toán						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5: PHƯƠNG PHÁP TỔNG HỢP – CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3	1		4	8	Đọc TLC (1) Chương 5
5.1. Khái quát chung về phương pháp tổng hợp cân đối kế toán						
5.1.1. Khái niệm và cơ sở hình thành						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
phương pháp tổng hợp cân đối kế toán 5.1.2. Ý nghĩa, tác dụng của phương pháp tổng hợp cân đối kế toán						
5.2. Hệ thống bảng tổng hợp – cân đối kế toán 5.2.1. Bảng cân đối kế toán 5.2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 5.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 5.2.4. Thuyết minh báo cáo tài chính 5.2.5. Các Báo cáo kế toán khác						
CHƯƠNG 6: KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH KINH DOANH CHỦ YẾU	8	4		12	24	Đọc TLC (1) Chương 6
6.1. Khái quát về quá trình kinh doanh trong các đơn vị và nhiệm vụ của kế toán 6.1.1. Khái quát về quá trình kinh doanh trong các đơn vị 6.1.2. Nhiệm vụ kế toán quá trình kinh doanh						
6.2 Kế toán quá trình mua hàng 6.2.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán 6.2.2. Phương pháp kế toán quá trình mua hàng						
6.3. Kế toán quá trình sản xuất 6.3.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán 6.3.2. Phương pháp kế toán quá trình sản xuất						
6.4. Kế toán quá trình tiêu thụ 6.4.1. Ý nghĩa và nhiệm vụ kế toán 6.4.2. Phương pháp kế toán tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ 6.4.3. Kế toán xác định kết quả tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ trong các đơn vị						
CHƯƠNG 7: SỔ KẾ TOÁN VÀ CÁC HÌNH THỨC GHI SỔ KẾ TOÁN	2	1		3	6	Đọc TLC (1) Chương 7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.1. Sổ kế toán 7.1.1. Khái niệm sổ kế toán 7.1.2. Các loại sổ kế toán 7.1.3. Các quy tắc về sổ kế toán						Đọc TLC (1) Chương 8
7.2. Hình thức ghi sổ kế toán 7.2.1. Khái niệm hình thức ghi sổ kế toán 7.2.2. Các hình thức ghi sổ kế toán						
CHƯƠNG 8: TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN TRONG ĐƠN VỊ	2	1		3	6	
8.1. Ý nghĩa và nội dung của tổ chức bộ máy kế toán 8.1.1. Ý nghĩa tổ chức bộ máy kế toán trong đơn vị 8.1.2. Nội dung tổ chức bộ máy kế toán trong đơn vị						
8.2. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán trong các đơn vị 8.2.1. Các Mô hình tổ chức bộ máy kế toán trong các đơn vị 8.2.2. Nhiệm vụ kế toán các phần hành chủ yếu trong đơn vị						
CHƯƠNG 9: ỨNG DỤNG PHẦN MỀM KẾ TOÁN	2	1		3	6	
9.1 Tổng quan về phần mềm kế toán 9.1.1 Khái niệm và vai trò của phần mềm kế toán 9.1.2 Các điều kiện tiêu chuẩn của phần mềm kế toán 9.1.3 Mô hình hoạt động của phần mềm kế toán						
9.2 Lựa chọn phần mềm kế toán 9.2.1 Tiêu chuẩn lựa chọn phần mềm kế toán 9.2.2 Thực hành trên phần mềm kế toán						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30	13	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.20 Quản trị học

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Quản trị học**
Tiếng Anh: **Management**
- Mã học phần: KTQU2101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor's degree, ngành Kế toán, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Hiểu được các vấn đề căn bản về quản trị như: Các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin trong quản trị, bốn chức năng cơ bản của quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.
- *Về kỹ năng*:
 - + *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị, các chức năng của quản trị, các kỹ năng mà nhà quản trị cần phải có.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
 - + *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ được cách quản trị một tổ chức sao cho hiệu quả, biết cách ứng phó với các tình huống quản trị trong thực tế.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề

chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những vấn đề căn bản của quản trị, các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin quản trị, ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị đó là chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm tra.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn(2012), *Giáo trình Quản trị học*, NXB Lao động.
2. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Hải Hà (2015), *Giáo trình Quản lý học*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Ngô Kim Thanh, Nguyễn Thị Hoài Dung (2012), *Giáo trình kỹ năng quản trị*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Trần Anh Tài (2009), *Giáo trình quản trị học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Võ Phước Tâm, Nguyễn Thị Nhung (2008), *Giáo trình quản trị học*, NXB Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học.
 - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CĂN BẢN CỦA QUẢN TRỊ	3			3	6	
1.1. Bản chất của quản trị <i>1.1.1. Khái niệm quản trị</i> <i>1.1.2. Vai trò của quản trị</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 1
1.2. Chức năng của quản trị	0,5			0,5	1	
1.3. Quản trị là khoa học, là một nghệ thuật và là một nghề	0,5			0,5	1	
1.4. Quản trị theo mục tiêu <i>1.4.1. Khái niệm quản trị theo mục tiêu</i> <i>1.4.2. Vai trò của quản trị theo mục tiêu</i> <i>1.4.3. Quá trình quản trị theo mục tiêu</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 1
1.5. Nhà quản trị <i>1.5.1. Khái niệm nhà quản trị</i> <i>1.5.2. Vai trò của nhà quản trị</i> <i>1.5.3. Cấp bậc của quản trị</i> <i>1.5.4. Các kỹ năng và năng lực cần thiết của nhà quản trị</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, 3 chương 1
Chương 2. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CÁC LÝ THUYẾT QUẢN TRỊ	2	0,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 2 TLC 3, chương 1
2.1. Trường phái quản trị cổ điển <i>2.1.1. Trường phái quản trị kiểu thư lại</i> <i>2.1.2. Trường phái quản trị khoa học</i> <i>2.1.3. Trường phái quản trị hành chính</i>	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 2 TLC 3, chương 1
2.2. Trường phái quản trị hành vi <i>2.2.1. Tư tưởng quản trị của Mary Parker</i> <i>2.2.2. Lý thuyết về bản chất</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2 TLC 3, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>con người của Douglas Mc Gregor</i> 2.2.3. Học thuyết của Elton Mayo 2.2.4. Lý thuyết về hệ thống nhu cầu con người của Maslow						
2.3. Trường phái định lượng trong quản trị	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2 TLC 3, chương 1
2.4. <u>Học thuyết quản trị hiện đại</u> 2.4.1. Trường phái “Quá trình Quản trị” 2.4.2. Thuyết Z 2.4.3. Những khuynh hướng hiện đại về quản trị	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 2 TLC 3, chương 1
Chương 3. MÔI TRƯỜNG QUẢN TRỊ	2,5	1		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 3
3.1. Khái niệm môi trường quản trị 3.2. Phân loại môi trường quản trị	0,5			0,5	1	
3.3. Ảnh hưởng của môi trường quản trị đối với hoạt động của tổ chức 3.3.1. Ảnh hưởng của môi trường vĩ mô đến hoạt động của tổ chức 3.3.2. Ảnh hưởng của môi trường vi mô đến hoạt động của tổ chức	2	1		3	6	
Chương 4. THÔNG TIN QUẢN TRỊ	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4 TLC 2, chương 5
4.1. Khái niệm và vai trò của thông tin quản trị 4.1.1. Khái niệm thông tin quản trị 4.1.2. Vai trò của thông tin quản trị	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4 TLC 2, chương 5
4.2. Phân loại thông tin quản trị	0,5			0,5	1	
4.3. Nội dung và chất lượng của thông tin quản trị	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4 TLC 2, chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3.1. Nội dung thông tin quản trị 4.3.2. Chất lượng của thông tin quản trị						
4.4. Phương pháp thu thập, xử lý thông tin và phổ biến thông tin 4.4.1. Phương pháp thu thập 4.4.2. Phương pháp xử lý thông tin 4.4.3. Phương pháp phổ biến thông tin	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4 TLC 2, chương 5
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5
5.1. Khái niệm, vai trò của quyết định quản trị 5.1.1. Khái niệm quyết định và ra quyết định 5.1.2. Vai trò của ra quyết định	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5
5.2. Cơ sở khoa học và nguyên tắc của việc ra quyết định 5.2.1. Cơ sở khoa học của việc ra quyết định 5.2.2. Nguyên tắc của việc ra quyết định	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5
5.3. Nội dung và hình thức ra quyết định 5.3.1. Nội dung của việc ra quyết định 5.3.2. Hình thức của việc ra quyết định	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 5
5.4. Quá trình ra quyết định 5.4.1. Quá trình ra quyết định 5.4.2. Quá trình thực hiện quyết định	0,5	0,5		1	2	Đọc TLC 1, chương 5
Chương 6. HOẠCH ĐỊNH	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 6
6.1. Khái niệm, vai trò của hoạch định	0,5	0,5		1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.1.1. Khái niệm hoạch định 6.1.2. Vai trò của hoạch định						
6.2. Phân loại hoạch định 6.2.1. Hoạch định chiến lược 6.2.2. Hoạch định chiến thuật 6.2.3. Hoạch định tác nghiệp	0,5	0,5		1	2	
6.3. Quy trình hoạch định	1	1		2	4	
Chương 7. TỔ CHỨC	2	1,5		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 7
7.1. Khái niệm, vai trò của tổ chức 7.1.1. Khái niệm tổ chức 7.1.2. Vai trò tổ chức	0,5			0,5	1	
7.2. Cơ cấu tổ chức 7.2.1. Khái niệm, đặc điểm của cơ cấu tổ chức 7.2.2. Các nguyên tắc của cơ cấu tổ chức 7.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức 7.2.4. Các mô hình cơ cấu tổ chức	0,5	1		1,5	3	
7.3. Phân quyền trong quản trị 7.3.1. Quyền hạn và một số khái niệm liên quan 7.3.2. Quá trình ủy quyền	0,5			0,5	1	
7.4. Tâm hạn quản trị 7.4.1. Khái niệm tâm hạn quản trị 7.4.2. Phân loại 7.4.3. Các yếu tố quyết định tâm hạn quản trị 7.5. Hệ thống tổ chức không chính thức 7.5.1. Khái niệm hệ thống tổ chức không chính thức 7.5.2. Tâm quan trọng của việc nghiên cứu hệ thống tổ	0,5	0,5		1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>chức không chính thức</i> 7.5.3. Những vấn đề cần lưu ý của hệ thống tổ chức không chính thức						
Chương 8. LÃNH ĐẠO	2	1,5		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 8
8.1. Khái niệm và vai trò của lãnh đạo 8.1.1. Khái niệm lãnh đạo 8.1.2. Vai trò của lãnh đạo	0,5			0,5	1	
8.2. Các phong cách lãnh đạo 8.2.1. Phong cách lãnh đạo dựa trên quan điểm sử dụng quyền lực 8.2.2. Phong cách lãnh đạo dựa trên tiêu chí mức độ tham gia của người dưới quyền	1	0,5		1,5	3	
8.3. Động cơ thúc đẩy 8.3.1. Khái niệm của động cơ thúc đẩy 8.3.2. Các học thuyết và động cơ thúc đẩy 8.3.3. Hành vi cá nhân và hành vi nhóm 8.4. Các phương pháp lãnh đạo 8.4.1. Phương pháp giáo dục 8.4.2. Các phương pháp hành chính 8.4.3. Các phương pháp kinh tế 8.4.4. Các phương pháp lãnh đạo khác	0,5	1		1,5	3	
Chương 9. KIỂM TRA	1,5	1,5		3	6	Đọc TLC 1, chương 9
9.1. Khái niệm và vai trò của kiểm tra trong quản trị 9.1.1. Khái niệm kiểm tra trong quản trị 9.1.2. Vai trò của kiểm tra trong quản trị	0,5			0,5	1	
9.2. Phân loại kiểm tra 9.2.1. Căn cứ theo quá	0,25			0,25	0,5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>trình hoạt động</i> 9.2.2. Căn cứ theo tần suất 9.2.3. Căn cứ theo mối quan hệ giữa chủ thể và đối tượng						
9.3. Tiến trình kiểm tra 9.3.1. Xây dựng tiêu chuẩn 9.3.2. Đo lường và thực hiện 9.3.3. Điều chỉnh các hoạt động	0,5	1		1,5	3	
9.4. Các nguyên tắc và phương pháp kiểm tra 9.4.1 Các nguyên tắc kiểm tra 9.4.2 Các phương pháp kiểm tra	0,25	0,5		0,75	1,5	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	19	9	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.21. Tâm lý quản lý

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Tâm lý quản lý**
Tiếng Anh: **Psychology of management**
- Mã học phần: POM101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
<input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 08 tiết

- Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Người học có thể nắm được các vấn đề căn bản về tâm lý học quản lý, hiểu được các hiện tượng, quy luật, cơ chế vận hành các quy luật tâm lý của con người và xã hội; nắm bắt được các kiến thức về tâm lý trong công tác tổ chức, động cơ người lao động nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.
 - *Về kỹ năng*:
 - + *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được những vấn đề cơ bản của tâm lý quản lý, các chức năng, vai trò của tâm lý quản lý trong cuộc sống thực tế.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế hoạt động giao tiếp, quản lý, biết phân tích đánh giá, giải quyết các tình huống hoạt động quản lý.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
 - + *Kỹ năng tư duy*: Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ được các tình huống hoạt động quản lý.
- Về năng lực trách nhiệm*: sinh viên có năng lực và được trang bị các kỹ năng về giao tiếp, quản lý, biết phân tích đánh giá, giải quyết các tình huống hoạt động quản lý.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: những vấn đề chung của tâm lý học quản lý; đặc điểm tâm lý của đối tượng quản lý; tâm lý trong công tác lãnh đạo và tâm lý trong việc quản lý và sử dụng con người; và những hiện tượng tâm lý trong tập thể lao động.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đỗ Văn Phúc (2009), *Tâm lý trong quản lý doanh nghiệp*, NXB Bách Khoa.
2. Nguyễn Văn Đồng (2011), *Giáo trình Tâm lý học giao tiếp*, NXB Chính trị - Hành chính.
3. Nguyễn Bá Dương (2000), *Tâm lý học Quản lý*, NXB Chính trị Quốc gia.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

4. Trần Thị Minh Hằng (2001), *Giáo trình Tâm lý học quản lý*, NXB Giáo dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
 - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%;

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA TÂM LÝ HỌC QUẢN LÝ	4			4	8	
1.3. Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học quản lý <i>1.1.1. Khái niệm tâm lý học quản lý</i> <i>1.1.2. Đối tượng của tâm lý học quản lý</i> <i>1.1.3. Nhiệm vụ của tâm lý học quản lý</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.4. Vai trò, ý nghĩa của tâm lý học quản lý	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 1
1.3. Phương pháp nghiên	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>cứu của tâm lý học quản lý</p> <p>1.3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận trong nghiên cứu tâm lý học quản lý</p> <p>1.3.2. Các phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học quản lý</p>						
<p>1.4.Lịch sử hình thành và phát triển của tâm lý học quản lý</p> <p>1.4.1. Sự hình thành và phát triển tâm học quản lý ở nước ngoài</p> <p>1.4.2. Sự phát triển tâm lý học quản lý ở Việt Nam</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2 Đọc TLC 3, chương 1
CHƯƠNG 2. ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ HỌC CƠ BẢN CỦA ĐỐI TƯỢNG QUẢN LÝ	4	2		6	12	
<p>2.1. Bản chất của con người</p> <p>2.1.1. Nhu cầu và động cơ của con người</p> <p>2.1.2. Những đặc điểm nhân cách của con người</p>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3,4 Đọc TLC 3, chương 7
<p>2.2.Những nguyên vọng cơ bản của người lao động</p> <p>2.2.1. Ham muốn có</p>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3,4 Đọc TLC 3, chương 7

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>đời sống kinh tế ổn định, khá giả, hạnh phúc</p> <p>2.2.2. Nhu cầu công bằng xã hội</p> <p>2.2.3. Nhu cầu thích tự do</p> <p>2.2.4. Nhu cầu thích có người lãnh đạo vừa giỏi vừa tốt</p>						
CHƯƠNG 3. TÂM LÝ TRONG CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO	4	3		7	14	
<p>3.1. Đặc điểm tâm lý của nhà lãnh đạo</p> <p>3.1.1. Đặc điểm tâm lý chung của nhà lãnh đạo</p> <p>3.1.2. Những đặc điểm hoạt động của nhà lãnh đạo</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 3, chương 2,3,4
<p>3.2. Những đặc điểm tâm lý của quá trình ra quyết định quản lý</p> <p>3.2.1. Khái niệm về quyết định quản lý.</p> <p>3.2.2. Những yêu cầu về tâm lý đối với việc thông qua quyết định.</p> <p>3.2.3. Những yêu cầu tâm lý trong tổ chức thực hiện quyết định</p>	2	1,5		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 3, chương 2,3,4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>quản lý.</i> 3.2.4. Những đặc điểm tâm lý trong kiểm tra thực hiện quyết định quản lý.						
3.3. Vận dụng tâm lý học trong công tác lãnh đạo 3.3.1. Sự tác động mang tính tâm lý của người lãnh đạo đối với cấp dưới 3.3.2. Tâm lý trong đàm phán 3.3.3. Tâm lý điều khiển hội họp 3.3.4. Tâm lý phát biểu trước công chúng	1	1,5		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 3, chương 2,3,4
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. TÂM LÝ HỌC TRONG VIỆC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON NGƯỜI – CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁN BỘ	4	3		7	14	
4.1. Khái niệm về công tác tổ chức cán bộ	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5,6 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 9
4.2. Những vấn đề tâm lý trong công tác sử	1,5	2		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 5,6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
dụng cán bộ 4.2.1. Tuyển chọn cán bộ 4.2.2. Sự tương quan tâm lý con người trong tổ chức 4.2.3. Ê kíp lãnh đạo						Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 9
4.3. Những vấn đề tâm lý trong đánh giá cán bộ 4.3.1. Nội dung cần đánh giá cán bộ 4.3.2. Những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng đến đánh giá cán bộ	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 5,6 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 9
4.4. Những vấn đề tâm lý trong bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ	0,5				1	Đọc TLC 1, chương 5,6 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 9
CHƯƠNG 5. NHỮNG HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ TRONG TẬP THỂ LAO ĐỘNG	4			4	8	
5.1. Khái niệm, cấu trúc và đặc điểm của tập thể lao động 5.1.1. Khái niệm tập thể lao động 5.1.2. Cấu trúc của tập thể lao động 5.1.3. Đặc điểm tâm lý	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 3, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>của tập thể lao động</i>						
5.2. Những hiện tượng tâm lý phổ biến trong tập thể lao động 5.2.1. Sự lây lan tâm lý trong tập thể lao động. 5.2.2. Truyền thống tập thể. 5.2.3. Dư luận xã hội. 5.2.4. Bầu không khí tâm lý tập thể.	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 3, chương 6
5.3. Xung đột và cách giải quyết xung đột trong tập thể lao động 5.3.1. Khái niệm, bản chất của xung đột 5.3.2. Nguyên nhân của xung đột 5.3.3. Những biện pháp ngăn chặn xung đột tiêu cực và giải quyết các xung đột trong tập thể 5.3.4. Khuyến khích các xung đột có tính chất xây dựng	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 3, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.22. Lịch sử các học thuyết kinh tế

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Lịch sử các học thuyết kinh tế**
Tiếng Anh: **History of economic theory**
- Mã học phần: KTKH2510
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trang bị một cách có hệ thống những nội dung cơ bản của môn học Lịch sử các học thuyết kinh tế. Góp phần giúp sinh viên nhận thức về lý luận kinh tế và vận dụng vào thực tiễn phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.
- *Về kỹ năng:*
 - + *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu, phân tích được học thuyết kinh tế của các trường phái về hoàn cảnh ra đời và đặc điểm của từng học thuyết, từ đó có những nhận xét đánh giá về từng học thuyết.
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng những kiến thức đã học để liên hệ với kinh tế tại Việt Nam qua các thời kỳ.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác. Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng về các vấn đề kinh tế.
 - + *Kỹ năng tư duy:* Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu bản chất của hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng và quy luật của kinh tế thị trường

- Về năng lực tự chủ trách nhiệm: Yêu thích môn học, nâng cao tinh thần tự học, tìm hiểu các mô hình kinh tế ở VN và các nước trên thế giới qua các thời kỳ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những nội dung cơ bản của lịch sử các học thuyết kinh tế nhằm đáp ứng yêu cầu tìm hiểu về lịch sử phát triển của khoa học kinh tế cho sinh viên; giới thiệu những quan điểm tư tưởng và học thuyết kinh tế cơ bản của các nhà kinh tế tiêu biểu thuộc các trường phái qua các thời đại lịch sử như lý thuyết kinh tế của William Petty, những đóng góp về kinh tế của K.Marx, F.Engls... Lý thuyết về lợi thế so sánh, lợi thế tuyệt đối, học thuyết kinh tế của AdamSmith, lý thuyết “năng suất giới hạn” của Mỹ...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Bình Trọng (2009), *Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. TS.Hà Quý Tinh và Ths.Trần Hậu Hùng (2008), *Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Tài chính.

3. Phạm Văn Chiến, Nguyễn Ngọc Thanh (2010), *Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Mai Ngọc Cường, Trần Việt Tiên (2010), *Hướng dẫn học tập Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB Tài chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Làm thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%;

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

• Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	5	(6)	(7)
Chương 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN HỌC LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ	2			2	4	
1.1. Một số vấn đề chung <i>1.1.1. Tư tưởng kinh tế</i> <i>1.1.2. Học thuyết kinh tế</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC3, chương 1
1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu <i>1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của môn học</i> <i>1.2.2. Phương pháp nghiên cứu của môn học</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1, Đọc TLC3, chương 1
1.3. Chức năng và ý nghĩa của môn học <i>1.3.1. Chức năng</i> <i>1.3.2. Ý nghĩa môn học</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1
Chương 2. TƯ TƯỞNG KINH TẾ THỜI CỔ ĐẠI VÀ TRUNG CỔ	3			3	6	
2.1. Tư tưởng kinh tế thời cổ đại <i>2.1.1. Hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm kinh tế thời cổ đại</i> <i>2.1.2. Một số đại biểu của tư tưởng kinh tế thời cổ đại</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 2
2.2. Tư tưởng kinh tế thời trung cổ <i>2.2.1. Hoàn cảnh xuất hiện và đặc điểm kinh tế thời trung cổ</i> <i>2.2.2. Một số đại biểu của tư</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	5	(6)	(7)
<i>tưởng kinh tế thời trung cổ</i>						
Chương 3. HỌC THUYẾT KINH TẾ TƯ SẢN CỔ ĐIỂN	3		0,5	3,5	7	
3.1. Học thuyết kinh tế theo chủ nghĩa trọng thương 3.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa trọng thương 3.1.2. Những tư tưởng kinh tế chủ yếu của chủ nghĩa trọng thương 3.1.3. Biểu hiện chủ nghĩa trọng thương ở một số nước 3.1.4. Đánh giá khái quát về chủ nghĩa trọng thương	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 3
3.2. Học thuyết kinh tế theo chủ nghĩa trọng nông 3.2.1. Hoàn cảnh lịch sử xuất hiện chủ nghĩa trọng nông 3.2.2. Các lý thuyết kinh tế 3.2.3. Đánh giá khái quát học thuyết trọng nông	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 3
3.3. Kinh tế chính trị học tư sản cổ điển Anh 3.3.1. Hoàn cảnh xuất hiện trường phái kinh tế chính trị học tư sản cổ điển Anh 3.3.2. Học thuyết kinh tế của William Petty (1623 -1683) 3.3.3. Học thuyết kinh tế của Adam Smith (1723-1790) 3.3.4. Học thuyết kinh tế của David Ricardo (1772-1823)	1,5		0,5	2	4	Đọc TLC 1, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	5	(6)	(7)
Chương 4. HỌC THUYẾT KINH TẾ TIỂU TƯ SẢN	2			2	4	
4.1. Hoàn cảnh xuất hiện và đặc điểm <i>4.1.1. Hoàn cảnh xuất hiện</i> <i>4.1.2. Đặc điểm</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 4
4.2. Các tư tưởng kinh tế tiêu biểu <i>4.2.1. Các quan điểm kinh tế của Sismondi (1773 - 1842)</i> <i>4.2.2. Các quan điểm kinh tế của Proudon (1809 – 1865)</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4
Chương 5. HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHÔNG TƯỞNG Ở TÂY ÂU THẾ KỶ XIX	2			2	4	
5.1. Hoàn cảnh xuất hiện và đặc điểm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 6
5.2. Các tư tưởng kinh tế tiêu biểu <i>5.2.1. Sanint Simon (1761 – 1825)</i> <i>5.2.2. Charles Fourier (1772 – 1837)</i> <i>5.2.3. Robert Owen (1771 – 1858)</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 6
Chương 6. SỰ PHÁT SINH VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ CHÍNH TRỊ MARX – LENIN	2,5		0,5	3	6	
6.1. Điều kiện lịch sử phát sinh chủ nghĩa Marx	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 3, chương 7;
6.2. Quá trình xây dựng và phát triển kinh tế chính trị Marx	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 3, chương 7;
6.3. Những đóng góp quan trọng của K.Marx và F.Engels về học thuyết kinh tế	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 3, chương 7;
6.4. Lenin tiếp tục phát triển kinh	0,5		0,5	1	2	Đọc TLC 1, chương 6;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	5	(6)	(7)
tế chính trị học Marx						Đọc TLC 2, chương 7
Chương 7. CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA TRƯỜNG PHÁI CỔ ĐIỂN MỚI	2			2	4	
7.1. Hoàn cảnh ra đời, đặc điểm phương pháp luận	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 9
7.2. Các học thuyết kinh tế của trường phái thành viên (Áo)	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 9
7.3. Thuyết “giới hạn” ở Mỹ	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 7
7.4. Một số lý thuyết kinh tế của phái Lausanne (Thụy Sĩ) và phái Cambridge (Anh)	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 3, chương 9
Chương 8. CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA TRƯỜNG PHÁI KEYNES	2			2	4	
8.1. Hoàn cảnh ra đời, đặc điểm và phương pháp luận	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 3, chương 10
8.2. Các học thuyết kinh tế của Keynes 8.2.1. Lý thuyết chung về việc làm 8.2.2. Lý thuyết Keynes về sự can thiệp của nhà nước vào kinh tế	1,0			1,0	2	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 3, chương 10; Đọc TLC 2, chương 9
8.3. Lý thuyết kinh tế hậu keynes	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8
Chương 9. CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA CHỦ NGHĨA TỰ DO MỚI	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 9
9.1. Hoàn cảnh ra đời, đặc điểm và phương pháp luận	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 9; Đọc TLC 3, chương 11
9.2. Lý thuyết kinh tế về nền kinh	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 9;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	5	(6)	(7)
tế thị trường xã hội ở Cộng Hoà Liên Bang Đức						Đọc TLC 3, chương 11
9.3. Các lý thuyết kinh tế của trường phái trọng tiền hiện đại ở Mỹ	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 9; Đọc TLC 3, chương 11
Chương 10. KINH TẾ HỌC CỦA TRƯỜNG PHÁI CHÍNH HIỆN ĐẠI	2			2	4	
10.1. Hoàn cảnh xuất hiện, đặc điểm phương pháp luận	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
10.2. Lý thuyết về nền kinh tế hỗn hợp <i>10.2.1. Cơ chế thị trường</i> <i>10.2.2. Vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 10
Chương 11. CÁC HỌC THUYẾT TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN VÀ LÝ THUYẾT LỢI THẾ SO SÁNH	5			5	10	
11.1. Lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế đối với các nước đang phát triển <i>11.1.1. Lý thuyết cất cánh của nhà kinh tế Mỹ Rostow</i> <i>11.1.2. Lý thuyết cái vòng luẩn quẩn và “cú huých” từ bên ngoài</i> <i>11.1.3. Lý thuyết tăng trưởng kinh tế của các nước Châu Á gió mùa của HarryToshima</i> <i>11.1.4. Lý thuyết về mô hình kinh tế nhị nguyên</i>	2,5			2,5	5	Đọc TLC 1, chương 11
11.2. Kinh tế học bền vững	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 11
11.2. Lịch sử lý thuyết lợi thế so sánh	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	5	(6)	(7)
11.2.1. Tư tưởng của phái trọng thương và trọng nông về trao đổi quốc tế 11.2.2. Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối 11.2.3. Lý thuyết về lợi thế tương đối						Đọc TLC 1, chương 11
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	27		3	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.23. Kinh tế đầu tư

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Kinh tế đầu tư**
Tiếng Anh: **Investment Economics**
- Mã học phần: INE202
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 06 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển. Cụ thể, trình bày được khái niệm đầu tư phát triển, phân biệt được đầu tư phát triển với các loại đầu tư khác, phân tích được tác động của đầu tư phát triển đối với tăng trưởng và phát triển, các nguồn vốn đầu tư. Thêm vào đó, người học cần biết được trình tự các bước cũng như phương pháp để lập, thẩm định và thực hiện đấu thầu các dự án đầu tư; các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển, áp dụng làm được bài tập và lựa chọn các phương án đầu tư phù hợp.

- *Về kỹ năng*:

+ *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu và nắm bắt và phân tích được khái niệm đầu tư phát triển, vai trò của đầu tư, trình tự lập dự án một dự án đầu tư, trình tự đấu thầu và các nội dung của thẩm định dự án và biết phân tích đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng kiến thức đã học một cách linh hoạt để thực hiện đấu thầu các công trình, thẩm định các dự án hay thiết lập một dự án, đánh giá kết quả và hiệu quả của các dự án đầu tư và quản lý các dự án đầu tư

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác. Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng về các vấn đề kinh tế.

+ *Kỹ năng tư duy*: Có khả năng vận dụng kiến thức đã học để đưa ra được các giải pháp huy động nguồn vốn đầu tư ở Việt Nam hiện nay và đề xuất những dự án; thẩm định dự án, thực hiện đấu thầu và quản lý hiệu quả trong điều kiện hiện nay.

- *Về năng lực tự chủ trách nhiệm*: sinh viên có năng lực tự học và tìm hiểu tài liệu liên quan đến các vấn đề về tài chính đầu tư, dự án đầu tư. Sử dụng thành thạo các chỉ tiêu để phân tích, đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển như bản chất đầu tư phát triển, các nguồn hình thành vốn đầu tư, quản lý đầu tư. Bên cạnh đó, học phần còn làm rõ cơ sở khoa học và nội dung cơ bản của lập, thẩm định dự án đầu tư cũng như đấu thầu trong các dự án đầu tư và quản lý đầu tư. Đặc biệt, học phần cung cấp hệ thống các chỉ tiêu để phân tích, đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển.

- Môn học cung cấp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản để phân biệt đầu tư phát triển với những loại hình đầu tư khác trong thực tế, từ đây sinh viên có những cách thức đánh giá hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội của những dự án khác nhau.

- Môn học giúp sinh viên nắm được những cách thức lập dự án và thẩm định các dự án đầu tư trong thực tế.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS.Nguyễn Bạch Nguyệt, PGS.TS Từ Quang Phương (2010), *Giáo trình Kinh đầu tư*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
2. TS.Đỗ Phú Trần Tình (2009), *Giáo trình Lập và Thẩm định dự án đầu tư*, NXB Giao thông vận tải.

3. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), *Giáo trình Lập dự án đầu tư*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt (2006), *Giáo trình Lập dự án đầu tư*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. TS. Phạm Xuân Giang (2010), *Giáo trình Lập thẩm định & Quản trị dự án đầu tư*, NXB Tài Chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ ĐẦU TƯ VÀ KINH TẾ ĐẦU TƯ	3			3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1. Đầu tư và phân loại đầu tư <i>1.1.1. Khái niệm và phân loại đầu tư</i> <i>1.1.2. Vốn đầu tư</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Đầu tư phát triển <i>1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của đầu tư phát triển</i> <i>1.2.2. Phân loại đầu tư phát triển</i> <i>1.2.3. Tác động của đầu tư phát triển đối với tăng trưởng và phát triển</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2
1.3. Kinh tế đầu tư <i>1.3.1. Khái niệm về kinh tế đầu tư</i> <i>1.3.2. Đối tượng, nội dung và phương pháp luận của môn học</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 2. QUẢN LÝ ĐẦU TƯ	3			3	6	
2.1. Khái niệm, mục tiêu và nguyên tắc quản lý đầu tư <i>2.1.1. Khái niệm quản lý đầu tư</i> <i>2.1.2. Mục tiêu của quản lý đầu tư</i> <i>2.1.3. Nguyên tắc quản lý đầu tư</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4
2.2. Nội dung, phương pháp và công cụ quản lý đầu tư <i>2.2.1. Nội dung quản lý đầu tư</i> <i>2.2.2. Phương pháp quản lý hoạt động đầu tư</i> <i>2.2.3. Công cụ quản lý hoạt</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>động đầu tư</i>						
Chương 3. CHI PHÍ VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	4	4	1	9	18	
3.1. Chi phí của hoạt động đầu tư phát triển <i>3.1.1. Khái niệm khối lượng vốn đầu tư thực hiện</i> <i>3.1.2. Phương pháp tính khối lượng vốn đầu tư thực hiện</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 5; Làm bài tập chương 3
3.2. Hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển <i>3.2.1. Khái niệm, phân loại và nguyên tắc đánh giá hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển</i> <i>3.2.2. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư</i> <i>3.2.3. Hiệu quả đầu tư trong doanh nghiệp</i>	3	3		6	12	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 2, chương 5; Đọc TLC 3, chương 7 Làm bài tập chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. LẬP VÀ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ	5	2		7	14	
4.1. Dự án đầu tư <i>4.1.1. Khái niệm và yêu cầu của một dự án đầu tư</i> <i>4.1.2. Sự cần thiết phải thiết lập dự án đầu tư</i> <i>4.1.3. Chu kỳ của dự án đầu tư</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 2; Đọc TLC 3, chương 1
4.2. Lập dự án đầu tư <i>4.2.1. Khái niệm lập dự án</i>	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 2, chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>4.2.2. Nguyên tắc lập dự án</p> <p>4.2.3. Nội dung của dự án đầu tư</p> <p>4.2.4. Phân tích đánh giá về môi trường đầu tư, thị trường, kỹ thuật và tài chính của dự án</p> <p>4.2.5. Phân tích độ nhạy của dự án</p>						<p>Đọc TLC 3, chương 4</p> <p>Làm bài tập chương 4</p>
<p>4.3. Thẩm định dự án đầu tư</p> <p>4.3.1. Một số vấn đề chung về thẩm định dự án đầu tư</p> <p>4.3.2. Căn cứ tiến hành thẩm định dự án đầu tư</p> <p>4.3.3. Nội dung thẩm định dự án đầu tư</p> <p>4.3.4. Phương pháp thẩm định dự án đầu tư</p> <p>4.3.5. Tổ chức thẩm định dự án</p>	2			2	4	<p>Đọc TLC 1, chương 7</p> <p>Đọc TLC2, chương 8;</p> <p>Đọc TLC3, chương 2</p>
Chương 5. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẦU THẦU TRONG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ	3			3	6	
<p>5.1 Khái niệm, vai trò và nguyên tắc của đấu thầu</p> <p>5.1.1. Một số khái niệm</p> <p>5.1.2. Vai trò của đấu thầu</p> <p>5.1.3. Nguyên tắc của đấu thầu</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
<p>5.2. Các hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu.</p> <p>5.2.1. Các hình thức lựa chọn nhà thầu</p> <p>5.2.2. Phương thức đấu thầu</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8
5.3. Trình tự thực hiện đấu thầu	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>5.4. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu</p> <p>5.4.1. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu tư vấn</p> <p>5.4.2. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu xây lắp</p> <p>5.4.3. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu và lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa</p>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 8
Chương 6. QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG ĐẦU TƯ	4		1	5	10	
<p>6.1. Một số vấn đề chung về đầu tư quốc tế</p> <p>6.1.1. Sự cần thiết của đầu tư quốc tế</p> <p>6.1.2. Bản chất của đầu tư quốc tế</p> <p>6.1.3. Vai trò của đầu tư quốc tế</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9
<p>6.2. Các hình thức đầu tư quốc tế</p> <p>6.2.1. Đầu tư quốc tế trực tiếp</p> <p>6.2.2. Đầu tư quốc tế gián tiếp</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9
<p>6.3. Chuyển giao công nghệ trong đầu tư quốc tế</p> <p>6.3.1. Khái niệm công nghệ và chuyển giao công nghệ</p> <p>6.3.2. Vai trò của chuyển giao công nghệ trong đầu tư quốc tế</p> <p>6.3.3. Nội dung chuyển giao công nghệ</p>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.3.4. Các bước tiến hành chuyển giao công nghệ trong các dự án FDI						
6.4. Quan hệ quốc tế trong đầu tư của Việt Nam	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22	6	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.24. Quản lý nhà nước về kinh tế

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Quản lý nhà nước về kinh tế**
Tiếng Anh: **State Management of Economics**
- Mã học phần: SME203
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 03 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Nhận thức được bản chất của nhà nước, tính tất yếu khách quan và tầm quan trọng của nhà nước đối với xã hội nói chung và nền kinh tế nói riêng; Nhận biết được

những công cụ, phương pháp, mục tiêu, chức năng cũng như các quy luật cơ bản trong nền kinh tế; Nhận biết được các loại thông tin, quyết định và các hình thức kiểm tra giám sát của nhà nước đối với hoạt động Quản lý nhà nước về kinh tế; Nhận biết được mối quan hệ của hệ thống kinh tế với môi trường bên ngoài xét theo quan điểm của lý thuyết hệ thống. Thông qua việc tìm hiểu môn học, người học sẽ có những hiểu biết nhất định về các hình thức quản lý vĩ mô của nhà nước, qua đó định hướng các hoạt động trong tương lai để tạo nên sự phù hợp với cơ chế hiện hành. Hình thành nên một tư duy khoa học mới khi xem xét các sự vật, hiện tượng. Nó không tách rời, biệt lập mà luôn có sự tác động qua lại với các sự vật và hiện tượng khác.

- *Về kỹ năng:*

+ Giúp sinh viên nhận biết được sự tồn tại của các quy luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam cũng như sự tác động của chúng.

+ Trang bị cho người học những hiểu biết nhất định về môi trường kinh doanh cũng như tác động của nhà nước.

+ Giúp cho người học có thể vận dụng những kiến thức, hiểu biết vào thực tiễn xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế, bao gồm: cải tiến các công cụ, phương pháp, mục tiêu, chức năng, hệ thống thông tin, quyết định cũng như các công cụ kiểm soát nền kinh tế.

+ Vận dụng hiểu biết có thể phân loại được các loại thông tin, quyết định trong đời sống thực tiễn nói chung và quản lý nhà nước nói riêng. Phân biệt được các loại hình văn bản cũng như thẩm quyền ban hành các loại hình đó.

+ Thông qua việc tìm hiểu các quy luật tâm lý xã hội, giúp cho người học sử dụng các tác động về nhu cầu, lợi ích một cách hợp lý, đồng thời sử dụng quy luật về tính khí để bố trí con người trong tổ chức sao cho phù hợp, đúng người đúng việc.

+ Trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để biết được làm thế nào để giảm thiểu những rủi ro đối với môi trường kinh doanh.

- *Về năng lực tự chủ, trách nhiệm*

Sinh viên có thể tự lập nghiệp và có ích cho xã hội, cần phải có một thái độ đúng đắn trong học tập, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, rèn luyện đạo đức, tác phong, lối sống. Nâng cao tính thần trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao, nâng cao tính tổ chức, tính kỷ luật và tinh thần tập thể. Thái độ tôn trọng pháp luật, chấp hành và ủng hộ các chính sách của nhà nước nhằm chung sức xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của nhà nước

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản có hệ thống về quản lý Nhà nước nói chung, quản lý Nhà nước về kinh tế nói riêng, bao gồm: Nhà nước và quản lý Nhà nước, đặc điểm, đối tượng của quản lý Nhà nước về kinh tế, mục tiêu, nguyên tắc, công cụ và phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế, các chức năng cơ bản của quản lý Nhà nước về kinh tế, văn bản và quyết định trong quản lý Nhà nước về kinh tế, cơ cấu và công chức trong bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phan Huy Đường, Phan Anh (2007), *Quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

2. TS Nguyễn Văn Sáu (2013), *Giáo trình quản lý kinh tế*, NXB Chính trị – Hành chính Quốc gia.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. PGS.TS Mai Văn Bru, PGS.TS Phan Kim Chiến (1999), *Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB Khoa học và kỹ thuật Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập;

Tự học: Nghiên cứu tài liệu để hiểu rõ lý thuyết sau đó làm bài tại nhà và sửa chữa trên lớp;

Làm các bài kiểm tra bộ phận và thi hết học phần.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

• Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ	3				6	
1.1. Sự cần thiết khách quan của quản lý nhà nước về kinh tế	2				4	Đọc TLC 1, chương 1

<p>1.1.1. Nhà nước</p> <p>1.1.2. Quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p>1.1.3. Quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam hiện nay</p>						
<p>1.2. Đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu môn học</p> <p>1.2.1. Đối tượng nghiên cứu môn học</p> <p>1.2.3. Nội dung nghiên cứu môn học</p> <p>1.2.4. Phương pháp nghiên cứu môn học</p>	1				2	<p>Đọc TLC 1, chương 1</p> <p>Đọc TLC 2, chương 1</p>
Chương 2. QUY LUẬT VÀ NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ	3		0,5		7	
<p>2.1. Quy luật</p> <p>2.1.1. Định nghĩa về quy luật</p> <p>2.1.2. Tính khách quan của quy luật</p> <p>2.1.3. Đặc điểm của các quy luật kinh tế</p> <p>2.1.4. Cơ chế vận dụng các quy luật</p> <p>2.1.5. Các loại quy luật</p> <p>2.1.6. Cơ chế quản lý kinh tế</p>	1,5				3	<p>Đọc TLC 1, chương 2</p> <p>Đọc TLC 2, chương 1</p>
<p>2.2. Các nguyên tắc quản lý của nhà nước về kinh tế</p> <p>2.2.1. Định nghĩa nguyên tắc quản lý của nhà nước về kinh tế</p> <p>2.2.2. Các nguyên tắc quản lý kinh tế của nhà nước</p>	1,5		0,5		4	<p>Đọc TLC 1, chương 2</p> <p>Đọc TLC 3, chương 2</p>
Chương 3. CÔNG CỤ, PHƯƠNG PHÁP, MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ	6				12	

<p>3.1. Công cụ quản lý của nhà nước về kinh tế</p> <p><i>3.1.1. Khái niệm</i></p> <p><i>3.1.2. Pháp luật</i></p> <p><i>3.1.3. Kế hoạch</i></p> <p><i>3.1.4. Chính sách</i></p> <p><i>3.1.5. Tài sản quốc gia</i></p> <p><i>3.1.6. Vận dụng các công cụ quản lý nhà nước về kinh tế</i></p>	1,5				3	<p>Độc TLC 1, chương 3 và 4</p> <p>Độc TLC 2, chương 1</p>
<p>3.2. Phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p><i>3.2.1. Khái niệm</i></p> <p><i>3.2.2. Phương pháp hành chính</i></p> <p><i>3.2.3. Phương pháp kinh tế</i></p> <p><i>3.2.4. Phương pháp giáo dục</i></p> <p><i>3.2.5. Vận dụng các phương pháp quản lý của nhà nước về kinh tế</i></p>	1,5				3	<p>Độc TLC 1, chương 3 và 4</p> <p>Độc TLC 2, chương 1</p>
<p>3.3. Mục tiêu quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p><i>3.3.1. Tổng quan về mục tiêu quản lý nhà nước về kinh tế</i></p> <p><i>3.3.2. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế</i></p> <p><i>3.3.3. Mục tiêu ổn định kinh tế</i></p> <p><i>3.3.4. Mục tiêu công bằng kinh tế</i></p> <p><i>3.3.5. Mục tiêu phúc lợi kinh tế tổng hợp</i></p>	1,5				3	<p>Độc TLC 1, chương 3 và 4</p> <p>Độc TLC 3, chương 2</p>
<p>3.4. Các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p><i>3.4.1. Tổng quan chức năng</i></p>	1,5				3	<p>Độc TLC 1, chương 3 và 4</p> <p>Độc TLC 2, chương 1</p>

<p><i>quản lý nhà nước về kinh tế</i></p> <p>3.4.2. Các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế theo tính chất tác động</p> <p>3.4.3. Các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế theo giai đoạn tác động</p>						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. THÔNG TIN VÀ QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ	4		0,5		9	
<p>4.1. Thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p>4.1.1. Khái niệm chung về thông tin</p> <p>4.1.2. Vai trò của thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p>4.1.3. Các yêu cầu đối với thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p>4.1.4. Các loại thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p>4.1.5. Hệ thống thông tin quản lý</p>	1,5		0,5		4	<p>Đọc TLC 1, chương 5</p> <p>Đọc TLC 2, chương 1</p>
<p>4.2. Quyết định quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p>4.2.1. Khái niệm</p> <p>4.2.2. Các loại hình quyết định quản lý nhà nước</p> <p>4.2.3. Yêu cầu đối với quyết định quản lý nhà nước</p> <p>4.2.4. Căn cứ ra quyết định</p> <p>4.2.5. Quá trình quyết định</p>	1,5				3	<p>Đọc TLC 1, chương 5</p> <p>Đọc TLC 2, chương 1</p>

4.2.6. Các phương pháp và kỹ thuật quyết định					
4.3. Văn bản quản lý nhà nước 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Các chức năng của văn bản 4.3.3. Vai trò của văn bản trong hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước 4.3.4. Các loại hình văn bản quản lý nhà nước	1			2	Đọc TLC 2, chương 1
Chương 5. BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ	5		1	12	
5.1. Khái niệm và hình thức tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế 5.1.1. Bộ máy nhà nước và cơ quan nhà nước 5.1.2. Hình thức tổ chức bộ máy nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 5.1.3. Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế	2		0,5	5	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 6
5.2. Xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế 5.2.1. Các nguyên tắc tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế 5.2.2. Mô hình cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế 5.2.3. Quá trình xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý	2		0,5	5	Đọc TLC 1, chương 6
5.3. Cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế 5.3.1. Cơ cấu bộ máy quản lý	1			2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 6

<i>nhà nước về kinh tế ở trung ương</i> <i>5.3.2. Cơ cấu quản lý kinh tế ở địa phương</i>						
Chương 6. CÁN BỘ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ	4		1		10	
6.1. Tổng quát về cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế <i>6.1.1. Khái niệm cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế</i> <i>6.1.2. Phân loại cán bộ quản lý kinh tế</i> <i>6.1.3. Vai trò của cán bộ quản lý kinh tế</i>	1				2	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6
6.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế <i>6.2.1. Kế hoạch hóa đội ngũ cán bộ quản lý</i> <i>6.2.2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế</i> <i>6.2.3. Tuyển dụng, lựa chọn và bổ nhiệm cán bộ quản lý</i> <i>6.2.4. Đánh giá cán bộ quản lý</i> <i>6.2.5. Sử dụng cán bộ quản lý</i>	2				4	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6
6.3. Thực trạng và phương hướng đổi mới công tác cán bộ quản lý kinh tế <i>6.3.1. Thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế ở Việt Nam</i> <i>6.3.2. Phương hướng đổi mới công tác của cán bộ quản lý kinh tế</i>	1		1		4	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	25	0	05	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.25. Tài chính công

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Tài chính công**
Tiếng Anh: **Public Finance**
- Mã học phần: PLF203
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bậc đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tài chính – Tiền tệ
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 26 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 2 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được các kiến thức cơ bản về tài chính công bao gồm các vấn đề về các bộ phận cấu thành tài chính công, cách thức tổ chức tài chính công, các vấn đề liên quan tới ngân sách nhà nước (bao gồm thu, chi và cân đối ngân sách nhà nước), các quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước, từ các kiến thức đó người học có thể vận dụng trong quản lý tài chính công sao cho phù hợp với nền kinh tế Việt Nam.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu, đánh giá và phân tích được các bộ phận cấu thành của tài chính công; các bộ phận cấu thành Ngân sách nhà nước (bao gồm thu, chi Ngân sách nhà nước và cân đối Ngân sách nhà nước); phân loại được các loại nợ công; hiểu được sự vận hành, hoạt động của các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá được tình hình tài chính công của nền kinh tế, từ đó góp phần dự đoán và đưa ra những phương pháp

tính toán mới trong lập kế hoạch tài chính công thông qua việc phân tích và tiến hành các quá trình của việc lập dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước; phân tích cơ sở các khoản thu ngân sách nhà nước bao gồm thuế, phí và lệ phí; tính toán và dự trù cho việc lập dự toán về các khoản chi ngân sách nhà nước; phân loại, đánh giá và đưa ra các cảnh báo về các loại nợ công.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Từ những phân tích, đánh giá về tình hình tài chính công người học có khả năng phân tích, đánh giá đưa ra các cơ sở để lập dự toán ngân sách nhà nước, thực hiện bồi dưỡng các khoản thu ngân sách và phân bổ hợp lý nguồn chi ngân sách..để đạt được mục tiêu cân đối ngân sách nhà nước và các mục tiêu đã đề ra.

- *Về năng lực tự chủ trách nhiệm*: Có ý thức ham học hỏi, tìm hiểu các thông tin về tài chính, chính sách tài chính. Có trách nhiệm và năng lực phân tích, đánh giá về tình hình tài chính công ở mức độ cơ bản khi cần thiết trong công việc được giao.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Các vấn đề cơ bản về tài chính công như hoạt động và cách thức tổ chức, các bộ phận cấu thành của khu vực tài chính công, ngân sách nhà nước, nguyên tắc Ngân sách nhà nước, các vấn đề về hệ thống và chu trình ngân sách nhà nước. Đồng thời đi sâu vào các vấn đề chính bao gồm thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách nhà nước, cân đối ngân sách nhà nước và các vấn đề về các quỹ ngoài ngân sách nhà nước.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bùi Tiến Hanh, Phạm Thị Hoàng Phương (2016), *Giáo trình Quản lý tài chính công*, NXB Tài chính.
2. Hoàng Thị Thuý Nguyệt, Đào Thị Bích Hạnh (2016), *Giáo trình Lý thuyết Quản lý tài chính công*, NXB Tài chính.
3. Phan Huy Đường (2014), *Giáo trình quản lý công*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Ngọc Dũng, Đinh Xuân Hạng (2014), *Giáo trình Tài chính – tiền tệ*, NXB Tài chính.
2. Phan Huy Đường (2015), *Quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Tiến (2015), *Giáo trình Tài chính – tiền tệ*, NXB Thống kê.
4. Đỗ Hoàng Toàn, Mai Văn Bru (2005), *Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB Lao động.
5. Luật Ngân sách Nhà nước 2015, *Luật số 83/2015/QH13* ban hành ngày 25/06/2015.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp;

Chuẩn bị bài trước khi đến lớp

Thảo luận, rèn kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH CÔNG	3			3	8	
1.1. Khái quát về Nhà nước <i>1.1.1. Sự hình thành và bản chất của Nhà nước</i> <i>1.1.2. Chức năng của Nhà nước</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLĐT 1, chương 6
1.2. Tài chính công	2			2	4	Đọc TLC 1, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.2.1. Khái niệm khu vực công và tài chính công</p> <p>1.2.2. Đặc điểm của tài chính công</p> <p>1.2.3. Chức năng của tài chính công</p> <p>1.2.4. Các bộ phận cấu thành tài chính công</p> <p>1.2.5. Vai trò của tài chính công</p>						1; Đọc TLC 2, chương 1; Đọc TLĐT 1, chương 6
Chương 2. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	4		2	6	12	
2.1. Khái niệm và đặc điểm Ngân sách Nhà nước	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 1, chương 6 Đọc TLĐT 6
2.2. Nguyên tắc Ngân sách Nhà nước	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 6
2.3. Hệ thống Ngân sách Nhà nước 2.3.1. Tổ chức hệ thống Ngân sách Nhà nước 2.3.2. Mối quan hệ giữa các cấp Ngân sách Nhà nước	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 6
2.4. Chu trình Ngân sách Nhà nước 2.4.1. Lập dự toán Ngân sách Nhà nước 2.4.2. Chấp hành Ngân sách Nhà nước 2.4.3 Quyết toán Ngân sách nhà nước	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Thảo luận			1	1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	6			6	12	
3.1. Thu thuế <i>3.1.1 Khái niệm và đặc điểm của thuế</i> <i>3.1.2 Phân loại thuế</i> <i>3.1.3 Vai trò của thuế trong nền kinh tế thị trường</i> <i>3.1.4 Các yếu tố cấu thành một sắc thuế</i> <i>3.1.5 Hệ thống các sắc thuế hiện hành ở Việt Nam</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 6; Đọc TLĐT 6
3.2. Thu phí và lệ phí <i>3.2.1 Khái niệm và đặc điểm phí và lệ phí</i> <i>3.2.2 Phân loại phí và lệ phí</i> <i>3.2.3 Vai trò của phí và lệ phí</i> <i>3.2.4 Các loại phí và lệ phí hiện hành ở Việt Nam</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 6; Đọc TLĐT 6
3.3 Các khoản thu khác của Ngân sách Nhà nước	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 6; Đọc TLĐT 6
3.4 Quản lý thu Ngân sách Nhà nước <i>3.4.1 Quản lý thu thuế</i> <i>3.4.2 Quản lý thu phí và lệ phí</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 6; Đọc TLĐT 6
Chương 4. CHI NGÂN SÁCH	5		1	6	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
NHÀ NƯỚC						
4.1. Chi thường xuyên của Ngân sách Nhà nước <i>4.1.1 Khái niệm chi thường xuyên</i> <i>4.1.2 Đặc điểm chi thường xuyên</i> <i>4.1.3 Nội dung chi thường xuyên</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 6; Đọc TLĐT 6
4.2. Chi đầu tư phát triển của Ngân sách Nhà nước <i>4.2.1 Khái niệm chi đầu tư phát triển</i> <i>4.2.2 Đặc điểm chi đầu tư phát triển</i> <i>4.2.3 Nội dung chi đầu tư phát triển</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 6; Đọc TLĐT 6
4.3 Quản lý chi Ngân sách Nhà nước <i>4.3.1 Quản lý chi thường xuyên của Ngân sách Nhà nước</i> <i>4.3.2 Quản lý chi đầu tư phát triển của Ngân sách Nhà nước</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 6; Đọc TLĐT 6
Thảo luận			1	1	2	
Chương 5. CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	4		1	5	10	
5.1. Khái niệm cân đối Ngân sách Nhà nước	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 6; Đọc TLĐT 6
5.2. Bội chi Ngân sách Nhà nước <i>5.2.1 Khái niệm và cách tính bội chi Ngân sách Nhà nước</i> <i>5.2.2 Nguyên nhân bội chi Ngân sách Nhà nước</i> <i>5.2.3 Biện pháp cơ bản để bù</i>						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>đáp bội chi Ngân sách Nhà nước</i>						
5.3 Nợ công 5.3.1 Khái niệm và đặc điểm nợ công 5.3.2 Phân loại nợ công 5.3.3 Đánh giá nợ công	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 6; Đọc TLĐT 6
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 6. QUỸ TÀI CHÍNH CÔNG NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	4			4	8	
6.1. Khái niệm và đặc điểm các quỹ tài chính công ngoài Ngân sách Nhà nước	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLĐT 1, chương 6;
6.2. Phân loại các quỹ tài chính công ngoài Ngân sách Nhà nước	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLĐT 1, chương 6;
6.3. Hoạt động của một số quỹ tài chính công ngoài Ngân sách Nhà nước 6.3.1 Quỹ bảo hiểm xã hội 6.3.2 Quỹ bảo vệ Môi trường Việt Nam 6.3.3 Các quỹ khác	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLĐT 1, chương 6;
Cộng	26		4	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.26. Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám**
 - Tiếng Anh: **Geographical Information System (GIS) and Remote Sensing**
- Mã học phần: TBAB2451

- Số tín chỉ: 02 TC
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Natural Resources Management
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp, Vật lý, tin học đại cương
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 12 tiết
 - Bài tập: 05 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 11 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Bản đồ, viễn thám và GIS, Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản về viễn thám;
- Trình bày được các nguyên lý cơ bản của kỹ thuật viễn thám;
- Liệt kê được các công đoạn trong quy trình giải đoán và xử lý ảnh viễn thám;
- Trình bày được các thuật toán phân loại dùng trong viễn thám;
- Khái niệm, chức năng, nhiệm vụ và các thành phần cơ bản của GIS;
- Phân biệt được các loại cơ sở dữ liệu của GIS;

- Về kỹ năng:

- Vận dụng các chỉ số thống kê, hiển thị và tăng cường chất lượng ảnh, đăng ký tọa độ ảnh và thực hiện các phép biến đổi ảnh đơn giản;
- Chọn được vùng mẫu, chọn thuật toán thích hợp để tiến hành phân loại; đánh giá và ứng dụng kết quả vào một vấn đề cụ thể;
- Xây dựng được cơ sở dữ liệu trong GIS.
- Vận dụng phương pháp cập nhật thông tin cần thiết từ ảnh viễn thám kết hợp với phần mềm của GIS để tạo ra một sản phẩm cụ thể.

- Về năng lực tự chủ, trách nhiệm

Có năng lực đọc và phân tích cơ bản các thông tin trên bản đồ GIS. Biết cách lập, thao tác các bước để tiến hành xây dựng, thu lập cơ sở dữ liệu trong GIS với một tình huống thực tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về viễn thám, bộ cảm biến và các vệ tinh viễn thám;
- Giới thiệu về ảnh vệ tinh quang học, các phương pháp xử lý ảnh vệ tinh quang học; thuật toán phân loại ảnh vệ tinh quang học;
- Giới thiệu khái quát về GIS, khái niệm cơ bản về GIS, các thành phần của GIS, lịch sử phát triển GIS Trình bày những nguyên lý cơ bản về các kiểu cấu trúc dữ liệu thường gặp trong các địa lý hiện hành Nhập và xây dựng cơ sở dữ liệu là một công đoạn quan trọng trong ứng dụng GIS Trên cơ sở dữ liệu được xây dựng, hầu hết các ứng dụng phải tiến hành phân tích và xử lý dữ liệu để cho ra kết quả cụ thể theo mục đích ứng dụng

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Vũ Danh Tuyên và nnk (2013), *Cơ sở viễn thám*, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Dương Đăng Khôi (2012), *Hệ thống thông tin địa lý*, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

3. Lâm Quang Dốc, (2003), *Bản đồ chuyên đề*, 2003, Đại học Sư phạm

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1 Nguyễn Ngọc Thạch, Dương Văn Khảm (2012), *Địa thông tin ứng dụng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

2 Nguyễn Khắc Thời (2012), *Viễn Thám*, NXB Trường Đại học nông nghiệp Hà Nội.

3 Trần Thị Băng Tâm (2006), *Hệ thống thông tin địa lý*, Đại học Nông nghiệp Hà Nội

4 Lê Ngọc Uyển, Đoàn Thị Mỹ Hạnh, *Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi trường*

5 ArcGIS Desktop Địa chỉ www.esri.com

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input checked="" type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp;
- Phối hợp khi làm việc nhóm;
- Chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài thu hoạch môn học;
- Chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và các thông tin tự tìm kiếm liên quan đến nội dung của môn học.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Vấn đáp

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1: KỸ THUẬT VIỄN THÁM	5	2	3	10	20	
1.1. Khái niệm và nguyên lý cơ bản của viễn thám 1.1.1. Khái niệm về viễn thám 1.1.2. Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển 1.1.3. Phân loại viễn thám 1.1.4. Nguyên lý cơ bản của viễn thám 1.1.5. Các ứng dụng của viễn thám	1			1	2	Đọc TLC (1) Chương 1
1.2. Bộ cảm biến và vệ tinh viễn thám 1.2.1. Khái niệm, phân loại bộ cảm biến 1.2.2. Vật mang và quỹ đạo bay 1.2.3. Các vệ tinh giám sát tài nguyên	1			1	2	
1.3. Cơ sở vật lý của viễn thám 1.3.1. Tính chất của bức xạ điện từ 1.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên 1.3.3. Phổ phản xạ của một số đối tượng tự nhiên chính	1			1	2	Đọc TLC (1) Chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.4. Tư liệu ảnh sử dụng trong viễn thám	0,5			0,5	1	
1.5. Độ phân giải của ảnh vệ tinh 1.5.1. Độ phân giải không gian 1.5.2. Độ phân giải bức xạ 1.5.3. Độ phân giải phổ 1.5.4. Độ phân giải thời gian	0,5			0,5	1	Đọc TLC (1) Chương 4
1.6. Phân tích ảnh 1.6.1. Phân tích bằng mắt 1.6.2. Phân tích ảnh bằng xử lý ảnh số	1	2	2	5	10	Đọc TLC (1) Chương 4
Chương 2: HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ (GIS)	5	3	2	10	20	
2.1 Khái niệm và chức năng của GIS 2.1.1. Khái niệm GIS 2.1.2. Chức năng GIS 2.1.3. Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển 2.1.4. Một số ứng dụng cơ bản của GIS	1			1	2	Đọc TLC (2) Chương 1
2.2. Các thành phần cơ bản của GIS 2.2.1. Phần cứng 2.2.2. Phần mềm 2.2.3. Cơ sở dữ liệu 2.2.4. Chuyên gia 2.2.5. Phương pháp	1			1	2	Đọc TLC (2) Chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3. Mô hình cấu trúc cơ sở dữ liệu của GIS 2.3.1. Khái niệm chung về cơ sở dữ liệu 2.3.2. Mô hình cấu trúc cơ sở dữ liệu của GIS 2.3.3. Mô hình cấu trúc cơ sở dữ liệu thuộc tính 2.3.4. Mô hình DEM	1		1	2	4	Đọc TLC (2) Chương 3
2.4. Nhập dữ liệu và biên tập dữ liệu 2.4.1. Nhập dữ liệu 2.4.2. Kết nối dữ liệu không gian và thuộc tính 2.4.3. Hiển thị và xuất dữ liệu	1	1		2	4	Đọc TLC (2) Chương 4
2.5. Phân tích dữ liệu trong GIS 2.5.1. Tổng quan về phân tích dữ liệu GIS 2.5.2. Các phép phân tích dữ liệu cơ bản	1	1	2	4	8	Đọc TLC (2) Chương 4
Chương 3: VIỄN THÁM VÀ GIS	3	6	1	10	20	
3.1. Ứng dụng GIS trong thành lập một số bản đồ kinh tế	1	2		3	6	Đọc TLC (3)
3.2. Ứng dụng viễn thám và GIS đánh giá ảnh hưởng của phát triển kinh tế đến chất lượng môi trường	1			3	6	
3.3. Ứng dụng trong phân tích chi phí, lợi ích ứng phó với biến đổi khí hậu	1	2		3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	12	11	6	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.27. Cơ sở lý thuyết trong kinh tế tài nguyên và môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Cơ sở lý thuyết trong kinh tế tài nguyên và môi trường**
Tiếng Anh: Basic theory for economic resources and environment
- Mã học phần: KTTM2530
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
 - Bài tập: 11 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Hiểu và vận dụng được những kiến thức về lý thuyết thặng dư, lý thuyết về ngoại ứng, lựa chọn trong điều kiện rủi ro; thị trường yếu tố sản xuất; can thiệp của chính phủ thông qua các công cụ kinh tế nhằm khắc phục những thất bại của thị trường trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên và môi trường.
- Về kỹ năng:

- + Kỹ năng nhận thức: Trình bày và hiểu được những vấn đề cơ bản về lý thuyết trong kinh tế tài nguyên và môi trường; có khả năng áp dụng công cụ phân tích kinh tế cho các học phần sau.
- + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp.
- + Kỹ năng tư duy: có thể lý giải các hiện tượng kinh tế trong lĩnh vực tài nguyên môi trường.
- *Về năng lực trách nhiệm*: sinh viên có năng lực am hiểu và yêu thích khám phá các kiến thức về kinh tế tài nguyên biển bao gồm lý thuyết về kinh tế học và các vấn đề về tài nguyên và môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Học phần cung cấp cho sinh viên lý thuyết về thặng dư, lý thuyết về ngoại ứng, lựa chọn trong điều kiện rủi ro; thị trường yếu tố sản xuất; can thiệp của chính phủ thông qua các công cụ kinh tế trong kinh tế tài nguyên và môi trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS Phạm Văn Minh (2011), *Giáo trình Kinh tế vi mô 2*, NXB lao động - xã hội.
2. TS. Vũ Cương, PGS.TS Phạm Văn Vận, (2013), *Giáo trình Kinh tế công cộng*, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
3. PGS.TS Cao Thúy Xiêm (2008), *Kinh tế vi mô phần 2*, NXB Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Kim Dũng (2012), *Giáo trình Kinh tế học vi mô*, NXB Lao động – Xã hội.
2. Nguyễn Văn Dân (2009), *Cấu trúc thị trường lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*, NXB Tài Chính.

3. Roberts S. Pindyck, Daniel L. Rubinfeld (1999), *Kinh tế học vi mô*, NXB Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input checked="" type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%;

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

• Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. LÝ THUYẾT THẶNG DƯ	5	2		7	14	
1.1 Thặng dư của người tiêu dùng	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 1, chương 2;
1.2 Thặng dư của người sản xuất	1,5	0,5		2	4	Đọc TLC 1, chương 2;
1.3 Tổng thặng dư và hiệu quả thị trường	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2;
1.4 Phân tích thặng dư khi tham gia vào nền thương mại thế giới	1					Đọc TLC 1, chương 2;
Chương 2. LÝ THUYẾT NGOẠI ỨNG	6	3		9	18	
2.1 Khái niệm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 2
2.2. Phân loại ngoại ứng	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						2.
2.3. Tác động của ngoại ứng tích cực	2,5	1,5		4	8	Đọc TLC 2, chương 2.
2.4 Tác động của ngoại ứng tiêu cực	2,5	1,5		4	8	Đọc TLC 2, chương 2.
Chương 3. LỰA CHỌN TRONG ĐIỀU KIỆN RỦI RO	5			5	10	
3.1. Xác suất, giá trị kỳ vọng, phương sai	1			1	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 3; Làm bài tập chương 3.
3.2. Ra quyết định 3.2.1. Giá trị kỳ vọng và ích lợi kỳ vọng 3.2.2. Tương đương chắc chắn 3.2.3. Cây ra quyết định	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 3; Làm bài tập chương 3.
3.3. Giảm thiểu rủi ro 3.3.1. Đa dạng hóa 3.3.2. Bảo hiểm 3.3.3. Rủi ro đạo đức và sự lựa chọn ngược 3.3.4. Giá trị của thông tin	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 3;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Đọc TLĐT 3, chương 5.
3.4. Câu về tài sản có rủi ro 3.4.1. Tài sản 3.4.2. Lợi tức từ tài sản 3.4.3. Lựa chọn của nhà đầu tư	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. THỊ TRƯỜNG CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT	7			7	14	
4.1. Thị trường lao động 4.1.1. Xác định lượng lao động dựa vào cung cầu trên thị trường cạnh tranh 4.1.2. Xác định lượng lao động trên thị trường yếu tố có sức mạnh độc quyền mua và bán	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 8;
4.2. Thị trường vốn 4.2.1. Một số khái niệm 4.2.2. Cầu về dịch vụ vốn 4.2.3. Cung về dịch vụ vốn 4.2.4. Cân bằng cung và cầu về dịch vụ vốn của hãng 4.2.5. Xác định lãi suất trên thị trường vốn	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 8;
4.3. Thị trường đất đai	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 8;
Chương 5. CAN THIỆP CỦA CHÍNH PHỦ BẰNG CÔNG CỤ KINH TẾ TRONG KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	9	6		15	30	
5.1 Thuế 5.1.1 Nguyên tắc xác định mức thuế tối ưu 5.1.2 Cơ chế hoạt động 5.1.3 Tác động của thuế đối với thị	3	2		5	2	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLĐT 3, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>trường</i> 5.1.4 Hệ số co giãn và ảnh hưởng của thuế						9;
5.2 Trợ cấp 5.2.1 Nguyên tắc xác định mức trợ cấp 5.2.2 Cơ chế hoạt động 5.2.3 Tác động của trợ cấp đối với thị trường	2	2		4	2	Đọc TLC 2, chương 5.
5.3. Kiểm soát giá 5.3.2 Giá trần 5.3.2 Giá sàn	2	1		4	4	Đọc TLC 1, chương 2. Đọc TLĐT 3, chương 9;
5.4 Hạn ngạch và giấy phép 5.4.1 Hạn ngạch 5.4.2 Giấy phép	2	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 2. Đọc TLĐT 3, chương 9;
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	32	11	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.28. Kinh tế công cộng

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Kinh tế công cộng**
Tiếng Anh: **Public Economics**
- Mã học phần: PLE202
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô II
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

45	tiết
▪ Nghe giảng lý thuyết:	34 tiết
▪ Bài tập:	08 tiết
▪ Thảo luận, hoạt động nhóm:	01 tiết
▪ Kiểm tra:	02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên môi trường, Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- **Về kiến thức:** Hiểu được cơ sở kinh tế và các hoạt động của khu vực công trong nền kinh tế; Phân tích và đánh giá được các chức năng, hệ quả các hoạt động và các chính sách của chính phủ áp dụng trong vào nền kinh tế thị trường.
- **Về kỹ năng:** Sau khi kết thúc môn học người học có thể:
 - + Có khả năng vận dụng được các kiến thức cơ bản của kinh tế để có thể mô tả, phân tích, đánh giá các hoạt động kinh tế công cộng như: lý giải nguồn gốc thất bại thị trường, phân tích tác động các chính sách của nhà nước...
 - + Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tiễn quản lý công, phân tích, đánh giá và rèn luyện tư duy khoa học về kinh tế công cộng.
- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong kinh tế công cộng.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về kinh tế công cộng.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Kinh tế công cộng tập trung nghiên cứu về vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường, cách thức can thiệp và phương pháp đánh giá các tác động của các công cụ chính sách mà chính phủ sử dụng để điều tiết nền kinh tế. Môn học cung cấp một số các khái niệm cơ bản như chính phủ, khu vực công cộng, thất bại thị trường.... Môn học tập trung nghiên cứu về các vai trò của chính phủ đối với các thất bại của thị trường, cách thức chính phủ khắc phục các thất bại đó và đánh giá về hoạt động của chính phủ trong việc khắc phục các thất bại thị trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. TS. Vũ Cương, PGS.TS Phạm Văn Vận, (2013), *Giáo trình Kinh tế công cộng*, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. PGS. TS Nguyễn Văn Dân, TS Đỗ Thị Thục, (2013), *Giáo trình Kinh tế công cộng*, Học viện tài chính, Nhà xuất bản tài chính.

3. PGS. TS Vũ Kim Dũng, PGS. TS Nguyễn Văn Công, (2012), *Giáo trình Kinh tế học (Tập II)*, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. PGS.TS Phạm Văn Vận, ThS. Vũ Cương, *Giáo trình Kinh tế công cộng* (2006), Trường Đại học Kinh tế quốc dân, NXB Thống kê.

2. Stiglitz, J., (1995), *Kinh tế công cộng*, Đại học Kinh tế quốc dân, NXB Khoa học kỹ thuật.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với học phần: Yêu cầu và cách thức đánh giá được đánh giá thông qua các tiêu chí như:

- Sự hiện diện trên lớp: Không được nghỉ quá 30% số tiết học trên lớp
- Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận.
- Trong quá trình học, giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA MÔN HỌC	6			6	10	
1.1. Chính phủ trong nền kinh tế thị trường <i>1.1.1. Khái niệm chính phủ</i> <i>1.1.2. Khu vực công cộng</i> <i>1.1.3. Quá trình nhận thức về vai trò của Chính phủ</i> <i>1.1.4. Chính phủ trong vòng tuần hoàn kinh tế</i>	2			2	2	Đọc TLC 1,2 chương 1;
1.2. Cơ sở khách quan cho sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế <i>1.2.1. Các tiêu chuẩn về hiệu quả sử dụng nguồn lực</i> <i>1.2.2. Định lý cơ bản của kinh tế học phúc lợi</i> <i>1.2.3. Thất bại thị trường</i> <i>1.2.4. Những cơ sở khác cho sự can thiệp của Chính phủ vào nền kinh tế</i>	2			2	5	Đọc TLC 1,2 chương 1
1.3. Chức năng, nguyên tắc và những hạn chế trong sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế thị trường <i>1.3.1. Chức năng của Chính phủ</i> <i>1.3.2. Nguyên tắc can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế thị trường</i> <i>1.3.3. Những hạn chế của Chính phủ khi can thiệp</i>	1,5			1,5	2	Đọc TLC 1,2,3 chương 1
1.4. Đối tượng, nội dung và phương pháp luận nghiên cứu môn học <i>1.4.1. Đối tượng nghiên cứu môn học</i> <i>1.4.2. Nội dung nghiên cứu môn học</i> <i>1.4.3. Phương pháp nghiên cứu</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1,2 chương 1
Chương 2. CHÍNH PHỦ VỚI VAI TRÒ PHÂN BỐ	11	4		15	30	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
NGUỒN LỰC NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ						
2.1. Độc quyền <i>2.1.1. Độc quyền thường</i> <i>2.1.2. Độc quyền tự nhiên</i>	2	1		3	10	Đọc TLC 1,2 chương 2
2.2. Ngoại ứng <i>2.2.1. Khái niệm và đặc điểm</i> <i>2.2.2. Ngoại ứng tiêu cực</i> <i>2.2.3. Ngoại ứng tích cực</i>	2	1		3	8	Đọc TLC 1,2 chương 2
2.3. Hàng hóa công cộng <i>2.3.1. Khái niệm và thuộc tính cơ bản của HHCC</i> <i>2.3.2. Cung cấp HHCC</i> <i>2.3.3. Cung cấp công cộng HHCN</i>	6	2		8	10	Đọc TLC 1,2 chương 2
2.4. Thông tin không đối xứng <i>2.4.1. Tính phi hiệu quả của thị trường do thông tin không đối xứng</i> <i>2.4.2. Nguyên nhân gây ra hiện tượng thông tin không đối xứng</i> <i>2.4.3. Mức độ nghiêm trọng của thất bại về thông tin không đối xứng</i> <i>2.4.4. Các giải pháp khắc phục thông tin không đối xứng</i>	1			1	2	Đọc TLC 1,2 chương 2
Kiểm tra			1	1		
Chương 3. CHÍNH PHỦ VỚI VAI TRÒ PHÂN PHỐI LẠI THU NHẬP	9	2	1	12	20	
3.1. Công bằng và các thước đo bất bình đẳng trong phân phối thu nhập <i>3.1.1. Khái niệm công bằng</i> <i>3.1.2. Thước đo mức độ bình đẳng trong phân phối thu nhập</i> <i>3.1.3. Nguyên nhân bất bình đẳng trong phân phối thu nhập</i>	5	1		6	15	Đọc TLC 1,2 chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2. Các lý thuyết về phân phối lại thu nhập 3.2.1. Thuyết vị lợi 3.2.2. Quan điểm bình quân đồng đều 3.2.4. Các quan điểm không dựa trên độ thỏa dụng cá nhân	2	1		3	5	Đọc TLC 1,2 chương 3
3.3. Mối quan hệ giữa hiệu quả kinh tế và công bằng xã hội 3.3.1. Quan điểm cho rằng mỗi quan hệ có mâu thuẫn 3.3.2. Quan điểm cho rằng mỗi quan hệ không có mâu thuẫn	1			1	4	Đọc TLC 1,2 chương 3
3.4. Đói nghèo và giải pháp xóa đói giảm nghèo 3.4.1. Quan niệm về đói nghèo và thước đo đói nghèo 3.4.2. Tình hình đói nghèo ở Việt Nam và định hướng chính sách xóa đói giảm nghèo	1		1	2	6	Đọc TLC 1,2 chương 3
Chương 4. LỰA CHỌN CÔNG CỘNG	3	1		4	10	
4.1. Lợi ích của lựa chọn công cộng 4.1.1. Khái niệm lựa chọn công cộng 4.1.2. Lợi ích của lựa chọn công cộng	1	1		2	6	Đọc TLC 1,2 chương 4
4.2. Lựa chọn công cộng trong cơ chế biểu quyết trực tiếp 4.2.1. Các nguyên tắc lựa chọn công cộng 4.2.2. Các phiên bản của nguyên tắc biểu quyết theo đa số tuyệt đối 4.2.3. Định lý bất khả thi Arrow	1,5			1,5	2	Đọc TLC 1,2 chương 4
4.3. Lựa chọn công cộng	0,5			0,5	2	Đọc TLC 1,2 chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trong cơ chế biểu quyết đại diện 4.3.1. Những hạn chế của một chính phủ đại diện 4.3.2. Những khó khăn trong quản lý cơ quan hành chính nhà nước						
Kiểm tra			1	1		
Chương 5. CÁC CÔNG CỤ CHÍNH SÁCH CAN THIỆP CHỦ YẾU CỦA CHÍNH PHỦ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	5	1		6	20	
5.1. Nhóm công cụ chính sách và quy định pháp lý 5.1.1. Nhóm quy định khung 5.1.2. Nhóm kiểm soát trực tiếp	1,5	1		2,5	10	Đọc TLC 1,2,3 chương 5
5.2. Nhóm công cụ chính sách tạo cơ chế thúc đẩy thị trường 5.2.1. Tự do hóa thị trường 5.2.2. Hỗ trợ sự hình thành thị trường 5.2.3. Mô phỏng thị trường	1,5			1,5	6	Đọc TLC 1,,2,3 chương 5
5.3. Nhóm công cụ chính sách điều tiết bằng thuế và trợ cấp 5.3.1. Thuế 5.3.2. Trợ cấp	2			2	4	Đọc TLC 1,,2,3 chương 5
Cộng	34	8	3	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.29. Phân tích chi phí - lợi ích

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Phân tích chi phí - lợi ích**

Tiếng Anh: **Cost - Benefit Analyst**

- Mã học phần: CBA203

- Số tín chỉ: 03

- Đối tượng học: Đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô 1, Tài chính - tiền tệ
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết
 - Bài tập: 05 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 03 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được những kiến thức cơ bản về Phân tích chi phí - lợi ích bao gồm: Các khái niệm chủ yếu trong phân tích chi phí - lợi ích; Các bước thực hiện một phân tích chi phí - lợi ích; Cơ sở lựa chọn giữa các phương án trong phân tích chi phí - lợi ích; Hướng dẫn cách nhận dạng các lợi ích và chi phí của một chương trình, dự án cụ thể; Phương pháp đánh giá lợi ích và chi phí có giá thị trường và không có giá thị trường; Chiết khấu và suất chiết khấu xã hội trong phân tích chi phí - lợi ích; các tiêu chí cơ bản quyết định lựa chọn giữa các phương án; Vấn đề rủi ro và vai trò của phân tích độ nhạy; Ứng dụng phân tích chi phí - lợi ích trong lựa chọn các dự án kinh tế tài nguyên và môi trường.

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng nhận thức: Phân tích, đánh giá được các giá trị lợi ích và chi phí của một dự án tài; Phân tích được những điểm khác biệt khi sử dụng phương pháp phân tích chi phí - lợi ích trong quản lý tài nguyên môi trường.

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được kiến thức để viết báo cáo phân tích lợi ích chi phí của một dự án đầu tư; Thực hiện được một phân tích chi phí - lợi ích hoàn chỉnh cho một số dự án tài nguyên môi trường trong thực tiễn.

+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Vận dụng được kiến thức về phân tích chi phí - lợi ích làm cơ sở giúp các nhà quản lý đưa ra được các quyết định trong việc lựa chọn các phương án trong quá trình thực hiện một dự án tài nguyên, môi trường.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong phân tích chi phí- lợi ích dự án tài nguyên và môi trường.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về phân tích chi phí- lợi ích dự án tài nguyên và môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Học phần Phân tích chi phí - lợi ích trang bị cho sinh viên khối ngành kinh tế những kiến thức cơ bản về phương pháp phân tích chi phí - lợi ích được sử dụng trong việc lựa chọn các phương án khác nhau để thực hiện một dự án đầu tư. Phân tích chi phí - lợi ích là một quá trình nhận dạng, đo lường và so sánh các lợi ích và chi phí xã hội của một dự án đầu tư hay một chương trình nhằm xem xét việc phân bổ nguồn lực khan hiếm vào các mục đích sử dụng hiệu quả nhất. Cùng với nhiều kiến thức bổ trợ khác, học phần cung cấp cho người đọc một trong những công cụ phân tích kinh tế hữu ích nhằm cung cấp thông tin cho người ra quyết định xem xét, đánh giá và quyết định lựa chọn những phương án tốt nhất xét về khía cạnh đóng góp phúc lợi cho xã hội.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trần Võ Hùng Sơn (2003), *Nhập môn phân tích lợi ích - chi phí*, Nhà xuất bản Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
2. Phạm Thị Bích Thủy (2011), *Phân tích Lợi ích chi phí*, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
3. Nguyễn Hoàn, Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Tân Huyền, (2017), *Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi trường*, Nhà xuất bản tài chính

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Boardman, David H. Greenberg, Aidan R. Vining, and David L. Weimer, (2001), *Cost-Benefit Analysis: Concepts and Practice, 2nd Edition*.
2. Pedro Belli, Viện Ngân hàng Thế giới (2001), *Phân tích kinh tế các hoạt động đầu tư: Công cụ phân tích và ứng dụng thực tế*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp. Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận;
- Trong quá trình học giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao...Sinh viên cần thực hiện nghiêm túc các yêu cầu này của giảng viên;
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác **8.2. Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 60%, hình thức thi:Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành **9. Nội dung chi tiết học phần**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHẬP MÔN PHÂN TÍCH CHI PHÍ - LỢI ÍCH	8			8	16	
1.1. Sự cần thiết phải phân tích chi phí - lợi ích	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1. Đọc TLC 2, chương 1.
1.2. Khái niệm phân tích chi phí - lợi ích <i>1.2.1. Định nghĩa phân tích chi phí - lợi ích</i> <i>1.2.2. Vai trò của phân tích chi phí - lợi ích</i> <i>1.2.3. Phân loại phân tích chi phí - lợi ích</i> <i>1.2.4. Mục đích sử dụng phân tích chi phí - lợi ích</i> <i>1.2.5. Phân biệt phân tích chi phí - lợi ích (CBA) với phân tích tài chính (FA)</i> <i>1.2.6. Hạn chế của phân tích chi phí - lợi ích</i>	5			5	10	Đọc TLC 1, chương 1. Đọc TLC 2, chương 1. Đọc TLC 3, chương 1.
1.3. Các bước phân tích chi phí - lợi ích	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1. Đọc TLC 2, chương 1.
Chương 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA PHÂN TÍCH CHI PHÍ - LỢI	6			6	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
ÍCH						
2.1. Mục tiêu kinh tế trong phân tích chi phí - lợi ích 2.2. Tối ưu Pareto và các khái niệm về hiệu quả 2.2.1. Khái niệm tối ưu Pareto 2.2.2. Phân biệt cải thiện Pareto thực tế và cải thiện Pareto tiềm năng	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2,3. Đọc TLC 2, chương 2,3.
2.3. Một số khái niệm khác 2.3.1. Cầu - cung thị trường 2.3.2. Chi phí cơ hội 2.3.3. Lợi ích xã hội ròng 2.3.4. Giá sẵn lòng trả 2.3.5. Thặng dư xã hội và tối ưu Pareto 2.4. Sử dụng CBA để lựa chọn giữa các phương án	4,5			4,5	9	Đọc TLC 1, chương 2,3. Đọc TLC 2, chương 2,3. Đọc TLC 3, chương 7.
Chương 3. ĐÁNH GIÁ LỢI ÍCH VÀ CHI PHÍ	16	3		19	38	
3.1. Xác định phương án	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4,5,6.
3.2. Xác định các lợi ích và chi phí 3.2.1. Chi phí chìm 3.2.2. Các khoản thanh toán chuyển nhượng 3.2.3. Các khoản cho, tặng và đóng góp bằng hiện vật 3.2.4. Ngoại ứng	4			4	8	Đọc TLC 1, chương 4,5,6. Đọc TLC 2, chương 4 Đọc TLC 3, chương 4,5.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.5. Chi phí cơ hội						
3.3. Lượng hóa lợi ích và chi phí 3.3.1. Trường hợp lượng hóa lợi ích và chi phí có giá thị trường 3.3.2. Trường hợp lượng hóa lợi ích và chi phí không có giá thị trường	10	3		13	26	Đọc TLC 1, chương 4,5,6. Đọc TLC 2, chương 5. Đọc TLC 3, chương 4,5.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. CHIẾT KHẤU DÒNG LỢI ÍCH VÀ CHI PHÍ	5	2		7	14	
4.1. Tỷ lệ chiết khấu 4.1.1. Khái niệm chiết khấu và tỷ suất chiết khấu 4.1.2. Tầm quan trọng của tỷ suất chiết khấu 4.1.3. Xác định tỷ suất chiết khấu xã hội	2,5			2,5	5	Đọc TLC 1, chương 7,8,10. Đọc TLC 2, chương 8. Đọc TLC 3, chương 9,10.
4.2. Giá trị cuối cùng						
4.3. Tính toán các chỉ tiêu đánh giá 4.3.1. Giá trị hiện tại ròng (NPV) 4.3.2. Hệ số nội hoàn vốn (IRR) 4.3.3. Tỷ suất lợi ích - chi phí (BCR)	1,5	2		3,5	7	Đọc TLC 1, chương 7,8,10. Đọc TLC 2, chương 9.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.4. Phân tích độ nhạy 4.4.1. Bản chất phân tích độ nhạy 4.4.2. Các giai đoạn phân tích độ nhạy	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7,8,10. Đọc TLC 2, chương 10. Đọc TLC 3, chương 9,10.
Kiểm tra			1	1	2	
Thảo luận			3	3	6	Đọc TLC 1,2,3, TLĐT 1,2
Cộng	35	5	5	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.30. Kinh tế học biến đổi khí hậu

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Kinh tế học biến đổi khí hậu**
Tiếng Anh: **Economics of Climate Change**
- Mã học phần: ECC202
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
						<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 04 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 02 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và phân tích được một số khái niệm cơ bản về kinh tế như: Cung, cầu, thị trường, lợi ích, chi phí, lợi ích ròng...; Hiểu và phân tích được các khía cạnh kinh tế - xã hội trong biến đổi khí hậu; hiểu được và phân tích được khía cạnh kinh tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu; Phân tích các chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam và trên thế giới.

- *Về kỹ năng:*

- Kỹ năng nhận thức: Phân tích, đánh giá được khía cạnh kinh tế trong biến đổi khí hậu; trong ứng phó với biến đổi khí hậu
- Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các phương pháp kinh tế để xác định các lợi ích, chi phí liên quan đến biến đổi khí hậu
- Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
- Kỹ năng tư duy: Từ những phân tích, đánh giá kinh tế về biến đổi khí hậu có thể vận dụng phương pháp luận để giải quyết một số vấn đề kinh tế học biến đổi khí hậu ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong ứng phó với biến đổi khí hậu trong sự phát triển của mỗi quốc gia và trên toàn cầu.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về ứng phó với biến đổi khí hậu trong sự phát triển của mỗi quốc gia và trên toàn cầu.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Kinh tế học biến đổi khí hậu nghiên cứu các vấn đề biến đổi khí hậu, ứng phó với biến đổi khí hậu với viễn cảnh và những ý tưởng phân tích của kinh tế học. Học phần tập trung vào việc nghiên cứu khía cạnh kinh tế của biến đổi khí hậu, cách tiếp cận kinh tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu; từ đó đưa ra các giải pháp, các chính sách để kiểm soát các tác động từ biến đổi khí hậu đến hoạt động của con người, hướng đến phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thế Chinh (2009), *Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường*, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Thống kê.
2. Trần Thọ Đạt (2012), *Biến đổi khí hậu và sinh kế ven biển*, Nhà xuất bản Giao thông vận tải Hà Nội.
3. Vũ Kim Dũng (2012), *Giáo trình Nguyên lý kinh tế học vi mô*, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Lao động – xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. *Tác động của biến đổi khí hậu tới tăng trưởng và phát triển kinh tế ở Việt Nam (2012)*.
2. Nicholas Stern (2006), *The Stern Review: The Economics of Climate Change*.
3. Althony D.Owen (2004), *The Economics of Climate Change*

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2008), *Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu – Triển khai theo Nghị quyết số 60/2007/NQ-CP ngày 03/12/2007 của Chính phủ.*

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với học phần: Yêu cầu và cách thức đánh giá được đánh giá thông qua các tiêu chí như:

- Sự hiện diện trên lớp: Không được nghỉ quá 30% số tiết học trên lớp
- Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận.
- Trong quá trình học, giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. CÁC NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA KINH TẾ HỌC	8	1		9	18	
1.1 Những vấn đề chung về kinh tế học <i>1.1.1 Khái niệm về kinh tế học</i>	3			3	6	Đọc TLC 3, Chương 1; Đọc TLĐT 2, Chương 1.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.1.2 Các vấn đề cơ bản của kinh tế học</p> <p>1.1.3 Chi phí cơ hội và đường giới hạn khả năng sản xuất</p> <p>1.1.4 Một số phương pháp nghiên cứu cơ bản trong kinh tế học</p>						
<p>1.2 Một số công cụ phân tích kinh tế cơ bản</p> <p>1.2.1 Cầu</p> <p>1.2.2 Cung</p> <p>1.2.3 Thị trường</p>	3	1		4	6	Đọc TLC 1, Chương 2 Đọc TLĐT 2, Chương 2 Đọc TLĐT 3, Chương 3
<p>1.3 Lợi ích ròng xã hội và hiệu quả Pareto</p> <p>1.3.1 Lợi ích ròng xã hội</p> <p>1.3.2 Hiệu quả Pareto</p>	2			2	6	Đọc TLC 1, Chương 2 Đọc TLĐT 2, Chương 2 Đọc TLĐT 3, Chương 3
Chương 2. CÁC KHÍA CẠNH KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	6	2		8	16	
<p>2.1. Các thất bại thị trường liên quan tới biến đổi khí hậu</p> <p>2.1.1. Khái quát về thất bại thị trường</p> <p>2.1.2. Ngoại ứng</p> <p>2.1.3. Giảm nhẹ biến đổi khí hậu</p>	5	2		7	8	Đọc TLC 1, Chương 2 Đọc TLĐT 3, Chương 3
<p>2.2. Các khía cạnh đạo đức trong phân tích kinh tế đối với biến đổi khí hậu</p> <p>2.2.1. Tác động của biến đổi khí hậu đến phúc lợi của con người</p> <p>2.2.2. Tác động của biến</p>	1			1	8	Đọc TLC 1, Chương 2 Đọc TLĐT 4, Chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>đổi khí hậu tới tính công bằng</i> 2.2.3. Tác động của biến đổi khí hậu đến các quyền của con người						
Chương 3. KINH TẾ HỌC GIẢM NHẸ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	3	1		4	8	
3.1. Cơ sở lý thuyết về xác định mức phát thải khí nhà kính toàn cầu tối ưu <i>3.1.1. Xác định các chi phí xã hội liên quan đến khí nhà kính</i> <i>3.1.2. Xác định mức phát thải khí nhà kính toàn cầu tối ưu</i>	1			1	4	Đọc TLC 1, Chương 3 Đọc TLĐT 3, Chương 4
3.2. Các giải pháp nhằm đạt được mức phát thải khí nhà kính tối ưu <i>3.2.1. Các nhóm giải pháp mệnh lệnh - kiểm soát</i> <i>3.2.2. Nhóm giải pháp công cụ kinh tế</i>	2	1		3	4	Đọc TLC 1, Chương 3 Đọc TLĐT 3, Chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. KINH TẾ HỌC THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	5	1	1	7	14	
4.1. Thích ứng với biến đổi khí hậu trên quan điểm kinh tế	1			1	2	Đọc TLC 2, Chương 4 Đọc TLĐT 3, Chương 5
4.2. Phân tích chi phí – lợi ích trong thích ứng với biến đổi khí hậu <i>4.2.1. Khái niệm và ý nghĩa của phân tích chi</i>	2	1		3	3	Đọc TLC 1, Chương 4 Đọc TLĐT 3, Chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>phí – lợi ích</i> 4.2.2. <i>Khung phân tích chi phí – lợi ích</i> 4.2.3. <i>Chiết khấu</i> 4.2.4. <i>Các chỉ tiêu sử dụng khi đánh giá dự án</i>						
4.3. Các quyết định kinh tế về thích ứng với biến đổi khí hậu của các chủ thể kinh tế 4.3.1. <i>Quyết định của khu vực tư nhân</i> 4.3.2. <i>Quyết định của khu vực nhà nước</i>	1			1	3	Đọc TLC 1, Chương 4 Đọc TLĐT 8, Chương 6
4.4. Thách thức của phân tích kinh tế các biện pháp thích ứng	1		1	2	3	Đọc TLC 1, Chương 5 Đọc TLĐT4, Chương 5
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22	4	4	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.31. Phương pháp nghiên cứu kinh tế

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Phương pháp nghiên cứu kinh tế**
Tiếng Anh: **Economics Research Methods**
- Mã học phần: ERM204
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vĩ mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 24,5 tiết
 - Bài tập: 2,5 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 1 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 79 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu kinh tế như: xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế.

- *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng xác định ý tưởng, thiết kế nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác thực hiện quá trình nghiên cứu, lựa chọn cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu, cũng như trình bày báo cáo khoa học hoàn chỉnh. Rèn luyện tư duy khoa học mang tính suy luận, logic trong thực hiện các đề tài nghiên cứu làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. Cơ sở áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh tế xã hội.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong nghiên cứu kinh tế.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về nghiên cứu kinh tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 6 chương giới thiệu những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh như: (1) Tổng quan về nghiên cứu kinh tế: giới thiệu về khái niệm, vai trò, phân loại và qui trình nghiên cứu kinh tế. (2). Xác định vấn đề nghiên cứu kinh tế: giới thiệu chung về khái niệm và phân loại vấn đề nghiên cứu kinh tế; tầm quan trọng và phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu. (3). Thiết kế nghiên cứu: giới thiệu chung về khái niệm thiết kế nghiên cứu, quy trình thiết kế nghiên cứu. Trong đó nhấn mạnh các nội dung: Đặt tên đề tài nghiên cứu, tổng quan vấn đề nghiên cứu, xác định phương pháp luận nghiên cứu, xây dựng khung logic, xác định các nguồn lực cần thiết cho nghiên cứu. Đồng thời giới thiệu phương pháp thiết kế công cụ thu thập dữ liệu. (4). Chọn mẫu và tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu kinh tế: giới thiệu những kiến thức về chọn mẫu và các phương pháp sử dụng để thu thập và xử lý các số liệu thứ cấp và sơ cấp. (5). Xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu nghiên cứu: giới thiệu các kiến thức về các phương pháp xử lý dữ liệu, phân tích số liệu định tính và định lượng và phương pháp

trình bày kết quả phân tích. (6). Trình bày báo cáo nghiên cứu: giới thiệu các dạng báo cáo nghiên cứu, cấu trúc cũng như cách trình bày đề cương nghiên cứu, báo cáo khoa học.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Vũ Cao Đàm (2014), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục Việt Nam.
2. Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh (2012), *Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh*, NXB Tài chính.
3. Nguyễn Văn Thắng (2014), *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Lê Huy Bá (2007), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục
2. Đồng Thị Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An (2010), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, NXB Lao động – xã hội
3. Nguyễn Văn Song (2012), *Phương pháp kinh tế nghiên cứu tài nguyên môi trường*, NXB Đại học Nông nghiệp
4. Ethridge (2004), *Research Methodology in Applied Economics*, 2nd edition, Blackwell Publishing.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.
- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN VỀ NGHIÊN CỨU KINH TẾ	4,5			4,5	10	
1.1 Khái quát về nghiên cứu khoa học <i>1.1.1 Định nghĩa nghiên cứu khoa học</i> <i>1.1.2 Các nhân tố cấu thành hoạt động nghiên cứu khoa học</i> <i>1.1.3 Mức độ nghiên cứu khoa học</i> <i>1.1.4 Các đặc điểm của nghiên cứu khoa học</i> <i>1.1.5 Các loại hình nghiên cứu khoa học</i>	2,5			2,5	5	Đọc TLC 1, chương 2; 3 Đọc TLC2, chương1 Đọc TLC3, chương1 Đọc TLĐT 2, chương 1
1.2 Khái quát về nghiên cứu kinh tế <i>1. 2.1 Định nghĩa nghiên cứu kinh tế</i> <i>1. 2.2 Phân loại nghiên cứu kinh tế</i> <i>1. 2.3 Vai trò của nghiên cứu kinh tế</i> <i>1. 2.4 Quy trình nghiên cứu</i>	2			2	5	Đọc TLC 1, chương 2; 3 Đọc TLC2, chương1 Đọc TLC3, chương1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>kinh tế</i>						
CHƯƠNG 2 XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU KINH TẾ	2,5	0,5		3	9	
2.1 Khái niệm vấn đề nghiên cứu kinh tế <i>2.1.1 Định nghĩa vấn đề nghiên cứu</i> <i>2.1.2 Một số vấn đề nghiên cứu thường gặp trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên thiên nhiên</i>	1			1	3	Đọc TLC2, chương2 Đọc TLĐT2, chương 2
2.2 Xác định vấn đề nghiên cứu <i>2.2.1 Phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu</i> <i>2.2.2 Xây dựng cây vấn đề và cây mục tiêu</i> <i>2.2.3 Xác định vấn đề nghiên cứu ưu tiên</i>	1,5	0,5		2	6	Đọc TLC2, chương2 Đọc TLĐT2, chương 2
CHƯƠNG 3 THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU	5	1	0,5	6,5	19	
3.1 Khái niệm về thiết kế nghiên cứu <i>3.1.1 Định nghĩa thiết kế nghiên cứu</i> <i>3.1.2 Phân loại thiết kế nghiên cứu</i>	1			1	3	Đọc TLC1, chương6 Đọc TLC 2, chương 3; 4
3.2 Quy trình thiết kế nghiên cứu <i>3.2.1 Đặt tên đề tài nghiên cứu</i>	3	0,5		3,5	10	Đọc TLC1, chương6 Đọc TLC 2, chương 3; 4 Đọc TLC 3, chương 2; 3; 4; 9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>cứu</i> 3.2.2 Tổng quan vấn đề nghiên cứu 3.2.3 Xác định phương pháp luận nghiên cứu 3.2.4 Xây dựng khung logic nghiên cứu 3.2.5 Xác định các nguồn lực cần thiết cho nghiên cứu						Đọc TLĐT 2, chương 3
3.3 Thiết kế công cụ thu thập dữ liệu 3.3.1 Phát triển khái niệm nghiên cứu và xây dựng thang đo 3.3.3 Xây dựng bảng hỏi	1	0,5	0,5	2	6	Đọc TLC1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 3; 4
Kiểm tra			1	1		
CHƯƠNG 4 CHỌN MẪU VÀ TỔ CHỨC THU THẬP DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU	2,5	0,5		3	8	
4.1 Chọn mẫu nghiên cứu 4.1.1 Lý do phải chọn mẫu với nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh 4.1.2 Phương pháp chọn mẫu xác suất 4.1.3 Phương pháp chọn mẫu phi xác suất 4.1.4 Hạn chế của điều tra chọn mẫu	1,5			1,5	4	Đọc TLC1, chương 4 Đọc TLC2, chương 5 Đọc TLC 3, chương 7 Đọc TLĐT 2, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>4.2 Tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu</p> <p><i>4.2.1 Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp</i></p> <p><i>4.2.2 Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp</i></p>	1	0,5		1,5	4	<p>Đọc TLC1, chương4</p> <p>Đọc TLC2, chương5</p> <p>Đọc TLC 3, chương 7</p> <p>Đọc TLĐT 2, chương 4</p>
CHƯƠNG 5 XỬ LÝ, PHÂN TÍCH VÀ TRÌNH BÀY DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU	7	1		8	24	
<p>5.1 Phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu</p> <p><i>5.1.1 Khái niệm về xử lý dữ liệu</i></p> <p><i>5.1.2 Quy trình xử lý dữ liệu</i></p> <p><i>5.1.3 Một số phần mềm xử lý dữ liệu thông dụng trong nghiên cứu kinh tế</i></p>	1	1		2	6	<p>Đọc TLC1, chương4</p> <p>Đọc TLC2, chương6</p> <p>Đọc TLĐT 2, chương 5</p>
<p>5.2 Phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu</p> <p><i>5.2.1 Khái niệm về phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu</i></p> <p><i>5.2.2 Thống kê mô tả</i></p> <p><i>5.2.3 Kiểm định sự tin cậy của thang đo</i></p> <p><i>5.2.4 Phân tích nhân tố khám phá</i></p> <p><i>5.2.5 Phân tích tương quan</i></p>	3,5			3,5	11	<p>Đọc TLC1, chương4</p> <p>Đọc TLC2, chương6</p> <p>Đọc TLĐT 2, chương 5</p>

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.2.6 Phân tích hồi quy						
5.4 Phương pháp trình bày kết quả nghiên cứu 5.4.1 Trình bày dạng văn viết 5.4.2 Trình bày bảng 5.4.3 Trình bày hình	2,5			2,5	7	Đọc TLC1, chương 4 Đọc TLC2, chương 6 Đọc TLĐT 2, chương 5
CHƯƠNG 6 TRÌNH BÀY BÁO CÁO NGHIÊN CỨU	3			3	9	
6.1 Báo cáo nghiên cứu 6.1.1 Khái niệm báo cáo nghiên cứu 6.1.2 Nguyên tắc trình bày báo cáo nghiên cứu	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLĐT 2, chương 6
6.2 Đề cương nghiên cứu 6.2.1 Khái niệm về đề cương nghiên cứu 6.2.2 Cấu trúc của đề cương nghiên cứu	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLĐT 2, chương 6
6.3 Báo cáo khoa học 6.3.1 Cấu trúc của báo cáo khoa học 6.3.2 Định dạng báo cáo khoa học	1			1	3	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC3, chương 10
Kiểm tra			1	1		
Tổng cộng	24,5	2,5	3	30	79	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.32. Kế toán tài chính

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Kế toán tài chính**
Tiếng Anh: **Financial Accounting**
- Mã học phần: KTKE2524
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Economics major
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Lý thuyết kế toán
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Bài tập: 07 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được các kiến thức cơ bản về hạch toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm – dịch vụ, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,... trong doanh nghiệp sản xuất.

- *Về kỹ năng:*

- + *Kỹ năng về nhận thức:* Nắm vững toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể.

- + *Kỹ năng về nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản.

- + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

- + *Kỹ năng tư duy:* Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, có thể tính toán và đánh giá được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó đưa ra các biện pháp giúp cho nhà quản lý doanh nghiệp quản lý tốt chi phí và điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong lập chứng từ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; nội dung; phương pháp ghi chép trên các tài khoản kế toán; sổ sách kế toán tổng hợp và việc lập hệ thống báo cáo tài chính.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về lập chứng từ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; nội dung; phương pháp ghi chép trên các tài khoản kế toán; sổ sách kế toán tổng hợp và việc lập hệ thống báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn về kế toán tài chính doanh nghiệp bao gồm lập chứng từ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; nội dung; phương pháp ghi chép trên các tài khoản kế toán; sổ sách kế toán tổng hợp và việc lập hệ thống báo cáo tài chính.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2018), *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính.
2. Bộ Tài chính (2015), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính
3. Phan Đức Dũng (2014), *Bài tập và bài giải Kế toán tài chính*, NXB lao động – xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy (2013), *Giáo trình kế toán tài chính*, NXB Tài chính

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.

• Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH	4	2		6	12	
1.1. Kế toán tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình <i>1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của tài sản cố định</i> <i>1.1.2. Phân loại tài sản cố định</i> <i>1.1.3. Đánh giá tài sản cố định</i> <i>1.1.4. Kế toán tổng hợp tài sản cố định</i> <i>1.1.5. Kế toán khấu hao tài sản cố định</i> <i>1.1.6. Kế toán sửa chữa tài sản cố định</i>	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 4, chương 19.
1.2. Kế toán thuê tài sản cố định <i>1.2.1. Khái niệm tài sản cố định thuê tài chính</i> <i>1.2.2. Kế toán tài sản cố định thuê tài chính</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 4, chương 19.
1.3. Kế toán bất động sản đầu tư <i>1.3.1. Khái niệm bất động sản đầu tư</i> <i>1.3.2. Kế toán bất động sản đầu tư</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 4, chương 19.
1.4. Kế toán các khoản đầu tư tài chính <i>1.4.1. Khái niệm</i> <i>1.4.2. Nội dung các khoản đầu tư tài chính</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1, chương 4; Đọc TLĐT 1, chương 4, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.4.3. Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</p> <p>1.4.4. Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con</p> <p>1.4.5. Kế toán các khoản đầu tư khác</p> <p>1.4.6. Kế toán dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác</p>						19.
Chương 2. KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ	3	1		4	8	
<p>2.1. Khái niệm và nhiệm vụ kế toán</p> <p>2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.1.2. Nhiệm vụ kế toán</p>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 3.
2.2. Phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.						
<p>2.3. Phương pháp tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>2.3.1. Tính giá vật tư nhập kho</p> <p>2.3.2. Tính giá vật tư xuất kho</p>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 3.
<p>2.4. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>2.4.1. Phương pháp thẻ song song</p> <p>2.4.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển</p> <p>2.4.3. Phương pháp sổ số dư</p>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 3.
<p>2.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ</p> <p>2.5.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai</p>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 3.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>thường xuyên</i> 2.5.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ						
2.6. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 1, chương 3.
Chương 3. KẾ TOÁN LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG	3	1		4	8	
3.1. Khái niệm và nhiệm vụ kế toán	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 5;
3.2. Các hình thức tiền lương						Đọc TLĐT 1, chương 5.
3.3. Phân loại tiền lương						
3.4. Phân loại lao động						
3.5. Kế toán tổng hợp tiền lương 3.5.1. Chứng từ kế toán 3.5.2. Tài khoản sử dụng 3.5.3. Phương pháp kế toán	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLĐT 1, chương 5.
3.6. Kế toán Bảo hiểm xã hội, Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp 3.6.1. Chứng từ kế toán 3.6.2. Tài khoản sử dụng 3.6.3. Phương pháp kế toán	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLĐT 1, chương 5.
Chương 4. KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM – DỊCH VỤ	4	2		6	12	
4.1. Khái niệm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm- dịch vụ và nhiệm vụ kế toán	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>4.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm- dịch vụ</p> <p>4.1.2. Nhiệm vụ kế toán</p>						chương 6;
<p>4.2. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất - đối tượng tính giá thành</p> <p>4.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất</p> <p>4.2.2. Đối tượng tính giá thành</p>						
4.3. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất						
4.4. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang trong xí nghiệp sản xuất công nghiệp	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLĐT 1, chương 6.
4.5. Phương pháp tính giá thành						
4.6. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành bộ phận sản xuất phụ						
<p>4.7. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành của sản xuất chính trong sản xuất công nghiệp</p> <p>4.7.1. Khái quát về hoạt động sản xuất công nghiệp</p> <p>4.7.2. Xác định nội dung kinh tế và kết cấu giá thành sản phẩm công nghiệp</p> <p>4.7.3. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm công nghiệp</p>	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLĐT 1, chương 6.
4.8. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành ngành sản xuất nông nghiệp	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLĐT 1,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						chương 6.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. KẾ TOÁN TIÊU THỤ THÀNH PHẨM, XÁC ĐỊNH VÀ PHÂN PHỐI KẾT QUẢ KINH DOANH	5	1		6	12	
5.1. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chính <i>5.1.1. Kế toán doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh</i> <i>5.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán</i> <i>5.1.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.
5.2. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động tài chính <i>5.2.1. Nội dung chi phí và doanh thu hoạt động tài chính</i> <i>5.2.2. Tài khoản sử dụng</i> <i>5.2.3. Phương pháp kế toán</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.
5.3. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác <i>5.3.1. Nội dung chi phí và thu nhập khác</i> <i>5.3.2. Tài khoản sử dụng</i> <i>5.3.3. Phương pháp kế toán</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.
5.4. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1	0,5		1,5	3	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.
5.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh						
5.6. Kế toán phân phối kết quả kinh doanh						
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 6. LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3	1		4	8	
6.1. Tổng quan về hệ thống Báo cáo tài chính	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 10;
6.2. Hệ thống Báo cáo tài chính 6.2.1. Bảng cân đối kế toán 6.2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6.2.4. Thuyết minh Báo cáo tài chính	2,5	1		3,5	7	Đọc TLĐT 1, chương 15, chương 17.
Cộng	21	7	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.33. Thương mại và tài nguyên và môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Thương mại và tài nguyên môi trường**
Tiếng Anh: **Commerce and Resources, Environment**
- Mã học phần: CRE203
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học ớc: Kinh tế vi mô 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 23 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 05 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và phân tích được một số khái niệm cơ bản liên quan đến thương mại và tài nguyên môi trường như: khái niệm thương mại; khái niệm môi trường, tài nguyên. Trình bày, phân tích được mối quan hệ giữa thương mại với tài nguyên, môi trường. Nhận biết, hiểu và trình bày được các hiệp định liên quan đến vấn đề môi trường trong WTO và các thảo luận quốc tế về môi trường. Đánh giá xu hướng phát triển mới của thương mại quốc tế có đề cập đến môi trường và sự phát triển bền vững cho thương mại và môi trường trong nước và trên thế giới.

- *Về kỹ năng:* sinh viên có kỹ năng đọc và dịch hiểu các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến thương mại tài nguyên và môi trường, có kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm về một số các vụ kiện thương mại nổi bật. Đồng thời kỹ năng nghiên cứu các tài liệu liên quan về thương mại tài nguyên môi trường.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong thương mại liên quan đến tài nguyên và môi trường.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về thương mại liên quan đến tài nguyên và môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Học phần Thương mại và tài nguyên môi trường mô tả và phân tích về mối quan hệ không thể tách rời giữa thương mại, tài nguyên môi trường hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Học phần nêu nội dung các hiệp định trong WTO liên quan đến môi trường và các thỏa thuận quốc tế về vấn đề môi trường. Đồng thời liên hệ với tình hình thực tiễn áp dụng tại Việt Nam. Ngoài ra, hiểu biết về xu hướng phát triển mới của thương mại quốc tế có đề cập đến môi trường và sự phát triển bền vững cho thương mại và môi trường trong nước và trên thế giới.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thế Chinh (Chủ biên) (2003), *Giáo trình Kinh tế và Quản lý Môi trường*, NXB Thống kê

2. GS. TS. Đỗ Đức Bình, TS. Nguyễn Thường Lạng (2013), *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

3. GS. TS. Phạm Ngọc Linh, TS. Nguyễn Thị Kim Dung (2013), *Giáo trình Kinh tế phát triển*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. UNEP (2005), *Environment and Trade - A Handbook 2nd Edition*.

2. Trần Thanh Lâm (2008), *Quan hệ quốc tế về môi trường*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với học phần: Yêu cầu và cách thức đánh giá được đánh giá thông qua các tiêu chí như:

- Sự hiện diện trên lớp: Không được nghỉ quá 30% số tiết học trên lớp
- Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận.
- Trong quá trình học, giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ THƯƠNG MẠI VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	8			8	16	
1.1. Xu hướng tự do hóa thương mại	1			1	2	Đọc TLC 1; Đọc TLĐT 1.
1.2. Khái quát hóa về thương mại và tài nguyên môi trường	3			3	6	Đọc TLC 1,2 chương 1;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>1.2.1. Khái quát về thương mại</p> <p>1.2.2. Khái quát về tài nguyên và môi trường</p>						Đọc TLĐT 1.
<p>1.3. Mối quan hệ giữa thương mại và tài nguyên môi trường</p> <p>1.3.1. Ảnh hưởng của thương mại đến tài nguyên môi trường trong điều kiện tự do hóa thương mại</p> <p>1.3.2. Ảnh hưởng của tài nguyên môi trường đối với thương mại</p>	4			4	8	Đọc TLC 1 chương 1;
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 2. LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	7		1	8	16	
<p>2.1. Hiệp định chung về thương mại và thuế quan</p> <p>2.1.1. Lịch sử hình thành</p> <p>2.1.2. Cơ chế hoạt động</p>	3			3	6	Đọc TLC1 Chương 6; Đọc TLC 2,3 chương 2
<p>2.2. Tổ chức thương mại thế giới</p> <p>2.2.1. Quá trình lịch sử hình thành và cơ cấu tổ chức</p> <p>2.2.2. Mục tiêu, chức năng, nguyên tắc của WTO</p> <p>2.2.3. Các vấn đề môi trường được quy định trong WTO</p>	4		1	5	10	Đọc TLC 1, chương 3, chương 6
2.3 Giải quyết tranh chấp						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 3. HIỆP ĐỊNH MÔI TRƯỜNG ĐA PHƯƠNG	4		4	8	16	
3.1. Các thỏa thuận về bảo vệ đa dạng sinh học toàn cầu <i>3.1.1. Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật hoang dã nguy cấp</i> <i>3.1.2. Công ước về đa dạng sinh học</i> <i>3.1.3. Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học</i>	1		1	2	4	Đọc TLC 1 Chương 2,
3.2. Công ước về bảo vệ tầng ozon <i>3.2.1. Công ước Vienna về bảo vệ của tầng ozon</i> <i>3.2.2. Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ozon</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3;
3.3. Công ước về Biến đổi khí hậu <i>3.3.1. Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</i> <i>3.3.2. Nghị định thư Kyoto về Biến đổi khí hậu</i>	1		2	3	6	
3.4. Các công ước về quản lý hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật <i>3.4.1. Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên</i>	1		1	2	4	Đọc TLC 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL,KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>biên giới các chất nguy hại</i> 3.4.2. Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy 3.4.3. Công ước Rotterdam về thủ tục thỏa thuận trước đối với các hóa chất độc hại và thuốc trừ sâu						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. THƯƠNG MẠI VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TRONG XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN	4			4	8	
4.1. Tự do hóa thương mại đối với hàng hóa dịch vụ môi trường	1			1	2	
4.2 Những vấn đề môi trường trong các hiệp định thương mại tự do	2			2	4	Đọc TLC 1,2,3 chương 4
4.3 Một số hiệp định thương mại thế hệ mới 4.3.1 Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương 4.3.2 Hiệp định tự do thương mại với EU	1			1	2	
Cộng	23		7	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra

4.5.34. Quản lý dự án tài nguyên và môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Quản lý dự án tài nguyên và môi trường

▪ Tiếng Anh: **Resources and Environmental Project Management**

- Mã học phần: KTTM2538
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế đầu tư
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 34 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 00 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và vận dụng được các nội dung cơ bản trong quản lý dự án tài nguyên và môi trường như lập kế hoạch quản lý, điều phối thực hiện dự án, kiểm tra, giám sát thực hiện dự án...

- *Về kỹ năng:* Sau khi kết thúc môn học người học có thể vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tiễn quản lý các dự án thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong quản lý dự án đối với các dự án về tài nguyên và môi trường.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về quản lý dự án đối với các dự án về tài nguyên và môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Quản lý dự án tài nguyên và môi trường tập trung nghiên cứu về các hoạt động trong quản lý dự án tài nguyên và môi trường. Môn học cung cấp một số khái niệm cơ bản như dự án, quản lý dự án, tầm quan trọng của quản lý các dự án tài nguyên và môi trường. Môn học tập trung cung cấp các nội dung cơ bản của hoạt động quản lý dự án tài nguyên và môi trường bao gồm lập kế hoạch, điều phối thực hiện dự án, đánh giá và giám sát dự án...

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. PGS.TS. Từ Quang Phương (2014), *Giáo trình Quản lý dự án đầu tư*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
2. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), *Lập dự án đầu tư*, NXB Thống kê
3. PGS.TS. Từ Quang Phương, PGS.TS. Phạm Văn Hùng (2013), *Giáo trình Kinh tế đầu tư*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đỗ Phú Trần Tinh (2009), *Giáo Trình Lập Và Thẩm Định Dự Án Đầu Tư*, NXB Giao thông vận tải.
2. Bùi Xuân Phong (2008), *Quản trị dự án*, NXB học viện công nghệ bưu chính viễn thông.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Lên lớp và lắng nghe, ghi chép bài đầy đủ
- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu

đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ	5			5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
QUẢN LÝ DỰ ÁN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG						
1.1 Dự án tài nguyên và môi trường <i>1.1.1 Khái niệm, đặc trưng của dự án tài nguyên và môi trường</i> <i>1.1.2 Sự khác biệt giữa chương trình, dự án và nhiệm vụ</i>	1			1	5	Đọc TLC 1,,2,3 chương 1;
1.2 Quản lý dự án tài nguyên và môi trường <i>1.2.1 Khái niệm, mục tiêu của quản lý dự án</i> <i>1.2.2 Sự cần thiết trong công tác quản lý dự án tài nguyên và môi trường</i> <i>1.2.3 Nội dung của quản lý dự án tài nguyên và môi trường</i> <i>1.2.4 Các mô hình tổ chức quản lý dự án</i>	4			4	5	Đọc TLC 1,2 chương 1;
Chương 2. LẬP KẾ HOẠCH VÀ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN DỰ ÁN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	9	2		11	20	
2.1 Lập kế hoạch dự án tài nguyên và môi trường <i>2.1.1 Công tác nghiên cứu lập dự án môi trường</i> <i>2.1.2 Khái niệm, ý nghĩa của kế hoạch dự án</i> <i>2.1.3 Nội dung của kế hoạch dự án tài nguyên và môi trường</i>	5			5	5	Đọc TLC 1, chương 2;
2.2 Phân tách công việc của dự án	1			1	5	Đọc TLC 1, chương 2;
2.3 Lựa chọn phương án dự án tài nguyên và môi trường <i>2.3.1 Lựa chọn trên phương</i>	3	2		5	10	Đọc TLC 1,,2,3 chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>diện tài chính</i> 2.3.2 Lựa chọn trên phương diện kinh tế xã hội						
Chương 3. ĐIỀU PHỐI THỰC HIỆN DỰ ÁN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	14	7		21	40	
3.1 Quản lý thời gian và tiến độ dự án tài nguyên và môi trường 3.1.1 Mạng công việc 3.1.2 Kỹ thuật tổng quan và đánh giá dự án (PERT) và phương pháp đường găng (CPM) 3.1.3 Phương pháp biểu đồ GANTT	6	4		10	10	Đọc TLC 1, chương 3,4,5,6,7;
3.2 Phân phối các nguồn lực dự án tài nguyên và môi trường 3.2.1 Biểu đồ phụ tải nguồn lực và điều chỉnh nguồn lực 3.2.2 Phân phối nguồn lực cho dự án bằng phương pháp ưu tiên	3	3		6	10	Đọc TLC 1, chương 3,4,5,6,7;
3.3 Dự toán ngân sách và quản lý chi phí dự án tài nguyên và môi trường 3.3.1 Dự toán ngân sách 3.3.2 Quản lý chi phí dự án	4			4	10	Đọc TLC 1, chương 3,4,5,6,7;;
3.4 Quản lý chất lượng dự án tài nguyên và môi trường	1			1	5	Đọc TLC 1, chương 3,4,5,6,7;
Kiểm tra			1	1	5	
Chương 4. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	3			3	15	
4.1 Giám sát dự án tài nguyên và môi trường 4.1.1 Khái niệm, tác dụng của giám sát dự án 4.1.2 Phương pháp giám sát, hệ thống giám sát và các loại	2			2	7	Đọc TLC 1, chương 8;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>hình giám sát</i> 4.1.3 Một số căn cứ đánh giá trong giám sát dự án						
4.2 Đánh giá dự án tài nguyên và môi trường 4.2.1 Khái niệm, mục tiêu và phân loại đánh giá dự án 4.2.2 Các bước tiến hành đánh giá dự án	1			1	8	Đọc TLC 1, chương 8;
Chương 5. QUẢN LÝ RỦI RO DỰ ÁN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	3			3	15	
5.1 Khái niệm, phân loại và quản lý rủi ro 5.1.1 Khái niệm và phân loại rủi ro 5.1.2 Quản lý rủi ro	1			1	7	Đọc TLC 1, chương 9;
5.2 Nội dung quản lý rủi ro dự án tài nguyên và môi trường 5.2.1 Nhận diện rủi ro và đánh giá, đo lường khả năng thiệt hại 5.2.2 Phân tích đánh giá mức độ rủi ro 5.2.3 Các phương pháp quản lý rủi ro	2			2	8	Đọc TLC 1, chương 9;
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	34	9	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.35. Hạch toán quản lý môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Hạch toán quản lý môi trường

▪ Tiếng Anh: **Environmental management accounting**

- Mã học phần: EMA204

- Số tín chỉ: 03

- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Lý thuyết kế toán; Kế toán tài chính
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn kế toán, Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

Hiểu và vận dụng được để ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí môi trường và dự toán chi phí môi trường cho kỳ kế hoạch, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho chức năng kiểm soát và đánh giá chi phí. Bên cạnh đó, sinh viên nắm bắt được mối quan hệ giữa chi phí và lợi ích môi trường để từ đó hiểu được tầm quan trọng của các yếu tố tác động đến lợi nhuận doanh nghiệp.

- Về kỹ năng:

+ *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu và nắm vững toàn bộ công việc hạch toán quản lý môi trường tại một doanh nghiệp cụ thể từ đó phân tích, đánh giá được về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng các công cụ của hạch toán quản lý môi trường trong việc phân tích và kiểm soát chi phí môi trường, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

+ *Kỹ năng làm việc nhóm*: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Có khả năng phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính liên quan đến môi trường của doanh nghiệp.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong hạch toán quản lý môi trường.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về hạch toán quản lý môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về hạch toán quản lý môi trường; Phương pháp hạch toán quản lý nguyên vật liệu và năng lượng; Phương pháp hạch toán chi phí môi trường và lợi ích môi trường; Hướng dẫn phương pháp lập Báo cáo Chi phí – lợi ích môi trường; Phương pháp thẩm định đầu tư môi trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Đức Hiếu (2012), *Giáo trình kế toán môi trường trong doanh nghiệp*, NXB Giáo dục.

2. Mai Văn Tiên (2016), *Kiểm soát và đánh giá chất lượng môi trường*, Giáo trình Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

3. Nguyễn Thế Chinh (2003), *Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường*, NXB Thống Kê

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. D. Jalaludin, M. Sulaiman, N.N.N. d Ahmad (2011), *Understanding Environmental Management Accounting adoption: A New Institutional Sociology Perspective*, *Social Responsibility Journal*, 7 (4) (2011), pp. 540-557t

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp;
- Làm việc nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời gian nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ HẠCH TOÁN QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG	5			5	10	
1.1. Khái niệm hạch toán quản lý	1			1	2	Đọc TLC 1;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
môi trường						Đọc TLC 2, 3.
1.2. Hạch toán môi trường truyền thống	1			1	2	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
1.3. Nội dung hạch toán quản lý môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
1.4. Kinh nghiệm ứng dụng hạch toán quản lý môi trường	2			2	4	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
1.4.1. Kinh nghiệm hạch toán quản lý môi trường trên thế giới	1					
1.4.2. Kinh nghiệm hạch toán quản lý môi trường tại Việt Nam	1					
Chương 2. HẠCH TOÁN QUẢN LÝ NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ NĂNG LƯỢNG	10	5		15	30	
2.1. Sự cần thiết áp dụng hạch toán nguyên liệu và năng lượng trong các doanh nghiệp	1			1	2	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
2.2. Nhiệm vụ của hạch toán nguyên liệu và năng lượng	1			1	2	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
2.3. Phương pháp hạch toán dòng nguyên liệu và năng lượng	8	5		13	26	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
2.3.1. Xây dựng sơ đồ dòng nguyên liệu và năng lượng của quá trình sản xuất	2	1		3	6	
2.3.2. Xây dựng bảng thống kê đầu vào và đầu ra cho mỗi quá trình sản xuất	2	1		3	6	
2.3.3. Phân loại và tập hợp thông tin về nguyên liệu và năng lượng	2	1		3	6	
2.3.4. Phân bổ dòng nguyên liệu và năng lượng	1	1		2	4	
2.3.5. Đánh giá, phân tích các kết quả và ra các quyết định quản trị môi trường	1	1		2	4	
Chương 3. HẠCH TOÁN QUẢN LÝ CHI PHÍ MÔI TRƯỜNG VÀ LỢI ÍCH MÔI TRƯỜNG	10	5		15	30	
3.1. Vai trò của hạch toán chi phí và doanh thu môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
3.2. Nhiệm vụ kế toán hạch toán chi phí và doanh thu môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
3.3. Hạch toán chi phí môi trường	6	5		11	22	Đọc TLC 1;
3.3.1. Khái niệm chi phí môi						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>trường</i>						
3.3.2. Phân loại chi phí môi trường	2	1		3	6	Đọc TLC 2, 3.
3.3.3 Phương pháp hạch toán quản lý chi phí môi trường	2	2		4	8	
	2	2		4	8	
3.4. Báo cáo chi phí – lợi ích môi trường	2			2	4	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. THẨM ĐỊNH ĐẦU TƯ MÔI TRƯỜNG TRONG DOANH NGHIỆP	5	3		8	16	
4.1. Sự cần thiết của hoạt động thẩm định đầu tư môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
4.2. Mục tiêu thẩm định đầu tư môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
4.3. Phương pháp thẩm định đầu tư môi trường	3	3		6	12	Đọc TLC 1; Đọc TLC 2, 3.
4.3.1. Thẩm định đầu tư môi trường vật chất	1	1		2	4	
4.3.2. Thẩm định đầu tư môi trường về mặt giá trị	2	2		4	8	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30	13	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.36. Lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường

▪ Tiếng Anh: **Resources and Environmental Valuation**

- Mã học phần: KTTM2419

- Số tín chỉ: 05

- Đối tượng học: Đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô 1, Tài chính - tiền tệ
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 75 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 39 tiết
 - Bài tập: 10 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 24 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 150 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề lý luận của định giá kinh tế tài nguyên và môi trường như: phương pháp luận, các nhóm phương pháp định giá, cách tính toán và sử dụng đối với từng phương pháp định giá giá trị tài nguyên và môi trường; Vận dụng được định giá kinh tế tài nguyên và môi trường trong việc ra quyết định về các dự án kinh tế tài nguyên và môi trường.

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng nhận thức: Phân tích, đánh giá, lượng hóa được các giá trị của tài nguyên, môi trường.

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được kiến thức trong việc nghiên cứu và thực hành định giá kinh tế tài nguyên môi trường.

+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Vận dụng được kiến thức về định giá kinh tế tài nguyên, môi trường làm cơ sở giúp các nhà quản lý đưa ra được các quyết định trong việc lựa chọn các phương án trong quá trình thực hiện một dự án tài nguyên, môi trường.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong định giá kinh tế tài nguyên và môi trường.

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về định giá kinh tế tài nguyên và môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về định giá kinh tế tài nguyên và môi trường - một trong những công cụ phân tích kinh tế nhằm cung cấp thông tin cho người ra quyết định đánh giá và lựa chọn được phương án tốt nhất xét về khía cạnh đóng

góp phúc lợi cho xã hội đi đôi với bảo vệ tài nguyên, môi trường. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào các vấn đề cơ bản sau:

- Tổng quan về cơ sở lý thuyết của định giá kinh tế tài nguyên và môi trường;
- Giới thiệu các phương pháp định giá kinh tế tài nguyên và môi trường;
- Định giá kinh tế tài nguyên và môi trường ở Việt Nam và trên thế giới.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đinh Đức Trường, Lê Hà Thanh (2013), *Lượng giá tài nguyên và môi trường: Từ lý thuyết đến ứng dụng tại Việt Nam*, Nhà xuất bản Giao thông vận tải.
2. Nguyễn Thế Chinh (2013), *Lượng giá thiệt hại kinh tế do ô nhiễm, suy thoái môi trường*, NXB Chính trị Quốc gia.
3. Nguyễn Hoàn, Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Tân Huyền, (2017), *Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi trường*, Nhà xuất bản tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Hữu Tuấn (2009), *Định giá tài nguyên môi trường*, Nhà xuất bản ĐH Huế.
2. Svento, R. (1999), *Environmental and Resource Economics, On the asymmetry of the vagueness band in willingness to pay answers.*

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp. Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận.

- Trong quá trình học giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao...Sinh viên cần thực hiện nghiêm túc các yêu cầu này của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau:

- 02 đầu điểm hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

-

-01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ LƯỢNG GIÁ KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	10	5		15	30	
1.1. Khái niệm và vai trò của lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường	2			2	15	Đọc TLC 1, chương 1,2; Đọc TLC 3, chương 1.
1.2. Cơ sở lý thuyết của lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường <i>1.2.1. Giá trị kinh tế của tài nguyên và môi trường</i> <i>1.2.2. Một số lý thuyết của lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường</i>	8	5		13	15	Đọc TLC 1, chương 1,2; Đọc TLC 3, chương 1.
Chương 2. CÁC PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	26	5	15	46	60	
2.1. Nhóm phương pháp dựa vào thị trường thực <i>2.1.1. Phương pháp giá thị trường</i> <i>2.1.2. Phương pháp chi phí</i>	10	1	5	16	15	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 3,4; Đọc TLC 3, chương 2.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>thay thế</i> 2.1.3. Phương pháp chi phí thiệt hại tránh được 2.1.4. Phương pháp thay đổi năng suất 2.1.5. Phương pháp chi phí sức khỏe 2.1.6. Phương pháp phân tích cư trú tương đương						
2.2. Nhóm phương pháp dựa vào thị trường thay thế 2.2.1. Phương pháp chi phí du lịch 2.2.2. Phương pháp giá trị hưởng thụ 2.2.3. Phương pháp hàm sản xuất	8	4	5	17	15	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 2.
2.3. Nhóm phương pháp dựa vào thị trường giả định 2.3.1. Phương pháp đánh giá ngẫu nhiên 2.3.2. Phương pháp mô hình lựa chọn	6		5	11	15	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 2.
2.4. Một số phương pháp lượng giá kinh tế khác 2.4.1. Phương pháp chuyển giao lợi ích	2			2	15	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 2.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4.2. Phân tích chi phí – lợi ích 2.4.3. Mô hình I-O trong nghiên cứu quan hệ giữa kinh tế và môi trường						
Kiểm tra			1	1	10	
Chương 3. LƯỢNG GIÁ KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM VÀ TRÊN THẾ GIỚI	3		9	12	40	
3.1. Một số nghiên cứu cơ bản về lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường ở Việt Nam	1		3	4	10	Đọc TLC 1, chương 6,7,9,11; Đọc TLC 2, chương 2,3.
3.2. Những khó khăn khi áp dụng các phương pháp lượng giá kinh tế tài nguyên, môi trường ở Việt Nam và các nước đang phát triển	1		3	4	10	Đọc TLC 1, chương 6,7,9,11; Đọc TLC 2, chương 2,3.
3.3. Một số nghiên cứu điển hình về lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường trên thế giới	1		3	4	20	Đọc TLC 1, chương 6,7,9,11.
Kiểm tra			1	1	10	
Cộng	39	10	26	75	1500	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.37. Kinh tế môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Kinh tế môi trường**
Tiếng Anh: **Environment Economics**
- Mã học phần: EVE202
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 05 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Tóm tắt được những kiến thức cơ bản như: các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như khái niệm ô nhiễm, khái niệm ngoại ứng,...; xác định được mức ô nhiễm tối ưu và phân tích được các công cụ kiểm soát ô nhiễm; phân tích các công cụ và chính sách quản lý môi trường; Đánh giá được những tác động (tích cực và tiêu cực) của các hoạt động phát triển (kinh tế và xã hội) đến môi trường

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng nhận thức: Phân tích, đánh giá được mức ô nhiễm và những ảnh hưởng về mặt môi trường của từng hoạt động kinh tế; phân tích được các chỉ tiêu cơ bản đánh giá tác động môi trường; phân tích được những điểm khác biệt khi sử dụng phương pháp phân tích lợi ích – chi phí trong quản lý môi trường. Nâng cao nhận thức về môi trường, về mối quan hệ chặt chẽ, phụ thuộc và quy định lẫn nhau giữa môi trường và phát triển để mọi cá nhân, mọi cộng đồng có hành vi đúng đắn vì mục đích phát triển bền vững. Đặc biệt là đối với các chuyên gia kinh tế và quản trị kinh doanh.

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các phương pháp xác định mức ô nhiễm tối ưu cho từng hoạt động kinh tế cụ thể.

+ Kỹ năng tư duy: Từ những phân tích, đánh giá về tình hình ô nhiễm do từng hoạt động kinh tế cụ thể gây ra có thể đưa ra được những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý và điều khiển hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp đồng thời bảo vệ được môi trường

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong kinh tế môi trường

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Kinh tế môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Kinh tế môi trường nghiên cứu các vấn đề về môi trường với viễn cảnh và những ý tưởng, phân tích của kinh tế học. Học phần tập trung vào việc nghiên cứu nguyên nhân và cách thức con người gây ô nhiễm môi trường; từ đó đề ra những quy định, những chính sách kiểm soát ô nhiễm để giảm được suy thoái môi trường.

- Môn học cung cấp các khái niệm cơ bản về kinh tế môi trường như ngoại ứng, thuế ô nhiễm tối ưu, thị trường Quota ô nhiễm, trợ cấp giảm thải, tiêu chuẩn môi trường... bao hàm trong các vấn đề: Những khái niệm ban đầu về môi trường; mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường; các vấn đề kinh tế về ô nhiễm môi trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thế Chinh (2003), *Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường*, Nhà xuất bản Thống kê.
2. Hoàng Xuân Cơ (2005), *Giáo trình Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Giáo dục.
3. Nguyễn Hoàn, (2017), Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Tân Huyền, *Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi trường*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Field B. và N. Olewiler (2005), *Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản McGraw – Hill Ryerson Limited, Canada.
2. Nguyễn Văn Song (2008), *Bài giảng Kinh tế tài nguyên môi trường*, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với học phần: Yêu cầu và cách thức đánh giá được đánh giá thông qua các tiêu chí như:

- Sự hiện diện trên lớp: Không được nghỉ quá 30% số tiết học trên lớp
- Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận
- Trong quá trình học, giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHẬP MÔN KINH TẾ MÔI TRƯỜNG	2			2	4	
1.1. Sự ra đời của Kinh tế môi trường 1.2. Khái niệm, đối tượng và nội dung môn học <i>1.2.1. Khái niệm kinh tế tài nguyên và môi trường</i> <i>1.2.2. Đối tượng và nội dung môn học.</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, Chương mở đầu Đọc TLC 2,3 Chương 1
1.3. Phương pháp nghiên cứu môn học <i>1.3.1. Phương pháp phân tích hệ thống</i> <i>1.3.2. Phương pháp toán học và đồ thị</i> <i>1.3.3. Phương pháp phân tích biên và phân tích lợi ích – chi phí</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, Chương mở đầu
Chương 2. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ, MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	5			5	10	
2.1. Một số khái niệm cơ bản <i>2.1.1. Khái niệm và phân loại môi trường</i>	1			1	2	Đọc TLC 1,2 Chương 1 Đọc TLC 3 Chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1.2. Khái niệm và phân loại tài nguyên						
2.2. Mối quan hệ giữa hoạt động kinh tế và môi trường 2.2.1. Vai trò của hệ thống môi trường 2.2.2. Hoạt động của hệ thống kinh tế và tác động của nó đến môi trường	2			2	4	Đọc TLC 1,2 Chương 1 Đọc TLC 3 Chương 2
2.3. Mối quan hệ giữa môi trường và phát triển bền vững 2.3.1. Các quan điểm về mối quan hệ giữa môi trường và phát triển 2.3.2. Phát triển bền vững	2			2	4	Đọc TLC 1,2 Chương 1 Đọc TLC 3 Chương 2
Chương 3. CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA KINH TẾ MÔI TRƯỜNG	8	4		12	24	
3.1. Lợi ích ròng xã hội	2			2	8	Đọc TLC 1 Chương 2 Đọc TLC 3 Chương 3
3.2. Thất bại thị trường 3.2.1. Khái quát về thất bại thị trường 3.2.2. Các nguyên nhân dẫn đến thất bại thị trường	1			1	8	Đọc TLC 1 Chương 2 Đọc TLC 3 Chương 3
3.3. Ngoại ứng 3.3.1. Khái niệm và phân loại ngoại ứng 3.3.2. Tác động của ngoại ứng tiêu cực 3.3.3. Tác động của ngoại ứng tích cực	5	4		9	8	Đọc TLC 1 Chương 2 Đọc TLC 3 Chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. KINH TẾ Ô NHIỄM	15	4		19	38	
4.1. Ô nhiễm tối ưu	3			3	8	Đọc TLC 1,2 Chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.1. Khái niệm về ô nhiễm môi trường 4.1.2. Xác định mức ô nhiễm tối ưu						2 Đọc TLC 3 Chương 3
4.2. Định lý Ronald Coase 4.2.1. Quyền sở hữu và cơ sở hình thành lý thuyết 4.2.2. Lý thuyết Ronald Coase và khả năng thỏa thuận thông qua thị trường 4.2.3. Khả năng áp dụng và hạn chế của lý thuyết Ronald Coase	2			2	15	Đọc TLC 1,2 Chương 2 Đọc TLC 3 Chương 3,4
4.3. Các công cụ kiểm soát ô nhiễm 4.3.1. Thuế môi trường 4.3.2. Trợ cấp giảm thải 4.3.3. Phí xả thải và tiêu chuẩn môi trường 4.3.4. Giấy phép xả thải có thể chuyển nhượng 4.3.5. Một số công cụ khác	10	4		14	15	Đọc TLC 1,2 Chương 2 Đọc TLC 3 Chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. THỰC TRẠNG ÁP DỤNG CÁC CÔNG CỤ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG TẠI VIỆT NAM			5	5	10	
5.1. Thực trạng ô nhiễm môi trường			2	2	5	Đọc TLC 1 Chương 5 Đọc TLC 2 Chương 4,5 Đọc TLC 3 Chương 5,6
5.2. Thực trạng áp dụng các công cụ kiểm soát ô nhiễm môi trường tại Việt Nam			3	3	5	Đọc TLC 1 Chương 5 Đọc TLC 2 Chương 4,5 Đọc TLC 3 Chương 5,6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Cộng	30	08	07	45		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.38. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Kỹ năng phát triển nghề nghiệp**
Tiếng Anh: **Career development skills**
- Mã học phần: KTTM2418
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học, ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Vận dụng được các kiến thức để tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân, chất lượng, hiệu quả công việc. Phân tích, đánh giá được những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp với các đối tượng bên trong và ngoài doanh nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới; kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch và ra quyết định, áp dụng kỹ năng tư duy, phân tích, tổng hợp vào công việc.

- *Về kỹ năng:*

Kỹ năng về nhận thức: Vận dụng các kiến thức đã học để có thể quản lý thời gian, sắp xếp và quản lý công việc một cách hiệu quả, nhằm nâng cao hiệu quả công việc. kiến thức và kỹ năng cần thiết để tìm kiếm giải pháp, khai mở trí sáng tạo và tự tin đưa ra quyết định đúng đắn.

Kỹ năng về nghề nghiệp: Có thể xử lý được các tình huống phát sinh trong công việc với các đối tượng bên trong và ngoài doanh nghiệp.

Kỹ năng làm việc nhóm: Thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

Kỹ năng tư duy: Củng cố khả năng tư duy logic của bản thân trong giải quyết công việc sau này.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong kỹ năng xử lý tình trong công việc hướng trong kinh tế tài nguyên và môi trường.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về kỹ năng xử lý tình trong công việc hướng trong kinh tế tài nguyên và môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng nghề nghiệp. Cách thức để sắp xếp và quản lý thời gian làm việc đạt hiệu quả. Khả năng tư duy logic tốt và áp dụng vào công việc một cách hiệu quả.

- Kỹ năng lập kế hoạch và ra các quyết định ngắn hạn và dài hạn. Giải quyết các tình huống phát sinh trong công việc với tổ chức, cá nhân trong và ngoài doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Brian Tracy, (2018), *Nghệ thuật quản lý thời gian*, NXB Lao động
2. Shibamoto Hidenori, (2018), *Kỹ năng tư duy logic*, NXB lao động.
3. Jonh Adair, (2018), *Ra quyết định và giải quyết vấn đề*, NXB Hồng Đức.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Hoàng Thị Thu Hiền, Bùi Thị Bích, Nguyễn Như Khương, Nguyễn Thanh Thủy (2014), *Giáo trình kỹ năng mềm – Tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác*, NXB Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

2. Shibamoto Hidenori, (2018), *Kỹ năng lập kế hoạch hiệu quả*, NXB Thế Giới.

3. Nguyễn Phương, (2018), *Những kỹ năng xử lý tình huống thường gặp trong doanh nghiệp dành cho giám đốc và doanh nhân*, NXB Lao động.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KỸ NĂNG PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP	3			3	6	Đọc TLĐT (1)
1.1. Khái niệm kỹ năng nghề nghiệp	1			1	2	
1.2. Phân loại kỹ năng nghề nghiệp	1			1	2	
1.3. Tầm quan trọng của kỹ năng nghề nghiệp	1			1	2	
CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG SẮP XẾP VÀ QUẢN LÝ CÔNG VIỆC	3	1		4	8	Đọc TLC (1)
2.1. Khái niệm, chức năng nhiệm vụ sắp xếp và quản lý công việc	1					
2.2 Quy trình sắp xếp quản lý công việc	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p>2.2.1 Xác định mục tiêu, yêu cầu công việc</p> <p>2.2.2 Xác định nội dung công việc</p> <p>2.2.3 Xác định cách thức thực hiện</p> <p>2.2.4 Xác định cách thức kiểm soát</p> <p>2.2.5 Xác định nguồn lực thực hiện</p>						
<p>2.3 Phương pháp sắp xếp quản lý công việc</p> <p>2.3.1 Định biên công việc</p> <p>2.3.2 Mô tả công việc</p> <p>2.3.3 Sắp xếp công việc cho nhân viên</p>	1	1		2	4	
CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG TƯ DUY LOGIC	4	2	1	7	14	Đọc TLC (2)
3.1 Những điều bản khoăn				1	2	
3.2 Quy trình giải quyết vấn đề và 5 kỹ năng tư duy	1	1		2	4	
3.3 Kỹ năng biểu đạt bằng ngôn ngữ		1		4	8	
3.4 Kỹ năng liên kết mối quan hệ						
3.5 Kỹ năng hệ thống hóa						
3.6 Kỹ năng trích lọc yếu tố cốt lõi	1 2					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.7 Kỹ năng tăng giảm bậc thang trù tượng						
Kiểm tra			1	1		
CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG LẬP KẾ HOẠCH VÀ RA QUYẾT ĐỊNH	5	3		8	16	Đọc TLC (3) Đọc TLĐT (2)
4.1 Kỹ năng lập kế hoạch 4.1.1 Khái niệm kế hoạch, mục đích, vai trò và phân loại kế hoạch. 4.1.2 Các bước trong qui trình xây dựng kế hoạch 4.1.3 Phương pháp lập kế hoạch. 4.1.4 Các nguyên tắc, phương pháp quản lí thời gian toàn diện và cách xác định thứ tự ưu tiên của công việc 4.1.5 Thiết kế và thực hiện được các bản kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn cho bản thân và cho công việc theo đúng yêu cầu. 4.1.6 Nhận xét và đánh giá được một số kế hoạch, kiểm soát việc thực hiện kế hoạch.	3	1		4	8	
4.2 Kỹ năng ra quyết định	2	2		4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.1 Kỹ năng ra quyết định ngắn hạn trong doanh nghiệp 4.2.2 Kỹ năng ra quyết định dài hạn trong doanh nghiệp						
CHƯƠNG 5. KỸ NĂNG TỔ CHỨC VÀ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC	5	2	1	8	16	Đọc TLĐT (3)
5.1 Kỹ năng xử lý công việc	2	1		3	6	
5.2 Kỹ năng giải quyết công việc	3	1		4	8	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.39. Kinh tế tài nguyên biển

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Kinh tế tài nguyên biển

Tiếng Anh: **Marine resource economics**

- Mã học phần: KTTM2510

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 23 tiết
- Bài tập: 04 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế Tài nguyên và Môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*

+ Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản của học phần bao gồm: Khái niệm, phân loại tài nguyên biển; Vai trò của tài nguyên biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên biển; Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên biển hiện nay; Các mô hình lý thuyết cơ bản trong khai thác tài nguyên biển có khả năng tái sinh và tài nguyên biển không có khả năng tái sinh; Sự cần thiết của quản lý tài nguyên biển, và những biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên biển; Ý nghĩa của việc đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên biển và các phương pháp đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên biển.

+ Phân tích và đánh giá được tiềm năng và thực trạng khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hình thành nhận thức đúng đắn, khoa học về các vấn đề liên quan đến khai thác và quản lý hiệu quả tài nguyên biển.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các lý thuyết cơ bản về khai thác và quản lý tài nguyên biển vào đánh giá thực tiễn khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận, các bài tập nhóm rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm.

+ *Kỹ năng tư duy:* Thông qua vận dụng lý thuyết vào đánh giá thực tiễn khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay rèn luyện kỹ năng tư duy các vấn đề thực tiễn dựa trên nền tảng lý thuyết khoa học, khách quan.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Học phần Kinh tế Tài nguyên Biển nghiên cứu tài nguyên biển theo cách tiếp cận kinh tế tài nguyên. Theo đó, học phần tập trung làm rõ những vấn đề như: Khái niệm, phân loại tài nguyên biển; Vai trò của tài nguyên biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, đặc

điểm của kinh tế tài nguyên biển và tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên biển; Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên biển hiện nay.

Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về một số mô hình lý thuyết trong khai thác tài nguyên biển; Những biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên biển; Các phương pháp cơ bản đánh giá giá trị tài nguyên biển.

Ngoài ra, học phần còn làm rõ những vấn đề thực tiễn về khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn, Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Tân Huyền, (2017), *Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi trường*, 2017, Nhà xuất bản tài chính

2. Nguyễn Văn Song (2009), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên*, NXB Tài chính.

3. Lê Đức Tố, Hoàng Trọng Lập, Trần Công Trục, Nguyễn Quang Vinh (2005), *Quản lý biển*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Hồng Thao (2003), *Bảo vệ Môi trường biển - Vấn đề và giải pháp*, NXB Chính trị Quốc gia.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2013), *100 câu hỏi- đáp về biển đảo*, NXB Thông tin và Truyền thông.

3. Trần Thọ Đạt, Vũ Thị Hoài Thu (2012), *Biến đổi khí hậu và sinh kế ven biển*, Diễn đàn Phát triển Việt Nam.

4. Nguyễn Chu Hồi, Trần Thị Hoa, Vũ Thị Thảo, Nguyễn Văn Công (2012), *Cẩm nang Quy hoạch không gian biển và vùng bờ cấp địa phương*.

5. Nguyễn Lâm Anh, Trần Văn Phước, Nguyễn Trọng Lương (2011), *Quản lý tổng hợp vùng ven biển*, Đại học Nha Trang.

6. Tổng cục Thủy sản (2012), *Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030*.

7. Tổng công ty dầu khí Việt Nam (2005), *Địa chất và tài nguyên dầu khí Việt Nam*.

8. Viện nghiên cứu phát triển du lịch (2013), *Đề án Phát triển du lịch biển, đảo và vùng ven biển đến năm 2020*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động trên lớp, bao gồm: nghe giảng, phát biểu, làm bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, ...

- Tuân thủ đầy đủ, nghiêm túc các yêu cầu của giảng viên giao, bao gồm: tự đọc tài liệu, làm bài tập ở nhà, ...
- Thực hiện đầy đủ 2 bài kiểm tra hệ số 1 theo quy định.
- Chấp hành quy định về thời gian lên lớp, nội quy trong giờ học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN BIỂN	4			4	8	
1.1. Tài nguyên biển	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1, 2.
1.1.1. Khái niệm, phân loại tài nguyên biển	0,5			0,5	1	
1.1.2. Vai trò của tài nguyên biển trong nền kinh tế quốc dân	0,5			0,5	1	
1.2. Kinh tế tài nguyên biển	2,5			2,5	5	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLĐT 1, chương 1,3; Đọc TLĐT 2, phần 1, 3; Đọc TLĐT 3, chương 1, 2.
1.2.1. Khái niệm, tầm quan trọng của Kinh tế tài nguyên biển	1			1	2	
1.2.2. Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên biển hiện nay	1,5			1,5	3	
1.3. Đối tượng, nội dung và mục tiêu nghiên cứu của học phần Kinh tế tài nguyên biển	0,5			0,5	1	
CHƯƠNG 2. CÁC MÔ HÌNH LÝ THUYẾT CƠ BẢN TRONG KHAI THÁC TÀI	10			10	20	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
NGUYÊN BIỂN						
2.1. Các mô hình lý thuyết cơ bản trong khai thác tài nguyên biển có khả năng tái sinh	6			6	12	Độc TLC 1, chương 2; Độc TLC 2, chương 5;
2.1.1. Mô hình tăng trưởng theo thời gian	0,5			0,5	1	
2.1.2. Mô hình cân bằng sinh học	1,5			1,5	3	
2.1.3. Mô hình khai thác trong điều kiện tự do tiếp cận và điều kiện sở hữu tư nhân	2			2	4	
2.1.4. Đường cung của ngành	2			2	4	
2.2. Các mô hình lý thuyết cơ bản trong khai thác tài nguyên biển không có khả năng tái sinh	4			4	8	Độc TLC 1, chương 2; Độc TLC 2, chương 6;
2.2.1. Mô hình khai thác tài nguyên không có khả năng tái sinh	2			2	4	
trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo	2			2	4	
2.2.2. Mô hình khai thác tài nguyên không có khả năng tái sinh trong thị trường độc quyền						
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN BIỂN	6			6	12	
3.1. Sự cần thiết của quản lý tài nguyên biển	1			1	2	Độc TLC 1, chương 3; Độc TLC 3, chương 4.
3.2. Một số biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên biển	5			5	10	Độc TLC 1, chương 3, 4, 5, 6; Độc TLC 3, chương 4; Độc TLC 2, chương 5, 6; Độc TLĐT 4; Độc TLĐT 5.
3.2.1. Quản lý tài nguyên biển thông qua công cụ thuế	1			1	2	
3.2.2. Quản lý tài nguyên biển thông qua công cụ hạn ngạch, can thiệp giá.	1			1	2	
3.2.3. Thiết lập các khu bảo tồn thiên nhiên biển	1			1	2	
3.2.4. Quy hoạch không gian biển	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.5. Quản lý tổng hợp vùng ven biển	1			1	2	
CHƯƠNG 4. ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ KINH TẾ CỦA TÀI NGUYÊN BIỂN	4			4	8	
4.1. Giá trị kinh tế tài nguyên và ý nghĩa của việc đánh giá giá trị tài nguyên biển	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 8.
4.2. Một số phương pháp đánh giá giá trị kinh tế tài nguyên biển	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 7; Đọc TLC 2, chương 8;
4.2.1. Phương pháp chi phí lợi ích	0,5			0,5	1	
4.2.2. Phương pháp giá trị thị trường	0,5			0,5	1	
4.2.3. Phương pháp sử dụng các hàng hoá liên quan, thay thế	0,5			0,5	1	
4.2.4. Phương pháp chi phí du lịch	0,5			0,5	1	
4.2.5. Phương pháp tạo dựng thị trường	0,5			0,5	1	
4.2.6. Phương pháp chuyển đổi lợi ích	0,5			0,5	1	
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 5. KINH TẾ TÀI NGUYÊN BIỂN VIỆT NAM	3		1	4	8	
5.1. Tài nguyên biển Việt Nam	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 8; Đọc TLC 3, chương 3; Đọc TLĐT 2, phần 1, 3; Đọc TLĐT 6; Đọc TLĐT 7; Đọc TLĐT 8.
5.2. Khai thác và quản lý tài nguyên biển Việt Nam	2		1	3	6	
Cộng	27		3	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

Marine resource economics

1. Course information

- Course title: Marine resource economics

- Course code: MRE212

- Course credit value: 02 credits

- Objective learners: University students, Economics of Natural Resources major

- The position of the module in the training program:

General education knowledge <input type="checkbox"/>		Professional education knowledge <input checked="" type="checkbox"/>				
		Foundation knowledge of the major <input type="checkbox"/>		Knowledge of the major <input checked="" type="checkbox"/>		Internship and thesis <input type="checkbox"/>
Compulsory <input type="checkbox"/>	Optional <input type="checkbox"/>	Compulsory <input type="checkbox"/>	Optional <input type="checkbox"/>	Compulsory <input checked="" type="checkbox"/>	Optional <input type="checkbox"/>	

- Prerequisites: Microeconomics

- Total periods: 30 periods

Theories: 23 periods

Exercises 04 periods

Discussions, team-work: 01 periods

Tests 02 periods

- Self-study: 60 hours

Department in charge of the course: Economics of Natural Resources and Environmental Department, Environmental and Natural Resources Economics Faculty

2. Course objectives

After finishing the course, students will achieve the following objectives:

Knowledge:

+ Understand and apply the basic knowledge of the module including: Concept, classification of marine resources; The role of marine resources in the national economy; Concept, the importance of marine resource economy; Global issues affect the current economic development of marine resources; Basic theoretical models for marine resources exploitation that are capable of regenerating and marine resources that cannot be regenerated; The necessity of marine resource management, and basic measures in marine resource management; The significance of assessing the economic value of marine resources and methods to assess the economic value of marine resources.

+ Analyze and assess the potential and current status of marine resources exploitation and management in Vietnam at the moment

- Skills:

+ *Cognitive skill*: To be able to analyze the optimal use and extraction model of land, fishery and forest resources.

+ *Professional skill*: To be able to apply the methods of optimal extraction of natural resources in order to determine the optimal extraction level for land, fishery and forest resources.

+ *Team work skill*: Through discussion and practice hours, students can practice the skills of working in-group and cooperate with others.

+ *Thinking skill*: To be able to propose solutions in order to help individuals, enterprises and the State to extract and use land, fishery and forest resources efficiently and sustainably.

- **Autonomy and responsibility:**

Having the ability to make conclusions about the professional issues in exploitation and protection of marine resources and environment.

Capable of planning, coordinating and promoting collective intelligence; have the ability to evaluate and improve professional operations exploitation and protection of marine resources and environment.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Contents of the course are: The Economic Module of Marine Resources studies marine resources in a resource-based economic approach. Accordingly, the module focuses on clarifying issues such as: Concept, classification of marine resources; The role of marine resources in the national economy; The concept, characteristics of marine resource economy and the importance of marine resource economy; Global issues affect the current economic development of marine resources.

The module provides basic insights on a number of theoretical models in marine resource exploitation; Basic measures in marine resource management; Basic methods of valuing marine resources.

In addition, the module also clarifies practical issues on the exploitation and management of marine resources in Vietnam today.

4. Course materials

4.1. Main materials:

1. Nguyễn Hoàn, Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Tân Huyền, (2017), *Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi trường*, 2017, Nhà xuất bản tài chính

2. Nguyễn Văn Song (2009), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên*, NXB Tài chính.

3. Lê Đức Tố, Hoàng Trọng Lập, Trần Công Trục, Nguyễn Quang Vinh (2005), *Quản lý biển*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2. Further materials:

1. Nguyễn Hồng Thao (2003), *Bảo vệ Môi trường biển - Vấn đề và giải pháp*, NXB Chính trị Quốc gia.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2013), *100 câu hỏi- đáp về biển đảo*, NXB Thông tin và Truyền thông.

3. Trần Thọ Đạt, Vũ Thị Hoài Thu (2012), *Biến đổi khí hậu và sinh kế ven biển*, Diễn đàn Phát triển Việt Nam.

4. Nguyễn Chu Hồi, Trần Thị Hoa, Vũ Thị Thảo, Nguyễn Văn Công (2012), *Cẩm nang Quy hoạch không gian biển và vùng bờ cấp địa phương*.

5. Nguyễn Lâm Anh, Trần Văn Phước, Nguyễn Trọng Lương (2011), *Quản lý tổng hợp vùng ven biển*, Đại học Nha Trang.

6. Tổng cục Thủy sản (2012), *Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030*.

7. Tổng công ty dầu khí Việt Nam (2005), *Địa chất và tài nguyên dầu khí Việt Nam*.

8. Viện nghiên cứu phát triển du lịch (2013), *Đề án Phát triển du lịch biển, đảo và vùng ven biển đến năm 2020*.

5. Teaching and learning methods

The main teaching and learning methods are:

- Learner centered teaching method
- Active learning teaching method
- Group work method
- Sharing method.

6. Duties of students

- Prepare for the lessons before going to class
- Focus and actively participate in the lessons
- Prepare and discuss in class following teacher's guidance
- Take part in all required tests
- Condition for taking part in the final exam: attend at least 70% in class

7. Assessment scale

Students are assessed according to a scale of 10, converted to text scale and scale of 4 in accordance with current regulations.

8. Assessment forms and methods

8.1. Process assessment

Weight of 40%, including:

- Two mark with coefficient 1: 1 period tests/ course-work/ discussions/ attendance;

8.2. Final assessment

Weight of 60%

- Examination form:

Writing

Multiple choice

Experiment

9. Course detail contents

Contents	Teaching methods					Request for student
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chapter 1. OVERVIEW OF ECONOMIC RESOURCES	4			4	8	

Contents	Teaching methods					Request for student
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1. Marine resources	1			1	2	Read main material 1, chapter 1,2 Read main material 2, chapter 1.
1.1.1. Concept, classification of marine resources	0,5			0,5	1	
1.1.2. The role of marine resources in the national economy	0,5			0,5	1	
1.2. Economic marine resources	2,5			2,5	5	Read further material 1; Read further material 2; Read further material 3.
1.2.1. Concept, the importance of marine resource economics	1			1	2	
1.2.2. Global issues affect the current economic development of marine resources	1,5			1,5	3	
1.3. Object, content and research objectives of the module of Marine Resources Economics	0,5			0,5	1	
Chapter 2. BASIC THEORETICAL MODELS IN THE EXPLOITATION OF SEA RESOURCES	8	2		10	20	
2.1. Basic theoretical models for exploiting marine resources capable of regeneration	6	2		8	16	Read main material 1, chapter 2; Read main material 2,
	0,5			0,5	1	

Contents	Teaching methods					Request for student
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1.1. Growth pattern over time	1,5	1		2,5	5	chapter 5;
	2	1		3	6	
2.1.2. Biological equilibrium model						
2.1.3. Operational model in terms of free access and private ownership conditions	2			2	4	
2.1.4. Supply curve of the sector						
2.2. Basic theoretical aspects of marine resource exploitation are not able to regenerate	2			2	4	Read main material 1, chapter 2; Read main material 2, chapter 6;
2.2.1. The model of exploiting resources is incapable of regenerating in the perfectly competitive market	1			1	2	
2.2.2. Model of exploiting resources that are incapable of regenerating in the monopoly market	1			1	2	
Test			1	1	2	
Chapter 3. SEA RESOURCE MANAGEMENT	4	2		6	12	
3.1. The necessity of marine resource management	0,5			0,5	1	Read main material 1, chapter 3
3.2. Some basic measures in marine resource management	3,5	2		5,5	11	Read main material 1, chapter 3,4,5,6

Contents	Teaching methods					Request for student
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2.1. Marine resource management through tax tools	1	1		2	4	Read main material 3, chapter 4;
3.2.2. Marine resource management through quota and price intervention tools	1	1		2	4	Read main material 2, chapter 5,6;
3.2.3. Establish marine nature conservation zones	0,5			0,5	1	Read further material 4,5
3.2.4. Marine space planning	0,5			0,5	1	
3.2.5. Integrated management of coastal areas	0,5			0,5	1	
Chapter 4. ASSESSMENT OF ECONOMIC VALUE OF SEA RESOURCES	4			4	8	
4.1. The value of economic resources and the meaning of valuing marine resources	1			1	2	Read main material 1, chapter 7; Read main material 2, chapter 8;
4.2. Some methods to assess the economic value of marine resources	3			3	6	Read main material 1, chapter 7;
4.2.1. Method of cost benefits	0,5			0,5	1	Read main material 2, chapter 8.
4.2.2. Method of market value	0,5			0,5	1	

Contents	Teaching methods					Request for student
	Lectures (periods)				S.s (h)	
	Th	Ex	Dis, T	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.3. Method of using related goods, replacement	0,5			0,5	1	
4.2.4. Travel cost method	0,5			0,5	1	
4.2.5. Market creation method	0,5			0,5	1	
4.2.6. Conversion method of benefits						
Test			1	1	2	
Chapter 5. ECONOMY OF VIETNAMESE SEA RESOURCES	3		1	4	8	
5.1. Vietnam marine resources	1			1	2	Read main material 1 chapter 8; Read main material 3 chapter 3;
5.2. Exploiting and managing Vietnamese marine resources	2		1	3	6	Read further material 2,6,7,8.
Total	23	4	3	30	60	

Note: Th: Theory; Ex: Exercise; Dis, T: Discussion, Test; S.s: Self-study; h: hour.

4.5.40. Kiến tập

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Kiến tập

Tiếng Anh: Internship

- Mã học phần: KTTM2505
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: Đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động kiến tập môn học: 4 tuần (20 ngày)
- Thời gian tự học: 40 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học để quan sát và tiếp xúc được với thực tế khai thác và quản lý tài nguyên, môi trường ở Việt Nam.

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Phân tích được các tác động của hoạt động kinh tế đến môi trường tự nhiên, thực trạng khai thác, quản lý tài nguyên và môi trường của địa phương trong thực tế.

+ Kỹ năng tư duy: Phân tích được tình hình khai thác từng loại tài nguyên cụ thể, thực trạng ô nhiễm môi trường.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong kinh tế tài nguyên và môi trường.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về kinh tế tài nguyên và môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tìm hiểu chung về đơn vị thực tập.
- + Giới thiệu chung về đơn vị thực tập.
- + Cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập.
- Tìm hiểu trữ lượng tài nguyên, thực trạng khai thác và quản lý tài nguyên.
- Tìm hiểu thực trạng ô nhiễm môi trường và các cách xử lý ô nhiễm môi trường.
- Viết báo cáo sau quá trình đi kiến tập

4. Tài liệu học tập

Sinh viên tham khảo các tài liệu và văn bản liên quan.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sinh viên tiến hành thực hành tại đơn vị kiến tập dựa trên những kiến thức đã được trang bị của học phần.

Thuyết trình	<input type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	X
Phân tích, xử lý số liệu	X	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ và đúng yêu cầu theo lịch trình thực tập
- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết sau đó tiến hành thực hành tại địa điểm thực tập dựa theo hệ thống kiến thức đã được học.
- Viết báo cáo theo đúng hướng dẫn.

7. Thang điểm đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.
- Tiêu chí đánh giá bài tập lớn kiến tập môn học:
 - + Về kết cấu chung: Bài tập lớn kiến tập môn học phải đảm bảo hoàn thiện đủ 3 nội dung đã nêu trong nội dung chi tiết học phần.
 - + Ngữ pháp: Cách viết rõ ràng trong sáng, không có sai sót lớn về lỗi ngữ pháp;
 - + Số trang và định dạng phải đảm bảo đúng theo quy định

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 50%

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 50%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Bài tập lớn

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1	1	2	
Tìm hiểu các chủ đề gắn với khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên, môi trường và hướng dẫn viết báo cáo kiến tập			Nghiêm túc thực hiện theo yêu cầu của giáo viên hướng dẫn
Nội dung 2	10	20	
Tìm hiểu thông tin chung về đơn vị kiến tập; tìm hiểu tình hình hoạt động của đơn vị kiến tập trong 5 năm gần đây			Nghiêm túc thực hiện theo nội quy của đơn vị kiến tập
Thực hiện các hoạt động nghề nghiệp được phân công tại đơn vị kiến tập			
Tìm hiểu các nội dung liên quan đến chủ đề viết báo cáo kiến tập			
Nội dung 3	9	18	
Viết báo cáo kiến tập			Nghiêm túc thực hiện theo quy định của Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường về hình thức, kết cấu của báo cáo kiến tập
Cộng	20	40	

4.5.41. Thực hành nghề nghiệp

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Thực hành nghề nghiệp**
 - Tiếng Anh: **Internship**
- Mã học phần: KTTM2527
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: Đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế môi trường, Phân tích chi phí - lợi ích
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động kiến tập môn học: 4 tuần (20 ngày)
- Thời gian tự học: 40 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Vận dụng, phân tích và đánh giá được thực trạng hoạt động khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên, môi trường của đơn vị thực tập.

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Thực hành trong thực tế công việc tại đơn vị thực tập.

+ Kỹ năng tư duy: Đánh giá được tình hình khai thác từng loại tài nguyên cụ thể, thực trạng ô nhiễm môi trường, từ đó đưa ra những giải pháp giúp cho các doanh nghiệp, cá nhân và Nhà nước khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường một cách bền vững.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong kinh tế tài nguyên và môi trường.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về kinh tế tài nguyên và môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tìm hiểu chung về đơn vị thực tập.
- + Giới thiệu chung về đơn vị thực tập.
- + Cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập.
- Tìm hiểu và phân tích, đánh giá thực trạng khai thác và quản lý tài nguyên/ Tìm hiểu và phân tích, đánh giá thực trạng quản lý ô nhiễm môi trường.
- Viết báo cáo kiến tập

4. Tài liệu học tập

Sinh viên tham khảo các tài liệu và văn bản liên quan.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

- Sinh viên tiến hành thực hành tại đơn vị kiến tập dựa trên những kiến thức đã được trang bị của học phần.

Thuyết trình	<input type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	X
Phân tích, xử lý số liệu	X	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ và đúng yêu cầu theo lịch trình thực tập

- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết sau đó tiến hành thực hành tại địa điểm thực tập dựa theo hệ thống kiến thức đã được học.

- Viết báo cáo theo đúng quy định.

7. Thang điểm đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

- Tiêu chí đánh giá bài kiến tập môn học:

+ Về kết cấu chung: Báo cáo thực hành nghề nghiệp phải tuân thủ theo kết cấu bao gồm: Lời mở đầu, mục lục, danh mục bảng biểu, phần nội dung, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo;

+ Ngữ pháp: Cách viết rõ ràng trong sáng, không có sai sót lớn về lỗi ngữ pháp;

+ Số trang và định dạng phải đảm bảo đúng theo quy định hướng dẫn viết báo cáo thực hành nghề nghiệp của khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 50%

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 50%

- Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Bài tập lớn

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
----------	---------------------------	------------------------	---------------------------

(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1	1	2	
Giới thiệu về hoạt động thực hành nghề nghiệp và hướng dẫn viết báo cáo thực hành nghề nghiệp			Nghiêm túc thực hiện theo yêu cầu của giáo viên hướng dẫn
Nội dung 2	10	20	
Thực hiện các nhiệm vụ nghề nghiệp được giao tại đơn vị thực tập			Nghiêm túc thực hiện theo nội quy của đơn vị thực tập
Tìm hiểu thông tin chung của đơn vị thực tập; Tìm hiểu tình hình hoạt động của đơn vị thực tập trong 5 năm gần đây; Tìm hiểu các nội dung liên quan đến chủ đề viết báo cáo thực hành nghề nghiệp			
Nội dung 3	9	18	
Viết báo cáo thực hành nghề nghiệp			Nghiêm túc thực hiện theo quy định của Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường về hình thức, kết cấu của báo cáo kiến tập
Cộng	20	40	

4.5.42 Đề án môn học - Kinh tế tài nguyên và môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Đề án môn học - Kinh tế tài nguyên và môi trường
 - Tiếng Anh: **Independent Study in Natural Resources and Environmental Economics**
- Mã học phần: KTTM2539
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản lý kinh tế tài nguyên
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 4 tuần (20 ngày)
- Thời gian tự học: 40 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên môi trường, Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Hiểu và phân tích được các vấn đề lý thuyết thuộc nội dung các môn học chuyên ngành;

+ Vận dụng được kiến thức lý thuyết để phân tích, đánh giá thực tiễn hoạt động khai thác, sử dụng, quản lý tài nguyên và môi trường;

- Về kỹ năng:

+ Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin;

+ Kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin;

+ Kỹ năng viết báo cáo khoa học.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong kinh tế tài nguyên và môi trường.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về kinh tế tài nguyên và môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm giới thiệu quy trình lý thuyết và thực hành một đề tài hoàn chỉnh về lĩnh vực kinh tế tài nguyên và môi trường

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thế Chinh (2013), *Kinh tế và quản lý môi trường*, NXB Thống kê.
2. Đinh Đức Trường, Lê Hà Thanh (2013), *Lượng giá tài nguyên và môi trường từ lý thuyết đến ứng dụng tại Việt Nam*, NXB Giao thông vận tải.
3. Nguyễn Văn Song (2012), *Phương pháp kinh tế nghiên cứu tài nguyên môi trường*, NXB Đại học Nông nghiệp.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Hùng Sơn (2003), *Nhập môn phân tích lợi ích - chi phí*, Nhà xuất bản Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

2. Nguyễn Văn Thắng(2013), Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh, NXB Kinh tế quốc dân.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị đầy đủ phương tiện học tập cá nhân theo yêu cầu của giảng viên;
- Nghiêm túc thực hiện các nội dung thực hành, tiến độ thực hành của môn học theo yêu cầu của giảng viên.
- Hoàn thành và nộp báo cáo đúng quy định.

7. Thang điểm đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 50%

Bao gồm: 01 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 50%.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực hành đề án môn học (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1: Hướng dẫn và thực hành xác định tên đề tài, viết lý do chọn đề tài	1	2	

Bài 1. Hướng dẫn và thực hành xác định tên đề tài Bài 2. Hướng dẫn và thực hành viết lý do chọn đề tài			Sinh viên thực hành xác định tên đề tài; viết lý do chọn đề tài
Nội dung 2: Hướng dẫn và thực hành tìm kiếm tài liệu và viết tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	2	4	
Bài 3. Hướng dẫn và thực hành tìm kiếm tài liệu Bài 4. Hướng dẫn và thực hành viết tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài			Sinh viên thực hành tìm kiếm tài liệu và viết tổng quan tình hình nghiên cứu theo hướng dẫn của giáo viên
Nội dung 3: Hướng dẫn và thực hành xác định mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, nội dung và phương pháp nghiên cứu	1	2	
Bài 5. Hướng dẫn và thực hành xác định mục tiêu nghiên cứu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu Bài 6. Hướng dẫn và thực hành xác định nội dung và phương pháp nghiên cứu			Sinh viên thực hành xác định mục tiêu nghiên cứu; đối tượng nghiên cứu; phạm vi nghiên cứu; nội dung và phương pháp nghiên cứu theo hướng dẫn của giáo viên
Nội dung 4: Hướng dẫn và thực hành xây dựng đề cương sơ bộ và đề cương chi tiết	2	4	
Bài 7. Hướng dẫn và thực hành xây dựng đề cương sơ bộ Bài 8. Hướng dẫn và thực hành xây dựng đề cương chi tiết			Sinh viên thực hành xây dựng đề cương sơ bộ; đề cương chi tiết theo hướng dẫn của giáo viên

Nội dung 5: Hướng dẫn và thực hành viết nội dung đề án môn học, kết luận và kiến nghị, hoàn thiện đề án môn học	14	28	
Bài 9. Hướng dẫn và thực hành viết nội dung đề án môn học Bài 10. Hướng dẫn và thực hành viết kết luận và kiến nghị Bài 11. Hoàn thiện đề án môn học			Sinh viên thực hành viết đề án môn học theo hướng dẫn của giáo viên.
Cộng	20	40	

4.5.43. Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên**
Tiếng Anh: *Community Approach in Resource Management*
- Mã học phần: KTTM2637
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Bài tập: 00 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 07 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế Tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và phân tích được một số kiến thức cơ bản về cộng đồng, phát triển cộng đồng, quản lý tài nguyên, tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên... ; Hiểu được các nguồn lực cho phát triển cộng đồng, một số cung cụ sử dụng để thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng; Phân tích được sự tham gia của cộng đồng trong quá

trình xây dựng kế hoạch, thực hiện, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý tài nguyên; Biết được một số ví dụ điển hình về tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên ở Việt Nam.

- *Về kỹ năng:*

- + *Kỹ năng nhận thức:* Nhận thức, phân tích và đánh giá được tầm quan trọng của cộng đồng trong việc quản lý tài nguyên.
- + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức vào quản lý tài nguyên, thực hiện quản lý tài nguyên đạt hiệu quả có sự tham gia của cộng đồng.
- + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
- + *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức đã học, có thể vận dụng thực hiện các mô hình quản lý các loại tài nguyên khác nhau có sự tham gia của cộng đồng.

+ *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên nghiên cứu những nội dung cơ bản về cộng đồng và phát triển cộng đồng: Khái niệm cộng đồng, khái niệm phát triển cộng đồng, mục tiêu, nội dung, nguyên lý của phát triển cộng đồng, tiến trình phát triển cộng đồng, sự tham gia, năng lực tự quản, các mâu thuẫn trong cộng đồng; khái niệm và vai trò của quản lý tài nguyên; khái niệm và sự cần thiết của tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên; Các nguồn lực cho phát triển cộng đồng; các công cụ thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong quản lý tài nguyên; Sự tham gia của cộng đồng; sự tham gia của cộng đồng trong quản lý một số tài nguyên ở Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Huỳnh Quang Tín (2011), *Giáo trình Quản lý tài nguyên thiên nhiên trên cơ sở phát triển cộng đồng*, NXB Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.
2. Nguyễn Thanh Sơn (2005), *Đánh giá tài nguyên nước Việt Nam*, NXB Giáo dục.
3. Trần Đức Viên, Nguyễn Vinh Quang, Mai Văn Thành (2005), *Phân cấp trong quản lý tài nguyên rừng và sinh kế người dân*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Việt Dũng, Nguyễn Danh Tĩnh (2006), *Quản lý tài nguyên nước dựa vào cộng đồng ở Việt Nam*, Hà Nội.
2. Dương Việt Tinh, Trần Hữu Nghị (2012), *Lâm Nghiệp cộng đồng ở miền trung Việt Nam*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài, các kiến thức liên quan đến học phần trước khi lên lớp
- Lắng nghe, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp
- Chuẩn bị và trình bày thảo luận các nội dung trong chương trình và các yêu cầu của giảng viên.
- Thực hiện làm các bài kiểm tra theo quy định
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ TIẾP CẬN CÔNG ĐỘNG TRONG QUẢN	11			11	22	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
LÝ TÀI NGUYÊN						
1.1. Cộng đồng và phát triển cộng đồng <i>1.1.1. Cộng đồng</i> <i>1.1.2. Phát triển cộng đồng</i>	7			7	14	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 1
1.2. Quản lý tài nguyên <i>1.2.1. Sự suy thoái của tài nguyên</i> <i>1.2.2. Khái niệm quản lý tài nguyên</i> <i>1.2.3. Vai trò của quản lý tài nguyên</i> <i>1.2.4 Một số mâu thuẫn trong quản lý tài nguyên</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2,3
1.3. Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên <i>1.3.1. Sự cần thiết phải tăng cường vai trò của cộng đồng trong quản lý tài nguyên</i> <i>1.3.2. Khái niệm tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên</i> <i>1.3.3. Một số nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>trong quản lý tài nguyên</i>						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 2. SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN	8		4	12	24	
2.1. Cơ sở lý thuyết về sự tham gia của cộng đồng	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 2, chương 2
2.2. Sự tham gia của cộng đồng trong quản lý tài nguyên	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 4
2.3. Một số kỹ năng cần thiết của thúc đẩy viên cộng đồng <i>2.3.1. Kỹ năng nói</i> <i>2.3.2. Kỹ năng lắng nghe</i> <i>2.3.3. Kỹ năng hỏi lấy thông tin</i> <i>2.3.4. Kỹ năng quan sát</i> <i>2.3.5. Kỹ năng làm việc nhóm</i> <i>2.3.6. Kỹ năng ra quyết định</i>	2		4	6	12	Đọc TLC 1, chương 2
Chương 3. TIẾP CẬN CỘNG ĐỒNG TRONG QUẢN LÝ TÀI	2		3	5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
NGUYÊN Ở VIỆT NAM						
3.1. Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên nước ở Việt Nam	1		2	3	6	Đọc TLĐT 1, chương 2
3.2. Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên rừng ở Việt Nam	1		1	2	4	Đọc TLC 1, chương 5 Đọc TLC 3, chương 2,3
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	21		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.44. Dự báo phát triển kinh tế xã hội

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Dự báo phát triển kinh tế xã hội**
Tiếng Anh: **Social and Economic Development Forecasting**
- Mã học phần: KTTM2641
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bậc đại học, ngành Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Nguyên lý thống kê kinh tế
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 17 tiết
 - Bài tập: 10 tiết

- Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 74 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được vấn đề lý luận cơ bản của dự báo phát triển kinh tế - xã hội; nắm được các phương pháp dự báo phát triển kinh tế - xã hội cơ bản; hiểu được các ưu điểm và nhược điểm của từng phương pháp dự báo; nhận thức được tầm quan trọng của dự báo phát triển kinh tế - xã hội và biết vận dụng các phương pháp dự báo trong quá trình hoạch định chính sách và quản lý.

- *Về kỹ năng:* Tăng cường năng lực tiên đoán các vấn đề kinh tế - xã hội thông qua các phương pháp dự báo; nâng cao kỹ năng thu thập, lựa chọn và tổng hợp các thông tin về các vấn đề kinh tế - xã hội; phân tích được các xu hướng phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh quốc tế và trong nước hiện nay.

Thông qua làm việc nhóm, người học có kỹ năng tự nghiên cứu độc lập và tổ chức, phối hợp làm việc nhóm trong tìm kiếm tri thức, thông tin liên quan đến môn học, và tư duy phân tích giải quyết các vấn đề liên quan đến quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam; đồng thời nâng cao kỹ năng tin học cho người học trong quá trình học tập.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong dự báo phát triển kinh tế xã hội.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về dự báo phát triển kinh tế xã hội.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Chương 1. Những vấn đề cơ bản của dự báo kinh tế xã hội: Trình bày các nguyên tắc cơ bản trong dự báo; trên cơ sở phân loại dự báo đề ra tiêu chuẩn lựa chọn phương pháp dự báo phát triển kinh tế xã hội.

Chương 2. Một số phương pháp dự báo thông dụng: Trình bày nội dung, ưu nhược điểm của một số phương pháp được sử dụng trong thực tiễn dự báo như: Phương pháp san mũ, phương pháp thời vụ, phương pháp bằng mô hình hồi quy, phương pháp ARIMA, phương pháp chuyên gia.

Chương 3. Dự báo các nguồn lực phát triển kinh tế: Trình bày sự vận dụng một số phương pháp dự báo để dự báo các nguồn lực phát triển kinh tế xã hội như: sự tiến bộ khoa học – kỹ thuật, dân số và nguồn nhân lực, vốn đầu tư và vốn sản xuất.

Chương 4. Dự báo cầu thị trường: Trình bày những vấn đề cơ bản của cầu thị trường và ý nghĩa quan trọng của việc dự báo cầu thị trường. Trên cơ sở đó, trình bày các phương pháp dự báo cầu thị trường.

Chương 5. Dự báo tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu: Trình bày vai trò, nhiệm vụ của dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trên cơ sở phân tích các nhân tố ảnh hưởng, từ đó trình bày phương pháp dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế và dự báo chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ môn Dự báo, Khoa kế hoạch và phát triển, Trường đại học Kinh tế Quốc Dân (2014), *Dự báo phát triển kinh tế xã hội*, NXB Thống kê.
2. PGS.TS Nguyễn Quang Đông (2012), *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
3. Nguyễn Trọng Hoài, Phùng Thanh Bình, Nguyễn Khánh Duy (2009), *Dự báo và phân tích dữ liệu trong Kinh tế và Tài chính*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. PGS.TS Nguyễn Quang Đông (2010), *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB Giao thông vận tải.
2. Nguyễn Trọng Hoài, Phùng Thanh Bình, Nguyễn Khánh Duy (2009), *Giáo trình dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu*, NXB Thống kê.
3. Nguyễn Khắc Minh (2002), *Các phương pháp phân tích và dự báo kinh tế*, NXB Khoa học – Kỹ thuật.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Quá trình học tập và tham khảo mở rộng: Học tập nghiên cứu ở nhà, thư viện, trên lớp...theo những nội dung được hướng dẫn, yêu cầu.
- Tham gia các hoạt động: Chuẩn bị bài, làm bài tập, bài kiểm tra, bài thảo luận, bài thi hết học phần.

- Ý thức tổ chức kỷ luật: Thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của giảng viên.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA DỰ BÁO PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI	2			2	5	
1.1. Vị trí của dự báo trong việc ra quyết định quản lý các quá trình kinh tế xã hội						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1
1.2. Phân loại dự báo						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1
1.3. Các nguyên tắc dự báo						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3,

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						chương 1
1.4. Tiêu chuẩn lựa chọn phương pháp dự báo						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1
1.5. Các phương pháp đánh giá dự báo						Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 3, chương 1
Chương 2. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP DỰ BÁO THÔNG DỤNG	7	3	1	11	25	
2.1. Phương pháp san mũ <i>2.1.1. Ngoại suy xu thế</i> <i>2.1.2. Phương pháp trung bình trượt</i> <i>2.1.3. Mô hình bất biến san mũ</i> <i>2.1.4. Mô hình xu thế san mũ</i>	1,5	0,5		2	5	Đọc TLC 1 chương 2; Đọc TLĐT 1 chương 2.
2.2. Phương pháp thời vụ	1,5	0,5		2	5	Đọc TLC 1 chương 3.
2.3. Phương pháp bằng mô hình hồi quy	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1 chương 4; Đọc TLĐT 1 chương 3.
2.4. Phương pháp ARIMA	1,5	0,5		2	5	Đọc TLC 1 chương 7;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Đọc TLĐT 1 chương 4.
2.5. Phương pháp chuyên gia	1	0,5	1	2,5	5	Đọc TLC 1 chương 5.
Chương 3. DỰ BÁO CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ	4	3		7	20	
3.1. Dự báo tiến bộ khoa học – kỹ thuật <i>3.1.1. Vai trò của dự báo tiến bộ khoa học – kỹ thuật.</i> <i>3.1.2. Phương hướng phát triển cơ bản của cách mạng khoa học – kỹ thuật</i> <i>3.1.3. Lập dự báo tiến bộ khoa học – kỹ thuật</i> <i>3.1.4. Các phương pháp dự báo tiến bộ khoa học – kỹ thuật</i>	1	1		2	6	Đọc TLC 1, chương 10; Đọc TLĐT 2 chương 5.
3.2. Dự báo dân số và nguồn nhân lực <i>3.2.1. Đối tượng và nhiệm vụ của dự báo dân số và nguồn nhân lực</i> <i>3.2.2. Dự báo dân số</i> <i>3.2.3. Dự báo nguồn nhân lực</i>	1	1		2	7	Đọc TLC 1, chương 11; Đọc TLĐT 2, chương 6.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3. Dự báo vốn đầu tư và vốn sản xuất <i>3.3.1. Quan hệ giữa vốn đầu tư và vốn sản xuất</i> <i>3.3.2. Dự báo giá trị theo thời gian của tiền</i> <i>3.3.3. Dự báo nhu cầu vốn cố định và vốn lưu động</i> <i>3.3.4. Dự báo nhu cầu vốn đầu tư</i>	2	1		3	7	Đọc TLC 1, chương 12; Đọc TLC 3, chương 2,3,4; Đọc TLĐT 2 chương 7.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. DỰ BÁO CẦU THỊ TRƯỜNG	2	2		4	10	
4.1. Những vấn đề lý luận chung <i>4.1.1. Nhu cầu tiêu dùng</i> <i>4.1.2. Cầu và cầu thị trường</i>	0,5			0,5	3	Đọc TLC 1, chương 9; Đọc TLĐT 1, chương 3.
4.2. Các hàm cầu thực nghiệm <i>4.2.1. Ý nghĩa của việc nghiên cứu cầu đối với doanh nghiệp</i> <i>4.2.2. Các phương pháp ước lượng hàm cầu</i>	0,5	0,5		1	3	Đọc TLC 1, chương 9; Đọc TLĐT 1, chương 3.
4.3. Dự báo cầu thị trường <i>4.3.1. Kỹ thuật định tính</i> <i>4.3.2. Dự báo bằng phương pháp định mức</i>	1	1,5		2,5	4	Đọc TLC 1, chương 9; Đọc TLC 2, chương 2,3,4;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3.3. Dự báo cầu bằng hệ số co giãn 4.3.4. Mô hình kinh tế lượng						Đọc TLĐT 1, chương 3.
Chương 5. DỰ BÁO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU	2	2		4	10	
5.1. Dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế 5.1.1. Vị trí và nhiệm vụ của dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế 5.1.2. Các nhân tố cơ bản tác động đến tăng trưởng kinh tế 5.1.3. Dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế	1	1		2	5	Đọc TLC 1, chương 12; Đọc TLC 3, chương 2,3.
5.2. Dự báo chuyển dịch cơ cấu kinh tế 5.2.1. Vai trò và nhiệm vụ của dự báo chuyển dịch cơ cấu kinh tế 5.2.2. Phương pháp dự báo chuyển dịch cơ cấu kinh tế	1	1		2	5	Đọc TLC 1, chương 13; Đọc TLC 3, chương 2,3.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	17	10	3	30	74	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.45. Du lịch sinh thái

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Du lịch sinh thái**
Tiếng Anh: **Eco-tourism**
- Mã học phần: ECT202
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và đồ án tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Bài tập: 07 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được các kiến thức cơ bản về du lịch sinh thái như: khái niệm, đặc trưng, các nguyên tắc và yêu cầu cơ bản của du lịch sinh thái, phát triển du lịch sinh thái bền vững, tài nguyên du lịch sinh thái, xây dựng quy hoạch du lịch sinh thái, một số phương pháp trong lập kế hoạch và phát triển du lịch sinh thái, đồng thời có cái nhìn tổng quan về quản lý các dự án du lịch sinh thái tại các khu du lịch, khu bảo tồn, vườn quốc gia của Việt Nam.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Học phần Du lịch sinh thái trang bị các phương pháp và kỹ năng để người học có thể tham gia xây dựng các bước của quá trình quy hoạch và thiết kế, một số phương pháp lập kế hoạch quản lý phát triển du lịch sinh thái tại các khu du lịch, khu bảo tồn, vườn quốc gia,...

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Áp dụng các lý thuyết đã được học để xây dựng các mô hình du lịch sinh thái cho phù hợp với đặc điểm của từng khu vực địa lý cụ thể.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ bài tập nhóm, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm tốt, có khả năng hợp tác tốt khi làm việc trong tập thể.

+ *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ các hoạt động du lịch sinh thái, tư duy và vận dụng một cách linh hoạt và hiệu quả các kiến thức này trong thực tế.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong du lịch sinh thái.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về du lịch sinh thái.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Du lịch sinh thái cung cấp cho sinh viên các nội dung như sau: các khái niệm về du lịch sinh thái, tài nguyên du lịch sinh thái. Các kiến thức, phương pháp và kỹ năng xây dựng quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Huy Bá (2006), *Du lịch sinh thái*, NXB Khoa học và kỹ thuật.
2. Bùi Thị Hải Yến (2011), *Tài nguyên du lịch*, NXB Giáo dục Việt Nam
3. Nguyễn Đình Hòa, Vũ Văn Hiền (2001), *Du lịch bền vững*, NXB ĐHQGHN

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Trung Lương (2002), *Du lịch sinh thái những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*, NXB Giáo dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và tích cực tham gia học tập trên lớp
- Bài tập: Làm bài tập về nhà và bài tập nhóm đầy đủ
- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu ở nhà để nắm vững bài học
 - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH SINH THÁI	3			3	6	
1.1. Những vấn đề cơ bản về du lịch sinh thái <i>1.1.1 Khái niệm về du lịch sinh thái</i> <i>1.1.2 Các đặc trưng cơ bản của du lịch sinh thái</i> <i>1.1.3 Các nguyên tắc cơ bản của du lịch sinh thái</i> <i>1.1.4 Những yêu cầu cơ bản để phát triển DLST</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 1
1.2. Phát triển du lịch sinh thái bền vững	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6 Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 2
1.3 Một số mô hình du lịch sinh thái điển hình <i>1.3.1. Mô hình làng du lịch ở Australia</i> <i>1.3.2. Mô hình du lịch bền vững của cộng đồng châu Âu: ECOMOST</i> <i>1.3.3. Mô hình du lịch bền vững ở Hoàng Sơn – Trung Quốc</i>	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 2. TÀI NGUYÊN DU LỊCH SINH THÁI	3	1		4	8	
2.1. Khái niệm về tài nguyên du lịch sinh thái	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1,4; Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 2
2.2. Đặc điểm của tài nguyên du lịch sinh thái cơ bản	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1,4; Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 2
2.3. Chất lượng tài nguyên du lịch sinh thái <i>2.3.1. Quy mô của tài nguyên du lịch sinh thái</i> <i>2.3.2 Độ hấp dẫn của tài nguyên du lịch sinh thái</i> <i>2.3.3 Sự an toàn tại điểm đến có tài nguyên du lịch sinh thái</i> <i>2.3.4 Các tiêu chí khác phản ánh chất lượng của tài nguyên du lịch sinh thái</i>	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 1,4,6; Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLC 3, chương 2
CHƯƠNG 3. XÂY DỰNG QUY HOẠCH DU LỊCH SINH THÁI	6	1		7	14	
3.1. Giới thiệu chung về quy hoạch du lịch sinh thái <i>3.1.1. Định nghĩa quy hoạch du lịch sinh thái</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1.2. Mục đích của việc quy hoạch du lịch sinh thái						
3.2 Những đặc trưng cơ bản của lãnh thổ du lịch sinh thái 3.2.1. Tính giao thoa hóa hợp nhưng độc lập tương đối 3.2.2. Khả năng tải của điểm du lịch	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 2
3.3 Các yêu cầu cần thiết lựa chọn khu vực để phát triển du lịch sinh thái	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3
3.4 Các nguyên tắc của quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái 3.4.1. Yếu tố sinh thái môi trường đặc thù 3.4.2. Yếu tố thẩm mỹ sinh thái 3.4.3. Yếu tố kinh tế 3.4.4. Yếu tố xã hội	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9 Đọc TLC 2, chương 4
3.5 Các bước cơ bản của quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái 3.5.1. Quy trình quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái 3.5.2. Những điều lưu ý khi tiến hành quy hoạch và thiết kế	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 9 Đọc TLC 2, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>du lịch sinh thái</i>						
3.6. Sản phẩm của quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái 3.6.1. Quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái cho Vườn quốc gia Cát Bà 3.6.2. Quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái Cần Giờ	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 9,11 Đọc TLC 2, chương 4,5
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP TRONG LẬP KẾ HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI	4	3		7	14	
4.1 Phương pháp khung luận lý (Logframe method).	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6,13 Đọc TLC 2, chương 3
4.2 Phương pháp phân tích SWOT	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6,13 Đọc TLC 2, chương 3
4.3 Phương pháp tính sức chứa (Carrying Capacity)	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 6,13 Đọc TLC 2, chương 3
4.4 Phương pháp luận “Các giới hạn của sự thay đổi có thể chấp nhận được – Limits of Acceptable Change (LAC).	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6,13 Đọc TLC 2, chương 3
CHƯƠNG 5. PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI Ở	5	2		7	14	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
VIỆT NAM						
5.1 Những điều kiện để phát triển DLST ở Việt Nam	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 15 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 3
5.2 Một số điểm du lịch sinh thái điển hình ở Việt Nam	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 15 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 3
5.3 Tiềm năng và thực trạng DLST của các khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam	1,5	1		2,5	5	Đọc TLC 1, chương 15 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 3
5.4 Tiềm năng và thực trạng DLST biển – đảo Việt Nam	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 15 Đọc TLC 2, chương 6 Đọc TLC 3, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	21	7	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra

4.5.46. Kiểm soát ô nhiễm môi trường

1. Thông tin chung về môn học

- Tên môn học: **Kiểm soát ô nhiễm môi trường**
- Tên tiếng anh: **Control of Environmental pollution**
- Mã môn học: **EVT 202**
- Số tín chỉ (Lên lớp/Thực hành/Tự nghiên cứu): 2TC
- Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các môn học tiên quyết: Quản lý Môi trường, Pháp luật bảo vệ môi trường
- Các môn học kế tiếp:
- Các môn học song hành:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 20 tiết
 - Làm bài tập trên lớp : 03 tiết
 - Thảo luận, kiểm tra : 07 tiết
 - Tự học : 60 tiết
- Khoa/Bộ môn phụ trách môn học: Khoa Môi trường/ Độc học QTPTMT

2. Mục tiêu của môn học

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: có khả năng trình bày được khái niệm, ý nghĩa và vai trò của kiểm soát ô nhiễm trong bảo vệ môi trường và sức khỏe môi trường; Nêu rõ được bốn trụ cột trong hoạt động kiểm soát môi trường; nắm được các văn bản pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường; nêu được các thủ tục hành chính được sử dụng trong các hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường; Trình bày được những hoạt động cụ thể trong kiểm soát môi trường đất, nước, không khí, phế liệu, hóa chất....;
- Về kỹ năng: Có khả năng vận dụng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan trong công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, phế liệu, hóa chất....;
- Về Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong kiểm soát ô nhiễm môi trường; Có năng lực lập kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch kiểm soát ô nhiễm môi trường; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về kiểm soát ô nhiễm môi trường.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Các nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Nội dung về kiểm soát ô nhiễm môi trường, chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước về kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Các quy định pháp luật liên quan đến kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Hướng dẫn các hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, nhập khẩu phế liệu, kiểm soát ô nhiễm hóa chất, xây dựng kế hoạch kiểm soát ô nhiễm môi trường;

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Mai Văn Tiến (2016), *Kiểm soát và đánh giá chất lượng môi trường*, Giáo trình Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Trần Ngọc Chấn (2000), *Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải* – Tập 1,2,3. Nhà xuất bản KHKT Hà Nội.
3. J. R. Mudakavi, India (2010), *Principles and Practices of Air Pollution Control and Analysis*.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Chuyên đề “*Bốn trụ cột trong quản lý môi trường*” thuộc Dự án: Nâng cao nhận thức về môi trường và năng lực tuyên truyền cho cán bộ ngành tài nguyên và môi trường các tỉnh miền bắc, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2014.

2. Bộ tiêu chí khoanh vùng ô nhiễm (2013), Tổng Cục Môi trường;
3. Các quyết định, thông tư liên quan đến kiểm soát ô nhiễm môi trường.
4. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

5. Japan's Experience in public Health and Medical Systems “*Environmental pollution control measures*”

6. Jerry Spiegel and Lucien Y. Maystre, “*Environmental Pollution Control*”

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên, làm các bài tập chuẩn bị được giao về nhà trước khi đến lớp theo yêu cầu.
- Tại lớp: Giảng viên giảng dạy lý thuyết, cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã được yêu cầu chuẩn bị ở nhà, giáo viên cùng sinh viên sửa bài tập, trao đổi các vướng mắc của sinh viên về những vấn đề của bài học (cả lý thuyết và bài tập).
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết môn học và phân bổ thời gian

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					YC đối với sinh viên
	Lên lớp			Tổng cộng	Tự học	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Chương 1. TỔNG QUAN CHUNG VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG	5		2	7	14	
1.1 Khái niệm về kiểm soát ô nhiễm môi trường	1			1	2	Đọc tài liệu 1, tài liệu tham khảo 5
1.2. Quy định chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước về kiểm soát ô nhiễm	1			1	2	Đọc tài liệu 1
1.3. Bốn trụ cột trong kiểm soát ô nhiễm môi trường (ĐTM; CKBVMT, QTMT, PN&KSON, TTMT)	3		2	5	10	Đọc tài liệu 2
<i>1.3.1. Khái quát chung về 4 trụ cột trong kiểm soát ô nhiễm môi trường (ĐTM; CKBVMT, QTMT, PN&KSON, TTMT)</i>	1,5			1,5	3	Đọc tài liệu 2
<i>1.3.2. Ứng dụng 4 trụ cột trong kiểm soát ô nhiễm môi trường công nghiệp</i>	1,5		2	3,5	7	Đọc tài liệu 2
Chương 2. CÁC QUY ĐỊNH PHÁP	2		1	3	20	

LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM						
2.1 Tổng quan chung về các quy định pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường	1			1	2	Đọc tài liệu 1, 5
2.2. Thủ tục hành chính trong kiểm soát ô nhiễm	1		1	2	4	Đọc tài liệu 1
Chương 3. HƯỚNG DẪN CÁC HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG	13	4	6	23	50	
3.1. Kiểm soát ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí	3		1,5	4,5	9	Đọc tài liệu 1
<i>3.1.1. Kiểm soát ô nhiễm môi trường đất</i>	1		0,5	1,5	3	
<i>3.1.2. Kiểm soát ô nhiễm môi trường nước</i>	1		0,5	1,5	3	
<i>3.1.3. Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí</i>	1		0,5	1,5	3	
3.2 Bảo vệ môi trường trong quản lý nhập khẩu và sử dụng phế liệu	4		0,5	4,5	9	Đọc tài liệu 1
<i>3.2.1. Bảo vệ môi trường trong nhập</i>	2			2	4	

<i>khẩu phế liệu</i>						
3.2.2. Bảo vệ môi trường trong sử dụng phế liệu	2		0,5	2,5	5	
3.3. Kiểm soát ô nhiễm hóa chất và sức khỏe môi trường	4		1	5	10	Đọc tài liệu 1
3.3.1. Kiểm soát ô nhiễm hóa chất	2		1	3,5	6	
3.3.2. Kiểm soát sức khỏe môi trường	2			2	4	
3.4 Hướng dẫn xây dựng kế hoạch kiểm soát ô nhiễm môi trường	1	1		2	4	Đọc tài liệu 1
Kiểm tra			1			
Tổng	20	3	7	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

4.5.47 Thống kê tài nguyên và môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Thống kê tài nguyên và môi trường**

Tiếng Anh: **Statistics for Resources and Environment**

- Mã học phần: SRE203

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Nguyên lý thống kê kinh tế

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết

▪ Bài tập: 5 tiết

- Thảo luận, hoạt động nhóm: 1 tiết
- Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản của thống kê tài nguyên và môi trường như: thống kê và phương pháp tính các loại tài nguyên đất, nước, khoáng sản và môi trường. Thống kê lao động trong ngành tài nguyên và môi trường nói riêng.

- *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng thống kê khoa học, vận dụng các chỉ tiêu thống kê thông dụng, phân tích, đánh giá, lượng giá các loại tài nguyên và môi trường. Rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác thống kê trong đời sống hàng ngày cũng như trong các hoạt động của ngành tài nguyên môi trường nói riêng, của địa phương và của đất nước nói chung.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về công tác thống kê trong đời sống hàng ngày cũng như trong các hoạt động của ngành tài nguyên môi trường nói riêng, của địa phương và của đất nước nói chung.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 6 chương giới thiệu những vấn đề cơ bản trong quá trình thống kê tài nguyên và môi trường. Cụ thể:

Chương 1. Những vấn đề cơ bản của thống kê tài nguyên và môi trường: giới thiệu những kiến thức chung thống kê, đối tượng và phạm vi nghiên cứu thống kê tài nguyên và môi trường, phương pháp luận và nhiệm vụ của thống kê.

Chương 2. Thống kê tài nguyên đất: giới thiệu những kiến thức về đất đai, phân loại đất và một số phương pháp tính tài nguyên đất.

Chương 3. Thống kê tài nguyên nước: giới thiệu những kiến thức về nước, phân loại nước và một số phương pháp tính tài nguyên nước.

Chương 4. Thống kê tài nguyên khoáng sản: giới thiệu những kiến thức về khoáng sản, phân loại khoáng sản và một số phương pháp tính tài nguyên khoáng sản.

Chương 5. Thống kê tài nguyên môi trường: giới thiệu những kiến thức về môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu và biển đảo Việt nam

Chương 6. Thống kê lao động: giới thiệu về lao động, số lượng, chất lượng, năng suất lao động và thu nhập của lao động trong ngành tài nguyên và môi trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Văn Khoa (2010), *Giáo trình Con người và môi trường*, NXB giáo dục Việt nam.

2. GS.TS Phạm Ngọc Kiểm (2009), *Giáo trình Thống kê doanh nghiệp*, NXB lao động - xã hội.

3. Nguyễn Kim Thúy (2009), *Giáo trình Lý thuyết thống kê, ứng dụng trong Quản trị và kinh tế và kinh doanh sản xuất – dịch vụ*, NXB Thống Kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thị Phương Loan (2005), *Giáo trình tài nguyên nước*, NXB Đại học quốc gia Hà nội.

2. Nguyễn Thị Kim Thúy (2008), *Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ*, NXB thống kê

3. TS Bùi Đức Triệu (2012), *Giáo trình Thống kê kinh tế*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.

4. ThS Phan Tuấn Triều (2009), *Giáo trình Tài nguyên đất và môi trường*, Trường đại học Bình Dương

5. TS. Chu Văn Tuấn (2010), *Giáo trình Thống kê doanh nghiệp*, NXB Tài chính.

6. Bộ Tài nguyên và môi trường, *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2011 – 2015*.

7. Thông tư số 29/2013/TT-BTNMT ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường*.

8. Tổng cục thống kê (2008), *Từ điển thống kê*, NXB Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp.

- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm bài tập nhóm, chấp hành các quy định trong thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA THỐNG KÊ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	2			2	6	
1.1 Khái niệm về thống kê tài nguyên và môi trường	0,5			0,5		Đọc TLC 1, chương 1,2;
1.2 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu thống kê tài nguyên và môi trường <i>1.2.1 Đối tượng nghiên cứu thống kê tài nguyên và môi trường</i> <i>1.2.2 Phạm vi nghiên cứu thống kê tài nguyên và môi trường</i>	0,5			0,5		Đọc TLC 1, chương 1,2;
1.3 Phương pháp luận của thống kê tài nguyên và môi trường	0,5					Đọc TLC 1, chương 1,2;
1.4 Nhiệm vụ của thống kê tài nguyên và môi trường	0,5					Đọc TLC 1, chương 1,2;
CHƯƠNG 2. THỐNG KÊ TÀI NGUYÊN ĐẤT	3	1		4	12	
2.1 Khái niệm đất đai	0,5			0,5		Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 6, chương 1.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2 Phân loại đất đai	0,5			0,5		Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 6, chương 7.
2.3 Phương pháp tính tài nguyên đất 2.3.1 Thống kê diện tích và cơ cấu sử dụng đất 2.3.2 Thống kê biến động diện tích 2.3.3 Thống kê đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2.3.4 Thống kê kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và xây dựng bảng giá đất	2	1		3		Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT 6, chương 7.
CHƯƠNG 3. THỐNG KÊ TÀI NGUYÊN NƯỚC	3	1		4	12	
3.1 Khái niệm tài nguyên nước	0,5			0,5		Đọc TLC1, chương 3 TLĐT 1, chương 2.
3.2 Phân loại tài nguyên nước	0,5			0,5		Đọc TLĐT 1, chương 2.
3.3 Phương pháp tính tài nguyên nước 3.3.1 Thống kê diện tích được điều tra, đánh giá nước dưới đất 3.3.2 Thống kê tổng lượng nước mặt một số lưu vực sông chính	2	1		3		Đọc TLC2, chương 4; TLĐT 1, chương 3,5.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>3.3.3 Thống kê tổng lượng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước một số lưu vực sông chính</i>						
CHƯƠNG 4. THỐNG KÊ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN	3	1	1	5	15	
4.1 Khái niệm tài nguyên khoáng sản	0,5					Đọc TLC 1, chương 5;
4.2 Phân loại tài nguyên khoáng sản	0,5					Đọc TLC 1, chương 5;
4.3 Phương pháp tính tài nguyên khoáng sản <i>4.3.1 Thống kê tài nguyên khoáng sản rắn dự tính và dự báo phân theo các cấp tài nguyên</i> <i>4.3.2 Thống kê trữ lượng khoáng sản đã phê duyệt phân theo các cấp trữ lượng</i> <i>4.3.3 Thống kê trữ lượng khoáng sản đã cấp phép, khai thác và còn lại phân theo các cấp trữ lượng</i> <i>4.3.4 Thống kê số lượng giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản được cấp</i>	2 0,5					Đọc TLC 1, chương 5;
Kiểm tra			1			
CHƯƠNG 5. THỐNG KÊ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	5	1	1	7	21	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.1 Môi trường <i>5.1.1 Khái niệm</i> <i>5.1.2 Chất thải và ô nhiễm môi trường</i>	1		1	2		Đọc TLC 1, chương 8;
5.2 Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu <i>5.2.1 Khái niệm</i> <i>5.2.2 Thống kê số giờ nắng, lượng mưa, độ ẩm không khí, nhiệt độ không khí và tốc độ gió</i> <i>5.2.3 Thống kê lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người</i>	2	0,5		2,5		Đọc TLC 1, chương 8;
5.3 Biển và hải đảo <i>5.3.1 Khái niệm</i> <i>5.3.2 Thống kê số vụ, số lượng dầu tràn và hóa chất rò rỉ trên biển, diện tích bị ảnh hưởng</i>	2	0,5		2,5		Đọc TLC 1, chương 8;
CHƯƠNG 6. THỐNG KÊ LAO ĐỘNG	6	1	1	8	24	
6.1 Khái niệm lao động ngành tài nguyên và môi trường	0,5			0,5		Đọc TLC 2, chương 5; Đọc TLĐT 6, chương 3,4.
6.2 Phân loại lao động ngành tài nguyên và môi trường	0,5			0,5		Đọc TLC 2, chương 5; Đọc TLĐT 6, chương 3,4.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.3 Phương pháp tính lao động ngành tài nguyên và môi trường 6.3.1 Thống kê số lượng lao động trong ngành tài nguyên và môi trường 6.3.2 Thống kê chất lượng lao động trong ngành tài nguyên và môi trường 6.3.3 Thống kê năng suất lao động trong ngành tài nguyên và môi trường 6.3.4 Thống kê thời gian lao động trong ngành tài nguyên và môi trường 6.3.5 Thống kê thu nhập của lao động trong ngành tài nguyên và môi trường	5	1		6		Đọc TLC 2, chương 5; Đọc TLĐT 6, chương 3,4.
Kiểm tra			1	1		
Tổng cộng	22	5	3	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.48. Đánh giá tác động môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Đánh giá tác động môi trường**
Tiếng Anh: **Environmental Impact Assessment**
- Mã học phần: EIA 424
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Để học học phần này, sinh viên phải học qua các học phần trong Khối kiến thức chung bắt buộc, Khối kiến thức cơ sở ngành Thủy văn: Cơ sở khoa học môi trường.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 03 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 06 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được các kiến thức cơ bản về quá trình đánh giá tác động môi trường, nội dung đánh giá tác động môi trường và các phương pháp thường sử dụng trong đánh giá tác động môi trường tương ứng theo từng loại hình và lĩnh vực phát triển kinh tế-xã hội.
- *Về kỹ năng:* áp dụng các phương pháp đánh giá tác động môi trường, đề xuất được các giải pháp công nghệ xử lý chất thải, và các biện pháp bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên.
- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong bảo vệ tài nguyên và môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ tài nguyên và môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan về đánh giá tác động môi trường
- Trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường
- Các phương pháp dùng trong đánh giá tác động môi trường

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Hoàng Ngọc Khắc, Nguyễn Khắc Thành, Vũ Văn Doanh (2014), *Giáo trình Đánh giá tác động môi trường* (hệ đại học), Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Trần Văn Ý (Chủ biên) (2006), *Đánh giá tác động môi trường các dự án phát triển*, NXB Thống kê.
3. Phạm Ngọc Hồ & Hoàng Xuân Cơ (2006), *Đánh giá tác động môi trường*, NXB ĐHQG HN.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lê Xuân Hồng (2006), *Cơ sở đánh giá tác động môi trường*, NXB Thống kê.
2. Cục Môi trường (biên dịch) (1995), *Đánh giá tác động môi trường*.
3. UNEP/NEA (1997), *Đánh giá tác động môi trường*, Tài liệu hướng dẫn nguồn lực đào tạo.
4. SEACAM (2000), *Environmental assessment for Coastal Aquaculture Development*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra giữa kì. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	3		1	4	8	
1.1. Định nghĩa, mục đích, ý nghĩa, đối tượng của đánh giá tác động môi trường	1			1	2	Đọc TLC (1) trang 07-27; Đọc TLC (2) trang 01-17; Đọc TLC (2) trang 48-69; Đọc TLC (1) trang 4-6
1.2. Nội dung cơ bản của đánh giá tác động môi trường						
1.3. Phân biệt các hình thức đánh giá môi trường						
1.4. Hệ thống cơ sở pháp lý liên quan đến đánh giá tác động môi trường	1		1	2	4	
1.5. Tổ chức và quản lý công tác đánh giá tác động môi trường	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.6. Sử dụng kết quả đánh giá tác động môi trường						
CHƯƠNG 2. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	7	1	4	12	24	
* Quy trình chung	1				2	
2.1. Lược duyệt						
2.2. ĐTM sơ bộ (Xác định mức độ, phạm vi đánh giá)	1			1	2	
2.3. ĐTM chi tiết, đầy đủ 2.3.1. Chuẩn bị tài liệu và lập đề cương 2.3.2. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	3	1	3	7	14	
2.4. Tham vấn cộng đồng	1			1	2	Đọc TLC (1) trang 33-71; Đọc TLC (2) trang 27-75;
2.5. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường						
2.6. Quản lí và giám sát môi trường (hậu thẩm định) 2.6.1. Nghiệm thu công trình môi trường trước giai đoạn vận hành dự án 2.6.2. Quản lí và giám sát môi trường khi thực hiện dự án	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	Ôn tập chương 1 & 2
CHƯƠNG 3. CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	10	2	2	14	28	
3.1. Phương pháp phân tích logic (LFA)	1			1	2	
3.2. Phương pháp liệt kê số liệu	1			1	2	
3.3. Phương pháp danh mục	1		1	2	4	
3.4. Phương pháp ma trận môi trường	1	1		2	4	Đọc TLC (1) trang 73-94 Đọc TLC (3) trang 165-231;
3.5. Phương pháp chấp bản đồ môi trường	1			1	2	
3.6. Phương pháp sơ đồ mạng lưới			1			
3.7. Phương pháp đánh giá nhanh bằng ước tính tải lượng ô nhiễm	3	1		5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.8. Phương pháp mô hình hóa môi trường	1				2	
3.9. Phương pháp phân tích chi phí – lợi ích mở rộng	1				2	
Cộng	20	3	7	30	60	

1. Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

4.5.49. Kiểm toán môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Kiểm toán môi trường**
Tiếng Anh: **Environmental Auditing**
- Mã học phần: KTKN2604
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Bài tập: 09 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Hiểu được những kiến thức cơ bản về kiểm toán môi trường như mục đích, ý nghĩa, chức năng, yêu cầu và các công việc cơ bản trong hoạt động trước kiểm toán, hoạt động kiểm toán tại cơ sở và hoạt động sau kiểm toán của một cuộc kiểm toán môi trường.
- Về kỹ năng: Có thể áp dụng được những kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn kiểm toán môi trường.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong kiểm toán môi trường, kiểm toán đánh giá tác động môi trường.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về kiểm toán môi trường, kiểm toán đánh giá tác động môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái niệm và nội dung kiểm toán môi trường;
- Khái niệm và quy trình thực hiện kiểm toán đánh giá tác động môi trường;
- Khái niệm và quy trình thực hiện kiểm toán hệ thống quản lý môi trường;
- Khái niệm, quy trình thực hiện kiểm toán chất thải.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Hoàn (2013), *Kiểm toán môi trường*, NXB Lao động và xã hội.
2. Nguyễn Việt Lợi, Đậu Ngọc Châu (2013), *Lý thuyết kiểm toán*, NXB Tài chính.
3. Quý Lâm, Kim Phượng (2014), *Hệ thống tiêu chuẩn quy chuẩn về môi trường*, NXB Lao động xã hội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Hồ Thị Lam Trà, Cao Trường Sơn (2009), *Kiểm toán môi trường*, Trường ĐH Nông Nghiệp Hà Nội.
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Tiêu chuẩn Việt Nam hệ thống quản lý môi trường*.
3. TCVN ISO 14010: 1997 – ISO 14010: 1996, *Hướng dẫn đánh giá môi trường – Nguyên tắc chung*, Trang 185.
4. TCVN ISO 14011: 1997 – ISO 14011: 1996, *Hướng dẫn đánh giá môi trường – Thủ tục đánh giá. Đánh giá hệ thống quản lý môi trường*, Trang 193.
5. TCVN ISO 14012: 1997 – ISO 14012: 1996, *Hướng dẫn đánh giá môi trường – Chuẩn cứ trình độ đối với chuyên gia đánh giá môi trường*, Trang 203.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã chuẩn bị ở nhà.
- Vận dụng các kiến thức để làm các dạng bài tập cơ bản tương ứng với từng nội dung chính của môn học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. KHÁI QUÁT KIỂM TOÁN MÔI TRƯỜNG	6			6	12	
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của kiểm toán môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2. Đọc TLC 2, chương 1.
1.2. Khái niệm, bản chất của kiểm toán môi trường <i>1.2.1. Khái niệm kiểm toán môi trường</i> <i>1.2.2. Phân loại kiểm toán môi trường</i>						
1.3. Mục tiêu, đối tượng của kiểm toán môi trường <i>1.3.1. Bản chất của kiểm toán môi trường</i> <i>1.3.2. Mục tiêu của kiểm toán môi trường</i> <i>1.3.3. Đối tượng của kiểm toán môi trường</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2;
1.4. Ý nghĩa của kiểm toán môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2.
1.5. Các tổ chức quốc tế và hoạt động của các tổ chức liên	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
quan tới kiểm toán môi trường						
1.6. Các chuẩn mực kiểm toán áp dụng trong kiểm toán môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3. Đọc TLC 2, chương 1. Đọc TLC 3, phần 3,4,5,6,7.
1.7. Nội dung và quy trình kiểm toán môi trường <i>1.7.1. Nội dung kiểm toán môi trường</i> <i>1.7.2. Quy trình kiểm toán môi trường</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 1.
Chương 2. KIỂM TOÁN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	4	3		7	14	
2.1. Đánh giá tác động môi trường với vấn đề kiểm toán <i>2.1.1. Khái niệm và đặc điểm đánh giá tác động môi trường</i> <i>2.1.2. Đối tượng đánh giá tác động môi trường</i> <i>2.1.3. Mối quan hệ giữa đánh giá tác động môi trường và kiểm toán</i> <i>2.1.4. Các kỹ thuật thu thập bằng chứng kiểm toán</i> <i>2.1.5. Tiêu chuẩn đánh giá tác động môi trường</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 5.
2.2. Tổ chức thực hiện kiểm toán đánh giá tác động môi trường <i>2.2.1. Chuẩn bị kiểm toán</i> <i>2.2.2. Thực hiện kiểm toán</i> <i>2.2.3. Kết thúc kiểm toán</i>	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 5.
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. KIỂM TOÁN HỆ	4	3		7	14	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG						
3.1. Hệ thống quản lý môi trường với vấn đề kiểm toán <i>3.1.1. Khái niệm và đặc điểm hệ thống quản lý môi trường</i> <i>3.1.2. Mối quan hệ giữa hệ thống quản lý môi trường với kiểm toán môi trường</i> <i>3.1.3. Tiêu chuẩn đánh giá hệ thống quản lý môi trường</i> <i>3.1.4. Nội dung của cuộc kiểm toán hệ thống quản lý môi trường</i> <i>3.1.5. Đối tượng liên quan đến kiểm toán hệ thống quản lý môi trường</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 3, phần 1.
3.2. Tổ chức thực hiện kiểm toán hệ thống quản lý môi trường <i>3.2.1. Lập kế hoạch kiểm toán</i> <i>3.2.2. Thực hiện kiểm toán</i> <i>3.2.3. Kết thúc kiểm toán</i>	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 6;
Chương 4. KIỂM TOÁN CHẤT THẢI	5	3		8	16	
4.1. Chất thải và vấn đề kiểm toán <i>4.1.1. Khái niệm và đặc điểm chất thải</i> <i>4.1.2. Nguồn phát sinh, thành phần và tính chất của chất thải</i> <i>4.1.3. Nội dung của cuộc kiểm toán chất thải</i>	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 6. Đọc TLC 3, phần 4 và phần 7.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2. Tổ chức thực hiện kiểm toán chất thải 4.2.1. Lập kế hoạch kiểm toán 4.2.2. Thực hiện kiểm toán 4.2.3. Kết thúc kiểm toán	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 6.
4.3. Tình hình chất thải rắn và quá trình áp dụng kiểm toán chất thải trên thế giới và Việt Nam 4.3.1. Tình hình phát sinh chất thải rắn 4.3.2. Áp dụng kiểm toán chất thải	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	19	09	02	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.50. Quản lý kinh tế môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Quản lý kinh tế môi trường
▪ Tiếng Anh: **Environmental Economic Management**
- Mã học phần: KTTM2524
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học, Kinh tế môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết
 - Bài tập: 00 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 16 tiết

- Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên hiểu được các kiến thức về cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý môi trường trong các lĩnh vực tự nhiên, kinh tế, xã hội đặc biệt là về tự nhiên và kinh tế. Các vấn đề về quản lý môi trường tự nhiên ở cả góc độ vi mô và vĩ mô.

- *Về kỹ năng:* Vận dụng linh hoạt các chính sách về quản lý môi trường vào thực tiễn công việc.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong quản lý các vấn đề liên quan đến môi trường.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về quản lý các vấn đề liên quan đến môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Cơ sở lý luận và thực tiễn trong quản lý kinh tế môi trường
- Quản lý nhà nước về môi trường
- Quản lý kinh tế chất thải
- Quản lý môi trường trong doanh nghiệp

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thế Chinh (2009), *Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường*, Nhà xuất bản Thống kê.
2. Nguyễn Văn Song (2009), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên*, NXB Tài chính.
3. Phan Huy Đường, Phan Anh, (2017), *Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB Đại học Đại học quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đỗ Thị Lan Anh, Đỗ Anh Tài (2007), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên đất*, NXB Nông nghiệp.
2. TS Nguyễn Mậu Dũng (2009), *Giáo trình Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài, các kiến thức liên quan đến học phần trước khi lên lớp
- Lắng nghe, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp

- Chuẩn bị và trình bày thảo luận các nội dung trong chương trình và các yêu cầu của giảng viên.

- Thực hiện làm các bài kiểm tra theo quy định
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHẬP MÔN QUẢN LÝ KINH TẾ MÔI TRƯỜNG	6			6	15	
1.1 Sự cần thiết của quản lý môi trường <i>1.1.1 Những vấn đề cơ bản về môi trường toàn cầu</i> <i>1.1.2 Những thách thức đối với môi trường toàn cầu</i> <i>1.1.3 Tác động của các vấn đề môi trường toàn cầu đối với Việt Nam</i> <i>1.1.4. Những vấn đề thách thức đối với môi trường Việt Nam hiện nay</i>	2			2	5	Đọc TLC 1, chương 5;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2 Quản lý kinh tế môi trường <i>1.2.1 Khái niệm về quản lý kinh tế môi trường</i> <i>1.2.2. Cơ sở pháp lý của quản lý kinh tế môi trường</i> <i>1.2.3. Đối tượng của quản lý kinh tế môi trường</i> <i>1.2.4. Mục tiêu quản lý kinh tế môi trường</i> <i>1.2.5. Nguyên tắc trong quản lý môi trường</i> <i>1.2.6. Các phương pháp quản lý kinh tế môi trường</i>	2			2	6	Đọc TLC 1 chương 5;
1.3. Các chức năng quản lý kinh tế môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1 chương 5;
1.4. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học	1			1	2	Đọc TLC 1 chương 5;
Chương 2. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG	5		3	8	15	
2.1. Khái niệm và đặc điểm của quản lý nhà nước về môi trường <i>2.1.1. Khái niệm quản lý nhà nước về môi trường</i> <i>2.1.2. Đặc điểm quản lý Nhà nước về môi trường</i>	2			2	5	Đọc TLC 1 chương 5; TLC 3 chương 1,2
2.2. Nội dung và cơ cấu tổ chức quản lý nhà nước về môi trường <i>2.2.1. Nội dung quản lý nhà nước về môi trường</i>	2			2	5	Đọc TLC 1 chương 5;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>theo quy định của luật pháp</i> 2.2.2. Cơ cấu tổ chức quản lý nhà nước về môi trường						
2.3. Các công cụ sử dụng trong quản lý nhà nước về môi trường 2.3.1. Công cụ luật pháp và chính sách 2.3.2. Công cụ kinh tế 2.3.3. Công cụ kỹ thuật quản lý	1		3	4	5	Đọc TLC 1 chương 5;
Kiểm tra			1	1	5	
Chương 3. QUY HOẠCH MÔI TRƯỜNG	6		8	14	15	
3.1. Quy hoạch bảo vệ môi trường 3.1.1. Khái quát về quy hoạch 3.1.2 Nội dung quy hoạch bảo vệ môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1,3 chương 5;
3.2. Cơ sở tiền đề cho quy hoạch bảo vệ môi trường 3.2.1. Cơ sở pháp lý 3.2.2. Cơ sở thực tiễn 3.2.3. Các mối liên hệ trong xây dựng quy hoạch môi trường	1			1	3	Đọc TLC 1 chương 5;
3.3. Xây dựng quy hoạch tài nguyên và môi trường 3.3.1. Tổng quan quá trình xây dựng quy hoạch môi	2			2	5	Đọc TLC 1 chương 5;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>trường</i> 3.3.2. Đánh giá các nguồn tài nguyên và môi trường 3.3.3. Một số loại quy hoạch tài nguyên và môi trường điển hình						
3.4 Lồng ghép dịch vụ hệ sinh thái vào quy hoạch phát triển 3.4.1 Tổng quan về các dịch vụ hệ sinh thái 3.4.2 Phương pháp lồng ghép các dịch vụ hệ sinh thái vào quy hoạch phát triển	2		8	10	5	Đọc TLC 1 chương 5;
Chương 4. QUẢN LÝ KINH TẾ VỀ CHẤT THẢI	6		2	8	15	
4.1. Tổng quan về chất thải 4.1.1. Khái niệm về chất thải 4.1.2. Phân loại chất thải	1			1	2	Đọc TLC 1 chương 5,
4.2. Kinh tế chất thải 4.2.1. Phòng ngừa và giảm thiểu chất thải từ nguồn phát sinh 4.2.2. Tái sử dụng và tái chế chất thải 4.2.3. Loại bỏ chất thải	2			2	3	Đọc TLC 1 chương 5
4.3. Kinh tế học về chất thải 4.3.1 Kinh tế học về các loại chất thải 4.3.2 Kinh tế học quản lý	1			1	5	Đọc TLC 1 chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>chất thải nguy hại</i>						
4.4. Các công cụ trong quản lý chất thải 4.4.1. Các công cụ pháp luật 4.4.2. Các công cụ kinh tế 4.4.3. Các công cụ tuyên truyền giáo dục nhận thức	2		2	4	5	Đọc TLC 1 chương 5
Chương 5. QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG TRONG DOANH NGHIỆP	4		3	7	15	
5.1. Khái quát về môi quan hệ kinh doanh và môi trường 5.1.1. Quan điểm tiếp cận 5.1.2. Kinh doanh 5.1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh	1			1	5	Đọc TLC 1,3 chương 2;
5.2. Chiến lược kinh doanh và môi trường 5.2.1. Một số khái niệm 5.2.2. Gắn kết vấn đề môi trường trong hoạt động kinh doanh 5.2.3. Cách thức xây dựng chiến lược công ty thân thiện với môi trường	1			1	5	Đọc TLC 1,3 chương 2;
5.3. Bộ tiêu chuẩn ISO14000 5.3.1. Hệ thống quản lý môi trường trong doanh nghiệp (EMS)	2		3	5	5	Đọc TLC 1,3 chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.3.2. Kiểm toán môi trường (EA) 5.3.3. Nhân môi trường 5.3.4. Đánh giá vòng đời sản phẩm						
Kiểm tra			1	1	10	
Cộng	27		18	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.51. Quản lý kinh tế tài nguyên

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Quản lý kinh tế tài nguyên

- Tiếng Anh: **Resources Economic Management**
- Mã học phần: KTTM2525
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản trị học, Kinh tế môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 28 tiết
 - Bài tập: 00 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 15 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên hiểu được các kiến thức về cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý tài nguyên trong các lĩnh vực tự nhiên, kinh tế, xã hội đặc biệt là về tự nhiên và kinh tế. Các vấn đề về quản lý tài nguyên thiên ở cả góc độ vi mô và vĩ mô.

- *Về kỹ năng:* Vận dụng linh hoạt các chính sách về quản lý tài nguyên vào thực tiễn công việc.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về quản lý các vấn đề liên quan đến tài nguyên.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Quản lý kinh tế tài nguyên đất
- Quản lý kinh tế tài nguyên nước
- Quản lý kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học
- Quản lý kinh tế tài nguyên biển và hải đảo
- Quản lý kinh tế tài nguyên khoáng sản

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thế Chinh (2009), *Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường*, Nhà xuất bản Thống kê.
2. Nguyễn Văn Song (2009), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên*, NXB Tài chính.
3. GS. TS. Nguyễn Hoàng Toàn, PGS, TS. Mai Văn Bru, (2008), *Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đỗ Thị Lan Anh, Đỗ Anh Tài (2007), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên đất*, NXB Nông nghiệp.
2. TS Nguyễn Mậu Dũng (2009), *Giáo trình Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Thống kê.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài, các kiến thức liên quan đến học phần trước khi lên lớp
- Lắng nghe, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp
- Chuẩn bị và trình bày thảo luận các nội dung trong chương trình và các yêu cầu của giảng viên.

• Thực hiện làm các bài kiểm tra theo quy định

• Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

•
7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. QUẢN LÝ KINH TẾ TÀI NGUYÊN ĐẤT ĐAI	7		3	10	15	
1.1 Một số vấn đề về tài nguyên đất đai	2			2	5	Đọc TLC 1, chương 5;
1.2 Khái quát về quản lý kinh tế tài nguyên đất đai <i>1.2.1 Khái niệm về quản lý kinh tế tài nguyên đất đai</i> <i>1.2.2. Nội dung của quản lý kinh tế tài nguyên đất đai</i> <i>1.2.3. Công cụ quản lý kinh tế tài nguyên đất đai</i>	5			5	5	Đọc TLC 1 chương 5;
1.3. Thực trạng quản lý kinh tế tài nguyên đất đai			3	3	5	Đọc TLC 1 chương 5;
Chương 2. QUẢN LÝ KINH TẾ TÀI NGUYÊN NƯỚC	5		3	8	15	
2.1 Một số vấn đề về tài nguyên nước	1			1	5	Đọc TLC 1 chương 5; TLC 3 chương 1,2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2 Khái quát về quản lý kinh tế tài nguyên nước <i>2.2.1 Khái niệm về quản lý kinh tế tài nguyên nước</i> <i>2.2.2 Vai trò của quản lý kinh tế tài nguyên nước</i> <i>2.2.3. Nội dung của quản lý kinh tế tài nguyên nước</i> <i>2.2.4. Công cụ quản lý kinh tế tài nguyên nước</i>	4			4	5	Đọc TLC 1 chương 5;
2.3. Thực trạng quản lý kinh tế tài nguyên nước			3	3	5	Đọc TLC 1 chương 5;
Chương 3. QUẢN LÝ KINH TẾ TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC	7		3	10	15	
3.1 Một số vấn đề về tài nguyên rừng và đa dạng sinh học	2			2	5	Đọc TLC 1 chương 2;
3.2 Khái quát về quản lý kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học <i>3.2.1 Khái niệm về quản lý kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học</i> <i>3.2.2 Vai trò của quản lý kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học</i> <i>3.2.3. Nội dung của quản lý kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học</i> <i>3.2.4. Công cụ quản lý kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học</i>	5			5	5	Đọc TLC 1 chương 2;
3.3. Thực trạng quản lý kinh tế tài nguyên rừng và đa			3	3	5	Đọc TLC 1 chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
dạng sinh học						
Kiểm tra			1	1	5	
Chương 4. QUẢN LÝ KINH TẾ TÀI NGUYÊN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO	4		3	7	15	
4.1 Một số vấn đề về tài nguyên biển và hải đảo	1			1	5	Đọc TLC 1,3 chương 5;
4.2 Khái quát về quản lý kinh tế tài nguyên biển và hải đảo <i>4.2.1 Khái niệm về quản lý kinh tế tài nguyên biển và hải đảo</i> <i>4.2.2 Vai trò của quản lý kinh tế tài nguyên biển và hải đảo</i> <i>4.2.3. Nội dung của quản lý kinh tế tài nguyên biển và hải đảo</i> <i>4.2.4. Công cụ quản lý kinh tế tài nguyên biển và hải đảo</i>	3			3	5	Đọc TLC 1 chương 5;
4.3. Thực trạng quản lý kinh tế tài nguyên biển và hải đảo			3	3	5	Đọc TLC 1 chương 5;
Chương 5. QUẢN LÝ KINH TẾ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN	5		3	8	15	
5.1 Một số vấn đề về tài nguyên khoáng sản	1			1	5	Đọc TLC 1 chương 5,
5.2 Khái quát về quản lý kinh tế tài nguyên khoáng sản <i>5.2.1 Khái niệm về quản lý kinh tế tài nguyên khoáng sản</i> <i>5.2.2 Vai trò của quản lý kinh tế tài nguyên</i>	4			4	5	Đọc TLC 1 chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>khoáng sản</i> 5.2.3. Nội dung của quản lý kinh tế tài nguyên khoáng sản 5.2.4. Công cụ quản lý kinh tế tài nguyên khoáng sản						
5.3. Thực trạng quản lý kinh tế tài nguyên khoáng sản			3	3	5	Đọc TLC 1 chương 5
Kiểm tra			1	1	10	
Cộng	28		17	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.52. Kinh tế tài nguyên du lịch

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Kinh tế tài nguyên du lịch

- Tiếng Anh: Economics of Tourism Resources
- Mã học phần: KTTM2512
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Bài tập: 00 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 07 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
 - Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sau khi nghiên cứu học phần Kinh tế tài nguyên du lịch, người học phải hiểu được một số nét khái quát về kinh tế tài nguyên du lịch nói chung; hiểu và trình bày được các nét chung về tài nguyên du lịch, phân loại tài nguyên du lịch, và các tác động của hoạt động du lịch đến tài nguyên du lịch; trình bày và phân tích được một số triết lý cơ bản trong khai thác tài nguyên du lịch; trình bày và phân tích được một số phương pháp điều tra và đánh giá tài nguyên du lịch và các biện pháp bảo vệ và phát triển tài nguyên du lịch.

- *Về kỹ năng:*

- + *Kỹ năng nhận thức:* Nắm vững các kiến thức chung về tài nguyên du lịch và các công cụ quản lý tài nguyên du lịch.

- + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

- + *Kỹ năng tư duy:* Đưa ra được những giải pháp giúp cho các doanh nghiệp, cá nhân và Nhà nước khai thác, sử dụng tài nguyên du lịch một cách bền vững, hiệu quả.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong sử dụng, khai thác và quản lý các loại tài nguyên du lịch.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về sử dụng, khai thác và quản lý các loại tài nguyên du lịch.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về học phần Kinh tế tài nguyên du lịch; Khái niệm, đặc điểm, vai trò của tài nguyên du lịch; Phân loại tài nguyên du lịch; Tác động của hoạt động du lịch đến tài nguyên du lịch; Một số triết lý cơ bản trong khai thác tài nguyên du lịch, bao gồm du lịch bền vững, du lịch xanh, du lịch có trách nhiệm và du lịch dựa vào cộng đồng; Quản lý và phát triển tài nguyên du lịch thông qua điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch và các biện pháp bảo vệ, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2009), *Giáo trình Kinh tế du lịch*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.
2. Bùi Thị Hải Yến, Phạm Hồng Long (2011), *Tài nguyên du lịch*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lucian Cernat, Julien Gourdon (2007), *The concept of sustainable tourism sustainable, United Nations conference on trade and development.*
2. Lolita Lumpina(2016), *Responsible Tourism: Environmental Actions in Russian Hotel Industry.*
3. Bobga Eveline Kwangseh(2014), *Community Based Tourism (CBT) Planning –An Analysis of Opportunities and Barriers: A Case Study of Cameroon, Eastern Mediterranean University.*
4. UNWTO (2012), *Tourism in the Green Economy.*

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài, các kiến thức liên quan đến học phần trước khi lên lớp
- Lắng nghe, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp
- Chuẩn bị và trình bày thảo luận các nội dung trong chương trình và các yêu cầu của giảng viên.
- Thực hiện làm các bài kiểm tra theo quy định
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ HỌC PHẦN KINH TẾ TÀI NGUYÊN DU LỊCH	4		1	5	10	
1.1. Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển của du lịch	1			1	2	Đọc TLC 1 chương 2
1.2. Khái quát về kinh tế tài nguyên du lịch 1.2.1. Khái niệm, đặc điểm kinh tế tài nguyên du lịch 1.2.2. Vai trò của kinh tế tài nguyên du lịch 1.2.3. Điều kiện phát triển của kinh tế tài nguyên du lịch	2		1	3	6	Đọc TLC 1 chương 3, chương 4
1.3. Giới thiệu học phần Kinh tế tài nguyên du lịch 1.3.1. Ý nghĩa, nội dung của học phần 1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của học phần	1			1	2	
Chương 2. TÀI NGUYÊN DU LỊCH	4		2	6	16	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của tài nguyên du lịch	1			1	2	Đọc TLC 2 chương 1
2.2. Các loại tài nguyên du lịch 2.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên 2.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn 2.2.3. Tài nguyên kinh tế kỹ thuật và hỗ trợ	2		1	3	6	Đọc TLC 2 chương 1, chương 5
2.3. Tác động của hoạt động du lịch đến tài nguyên du lịch	1		1	2	4	Đọc TLC 2 chương 3
KIỂM TRA			1	1	2	
Chương 3. MỘT SỐ TRIẾT LÝ CƠ BẢN TRONG KHAI THÁC TÀI NGUYÊN DU LỊCH	7			7	22	
3.1. Du lịch bền vững	2			2	4	Đọc TLĐT 1
3.2. Du lịch xanh	1			1	2	Đọc TLĐT 4
3.3. Du lịch có trách nhiệm	2			2	4	Đọc TLĐT 2
3.4. Du lịch dựa vào cộng đồng	2			2	4	Đọc TLĐT 3
Chương 4. QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN TÀI NGUYÊN DU LỊCH	6		4	10	20	
4.1. Điều tra, đánh giá tài	3		1	4	8	Đọc TLC 2 chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
nguyên du lịch 4.1.1. Điều tra tài nguyên du lịch 4.1.2. Đánh giá tài nguyên du lịch						
4.2. Bảo vệ, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch	3		3	6	12	Đọc TLC 2 chương 4
KIỂM TRA			1	1	2	
Cộng	21		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.53. Kinh tế tài nguyên đất

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Kinh tế tài nguyên đất**
▪ Tiếng Anh: **Land Resources Economics**
- Mã học phần: KTTM2511
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học; ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 17,5 tiết
 - Bài tập: 8,5 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 02 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Hiểu được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm tài nguyên đất; vai trò của tài nguyên đất đối với nền kinh tế; hiểu và vận dụng được cơ sở lý thuyết của kinh tế tài nguyên đất; các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất; lý thuyết cung cầu đất đai và tình hình thị trường đất đai tại Việt Nam.

- *Về kỹ năng*:

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Hiểu và vận dụng được cơ sở lý thuyết của kinh tế đất vào việc sử dụng, khai thác tài nguyên đất đạt hiệu quả. Đánh giá được hiệu quả sử dụng đất trong thực tế. Đồng thời, phân tích được tình hình thị trường đất đai tại Việt Nam.

+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Phân tích được tình hình khai thác tài nguyên đất, đưa ra được giải pháp khai thác, sử dụng tài nguyên một cách bền vững.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong kinh tế tài nguyên đất, đánh giá hiệu quả sử dụng đất, thị trường đất.

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về kinh tế tài nguyên đất, đánh giá hiệu quả sử dụng đất, thị trường đất.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Tổng quan về kinh tế tài nguyên đất, cơ sở lý thuyết về kinh tế tài nguyên đất, đánh giá hiệu quả sử dụng đất, thị trường đất.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Song (2009), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên*, NXB Tài chính.
2. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình Kinh tế đất*, NXB Lao động.
3. Quentin Grafton, Wiktor Adamowicz, Diane Dupont, Hary Nelson, Robert J.Hill, and Steven Renzetti (2004), *The Economics of the Environment and Natural Resources*, Blackwell Publisher.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thế Chinh (2003), *Giáo trình Kinh tế và quản lý môi trường*, NXB Thống Kê.
2. Nguyễn Văn Song (2006), *Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi trường*, NXB Nông nghiệp.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp. Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận.

- Trong quá trình học giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao...Sinh viên cần thực hiện nghiêm túc các yêu cầu này của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN ĐẤT	4			4	8	
1.1. Khái quát chung về tài nguyên	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Khái quát chung về tài nguyên đất 1.2.1. Khái niệm, phân loại và đặc điểm của tài nguyên đất 1.2.2. Vai trò của đất đai trong phát triển kinh tế - xã hội 1.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sử dụng đất	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLC2, chương 1
Chương 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA KINH TẾ TÀI NGUYÊN ĐẤT	5	3,5		8,5	17	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1. Địa tô	1,5			1,5	3	Đọc TLC2, chương 2
2.2. Lợi thế tuyệt đối và lợi thế tương đối	1,5	1,5		3	6	Đọc TLC2, chương 2
2.3. Phân tích tài chính và phân tích lợi ích chi phí trong kinh tế đất	2	2		4	8	Đọc TLC2, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT	4	3,5		7,5	15	
3.1 Khái niệm về hiệu quả	0,5			0,5	1	Đọc TLC2, chương 4
3.2. Phân loại hiệu quả	0,5			0,5	1	Đọc TLC2, chương 4
3.3 Các hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất	3	3,5		6,5	13	Đọc TLC2, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. THỊ TRƯỜNG ĐẤT ĐAI	4,5	1,5	2	8	16	
4.1. Khái niệm và phân loại thị trường đất đai	0,5			0,5	1	Đọc TLC2, chương 5
4.2. Cầu về đất đai	1			1	2	Đọc TLC2, chương 5
4.3. Cung về đất đai	1			1	2	Đọc TLC2, chương 5
4.4. Cân bằng thị trường đất đai và giá cả đất đai	1	1,5		2,5	5	Đọc TLC2, chương 5
4.5. Thực trạng thị trường đất đai ở Việt Nam	1		2	3	6	Đọc TLC2, chương 5
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng	17,5	8,5	4	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.54. Kinh tế tài nguyên nước

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Kinh tế tài nguyên nước

- Tiếng Anh: **Water Resources Economics**

- Mã học phần: KTTM2515
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bachelor's degree, Natural Resource Economics
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 6 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 2 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và phân tích được một số khái niệm cơ bản như: cung nước, cầu nước, thị trường nước, giá nước...phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ thống kinh tế và tài nguyên nước; phân tích các công cụ và chính sách quản lý tài nguyên nước; phân tích, đánh giá được về mặt kinh tế dự án tài nguyên nước thông qua phân tích chi phí - lợi ích.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Phân tích, đánh giá hiệu quả của việc sử dụng nước trong các dự án.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các phương pháp phân tích lợi ích – chi phí để xác định giá trị của nước trong từng dự án nước cụ thể.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Phân tích, đánh giá kinh tế trong từng dự án nước cụ thể từ đó đưa ra những giải pháp giúp cho các doanh nghiệp, cá nhân và nhà nước khai thác, sử dụng tài nguyên nước một cách bền vững.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong phân tích kinh tế các dự án tài nguyên nước,

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về phân tích kinh tế các dự án tài nguyên nước.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan về kinh tế tài nguyên nước gồm những vấn đề cơ bản về kinh tế tài nguyên nước như: khái niệm, vai trò của nước; tài nguyên nước trên thế giới và Việt Nam;...
- Thị trường nước: Cung, cầu đối với nước; thị trường nước và giá cả nước.
- Cơ sở kinh tế của việc phân tích kinh tế các dự án tài nguyên nước: giá trị thời gian của tiền; lợi ích và chi phí của các dự án; một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả dự án.
- Phân tích kinh tế một số dự án tài nguyên nước: đối với dự án cấp nước sinh hoạt, dự án cấp nước nông nghiệp và dự án cấp nước thủy điện.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Bá Uân, Ngô Thị Thanh Vân (2006), Giáo trình Kinh tế thủy lợi, NXB Xây dựng.
2. Nguyễn Thanh Sơn (2005), Đánh giá tài nguyên nước Việt Nam, NXB Giáo dục.
3. Trần Hùng Sơn (2003), Nhập môn phân tích lợi ích – chi phí, NXB Quốc gia TP.HCM

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Ngô Thị Thanh Vân (2005), Kinh tế sử dụng tổng hợp tài nguyên nước, NXB Nông nghiệp.
2. Hà Văn Khôi (2004), Quy hoạch và quản lý nguồn nước, NXB Nông nghiệp.
3. Nguyễn Ngọc Dung (2008), Quản lý tài nguyên và môi trường, NXB Xây dựng.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài, các kiến thức liên quan đến học phần trước khi lên lớp
- Lắng nghe, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp
- Chuẩn bị và trình bày thảo luận các nội dung trong chương trình và các yêu cầu của giảng viên.

- Thực hiện làm các bài kiểm tra theo quy định
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN NƯỚC	4			4	8	
1.1. Khái quát chung về tài nguyên nước <i>1.1.1. Khái niệm, đặc điểm tài nguyên nước</i> <i>1.1.2. Vai trò của của tài nguyên nước</i> <i>1.1.3. Các nguyên nhân dẫn đến sự khan hiếm nguồn nước</i>	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 2
1.2. Nguyên lý Dublin	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.3. Trữ lượng và phân bố tài nguyên nước trên thế giới và Việt Nam <i>1.3.1. Trữ lượng và phân bố tài nguyên nước trên thế giới</i> <i>1.3.2. Trữ lượng và phân bố tài nguyên nước ở Việt Nam</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 2
1.4. Kinh tế tài nguyên nước <i>1.4.1. Khái niệm kinh tế tài nguyên nước</i> <i>1.4.2. Đối tượng và nội dung nghiên cứu</i> <i>1.4.3 Phương pháp nghiên</i>	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
cứu						
Chương 2. THỊ TRƯỜNG NƯỚC	7	1	1	9	18	
2.1. Cầu về nước 2.1.1. Khái niệm cầu về nước 2.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến cầu về nước 2.1.3. Đường cầu nước	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 2
2.2. Cung về nước 2.2.1. Khái niệm về cung 2.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến cung về nước 2.2.3. Đường cung nước	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 2
2.3. Cân bằng thị trường nước và giá cả nước 2.3.1 Thị trường nước 2.3.2 Giá nước	1	1	1	3	5	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. CƠ SỞ KINH TẾ CỦA PHÂN TÍCH KINH TẾ CÁC DỰ ÁN TÀI NGUYÊN NƯỚC	5	1		6	12	
3.1. Giá trị của tiền theo thời gian 3.1.1. Giá trị thời gian của tiền 3.1.2. Chiết khấu 3.1.3. Một số công thức tính giá trị của dòng tiền	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLĐT 5, chương 9
3.2. Một số lợi ích và chi phí của dự án 3.2.1. Một số lợi ích của dự án 3.2.2. Một số chi phí của	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>dự án</i>						
3.3. Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả dự án 3.3.1. Giá trị hiện tại ròng 3.3.2. Tỷ số lợi ích – chi phí 3.3.3. Hệ số hoàn vốn nội bộ	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 9
Chương 4. PHÂN TÍCH KINH TẾ MỘT SỐ DỰ ÁN TÀI NGUYÊN NƯỚC	4	3	2	9	18	
4.1. Phân tích kinh tế dự án cấp nước sinh hoạt 4.1.1. Một số lợi ích của dự án cấp nước sinh hoạt 4.1.2. Một số chi phí của dự án cấp nước sinh hoạt	1,5	1	1	3,5	6	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 3, chương 9
4.2. Phân tích Kinh tế dự án cấp nước tưới 4.2.1. Một số lợi ích của dự án cấp nước tưới 4.2.2. Một số chi phí của dự án cấp nước tưới	1,5	1	1	3,5	8	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 3, chương 9
4.3 Phân tích Kinh tế dự án thủy điện 4.3.1. Một số lợi ích của dự án điện 4.3.2. Một số chi phí của dự án thủy điện	1	1		2	2	Đọc TLC 1, chương 5; Đọc TLC 3, chương 9
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20	6	4	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.55. Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản
 - Tiếng Anh: Economics of Mineral and Energy Resources
- Mã học phần: KTTM2514
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Đại học; ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 16,5 tiết
 - Bài tập: 5,5 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 6 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được những kiến thức cơ bản như khái niệm, đặc điểm, phân loại, vai trò của tài nguyên năng lượng và tài nguyên khoáng sản; Phân tích được tình hình sử dụng năng lượng, một số mô hình năng lượng, thị trường và giá cả năng lượng; phân tích tài chính, kinh tế một số dự án năng lượng, tình hình quản lý khai thác và sử dụng tài nguyên năng lượng ở Việt Nam; phân tích được mô hình khai thác tài nguyên khoáng sản, thị trường khoáng sản; phân tích tài chính, kinh tế dự án khai thác mỏ khoáng sản và quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam.

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Phân tích được mô hình khai thác và sử dụng tối ưu đối với tài nguyên năng lượng và tài nguyên khoáng sản.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Đề xuất được những giải pháp khai thác, sử dụng tài nguyên năng lượng và tài nguyên khoáng sản bền vững, hiệu quả.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong Khai thác, sử dụng năng lượng; thị trường và giá cả khoáng sản; phân tích tài chính, kinh tế dự án khai thác mỏ khoáng sản và quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản.

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Khai thác, sử dụng năng lượng; thị trường và giá cả khoáng sản; phân tích tài chính, kinh tế dự án khai thác mỏ khoáng sản và quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan về Kinh tế tài nguyên năng lượng và tài nguyên khoáng sản

- Kinh tế tài nguyên năng lượng: Khai thác, sử dụng năng lượng, mối quan hệ giữa năng lượng với kinh tế và môi trường; phân tích tài chính, kinh tế của dự án năng lượng...

- Kinh tế tài nguyên khoáng sản: Các mô hình khai thác tài nguyên khoáng sản; thị trường và giá cả khoáng sản; phân tích tài chính, kinh tế dự án khai thác mỏ khoáng sản và quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Song (2009), Giáo trình Kinh tế tài nguyên, NXB Tài chính.

2. Bùi Đức Hùng, Phạm Hoàng Lương, Nguyễn Việt Dũng, Bùi Thanh Hùng, (2018), *Quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả*, NXB Bách khoa Hà Nội

3. Quentin Grafton, Wiktor Adamowicz, Diane Dupont, Hary Nelson, Robert J.Hill, and Steven Renzetti (2004), *The Economics of the Environment and Natural Resources*, Blackwell Publisher.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bùi Xuân Hồi (2008), *Lý thuyết giá năng lượng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật

2. Nguyễn Hoàn, Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Tân Huyền, (2017), *Kinh tế tài nguyên và môi trường*, NXB Tài chính.

3. Robert N. Stavins (2012), *Economics of the environment*, W. W. Norton & Company, Inc.

4. Roger Perman, Yue Ma, James McGilvray, Michael Common (2003), *Natural Resource and Environmental Economics*, Ashford Colour Press Ltd., Gosport

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp. Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận.

- Trong quá trình học giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao...Sinh viên cần thực hiện nghiêm túc các yêu cầu này của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN NĂNG LƯỢNG VÀ KHOÁNG SẢN	5			5	10	
1.1. Khát quát chung về tài nguyên năng lượng	2,5			2,5	5	Đọc TLC 1, chương 6.
1.2. Khái quát chung về tài nguyên khoáng sản	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 6.
1.3. Khái niệm, đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu học phần Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1.
Chương 2. KINH TẾ NĂNG LƯỢNG	5,5	2	3,5	11	22	
2.1. Sử dụng và cung cấp năng lượng	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3. Đọc TLC 2, chương 2.
2.2. Một số mô hình năng lượng	1		1	2	4	
2.3. Năng lượng với phát triển kinh tế và môi trường	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3. Đọc TLC 2, chương 2.
2.4. Thị trường và giá cả năng lượng	1			1	2	Đọc TLĐT 1, chương 1.
2.5. Phân tích tài chính, kinh tế của một số dự án năng lượng	1	2		3	6	Đọc TLĐT 2, chương 2, 3, 4
2.6. Quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên năng lượng ở Việt Nam	0,5		2,5	3	6	Đọc TLĐT 2, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 3. KINH TẾ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN	6	3,5	2,5	12	24	
3.1. Một số vấn đề về khai thác khoáng sản	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 6.
3.2. Một số mô hình khai thác tài khoáng sản. 3.2.1. Mô hình khai thác khoáng sản trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo 3.2.2 Mô hình khai thác khoáng sản trong thị trường độc quyền 3.2.3. Một số vấn đề cần chú ý khi mở rộng lý thuyết	2,5	2		4,5	8	Đọc TLC 1, chương 6
3.3. Thị trường và giá cả khoáng sản	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 6
3.4. Phân tích tài chính, kinh tế của dự án khai thác mỏ khoáng sản	1,5	1,5		3	6	Đọc TLC 1, chương 6
3.5. Quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam	0,5		2,5	3	9	Đọc TLC 1, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	16,5	5,5	8	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

1. Course information

- **Course title: Economics of Mineral and Energy Resources**

- Course code: KTTM2301

- Course credit value: 2 credits

- Objective learners: University students, Economics of Natural Resources major
- The position of the module in the training program:

General education knowledge <input type="checkbox"/>		Professional education knowledge <input checked="" type="checkbox"/>				Internship and thesis <input type="checkbox"/>
		Foundation knowledge of the major <input type="checkbox"/>		Knowledge of the major <input checked="" type="checkbox"/>		
Compulsory <input type="checkbox"/>	Optional <input type="checkbox"/>	Compulsory <input type="checkbox"/>	Optional <input type="checkbox"/>	Compulsory <input checked="" type="checkbox"/>	Optional <input type="checkbox"/>	

- Prerequisites: Microeconomics

- Total periods: 30 periods

- Theories : 16,5 periods
- Exercises : 5,5 periods
- Discussions, team-work : 6 periods
- Tests : 2 periods

- Self-study: 60 hours

- Department in charge of the course: Economics of Environmental and Natural Resources Department, Economics of Environmental and Natural Resources Faculty

2. Course objectives

After finishing the module, students achieve the following objectives:

- Knowledge: Presenting basic knowledge such as concept, object, task and method of studying the economics of energy and mineral resources; Present the concept, characteristics, classification, role, ... of energy resources and mineral resources; Analyze the energy use situation, some energy, market models and energy prices; financial and economic analysis of some energy projects, management of energy exploitation and use in Vietnam; model of mineral resource exploitation, mineral market, financial analysis, economics of mineral mining project and management, exploitation and use of mineral resources in Vietnam.

- About skills:

+ Professional skills: Applying the knowledge and methods learned to analyze the optimal exploitation and use models for energy and mineral resources. Apply to use and exploit these resources in a reasonable and effective way.

+ Skills to work with groups: Through discussion and practice hours, practice skills to work with groups and cooperate with others.

+ Thinking skills: Giving solutions to help businesses, individuals and the State exploit and use energy and mineral resources in a sustainable and effective way.

- Autonomy and responsibility:

+ Having the ability to make conclusions about the professional issues in use, exploitation and management of energy and mineral resources.

+ Capable of planning, coordinating and promoting collective intelligence; have the ability to evaluate and improve professional operations on use, exploitation and management of energy and mineral resources.

3. Course description

Content covered in the module includes:

- Overview of Economic resources of energy and mineral resources

- Energy and energy economy: Exploiting, using energy, the relationship between energy and economy and environment; Financial, economic analysis of energy projects ...

- Economic of mineral resources: Models of mineral resources exploitation; market and mineral prices; Financial analysis, economic mineral mining project and management, exploitation and use of mineral resources in Vietnam.

4. Course materials

4.1. Main materials:

1. Nguyễn Văn Song (2009), Giáo trình Kinh tế tài nguyên, NXB Tài chính.

2. Đặng Thành Trung, Đặng Hoài Nam (2014), Kinh tế năng lượng, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

3. Quentin Grafton, Wiktor Adamowicz, Diane Dupont, Hary Nelson, Robert J.Hill, and Steven Renzetti (2004), The Economics of the Environment and Natural Resources, Blackwell Publisher.

4.2. Further materials:

1. Bùi Xuân Hồi (2008), Lý thuyết giá năng lượng, NXB Khoa học và Kỹ thuật

2. Nguyễn Hoàn, Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Tân Huyền, (2017), Kinh tế tài nguyên và môi trường, NXB Tài chính.

2. Robert N. Stavins (2012), Economics of the environment, W. W. Norton & Company, Inc.

3. Roger Perman, Yue Ma, James McGilvray, Michael Common (2003), Natural Resource and Environmental Economics, Ashford Colour Press Ltd., Gosport

5. Teaching and learning methods

The main teaching and learning methods are:

- Learner centered teaching method
- Active learning teaching method
- + Group work method
- + Sharing method.

6. Duties of students

- Actively participate in class activities. The level of active participation in class activities: assessing through the number of speeches in class in theory sessions and discussions.
- In the course of studying, the lecturer may suddenly check the preparation of the lesson before going to class, suddenly check the required readings, or assigned assignments ... Students need to take seriously these requirements of the instructor.
- Conditions for the end of the module: the minimum number of classes attended is 70%.

7. Assessment scale

Students are assessed according to a scale of 10, converted to text scale and scale of 4 in accordance with current regulations.

8. Assessment forms and methods

8.1. Process assessment

Weight of 40%, including:

- Two mark with coefficient 1: 1 period tests/ course-work/ discussions/ attendance;

8.2. Final assessment

Weight of 60%

- Examination form:

Writing

Multiple choice

Experiment

9. Course detail contents

Contents	Teaching methods				Self study (hours)	Requirements for students
	Lectures (periods)					
	Theory	Exercise	Discussion, Test	Total		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chapter 1. OVERVIEW OF ECONOMICS OF MINERAL AND ENERGY RESOURCES	5			5	10	
1.1. General overview of energy resources	2,5			2,5	5	Read main material (1), chapter 6
1.2. General overview of mineral resources	2			2	4	Read main material (1), chapter 6
1.3. Concepts, objects, contents and research methods of Economics of mineral and energy resources	0,5			0,5	1	Read main material (1), chapter 1
Chapter 2. ENERGY ECONOMICS	5,5	2	3,5	11	22	
2.1. Use and supply of energy	1			1	2	Read main material (2), chapter 2,3
2.2. Some models of energy	1		1	2	4	
2.3. Energy with economic growth and environment	1			1	2	Read main material (2), chapter 2,3
2.4. Market and energy prices	1			1	2	Read main material (1), chapter 1
2.5. Financial and economic analysis of some energy projects	1	2		3	6	Read main material (2), chapter 2,3,4
2.6. Management, exploitation and use of energy resources in Vietnam	0,5		2,5	3	6	Read main material (2), chapter 6
Test			1	1	2	
Chapter 3. ECONOMICS OF MINERAL RESOURCES	6	3,5	2,5	12	24	
3.1. Some problems of mining	0,5			0,5	1	Read main material (1), chapter 6
3.2. Some models of mineral exploitation 3.2.1. Mining model in perfectly competitive markets 3.2.2 Mining model in monopoly markets 3.2.3. Some issues need attention when expanding the theory	2,5	2		4,5	8	Read main material (1), chapter 6
3.3. Market and mineral prices	1			1	2	Read main material (1), chapter 6
3.4. Financial and economic analysis of mineral mining projects	1,5	1,5		3	6	Read main material (1), chapter 6
3.5. Management, exploitation and use of mineral resources in Vietnam	0,5		2,5	3	9	Read main material (1), chapter 6
Test			1	1	2	
Total	16,5	5,5	8	30	60	

4.5.56. Kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học

▪ Tiếng Anh: **Economics of Biodiversity and Forests**

- Mã học phần: KTTM2516

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Đại học; ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết

▪ Bài tập: 03 tiết

▪ Thảo luận, hoạt động nhóm: 06 tiết

▪ Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và phân tích được các mô hình trong sử dụng, khai thác tài nguyên rừng, hệ thống kinh tế lâm nghiệp, thị trường lâm sản, tình hình quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên rừng ở Việt Nam; hiểu và phân tích được các giá trị đa dạng sinh học, nguyên nhân gây suy thoái đa dạng sinh học dưới góc độ kinh tế; vận dụng, phân tích được thực trạng sử dụng, khai thác đa dạng sinh học và bảo vệ đa dạng sinh học ở Việt Nam.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức*: Phân tích được mô hình khai thác và sử dụng tối ưu đối với tài nguyên rừng, đa dạng sinh học

+ *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng được các phương pháp khai thác tài nguyên tối ưu để xác định được mức khai thác tài nguyên rừng và đa dạng sinh học.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy*: Phân tích, đánh giá thực trạng từ đó được những giải pháp nhằm khai thác, sử dụng tài nguyên rừng, đa dạng sinh học một cách bền vững, hiệu quả.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học.

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về kinh tế tài nguyên trong đó sẽ đưa ra những nét chung nhất, khái quát nhất về tài nguyên rừng, đa dạng sinh học và kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học; Mô hình sinh học, khai thác rừng; hệ thống kinh tế lâm nghiệp và thị trường lâm sản, phát triển rừng và thực trạng quản lý khai thác và sử dụng rừng ở Việt Nam; Khai thác và sử dụng đa dạng sinh học; mối quan hệ giữa đa dạng sinh học và phát triển, suy thoái đa dạng sinh học, khai thác sử dụng đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Song (2009), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên*, NXB Tài chính.
2. Quentin Grafton, Wiktor Adamowicz, Diane Dupont, Hary Nelson, Robert J.Hill, and Steven Renzetti (2004), *The Economics of the Environment and Natural Resources*, Blackwell Publisher.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Mộng (2011), *Giáo trình bảo tồn đa dạng sinh học*, Đại học Huế.
2. Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Vũ Danh Tuyên (2010), *Giáo trình tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường*, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

3. Bùi Thị Thục Anh, Phan Thanh Quyết (2012), Giáo trình tài nguyên thiên nhiên, Đại học Quảng Bình.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp. Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận.

- Trong quá trình học giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao...Sinh viên cần thực hiện nghiêm túc các yêu cầu này của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ	3			3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
KINH TẾ TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC						
1.1. Khát quát chung về tài nguyên rừng	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 4.
1.2. Khái quát chung về đa dạng sinh học	1			1	2	Đọc TLC1, chương 6
1.3. Khái niệm, đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu học phần Kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 2. KINH TẾ TÀI NGUYÊN RỪNG	10	3	3	16	32	
2.1. Mô hình sinh học, khai thác tài nguyên rừng 2.1.1. Mô hình sinh học 2.1.2. Mô hình kinh tế khai thác gỗ 2.1.3. Mô hình khai thác rừng đạt hiệu quả dựa trên khoảng thời gian khai thác và chi phí cơ hội	2	2		4	8	Đọc TLC 1, chương 4.
2.2. Hệ thống kinh tế lâm nghiệp, cơ cấu kinh tế lâm nghiệp và phát triển lâm nghiệp	4			4	8	Đọc TLC 1, chương 4.
2.3. Thị trường lâm sản	1	1		2	4	Đọc TLC 1, chương 4.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4. Phát triển rừng	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 4. Đọc TLĐT 2, chương 2.
2.5. Quản lý khai thác và sử dụng tài nguyên rừng ở Việt Nam	1		3	4	8	Đọc TLC 1, chương 4.
<i>Kiểm tra</i>			1	1	2	
Chương 3. KINH TẾ ĐA DẠNG SINH HỌC	6		3	9	18	
3.1. Khai thác, sử dụng tài nguyên đa dạng sinh học	1,5			1,5	3	Đọc TLC1, chương 6
3.2. Đa dạng sinh học và phát triển	1			1	2	Đọc TLC1, chương 6
3.3. Suy thoái đa dạng sinh học 3.3.1. Khái niệm suy thoái đa dạng sinh học 3.3.2. Nguyên nhân gây suy thoái đa dạng sinh học dưới góc độ kinh tế	1			1	2	Đọc TLC2, chương 7
3.4. Bảo tồn đa dạng sinh học	1,5			1,5	3	Đọc TLC1, chương 6
3.5. Khai thác, sử dụng đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam	1		3	4	8	
<i>Kiểm tra</i>			1	1	2	
Cộng	19	3	8	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

1. Course information

- Course title: Economics of Biodiversity and Forests

- Course code: KTTM2301

- Course credit value: 2 credits

- Objective learners: University students, Economics of Natural Resources major

- The position of the module in the training program:

General education knowledge <input type="checkbox"/>		Professional education knowledge <input checked="" type="checkbox"/>				Internship and thesis <input type="checkbox"/>
		Foundation knowledge of the major <input type="checkbox"/>		Knowledge of the major <input checked="" type="checkbox"/>		
Compulsory <input type="checkbox"/>	Optional <input type="checkbox"/>	Compulsory <input type="checkbox"/>	Optional <input type="checkbox"/>	Compulsory <input checked="" type="checkbox"/>	Optional <input type="checkbox"/>	

- Prerequisites: Microeconomics

- Total periods: 30 periods

- Theories : 19 periods
- Exercises : 03 periods
- Discussions, team-work : 06 periods
- Tests : 02 periods

- Self-study: 60 hours

- Department in charge of the course: Economics of Environmental and Natural Resources Department, Economics of Environmental and Natural Resources Faculty

2. Course objectives

After finishing the module, students achieve the following objectives:

- Regarding knowledge: After studying the module of Economics of Biodiversity and Forests, learners must understand and present some generalizations about the economic of forest resources and biodiversity in general; present and analyze models in the use and exploitation of forest resources, forestry economic system, market of forest products, management, exploitation and use of forest resources in Vietnam; presenting biodiversity values, causes of biodiversity degradation from an economic perspective; Current status of using and exploiting biodiversity and protecting biodiversity in Vietnam.

- About skills:

- + Cognitive skills: Analyzing the optimal exploitation and use model for forest resources and biodiversity
- + Career skills: Applying the optimal methods of exploiting natural resources to determine the exploitation of forest resources and biodiversity.
- + Skills to work with groups: Through discussion and practice hours, practice skills to work with groups and cooperate with others.
- + Thinking skills: Giving solutions to help businesses, individuals and the State exploit and use forest resources and biodiversity in a sustainable and effective way.
- Autonomy and responsibility:
 - +Having the ability to make conclusions about the professional issues in Biological models, forest exploitation; forestry economic system and forest product market, forest development.
 - +Capable of planning, coordinating and promoting collective intelligence; have the ability to evaluate and improve professional operations Biological models, forest exploitation; forestry economic system and forest product market, forest development.

3. Course description

3. Course description

The content covered in the module includes: Overview of the resource economics subject, which will provide the most general and general features of forest resources, biodiversity and economic resources of forests and biodiversity. learn; Biological models, forest exploitation; forestry economic system and forest product market, forest development and the status of forest exploitation and use management in Vietnam; Exploiting and using biodiversity; The relationship between biodiversity and development, degradation of biodiversity, exploitation and use of biodiversity and biodiversity conservation in Vietnam.

4. Course materials

4.1. Main materials:

1. Nguyễn Văn Song (2009), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên*, NXB Tài chính.
2. Quentin Grafton, Wiktor Adamowicz, Diane Dupont, Hary Nelson, Robert J.Hill, and Steven Renzetti (2004), *The Economics of the Environment and Natural Resources*, Blackwell Publisher.

4.2. Further materials:

1. Nguyễn Mộng (2011), *Giáo trình bảo tồn đa dạng sinh học*, Đại học Huế.

2. Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Vũ Danh Tuyên (2010), *Giáo trình tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường*, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

3. Bùi Thị Thục Anh, Phan Thanh Quyết (2012), *Giáo trình tài nguyên thiên nhiên*, Đại học Quảng Bình.

5. Teaching and learning methods

The main teaching and learning methods are:

- Learner centered teaching method
- Active learning teaching method
- + Group work method
- + Sharing method.

6. Duties of students

- Actively participate in class activities. The level of active participation in class activities: assessing through the number of speeches in class in theory sessions and discussions.
- In the course of studying, the lecturer may suddenly check the preparation of the lesson before going to class, suddenly check the required readings, or assigned assignments ... Students need to take seriously these requirements of the instructor.
- Conditions for the end of the module: the minimum number of classes attended is 70%.

7. Assessment scale

Students are assessed according to a scale of 10, converted to text scale and scale of 4 in accordance with current regulations.

8. Assessment forms and methods

8.1. Process assessment

Weight of 40%, including:

- Two mark with coefficient 1: 1 period tests/ course-work/ discussions/ attendance;

8.2. Final assessment

Weight of 60%

- Examination form:

Writing

Multiple choice

Experiment

9. Course detail contents

Contents	Teaching methods				Self study (hours)	Requirements for students
	Lectures (periods)					
	Theory	Exercise	Discussion, Test	Total		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chapter 1. OVERVIEW OF ECONOMICS OF BIODIVERSITY AND FORESTS	3			3	6	
1.1. General overview of forest resources	1,5			1,5	3	Read main material (2), chapter 4
1.2. General overview of biodiversity	1			1	2	Read main material (1), chapter 6
1.3 Concepts, objects, contents and learning methods for Economics of biodiversity and forest resources	0,5			0,5	1	Read main material (1), chapter 1
Chapter 2. ECONOMICS OF FOREST RESOURCES	10	3	3	16	32	
2.1. Biological models, exploitation of forest resources 2.1.1. Biological models 2.1.2. Economic models of logging 2.1.3. The model of effective forest exploitation based on the time of exploitation and opportunity cost	2	2		4	8	Read main material (1), chapter 4
2.2. Forestry economic system, forestry economic structure and development	4			4	8	Read main material (1), chapter 4
2.3. Markets of forest products	1	1		2	4	Read main material (1), chapter 4
2.4. Forest development	2			2	4	Read main material (1), chapter 2,4
2.5. Management, exploitation and use of forest resources in Vietnam	1		3	4	8	Read main material (1), chapter 4
Test			1	1	2	
Chapter 3. ECONOMICS OF BIODIVERSITY	6		3	9	18	
3.1. Exploitation and use of biodiversity resources	1,5			1,5	3	Read main material (1), chapter 6
3.2. Biodiversity and development	1			1	2	Read main material (1), chapter 6
3.3. Biodiversity degradation 3.3.1. Concept of biodiversity degradation 3.3.2. Causes of biodiversity degradation in economic perspective	1			1	2	Read main material (1), chapter 7
3.4. Biodiversity conservation	1,5			1,5	3	Read main material (1), chapter 6
3.5. Exploitation and use of biodiversity and biodiversity	1		3	4	8	

Contents	Teaching methods					Requirements for students
	Lectures (periods)				Self study (hours)	
	Theory	Exercise	Discussion, Test	Total		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
conservation in Vietnam						
Test			1	1	2	
Total	19	3	8	30	60	

4.5.57. Kinh tế tài nguyên sinh vật biển

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Kinh tế tài nguyên sinh vật biển

Tiếng Anh: Marine living resource economics

- Mã học phần: KTTM2517
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 60 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 34 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 120 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế Tài nguyên và Môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản của học phần bao gồm: Khái niệm, phân loại tài nguyên sinh vật biển; Vai trò của tài nguyên sinh vật biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên sinh vật biển; Những vấn đề

toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên sinh vật biển hiện nay; Các mô hình khai thác tài nguyên sinh vật biển và đường cung của ngành khai thác tài nguyên sinh vật biển.

+ Vận dụng, phân tích và đánh giá được tiềm năng và thực trạng khai thác và quản lý tài nguyên sinh vật biển ở Việt Nam hiện nay.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hình thành nhận thức đúng đắn, khoa học về các vấn đề liên quan đến khai thác hiệu quả tài nguyên sinh vật biển.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các lý thuyết cơ bản về khai thác tài nguyên sinh vật biển vào đánh giá thực tiễn khai thác tài nguyên sinh vật biển ở Việt Nam hiện nay.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận, các bài tập nhóm rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm.

+ *Kỹ năng tư duy:* Vận dụng lý thuyết vào đánh giá thực tiễn khai thác tài nguyên sinh vật biển ở Việt Nam hiện nay rèn luyện kỹ năng tư duy các vấn đề thực tiễn dựa trên nền tảng lý thuyết khoa học, khách quan.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong khai thác Tài nguyên sinh vật Biển;

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về khai thác Tài nguyên sinh vật Biển.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Học phần Kinh tế Tài nguyên sinh vật Biển nghiên cứu tài nguyên sinh vật biển theo cách tiếp cận kinh tế tài nguyên. Theo đó, học phần tập trung làm rõ những vấn đề như: Khái niệm, phân loại tài nguyên sinh vật biển; Vai trò của tài nguyên sinh vật biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, đặc điểm của kinh tế tài nguyên sinh vật biển và tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên sinh vật biển; Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên sinh vật biển hiện nay. Học phần cung cấp những hiểu biết về một số mô hình lý thuyết trong khai thác tài nguyên sinh vật biển; Đường cung của ngành khai thác tài nguyên sinh vật biển.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Vũ Trung Tạng, (2014), *Sinh học và sinh thái học biển*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Lê Đức Tố, Hoàng Trọng Lập, Trần Công Trục, Nguyễn Quang Vinh, (2005), *Quản lý biển*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Nguyễn Hoàn, Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Tân Huyền (2017), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên và Môi trường*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Hồng Thao (2003), *Bảo vệ Môi trường biển - Vấn đề và giải pháp*, NXB Chính trị Quốc gia.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2013), *100 câu hỏi- đáp về biển đảo*, NXB Thông tin và Truyền thông.

3. Trần Thọ Đạt, Vũ Thị Hoài Thu (2012), *Biến đổi khí hậu và sinh kế ven biển*, Diễn đàn Phát triển Việt Nam.

4. Nguyễn Văn Song (2009), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên*, NXB Tài chính.

5. Ola Flaaten (2011), *Fisheries Economics and Management*, Norwegian College of Fishery Science University of Tromsø, N-9037 Tromsø, Norway.

6. Roger Perman, Yue Ma, James McGilvray, Michael Common (2003), *Natural Resource and Environmental Economics*, Ashford Colour Press Ltd., Gosport

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động trên lớp, bao gồm: nghe giảng, phát biểu, làm bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, ...

- Tuân thủ đầy đủ, nghiêm túc các yêu cầu của giảng viên giao, bao gồm: tự đọc tài liệu, làm bài tập ở nhà, ...

- Thực hiện đầy đủ 2 bài kiểm tra hệ số 1 theo quy định.

- Chấp hành quy định về thời gian lên lớp, nội quy trong giờ học.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. **Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận

Trắc nghiệm

Vấn đáp

Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN SINH VẬT BIỂN	8			8	16	
1.1. Khái quát về tài nguyên sinh vật biển	4			4	8	Đọc TLC 1, Chương 2; Đọc TLC 3, Chương 2.
1.1.1. Khái niệm, phân loại tài nguyên sinh vật biển	1			1	2	
1.1.2. Vai trò của tài nguyên sinh vật biển	1,5			1,5	3	
1.1.3. Các hình thức sở hữu tài nguyên sinh vật biển	1,5			1,5	3	
1.2. Kinh tế tài nguyên sinh vật biển	3,5			3,5	7	
1.2.1. Khái niệm và tầm quan trọng của Kinh tế tài nguyên sinh vật biển	1			1	3	Đọc TLĐT 1, chương 1,3; Đọc TLĐT 2, phần 1, 3; Đọc TLĐT 3, chương 1, 2.
1.2.2. Một số thách thức của kinh tế tài nguyên sinh vật biển hiện nay	2,5			2,5	4	
1.3. Nội dung, ý nghĩa của học phần Kinh tế tài nguyên sinh vật biển	0,5			0,5	1	
Chương 2. ĐẶC TRƯNG SINH HỌC CỦA TÀI NGUYÊN SINH VẬT BIỂN	17	2		19	38	
2.1. Sự tăng trưởng và phát triển của sinh vật biển	6			6	11	Đọc TLC 3, Chương 10
2.1.1. Sự tăng trưởng của cơ thể sinh vật biển	3			3	5	
2.1.2. Sự phát triển của cá thể sinh vật biển	3			3	6	
2.2. Phân bố của sinh	4			4	9	
						Đọc TLC 3, Chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
vật biển	2			2	4,5	
2.2.1. Những quy luật chung về sự phân bố của sinh vật biển	2			2	4,5	
2.2.2. Các vùng phân bố của sinh vật biển						
2.3. Quần thể sinh vật biển	5	1		6	8	Đọc TLC 3, Chương 11
2.3.1. Khái niệm, cấu trúc của quần thể sinh vật biển	2			2	2	
2.3.2. Sự tăng trưởng số lượng và cá thể của quần thể sinh vật biển	3	1		4	6	
2.4. Mô hình cân bằng sinh học	3	1		4	8	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. MÔ HÌNH KINH TẾ KHAI THÁC TÀI NGUYÊN SINH VẬT BIỂN	15	6		21	34	
3.1. Mô hình khai thác gián đơn tài nguyên sinh vật biển	3	1		4	8	Đọc TLC 2, chương 7; Đọc TLĐT 4, chương 5.
3.2. Mô hình kinh tế khai thác tài nguyên sinh vật biển	14	5		19	28	Đọc TLC 2, chương 7; Đọc TLĐT 4, chương 5; Đọc TLĐT 5
3.2.1. Tổng doanh thu, tổng chi phí trong khai thác tài nguyên sinh vật biển	3			3	6	
3.2.2. Mô hình kinh tế khai thác tài nguyên sinh vật biển trong điều kiện tự do tiếp cận	5	2		7	15	
3.2.3. Mô hình kinh tế khai thác tài nguyên sinh vật biển trong điều kiện sở hữu tư nhân	6	3		9	17	
Chương 4. ĐƯỜNG CUNG CỦA NGÀNH KHAI THÁC TÀI NGUYÊN SINH VẬT	9		1	10	28	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
BIỂN						
4.1. Đường cung của ngành khai thác tài nguyên sinh vật biển trong điều kiện tự do tiếp cận	4			4	14	Đọc TLC 2, chương 7; Đọc TLĐT 4, chương 5.
4.2. Đường cung của ngành khai thác tài nguyên sinh vật biển trong điều kiện sở hữu tư nhân	5		1	6	14	Đọc TLC 2, chương 7; Đọc TLĐT 4, chương 5.
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	49	8	3	60	120	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.58. Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản biển

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản biển

▪ Tiếng Anh: Mineral and Energy Resources Economics

- Mã học phần: KTTM2509

- Số tín chỉ: 04

- Đối tượng học: Đại học; ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết: 16,5 tiết

- Bài tập: 5,5 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 6 tiết
- Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản như đặc điểm, phân loại, vai trò của tài nguyên năng lượng và tài nguyên khoáng sản biển; Phân tích được tình hình sử dụng năng lượng, một số mô hình năng lượng, thị trường và giá cả năng lượng biển; phân tích tài chính, kinh tế một số dự án năng lượng biển, tình hình quản lý khai thác và sử dụng tài nguyên năng lượng biển ở Việt Nam; mô hình khai thác tài nguyên khoáng sản, thị trường khoáng sản biển, phân tích tài chính, kinh tế dự án khai thác mỏ khoáng sản và quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản biển ở Việt Nam.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng được các kiến thức, phương pháp đã học để Phân tích được mô hình khai thác và sử dụng tối ưu đối với tài nguyên năng lượng và tài nguyên khoáng sản. Vận dụng để sử dụng và khai thác các tài nguyên này một cách hợp lý và hiệu quả.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Phân tích, đánh giá thực trạng từ đó đưa ra được những giải pháp nhằm khai thác, sử dụng tài nguyên năng lượng và tài nguyên khoáng sản biển một cách bền vững, hiệu quả.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến Kinh tế tài nguyên năng lượng và tài nguyên khoáng sản biển;

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức để nâng cao trình độ về khai thác, quản lý tài nguyên năng lượng và tài nguyên khoáng sản biển

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan về Kinh tế tài nguyên năng lượng và tài nguyên khoáng sản biển
- Kinh tế tài nguyên năng lượng biển: Khai thác, sử dụng năng lượng, mối quan hệ giữa năng lượng biển với kinh tế và môi trường; phân tích tài chính, kinh tế của dự án năng lượng biển, ...
- Kinh tế tài nguyên khoáng sản biển: Các mô hình khai thác tài nguyên khoáng sản biển; thị trường và giá cả khoáng sản biển; phân tích tài chính, kinh tế dự án khai thác mỏ khoáng sản và quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản biển ở Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Song (2009), Giáo trình Kinh tế tài nguyên, NXB Tài chính.
2. Đặng Thành Trung, Đặng Hoài Nam (2014), Kinh tế năng lượng, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
3. Quentin Grafton, Wiktor Adamowicz, Diane Dupont, Hary Nelson, Robert J.Hill, and Steven Renzetti (2004), *The Economics of the Environment and Natural Resources*, Blackwell Publisher.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bùi Xuân Hồi (2008), *Lý thuyết giá năng lượng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật
2. Nguyễn Hoàn, Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Tân Huyền, (2017), *Kinh tế tài nguyên và môi trường*, NXB Tài chính.
3. Robert N. Stavins (2012), *Economics of the environment*, W. W. Norton & Company, Inc.
4. Roger Perman, Yue Ma, James McGilvray, Michael Common (2003), *Natural Resource and Environmental Economics*, Ashford Colour Press Ltd., Gosport

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp. Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận.

- Trong quá trình học giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao... Sinh viên cần thực hiện nghiêm túc các yêu cầu này của giảng viên.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN NĂNG LƯỢNG VÀ KHOÁNG SẢN BIỂN	10			10	20	
1.1. Khát quát chung về tài nguyên năng lượng biển	5			5	10	Đọc TLC 1, chương 6.
1.2. Khái quát chung về tài nguyên khoáng sản biển	4			4	8	Đọc TLC 1, chương 6.
1.3. Khái niệm, đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu học phần Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản biển	1			1	1	Đọc TLC 1, chương 1.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 2. KINH TẾ NĂNG LƯỢNG BIỂN	13	4	7	24	48	
2.1. Sử dụng và cung cấp năng lượng biển	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 3. Đọc TLC 2, chương 2.
2.2. Một số mô hình năng lượng biển	2		2	4	8	
2.2. Năng lượng biển với phát triển kinh tế và môi trường	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 3. Đọc TLC 2, chương 2.
2.3. Thị trường và giá cả năng lượng biển	2			2	4	Đọc TLĐT 1, chương 1.
2.4. Phân tích tài chính, kinh tế của một số dự án năng lượng biển	2	4		6	12	Đọc TLĐT 2, chương 2, 3, 4
2.4 Quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên năng lượng biển ở Việt Nam	3		5	8	16	Đọc TLĐT 2, chương 6
<i>Kiểm tra</i>			1	1	2	
Chương 3. KINH TẾ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN BIỂN	12	7	5	24	48	
3.1. Một số vấn đề về khai thác khoáng sản biển	1			1	1	Đọc TLC 1, chương 6.
3.2. Một số mô hình khai thác tài khoáng sản biển	5	4		9	18	Đọc TLC 1, chương 6
3.3. Thị trường và giá cả khoáng	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
sản biển						
3.4. Phân tích tài chính, kinh tế của dự án khai thác khoáng sản biển	3	3		6	12	Đọc TLC 1, chương 6
3.5. Quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản biển ở Việt Nam	1		5	6	12	Đọc TLC 1, chương 6
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	35	11	14	60	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.59. Kinh tế tài nguyên du lịch biển

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Kinh tế tài nguyên du lịch biển**
Tiếng Anh: **Economics of marine tourism**
- Mã học phần: KTTM2513
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế vi mô
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động : 60 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 43 tiết
 - Bài tập: 05 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết

▪ Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 120 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế Tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*

+ Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản của học phần bao gồm: Khái niệm, phân loại tài nguyên du lịch biển; Vai trò của tài nguyên du lịch biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên du lịch biển; Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên du lịch biển hiện nay; Các mô hình lý thuyết cơ bản trong khai thác tài nguyên du lịch biển có khả năng tái sinh và tài nguyên biển không có khả năng tái sinh; Sự cần thiết của quản lý tài nguyên du lịch biển, và những biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên du lịch biển; Ý nghĩa của việc đánh giá giá trị kinh tế tài nguyên du lịch biển và các phương pháp đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên du lịch biển.

+ Vận dụng, phân tích và đánh giá được tiềm năng và thực trạng khai thác và quản lý tài nguyên du lịch biển ở Việt Nam hiện nay.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Hình thành nhận thức đúng đắn, khoa học về các vấn đề liên quan đến khai thác và quản lý hiệu quả tài nguyên du lịch biển.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các lý thuyết cơ bản về khai thác và quản lý tài nguyên du lịch biển vào đánh giá thực tiễn khai thác và quản lý tài nguyên du lịch biển ở Việt Nam hiện nay.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận, các bài tập nhóm rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm.

+ *Kỹ năng tư duy:* Thông qua vận dụng lý thuyết vào đánh giá thực tiễn khai thác và quản lý tài nguyên du lịch biển ở Việt Nam hiện nay rèn luyện kỹ năng tư duy các vấn đề thực tiễn dựa trên nền tảng lý thuyết khoa học, khách quan.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan về các thông tin chung về kinh tế tài nguyên du lịch biển, quy hoạch du lịch biển;

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý tài nguyên du lịch biển; Các phương pháp cơ bản đánh giá giá trị tài nguyên du lịch biển.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Học phần Kinh tế tài nguyên du lịch biển nghiên cứu tài nguyên du lịch biển theo cách tiếp cận kinh tế tài nguyên du lịch biển. Theo đó, học phần tập trung làm rõ những vấn

đề như: Khái niệm, phân loại tài nguyên du lịch biển; Vai trò của tài nguyên du lịch biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, đặc điểm của kinh tế tài nguyên du lịch biển và tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên du lịch biển; Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên du lịch biển hiện nay.

Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về một số mô hình lý thuyết trong khai thác tài nguyên du lịch biển; Những biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên du lịch biển; Các phương pháp cơ bản đánh giá giá trị tài nguyên du lịch biển.

Ngoài ra, học phần còn làm rõ những vấn đề thực tiễn về khai thác và quản lý tài nguyên du lịch biển ở Việt Nam hiện nay.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Song (2009), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên*, NXB Tài chính.
2. Bùi Hải Yến, (2011), *Tài nguyên du lịch*, NXB Giáo dục Việt Nam
3. Nguyễn Đình Hòe, Vũ Văn Hiếu; *Du lịch bền vững*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Hồng Thao (2003), *Bảo vệ Môi trường biển - Vấn đề và giải pháp*, NXB Chính trị Quốc gia.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2013), *100 câu hỏi- đáp về biển đảo*, NXB Thông tin và Truyền thông.
3. Trần Thọ Đạt, Vũ Thị Hoài Thu (2012), *Biến đổi khí hậu và sinh kế ven biển*, Diễn đàn Phát triển Việt Nam.
4. Nguyễn Chu Hồi, Trần Thị Hoa, Vũ Thị Thảo, Nguyễn Văn Công (2012), *Cẩm nang Quy hoạch không gian biển và vùng bờ cấp địa phương*.
5. Nguyễn Lâm Anh, Trần Văn Phước, Nguyễn Trọng Lương (2011), *Quản lý tổng hợp vùng ven biển*, Đại học Nha Trang.
6. Tổng cục Thủy sản (2012), *Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030*.
7. Tổng công ty dầu khí Việt Nam (2005), *Địa chất và tài nguyên dầu khí Việt Nam*.
8. Viện nghiên cứu phát triển du lịch (2013), *Đề án Phát triển du lịch biển, đảo và vùng ven biển đến năm 2020*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động trên lớp, bao gồm: nghe giảng, phát biểu, làm bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, ...
- Tuân thủ đầy đủ, nghiêm túc các yêu cầu của giảng viên giao, bao gồm: tự đọc tài liệu, làm bài tập ở nhà, ...
- Thực hiện đầy đủ 2 bài kiểm tra hệ số 1 theo quy định.
- Chấp hành quy định về thời gian lên lớp, nội quy trong giờ học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ) BT	
	LT	BT	TL,KT	LT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN DU LỊCH BIỂN	14			14	28	
1.1. Tài nguyên du lịch Biển	6			6	12	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLĐT 2, chương 2
<i>1.1.1. Khái niệm về tài nguyên du lịch Biển</i>						
<i>1.1.2. Đặc điểm của tài nguyên du lịch Biển</i>						
<i>1.1.3. Chất lượng tài nguyên du lịch Biển</i>						
1.2. Kinh tế tài nguyên du lịch biển	6			6	12	Đọc TLC 1, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ) BT	
	LT	BT	TL,KT	LT		
						1 Đọc TLĐT 2, chương 2
<i>1.2.1. Khái niệm, tầm quan trọng của Kinh tế tài nguyên du lịch biển</i>	2			2	4	
<i>1.2.2. Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển Kinh tế tài nguyên du lịch biển hiện nay</i>	4			4	8	
1.3. Đối tượng, nội dung và mục tiêu nghiên cứu của học phần Kinh tế tài nguyên du lịch biển	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1 Đọc TLĐT 2, chương 2
CHƯƠNG 2 XÂY DỰNG QUY HOẠCH DU LỊCH BIỂN	15		2	17	34	
2.1. Giới thiệu chung về quy hoạch du lịch Biển	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1
<i>2.1.1. Định nghĩa quy hoạch du lịch Biển</i>						
<i>2.1.2. Mục đích của việc quy hoạch du lịch Biển</i>						
2.2 Những đặc trưng cơ bản của lãnh thổ du lịch Biển	2		1	3	6	Đọc TLĐT 2, chương 2
<i>2.2.1. Tính giao thoa hóa hợp nhưng độc lập tương đối</i>						
<i>2.2.2. Khả năng tải của điểm du lịch</i>						
2.3 Các yêu cầu cần thiết lựa chọn khu vực để phát triển du lịch Biển	2		1	3	6	Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLĐT 3, chương

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ) BT	
	LT	BT	TL,KT	LT		
						2
2.4 Các nguyên tắc của quy hoạch và thiết kế du lịch Biển	3			3	6	
2.4.1. Yếu tố Biển môi trường đặc thù						
2.4.2. Yếu tố thẩm mỹ Biển						
2.4.3. Yếu tố kinh tế						
2.4.4. Yếu tố xã hội						
2.5 Các bước cơ bản của quy hoạch và thiết kế du lịch Biển	3			3	6	Đọc TLC 3, chương 1 Đọc TLĐT 4, chương 3
2.5.1. Quy trình quy hoạch và thiết kế du lịch Biển						
2.5.2. Những điều lưu ý khi tiến hành quy hoạch và thiết kế du lịch Biển						
2.6. Sản phẩm của quy hoạch và thiết kế du lịch Biển	3			3	6	Đọc TLC 3, chương 1 Đọc TLĐT 4, chương 4
Chương 3. QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN DU LỊCH BIỂN	7		3	10	20	
3.1. Sự cần thiết của quản lý tài nguyên du lịch biển	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLĐT 2, chương 4
3.2. Một số biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên du lịch biển	5		3	8	16	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ) BT	
	LT	BT	TL,KT	LT		
3.2.1. Quản lý tài nguyên du lịch biển thông qua công cụ thuế						
3.2.2. Quản lý tài nguyên du lịch biển thông qua công cụ hạn ngạch, can thiệp giá						
3.2.3. Thiết lập các khu bảo tồn thiên nhiên biển						
3.2.4. Quy hoạch không gian du lịch biển						
3.2.5. Quản lý tổng hợp vùng ven biển						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ KINH TẾ CỦA TÀI NGUYÊN DU LỊCH BIỂN	9	5	1	15	30	
4.1. Giá trị kinh tế tài nguyên và ý nghĩa của việc đánh giá giá trị tài nguyên du lịch biển	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 1 Đọc TLĐT 1, chương 4
4.2. Một số phương pháp đánh giá giá trị kinh tế tài nguyên du lịch biển	7	5		12	24	
4.2.1. Phương pháp chi phí lợi ích						
4.2.2. Phương pháp giá trị thị trường						
4.2.3. Phương pháp sử dụng các hàng hoá liên quan, thay thế						
4.2.4. Phương pháp chi phí du lịch						
4.2.5. Phương pháp tạo dựng thị trường						
4.2.6. Phương pháp chuyển đổi lợi ích						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ) BT	
	LT	BT	TL,KT	LT		
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 5. KINH TẾ TÀI NGUYÊN DU LỊCH BIỂN VIỆT NAM	2		2	4	8	
5.1. Tài nguyên biển Việt Nam	1		1	2	4	Đọc TLC 3, chương 1 Đọc TLĐT 4, chương 4
5.2. Khai thác và quản lý tài nguyên biển Việt Nam	1		1	2	4	Đọc TLC 3, chương 1 Đọc TLĐT 4, chương 5
Cộng	43	5	12	60	120	0

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.60. Quản lý tổng hợp vùng ven biển

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Quản lý tổng hợp vùng ven biển**

Tiếng Anh: **Integrated Management of Coastal Areas**

- Mã học phần: KTTM2526

- Số tín chỉ: 04

- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước:

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 60 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 47 tiết

Bài tập: 0 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 11 tiết

Kiểm tra: 02 tiết

Thời gian tự học: 120 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Hiểu được những kiến thức cơ bản về vùng ven biển; các vấn đề kinh tế - xã hội ở vùng ven biển và thể chế, chính sách quản lý hiện hành, nhu cầu quản lý tổng hợp vùng ven biển; các nguyên tắc, chu trình, nội dung và sản phẩm đầu ra của quản lý tổng hợp vùng ven biển; cách thức tiến hành xây dựng và triển khai một kế hoạch quản lý tổng hợp vùng ven biển cụ thể. Phân tích các bài học kinh nghiệm về quản lý tổng hợp vùng ven biển trên thế giới và vận dụng, đánh giá thực trạng hoạt động quản lý tổng hợp vùng ven biển ở Việt Nam.
- *Về kỹ năng*
 - + *Kỹ năng nghề nghiệp*: Vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn quản lý, bảo vệ và phát triển vùng ven biển.
 - + *Kỹ năng làm việc với nhóm*: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.
 - + *Kỹ năng tư duy*: Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu, bảo vệ và phát triển vùng ven biển ở Việt Nam.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan Quản lý tổng hợp vùng ven biển: lập kế hoạch và phân vùng quản lý tổng hợp vùng ven biển;
 - + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý tổng hợp vùng ven biển.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Quản lý tổng hợp vùng ven biển nghiên cứu các vấn đề về vùng ven biển. Học phần tập trung vào việc nghiên cứu và phân tích tầm quan trọng của vùng ven biển; các thách thức và bối cảnh kinh tế - xã hội, thể chế - chính sách quản lý vùng ven biển và xác định các vấn đề bức xúc, ưu tiên quản lý của vùng ven biển. Từ đó, lập kế hoạch quản lý tổng hợp vùng ven biển, phân vùng chức năng trong quản lý tổng hợp vùng ven biển, nêu rõ thực trạng việc quản lý tổng hợp vùng ven biển ở Việt Nam và các biện pháp khắc phục.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thế Chinh (2009), *Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường*, Nhà xuất bản Thống kê.
2. GS. TS. Nguyễn Hoàng Toàn, PGS, TS. Mai Văn Bru, (2008), *Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Nguyễn Văn Song (2009), *Giáo trình Kinh tế tài nguyên*, NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Mậu Dũng (2009), *Giáo trình Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Thống kê.
2. Lê Đức Tố (2005), *Giáo trình Quản lý biển*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input checked="" type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input checked="" type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input checked="" type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài, các kiến thức liên quan đến học phần trước khi lên lớp
- Lắng nghe, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp
- Chuẩn bị và trình bày thảo luận các nội dung trong chương trình và các yêu cầu của giảng viên.
- Thực hiện làm các bài kiểm tra theo quy định
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1
- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1: NHU CẦU QUẢN LÝ TỔNG HỢP	14			14	28	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
VÙNG VEN BIỂN						
1.1 Các vấn đề chung về quản lý tổng hợp vùng ven biển thế giới và Việt Nam	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2
1.2 Tầm quan trọng về kinh tế và môi trường của vùng ven biển	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 1
1.3 Các đe dọa đến môi trường vùng ven biển	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 1
1.4 Các vấn đề bức xúc về kinh tế - xã hội ở vùng ven biển	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 1
1.5 Thể chế chính sách quản lý vùng ven biển còn nhiều bất cập	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 2
1.6 Nguyên nhân sâu xa của sự suy thoái hệ sinh thái và mất tài nguyên vùng ven biển	2			2	4	Đọc TLĐT2, chương 2
1.7 Phát triển theo ngành vùng ven biển	2			2	4	Đọc TLĐT2, chương 2
CHƯƠNG 2: LẬP KẾ HOẠCH QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÙNG VEN BIỂN	11		4	15	30	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1 Bản chất và bối cảnh quản lý	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLĐT1, chương 1
2.2 Khái niệm về quản lý tổng hợp vùng ven biển	2			2	4	Đọc TLC 2, chương 3;
2.3 Các mục tiêu và nguyên tắc chỉ dẫn của quản lý tổng hợp vùng ven biển	3			3	6	Đọc TLĐT1, chương 2
2.4 Một số nguyên tắc trong lập kế hoạch quản lý tổng hợp vùng ven biển	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 2;
2.5 Lập kế hoạch quản lý tổng hợp vùng ven biển	2		4	6	12	Đọc TLĐT1, chương 2
CHƯƠNG 3: TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÙNG VEN BIỂN VIỆT NAM	9		4	13	26	
3.1 Vị thế và tiềm năng của biển và vùng ven biển Việt Nam	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 4;
3.2 Các thách thức chủ yếu đối với quản lý tổng hợp vùng ven biển Việt Nam	2		1	3	6	Đọc TLĐT1, chương 3
3.3 Các nỗ lực quản lý vùng ven biển Việt Nam	2		1	3	6	Đọc TLC 1, chương 3;
3.4 Các vấn đề và nguyên tắc cơ bản về quản lý vùng ven biển ở	2		1	3	6	Đọc TLĐT1, chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Việt Nam						
3.5 Lồng ghép nghề cá vào quản lý tổng hợp vùng ven biển	2		1	3	6	Đọc TLC 1, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 4: PHÂN VÙNG QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÙNG VEN BIỂN	13		3	16	32	
4.1 Các vấn đề chung	2					Đọc TLC 2, chương 2;
4.2 Cách tiếp cận và mục đích của phân vùng	1					Đọc TLĐT1, chương 1
4.3 Các nguyên tắc và phương pháp phân vùng	3					Đọc TLC3, chương 4;
4.4 Áp dụng phương pháp phân vùng chức năng vùng ven biển	3		1			Đọc TLĐT2, chương 3
4.5 Đánh giá mức độ thực hiện một kế hoạch quản lý tổng hợp vùng ven biển						Đọc TLC 1, chương 4;
4.5.1 Đánh giá, giám sát và vai trò của chỉ thị	4		2			
4.5.2 Vai trò của chỉ thị trong quản lý tổng hợp vùng ven biển						
4.5.3 Các chỉ thị của quản lý tổng hợp vùng ven biển						
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng	47		13	60	120	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.61. Thực tập tốt nghiệp

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Thực tập tốt nghiệp
 - Tiếng Anh: **Internship**
- Mã học phần: ITS204
- Số tín chỉ: 06

- Đối tượng học: Đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Phân tích chi phí - lợi ích, Quản lý kinh tế tài nguyên, quản lý kinh tế môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 08 tuần (40 ngày)
- Thời gian tự học: 80 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Biết được tình hình thực tế của công tác khai thác và quản lý tài nguyên, môi trường; Các vấn đề về lượng giá giá trị tài nguyên, môi trường; Thực tế sử dụng phân tích chi phí - lợi ích trong lựa chọn các dự án tài nguyên, môi trường ... tại đơn vị thực tập. Qua đó liên hệ với phần lý luận đã học tại nhà trường nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác khai thác, quản lý tài nguyên và môi trường trong thực tiễn.

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng về nhận thức: Vận dụng được các kiến thức đã học để áp dụng trong phân tích, đánh giá thực tiễn khai thác, quản lý tài nguyên và môi trường.

+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm trong hợp tác, thực hiện công việc có tính chất phân nhóm;

+ Kỹ năng tư duy: Phân tích, đánh giá được thực trạng khai thác, sử dụng và quản lý từng loại tài nguyên, môi trường cụ thể từ đó đưa ra những giải pháp nhằm khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và môi trường.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong kinh tế tài nguyên và môi trường.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về kinh tế tài nguyên và môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tìm hiểu về tổ chức và hoạt động chung của đơn vị thực tập;
- Tìm hiểu về các hoạt động khai thác và quản lý tài nguyên và môi trường;

- Thực tập các hoạt động nghề nghiệp trong khai thác và quản lý tài nguyên, môi trường.

4. Tài liệu tham khảo

Sinh viên tham khảo các tài liệu và văn bản liên quan.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	<input type="checkbox"/>	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	<input type="checkbox"/>	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	X
Phân tích, xử lý số liệu	X	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	<input type="checkbox"/>

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Có thái độ nghiêm cứu, học tập nghiêm túc;
- Tuân thủ đầy đủ quy định về thời gian thực tập.

Có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao, đảm bảo tính chính xác, kịp thời.

- Chủ động tìm kiếm thông tin để viết báo cáo thực tập;
- Hoàn thành báo cáo thực tập tốt nghiệp đúng theo yêu cầu và đúng thời hạn quy định.

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

- Tiêu chí đánh giá bài thực tập:

+ Về kết cấu chung: Báo cáo thực tập tốt nghiệp phải đảm bảo tuân thủ theo kết cấu gồm: Lời mở đầu, mục lục, danh mục bảng biểu, phần nội dung, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo;

+ Ngữ pháp: Cách viết rõ ràng trong sáng, không có sai sót lớn về lỗi ngữ pháp;

+ Số trang và định dạng phải đảm bảo đúng theo quy định hướng dẫn viết báo cáo thực tập tốt nghiệp của khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Thực hiện theo quy định mục 5.2.5, Quyết định số 1415/QĐ-TĐHHN ngày 3/6/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Ban hành Quy định việc quản lý, tổ chức thực tập tốt nghiệp.

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

9.Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Nội dung 1	1	2	
Giới thiệu về hoạt động thực tập tốt nghiệp và hướng dẫn viết báo cáo thực tập tốt nghiệp.			Nghiêm túc thực hiện theo yêu cầu của giáo viên hướng dẫn
Nội dung 2	25	50	
Thực hiện các nhiệm vụ nghề nghiệp được giao tại đơn vị thực tập tốt nghiệp			Nghiêm túc thực hiện theo nội quy của đơn vị thực tập
<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu thông tin chung của đơn vị thực tập tốt nghiệp; - Tìm hiểu tình hình hoạt động của đơn vị thực tập tốt nghiệp trong 5 năm gần đây; - Tìm hiểu quy trình thực hiện các hoạt động nghiệp vụ tại đơn vị thực tập tốt nghiệp; - Tìm hiểu những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng của đơn vị thực tập tốt nghiệp. 			
Nội dung 3	14	28	
Viết báo cáo thực tập tốt nghiệp			Nghiêm túc thực hiện theo quy định của Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường về hình thức, kết cấu của báo cáo thực tập tốt nghiệp
Cộng	40	80	

4.5.62. Khóa luận tốt nghiệp

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Khóa luận tốt nghiệp
 - Tiếng Anh: **Disertation**
- Mã học phần: DTT204
- Số tín chỉ: 06
- Đối tượng học: Đại học, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học hết các môn trong chương trình đào tạo
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 08 tuần (40 ngày)
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Vận dụng được những kiến thức cơ bản về ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên đã được trang bị vào thực tế để đưa ra được lựa chọn giữa các phương án về khai thác, quản lý tài nguyên và môi trường.

- *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng, kiến thức nghề nghiệp, hình thành các phẩm chất trí tuệ, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế. Tạo cho sinh viên có cơ hội phát hiện những kiến thức và kỹ năng còn thiếu để có kế hoạch bổ sung hoàn thiện.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong khai thác, quản lý hiệu quả tài nguyên và môi trường.

Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về khai thác, quản lý hiệu quả tài nguyên và môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Tổng quan đề tài nghiên cứu
- Cơ sở lý luận, hệ thống hóa lại những vấn đề lý luận về lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp.
- Thực trạng về vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập.
- Những giải pháp cho vấn đề nghiên cứu, đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm giải quyết những tồn tại, cải thiện hiện trạng để nâng cao hiệu quả lĩnh vực hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận tốt nghiệp.

4. Tài liệu tham khảo

Sinh viên tham khảo các tài liệu và văn bản liên quan.

5. Cách thức triển khai thực hiện khóa luận

Sinh viên xuống cơ sở thực tập để thu tập tài liệu sau đó viết thành báo cáo.

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	<input type="checkbox"/>
Phân tích, xử lý số liệu	<input type="checkbox"/>	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện nghiêm túc và có chất lượng chương trình thực tập tốt nghiệp theo quy định của nhà trường, chấp hành đầy đủ các quy định và kỷ luật lao động của cơ sở nơi thực tập.

- Trong quá trình thực tập, sinh viên phải thu thập đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết để viết khóa luận tốt nghiệp.

- Sau khi chọn đề tài các sinh viên viết đề cương chi tiết và liên hệ với các giáo viên hướng dẫn được phân công hướng dẫn để được góp ý, sửa chữa cho đề cương hoàn chỉnh, tạo điều kiện khi viết khóa luận được thuận lợi.

- Trên cơ sở đề cương chi tiết được sửa, sinh viên tiến hành viết và hoàn thiện khóa luận.

- Kết thúc quá trình thực tập, mỗi sinh viên phải hoàn thành một khóa luận tốt nghiệp (có nhận xét của cơ quan thực tập và giáo viên hướng dẫn) nộp cho khoa đúng thời gian quy định....

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

- Tiêu chí đánh giá báo cáo khóa luận tốt nghiệp:

+ Về kết cấu chung: Báo cáo khóa luận tốt nghiệp phải đảm bảo hoàn thiện đủ các nội dung đã nêu trong nội dung chi tiết học phần. Đảm bảo đủ các yếu tố cấu thành: Lời mở đầu, mục lục, danh mục bảng biểu, phần nội dung, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo;

+ Ngữ pháp: Cách viết rõ ràng trong sáng, không có sai sót lớn về lỗi ngữ pháp;

+ Số trang và định dạng phải đảm bảo đúng theo quy định hướng dẫn viết báo cáo khóa luận tốt nghiệp của khoa.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Điểm đánh giá khóa luận theo Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN, ngày 10 tháng 01 năm 2018 của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Ban hành Quy trình bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên trình độ đại học, chính quy

9. Nội dung chi tiết học phần

Tiến độ	Nội dung	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)

Tiến độ	Nội dung	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)
Ngày 1÷5	Đăng ký đề tài khóa luận tốt nghiệp	- Sinh viên làm việc với giáo viên hướng dẫn để xác định tên đề tài khóa luận; - Nộp bản đăng ký tên đề tài khóa luận theo đúng thời gian quy định
Ngày 6÷10	Hoàn thành đề cương chi tiết của khóa luận tốt nghiệp	Viết đề cương chi tiết theo định hướng của giáo viên hướng dẫn
Ngày 11÷15	Thu thập dữ liệu	Đi thực tế để thu thập dữ liệu
Ngày 16÷20	Tổng hợp dữ liệu và viết tổng quan	Tiến hành lọc và tổng hợp dữ liệu; Viết tổng quan theo định hướng của giáo viên hướng dẫn
Ngày 21÷30	Xử lý, phân tích dữ liệu; Viết bản thảo khóa luận; Nộp giáo viên hướng dẫn sửa	Tiến hành xử lý và phân tích dữ liệu; Viết bản thảo khóa luận; Nộp giáo viên hướng dẫn
Ngày 31÷36	Hoàn thiện khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên hoàn thiện Khóa luận theo góp ý của giảng viên hướng dẫn
Ngày 37÷38	Nộp khóa luận tốt nghiệp về khoa	Sinh viên nộp khóa luận theo quy định của khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường
Ngày 39÷40	Công tác chuẩn bị và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp	Chuẩn bị bài trình bày để bảo vệ khóa luận tốt nghiệp; Thực hiện bảo vệ khóa luận tốt nghiệp

4.5.63. Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường

Tiếng Anh: **Environment Economics Meta - analysis**

- Mã học phần: EEM204
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế môi trường, Quản lý kinh tế môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 31 tiết
 - Bài tập: 00 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 14 tiết
 - Kiểm tra: 00 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Phân tích được các mô hình kinh tế trong sử dụng và quản lý môi trường; phân tích, đánh giá môi trường trong bối cảnh của cơ chế thị trường; đánh giá những tác động (tích cực và tiêu cực) của các hoạt động phát triển (kinh tế và xã hội) đến môi trường; phân tích kinh tế của những tác động tới môi trường phục vụ công tác thẩm định các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển thông qua phân tích chi phí – lợi ích và phân tích chi phí – hiệu quả, góp phần hoạch định các chính sách và chiến lược phát triển những phương thức quản lý môi trường hợp lý.

- *Về kỹ năng:* Phân tích, đánh giá được mức ô nhiễm và những ảnh hưởng về mặt môi trường của từng hoạt động kinh tế; phân tích được các chỉ tiêu cơ bản đánh giá tác động môi trường; phân tích được những điểm khác biệt khi sử dụng phương pháp phân tích lợi ích – chi phí trong quản lý môi trường.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có sáng kiến trong quá trình Phân tích tổng hợp kinh tế môi trường; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Phân tích tổng hợp kinh tế môi trường;

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Phân tích tổng hợp kinh tế môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Học phần tập trung vào việc nghiên cứu nguyên nhân và cách thức con người gây ô nhiễm môi trường; từ đó đề ra những quy định, những chính sách kiểm soát ô nhiễm để giảm được suy thoái môi trường.
- Mô hình quản lý kinh tế môi trường ở góc độ vi mô và góc độ vĩ mô.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thế Chinh (2003), *Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường*, Nhà xuất bản Thống kê.
2. Hoàng Xuân Cơ (2005), *Giáo trình Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Giáo dục.
3. Nguyễn Mậu Dũng (2010), *Giáo trình Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Văn Song (2008), *Bài giảng Kinh tế tài nguyên và môi trường*, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội.
2. Field B. và N. Olewiler (2005), *Kinh tế môi trường*, Nhà xuất bản McGraw – Hill Ryerson Limited, Canada.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	X
Phân tích, xử lý số liệu	X	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài, các kiến thức liên quan đến học phần trước khi lên lớp
- Lắng nghe, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp
- Chuẩn bị và trình bày thảo luận các nội dung trong chương trình và các yêu cầu của giảng viên.
- Thực hiện làm các bài kiểm tra theo quy định
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Bài tập lớn Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA KINH TẾ MÔI TRƯỜNG	5		3	8	22	
1.1. Lợi ích ròng xã hội	1			1	6	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLTK 1,2 chương 1
1.2. Thất bại thị trường <i>1.2.1. Khái quát về thất bại thị trường</i> <i>1.2.2. Các nguyên nhân dẫn đến thất bại thị trường</i>	1			1	8	Đọc TLC 1 chương 1; Đọc TLTK 1,2 chương 1
1.3. Ngoại ứng <i>1.3.1. Khái niệm và phân loại ngoại ứng</i> <i>1.3.2. Tác động của ngoại ứng tiêu cực</i> <i>1.3.3. Tác động của ngoại ứng tích cực</i>	3		3	6	8	Đọc TLC 1 chương 1; Đọc TLTK 1,2 chương 1
Chương 2. KINH TẾ Ô NHIỄM	6		5	10	20	
2.1. Ô nhiễm tối ưu <i>2.1.1. Khái niệm về ô nhiễm môi trường</i> <i>2.1.2. Xác định mức ô nhiễm tối ưu</i>	1			1	4	Đọc TLC 2 chương 2; Đọc TLTK 1,2 chương 2
2.2. Định lý Ronald Coase <i>2.2.1. Quyền sở hữu và cơ sở hình thành lý thuyết</i> <i>2.2.2. Lý thuyết Ronald Coase và khả năng thỏa thuận thông qua thị trường</i>	2			2	8	Đọc TLC 2 chương 2; Đọc TLTK 1,2 chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.3. Khả năng áp dụng và hạn chế của lý thuyết Ronald Coase						
2.3. Các công cụ kiểm soát ô nhiễm 2.3.1. Thuế môi trường 2.3.2. Trợ cấp giảm thải 2.3.3. Phí xả thải và tiêu chuẩn môi trường 2.3.4. Giấy phép xả thải có thể chuyển nhượng 2.3.5. Một số công cụ khác	3		5	7	8	Đọc TLC 2 chương 2; Đọc TLTK 1,2 chương 2
Chương 3. MÔ HÌNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG	3			3	6	
3.1. Khái niệm quản lý Nhà nước về môi trường 3.1.1. Khái niệm chung 3.1.2. Vai trò của quản lý Nhà nước về môi trường 3.1.3. Đặc điểm quản lý Nhà nước về môi trường	1			1	2	Đọc TLC 3 chương 3; Đọc TLTK 1,2 chương 3
3.2. Nội dung và hình thức quản lý Nhà nước về môi trường 3.2.1. Những nội dung quản lý Nhà nước về môi trường theo quy định của luật pháp 3.2.2. Các hình thức quản lý môi trường	1			1	2	Đọc TLC 3 chương 3; Đọc TLTK 1,2 chương 3
3.3. Cơ cấu tổ chức quản lý Nhà nước về môi trường 3.3.1. Cơ quan quản lý trung ương	1			1	2	Đọc TLC 3 chương 3; Đọc TLTK 1,2 chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.3.2. Cơ quan quản lý địa phương						
Chương 4. QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	6			3	6	Đọc TLC 1 chương 4; Đọc TLTK 1,2 chương 4
4.1. Quy hoạch môi trường và phát triển bền vững 4.1.1. Mối quan hệ quy hoạch môi trường và phát triển bền vững 4.1.2. Hiện trạng quy hoạch môi trường ở Việt Nam và sự cần thiết xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển tài nguyên và môi trường	2			2	2	Đọc TLC 1 chương 4; Đọc TLTK 1,2 chương 4
4.2. Cơ sở tiền đề cho quy hoạch tổng thể phát triển tài nguyên và môi trường 4.2.1. Cơ sở pháp lý 4.2.2. Cơ sở thực tiễn 4.2.3. Các mối liên hệ trong xây dựng quy hoạch môi trường 4.2.4. Tổng quan quá trình xây dựng quy hoạch môi trường	2			2	2	Đọc TLC 1 chương 4; Đọc TLTK 1,2 chương 4
4.3. Quy hoạch tổng thể phát triển tài nguyên và môi trường 4.3.1. Đánh giá các nguồn tài nguyên và môi trường 4.3.2. Đánh giá tác động môi trường 4.3.3. Đánh giá môi trường chiến lược	2			2	2	Đọc TLC 1 chương 4; Đọc TLTK 1,2 chương 4

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3.4. Quy hoạch quản lý môi trường 4.3.5. Hệ thống các chỉ tiêu và chỉ số môi trường						
Chương 5. MÔ HÌNH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG TRONG DOANH NGHIỆP	6			6	12	
5.1. Khái quát về mối quan hệ kinh doanh và môi trường 5.1.1. Quan điểm tiếp cận 5.1.2. Kinh doanh 5.1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh	1			1	2	Đọc TLC 3 chương 5; Đọc TLTK 1,2 chương 5
5.2. Chiến lược kinh doanh và môi trường 5.2.1. Một số khái niệm 5.2.2. Gắn kết vấn đề môi trường trong hoạt động kinh doanh 5.2.3. Cách thức xây dựng chiến lược công ty thân thiện với môi trường	1			1	2	Đọc TLC 3 chương 5; Đọc TLTK 1,2 chương 5
5.3. Tổ chức quản lý và kiểm toán môi trường 5.3.1. Chiến lược quản trị môi trường và các công cụ 5.3.2. Quản trị môi trường và hệ thống tiêu chuẩn EMA 5.3.3. Hệ thống tiêu chuẩn ISO14000 và ISO14001 5.3.4. Hiện trạng và triển vọng áp dụng hệ thống quản trị môi trường doanh nghiệp	1			1	2	Đọc TLC 3 chương 5; Đọc TLTK 1,2 chương 5

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.4. Bảo vệ môi trường tại các cấp quản lý của doanh nghiệp <i>5.4.1. Marketing môi trường</i> <i>5.4.2. Quản lý đầu tư và các yếu tố môi trường</i> <i>5.4.3. Quản lý nhân lực có định hướng môi trường</i> <i>5.4.4. Khía cạnh môi trường của quản lý tài chính doanh nghiệp</i>	1			1	2	Đọc TLC 3 chương 5; Đọc TLTK 1,2 chương 5
5.5. Các công cụ sử dụng trong hệ thống quản trị môi trường doanh nghiệp <i>5.5.1. Các công cụ quản lý môi trường của doanh nghiệp</i> <i>5.5.2. Kế toán và kiểm toán môi trường của doanh nghiệp</i> <i>5.5.3. Các chỉ số phản ảnh hoạt động môi trường của doanh nghiệp</i> <i>5.5.4. Đánh giá chu trình vòng đời của sản phẩm</i> <i>5.5.5. Kiểm soát môi trường</i>	1			1	2	Đọc TLC 3 chương 5; Đọc TLTK 1,2 chương 5
5.6. Các mô hình quản lý môi trường thông dụng <i>5.6.1. Mô hình xử lý cuối đường ống</i> <i>5.6.2. Mô hình sản xuất sạch hơn</i>	1			1	2	Đọc TLC 3 chương 5; Đọc TLTK 1,2 chương 5
Chương 6. QUẢN LÝ KINH TẾ VỀ CHẤT THẢI	7		3	10	24	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)		
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
6.1. Tổng quan về chất thải 6.1.1. Khái niệm về chất thải 6.1.2. Phân loại chất thải 6.1.3. Thuộc tính của chất thải 6.1.4. Sự lan truyền chất gây ô nhiễm	1					2	Đọc TLC 1 chương 6; Đọc TLTK 1,2 chương 6
6.2. Ô nhiễm môi trường do các nguồn thải 6.2.1. Khái niệm ô nhiễm do nguồn thải 6.2.2. Ô nhiễm do các ngành sản xuất trong nền kinh tế 6.2.3. Ô nhiễm do các doanh nghiệp 6.2.4. Ô nhiễm do tiêu dùng xã hội	0,5					2	Đọc TLC 1 chương 6; Đọc TLTK 1,2 chương 6
6.3. Thực trạng về phát sinh chất thải hiện nay ở Việt Nam	0,5					2	Đọc TLC 1 chương 6; Đọc TLTK 1,2 chương 6
6.4. Kinh tế chất thải 6.4.1. Phòng ngừa và giảm thiểu chất thải từ nguồn phát sinh 6.4.2. Tái sử dụng và tái chế chất thải 6.4.3. Những chất thải loại bỏ phải xử lý 6.4.4. Quản lý chất thải từ hoạt động sản xuất và tiêu dùng	1					2	Đọc TLC 1 chương 6; Đọc TLTK 1,2 chương 6
6.5. Các phương pháp nghiên cứu chất thải 6.5.1. Cách tiếp cận của kinh tế học vĩ mô	0,5					2	Đọc TLC 1 chương 6; Đọc TLTK 1,2 chương 6

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.5.2. Cách tiếp cận của kinh tế học vi mô 6.5.3. Cách tiếp cận từ phân tích chi phí-lợi ích						
6.6. Kinh tế học về chất thải sinh hoạt	0,5				2	Đọc TLC 1 chương 6; Đọc TLTK 1,2 chương 6
6.7. Kinh tế học về chất thải công nghiệp	0,5				2	Đọc TLC 1 chương 6; Đọc TLTK 1,2 chương 6
6.8. Kinh tế học chất thải có nguồn gốc khác 6.8.1. Chất thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp 6.8.2. Chất thải rắn làng nghề 6.8.3. Chất thải rắn thương mại	0,5				4	Đọc TLC 1 chương 6; Đọc TLTK 1,2 chương 6
6.9. Kinh tế học quản lý chất thải nguy hại	1		1		2	Đọc TLC 1 chương 6; Đọc TLTK 1,2 chương 6
6.10. Các công cụ trong quản lý chất thải 6.10.1. Các công cụ pháp luật 6.10.2. Các công cụ kinh tế 6.10.3. Các công cụ tuyên truyền giáo dục nhận thức 6.10.4. Kinh tế chất thải có sự tham gia của cộng đồng	1		2		4	Đọc TLC 1 chương 6; Đọc TLTK 1,2 chương 6
Cộng	31		14	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.64. Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên

▪ Tiếng Anh: Natural Resources Economics Meta - analysis

- Mã học phần: KTTM2840
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế tài nguyên nước, kinh tế tài nguyên đất
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 33 tiết
 - Bài tập: 00 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 12 tiết
 - Kiểm tra: 00 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

- *Về kiến thức:* Phân tích được các mô hình trong sử dụng, khai thác và quản lý tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng; phân tích, đánh giá các công cụ quản lý kinh tế về tài nguyên đất, nước, rừng và đa dạng sinh học.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Phân tích được mô hình khai thác và sử dụng tối ưu đối với tài nguyên đất, tài nguyên nước và tài nguyên rừng. Trình bày được các công cụ quản lý tài nguyên.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng được các phương pháp khai thác tài nguyên tối ưu để xác định được mức khai thác tài nguyên tối ưu đối với từng loại tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng. Cách sử dụng các công cụ kinh tế để quản lý hiệu quả các tài nguyên.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Phân tích, đánh giá thực trạng từ đó đưa ra được những giải pháp khai thác, sử dụng tài nguyên đất, nước, rừng một cách bền vững, hiệu quả.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có sáng kiến trong quá trình Phân tích tổng hợp kinh tế tài nguyên; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Phân tích tổng hợp kinh tế tài nguyên;

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Phân tích tổng hợp kinh tế tài nguyên.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về kinh tế tài nguyên trong đó sẽ đưa ra những nét chung nhất về tài nguyên và kinh tế tài nguyên; Những nội dung cơ bản về đất đai, cơ sở lý thuyết của kinh tế tài nguyên đất, đặc biệt học phần tập trung vào việc phân tích kinh tế, xã hội trong việc sử dụng đất; khái quát về kinh tế thủy sản, mô hình sinh học và mô hình kinh tế khai thác thủy sản, một số công cụ sử dụng trong quản lý thủy sản; một số nét chung về tài nguyên rừng, mô hình sinh học và mô hình kinh tế khai thác gỗ và quản lý rừng. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp một số công cụ chính để quản lý tài nguyên đất, tài nguyên nước, và tài nguyên rừng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Song (2009), Giáo trình Kinh tế tài nguyên, (2009), NXB Tài chính.
2. Nguyễn Hoàn (2013), Giáo trình Kinh tế đất, NXB Lao Động.
3. Nguyễn Thế Chinh (2003), Giáo trình Kinh tế và quản lý môi trường, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Văn Song (2006), *Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi trường*, NXB Nông nghiệp.
2. Nguyễn Thị Phương Loan (2005), *Giáo trình tài nguyên nước*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	X
Phân tích, xử lý số liệu	X	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài, các kiến thức liên quan đến học phần trước khi lên lớp
- Lắng nghe, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp
- Chuẩn bị và trình bày thảo luận các nội dung trong chương trình và các yêu cầu của giảng viên.
- Thực hiện làm các bài kiểm tra theo quy định
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Bài tập lớn Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN	4			4	8	
1.1 Khái quát chung về tài nguyên <i>1.1.1. Khái niệm và phân loại tài nguyên</i> <i>1.1.2. Quyền sở hữu tài nguyên</i> <i>1.1.3. Tài nguyên và phát triển kinh tế</i>	3			3	6	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần <i>1.2.1. Khái niệm, đối tượng và nhiệm vụ</i> <i>1.2.2. Phương pháp cơ bản tiếp cận học phần kinh tế tài nguyên</i>	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 2. KINH TẾ TÀI NGUYÊN ĐẤT	11		6	17	34	
2.1. Giới thiệu chung <i>2.1.1. Khái niệm, phân loại và đặc điểm của đất đai</i> <i>2.1.2. Vai trò của đất đai trong sự phát triển kinh tế xã hội</i>	1,5			1,5	3	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 1
2.2. Cơ sở lý thuyết của kinh tế tài nguyên đất <i>2.2.1. Địa tô</i>	7,5		3	9,5	19	Đọc TLC 1, chương 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.2. Chi phí cơ hội 2.2.3. Lợi thế tuyệt đối và lợi thế tương đối 2.2.4. Mô hình ba mặt 2.2.5. Lý thuyết cung cầu trong sử dụng đất 2.2.6. Phân tích tài chính và phân tích lợi ích chi phí trong kinh tế đất						Đọc TLC 2, chương 3
2.3. Phân tích kinh tế, xã hội trong sử dụng đất	2		3	5	10	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 4
Chương 3. KINH TẾ TÀI NGUYÊN NƯỚC	8		4	12	24	
3.1. Khái quát chung về tài nguyên nước 3.1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của tài nguyên nước 3.1.1.2. Tài nguyên nước trên thế giới và Việt Nam 3.1.3. Các nguyên nhân dẫn đến sự khan hiếm nguồn nước	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLĐT 2, chương 1
3.2. Thị trường nước 3.2.1. Cung về nước 3.2.2. Cầu về nước 3.2.3. Thị trường nước và giá cả nước	3		1	4	8	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 1, chương 3
3.3. Phân tích kinh tế một số dự án tài nguyên nước 3.3.1. Phân tích kinh tế dự án cấp nước sinh hoạt 3.3.2. Phân tích kinh tế dự án cấp nước nông nghiệp 3.3.3. Phân tích kinh tế dự án cấp nước thủy điện	3		3	6	12	Đọc TLC 1, chương 1
Chương 4. KINH TẾ TÀI	5		1	6	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
NGUYÊN RỪNG						
4.1. Giới thiệu chung	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 4
4.2. Mô hình sinh học và mô hình kinh tế khai thác gỗ	4		1	5	10	Đọc TLC 1, chương 4; Đọc TLC 2, chương 4
Chương 5. QUẢN LÝ KINH TẾ VỀ TÀI NGUYÊN	5		1	6	12	
5.1. Quản lý tài nguyên đất <i>5.1.1. Suy giảm chất lượng đất</i> <i>5.1.2. Quản lý môi trường đất</i>	1					Đọc TLC 3, chương 3
5.2. Quản lý tài nguyên nước <i>5.2.1. Suy giảm chất lượng nguồn nước sạch</i> <i>5.2.2. Quản lý nguồn nước sạch</i> <i>5.2.3. Kiểm soát nguồn nước bị ô nhiễm</i>	2			2	4	Đọc TLC 3, chương 4;
5.3. Quản lý tài nguyên rừng và đa dạng sinh học <i>5.3.1. Nguyên nhân suy giảm rừng và đa dạng sinh học</i> <i>5.3.2. Quản lý rừng và đa dạng sinh học</i> <i>5.3.3. Quản lý các khu bảo tồn và vườn quốc gia</i>	2			3	6	Đọc TLC 3, chương 5;
Cộng	33		12	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.65. Phân tích tổng hợp kinh tế tài nguyên biển

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Phân tích tổng hợp kinh tế tài nguyên biển
- Tiếng Anh:
- Mã học phần: KTTM2828
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế tài nguyên biển
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 12 tiết
 - Bài tập: 00 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 33 tiết
 - Kiểm tra: 00 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên và Môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

- *Về kiến thức:* Phân tích được một số nội dung cơ bản về khai thác và sử dụng tài nguyên biển; vận dụng, phân tích và đánh giá được thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên biển ở Việt Nam.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Phân tích được các nội dung chính trong khai thác và sử dụng tài nguyên biển

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức, tìm hiểu thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên biển ở Việt Nam. Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên biển tại Việt Nam.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Phân tích, đánh giá thực trạng từ đó đưa ra được những giải pháp về khai thác và sử dụng tài nguyên biển một cách bền vững, hiệu quả.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có sáng kiến trong quá trình Phân tích tổng hợp kinh tế tài nguyên biển; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Phân tích tổng hợp kinh tế tài nguyên biển;

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Phân tích tổng hợp kinh tế tài nguyên biển.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Một số nội dung cơ bản về quản lý khai thác và sử dụng các loại tài nguyên biển; Thực trạng khai thác và sử dụng các loại tài nguyên biển ở Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. TS. Nguyễn Hoàn, ThS. Phạm Thị Bích Thủy, ThS. Nguyễn Tân Huyền (2017), Giáo trình Kinh tế tài nguyên và môi trường, NXB Tài chính.
2. Nguyễn Văn Song (2009), Giáo trình Kinh tế tài nguyên, (2009), NXB Tài chính.
3. Vũ Trung Tạng (2004), Sinh học và sinh thái học biển, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Kỳ Phùng (2016), Quản lý tài nguyên và môi trường biển, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

2. Đặng Thành Trung, Đặng Hoài Nam (2014), Kinh tế năng lượng, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	X
Phân tích, xử lý số liệu	X	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài, các kiến thức liên quan đến học phần trước khi lên lớp
- Lắng nghe, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp
- Chuẩn bị và trình bày thảo luận các nội dung trong chương trình và các yêu cầu của giảng viên.

- Thực hiện làm các bài kiểm tra theo quy định

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Bài tập lớn Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chuyên đề 1: Khai thác và sử dụng tài nguyên biển	3		7	10	20	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6
Nội dung 1: Một số nội dung cơ bản về khai thác và sử dụng tài nguyên biển	3					

Nội dung 2: Thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên biển ở Việt Nam			7	7	14	
Chuyên đề 2: Khai thác và sử dụng tài nguyên sinh vật biển	3		8	11	22	Đọc TLC 2, chương 7 Đọc TLC 3, chương 4
Nội dung 1: Một số nội dung cơ bản về khai thác và sử dụng tài nguyên sinh vật biển	3					
Nội dung 2: Thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên sinh vật biển ở Việt Nam			8	8	16	
Chuyên đề 3: Khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản biển	3		7	10	20	Đọc TLC 2, chương 7 Đọc TLC2, chương 6
Nội dung 1: Một số nội dung cơ bản về khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản biển	3			3	6	
Nội dung 2: Thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản biển ở Việt Nam			8	8	14	
Chuyên đề 4: Khai thác và sử dụng tài nguyên năng lượng biển	3		9	12	24	Đọc TLC 2, chương 7 Đọc TLĐT2, chương 3
Nội dung 1: Một số nội dung cơ bản về khai thác và sử dụng tài nguyên năng lượng biển	3			3	6	
Nội dung 2: Thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên năng lượng biển ở Việt Nam			10	10	18	
Cộng	12	0	33	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.5.66. Phân tích tổng hợp quản lý tài nguyên biển

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Phân tích tổng hợp quản lý tài nguyên biển

Tiếng Anh: General analysis of marine resources management

- Mã học phần: KTTM2829
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Bachelor degree, ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Kinh tế tài nguyên biển, Quản lý kinh tế tài nguyên
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 12 tiết
 - Bài tập: 00 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 33 tiết
 - Kiểm tra: 00 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên và Môi trường, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

- *Về kiến thức:* Phân tích được một số nội dung cơ bản về quản lý tổng hợp tài nguyên biển; vận dụng, phân tích và đánh giá được thực trạng quản lý tổng hợp nguyên biển ở Việt Nam.

- *Về kỹ năng:*

+ *Kỹ năng nhận thức:* Phân tích được nội dung của quản lý tổng hợp tài nguyên biển.

+ *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng kiến thức, tìm hiểu thực trạng quản lý tổng hợp tài nguyên biển ở Việt Nam. Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý tổng hợp tài nguyên biển tại Việt Nam.

+ *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ *Kỹ năng tư duy:* Phân tích, đánh giá thực trạng từ đó đưa ra được những giải pháp nhằm quản lý tổng hợp tài nguyên biển một cách bền vững, hiệu quả.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Phân tích tổng hợp quản lý tài nguyên biển;

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Phân tích tổng hợp quản lý tài nguyên biển.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Một số nội dung cơ bản về quản lý tổng hợp tài nguyên biển; thực trạng quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. TS. Nguyễn Hoàn, ThS. Phạm Thị Bích Thủy, ThS. Nguyễn Tân Huyền (2017), Giáo trình Kinh tế tài nguyên và môi trường, NXB Tài chính.

2. Nguyễn Kỳ Phùng (2016), Quản lý tài nguyên và môi trường biển, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

3. Nguyễn Văn Song (2009), Giáo trình Kinh tế tài nguyên, (2009), NXB Tài chính.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Trung Tạng (2004), Sinh học và sinh thái học biển, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Đặng Thành Trung, Đặng Hoài Nam (2014), Kinh tế năng lượng, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	X	Phát vấn	<input type="checkbox"/>	Đàm thoại	<input type="checkbox"/>
Bản đồ tư duy	<input type="checkbox"/>	Làm việc nhóm	X	Tình huống	<input type="checkbox"/>
Dạy học theo dự án	<input type="checkbox"/>	Dạy học thực hành	<input type="checkbox"/>	Thu thập số liệu	X
Phân tích, xử lý số liệu	X	Trình bày báo cáo khoa học	<input type="checkbox"/>	Tự học	X

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuẩn bị bài, các kiến thức liên quan đến học phần trước khi lên lớp
- Lắng nghe, tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp
- Chuẩn bị và trình bày thảo luận các nội dung trong chương trình và các yêu cầu của giảng viên.

- Thực hiện làm các bài kiểm tra theo quy định

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm

- Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Bài tập lớn Thực hành

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chuyên đề 1: Khái quát về quản lý tổng hợp tài nguyên biển	3		7	10	20	Đọc TLC 1, chương 7 Đọc TLC 2, chương 6
Nội dung 1: Một số nội dung cơ bản về quản lý tổng hợp tài nguyên biển	3					
Nội dung 2: Thực trạng quản lý tổng hợp tài nguyên biển ở Việt Nam			7	7	14	
Chuyên đề 2: Quản lý tài nguyên sinh vật biển	3		8	11	22	Đọc TLC 2, chương 7 Đọc TLC 3, chương 4
Nội dung 1: Một số nội dung cơ bản về quản lý tài nguyên sinh vật biển	3					
Nội dung 2: Thực trạng quản lý tài nguyên sinh vật biển ở Việt Nam			8	8	16	

Chuyên đề 3: Quản lý tài nguyên khoáng sản biển	3		7	10	20	Đọc TLC 2, chương 7 Đọc TLC2, chương 6
Nội dung 1: Một số nội dung cơ bản về quản lý tài nguyên khoáng sản biển	3			3	6	
Nội dung 2: Thực trạng quản lý tài nguyên khoáng sản biển ở Việt Nam			7	7	14	
Chuyên đề 4: Quản lý tài nguyên năng lượng biển	3		9	12	24	Đọc TLC 2, chương 7 Đọc TLĐT2, chương 3
Nội dung 1: Một số nội dung cơ bản về quản lý tài nguyên năng lượng biển	3			3	6	
Nội dung 2: Thực trạng quản lý tài nguyên năng lượng biển ở Việt Nam			9	9	18	
Cộng	12	0	33	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

4.6. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

4.6.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy cho các ngành đào tạo tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội được thống kê ở bảng sau:

TT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
1	Phòng học	154	13.854	- Máy chiếu - Màn chiếu - Bảng chống lóa - Bàn giáo viên - Bàn sinh viên	104 107 154 154 3.650	Tất cả các học phần/môn học
2	Phòng máy tính	28	1.988	- Máy tính - Máy chủ - Máy chủ phiên	1.200 02 12	Tin học; Tiếng Anh

b. Thư viện

Tổng diện tích thư viện: 890 m² trong đó diện tích các phòng đọc: 440 m²

Danh mục học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện, trung tâm học liệu thống kê cụ thể như sau:

TT	Tên	Số lượng
I	Thư viện/Trung tâm học liệu của Trường	
1	Số phòng đọc	2
2	Số chỗ ngồi đọc	200
3	Số máy tính của thư viện	100
4	Số lượng	
	- Đầu sách	387
	- Bản sách	2852
	- Tạp chí	30
	- E-book	6,588
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	2

Phần mềm Thư viện (tích hợp quản lý thư viện truyền thống và thư viện điện tử): iLibme

Thư viện điện tử: Đã kết nối với thư viện Đại học TNMT Thành phố Hồ Chí Minh các chương trình Fulbright, Cranfield University, Ohidink DRC Bowling Green State

University, Đại học An Giang, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, nhóm trường Kiến trúc, nhóm trường Quản trị kinh doanh, nhóm trường Sư phạm, nhóm trường Y dược.

c. Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	1. Bộ giáo dục và đào tạo (2011). <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> , NXB Chính trị quốc gia
2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2	1. Bộ giáo dục và đào tạo (2011). <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> , NXB Chính trị quốc gia
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1. Bộ giáo dục và đào tạo (2013), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh</i> , NXB Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1. Bộ giáo dục và đào tạo, (2016), <i>Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i> , NXB Chính trị Quốc gia
5	Kỹ năng mềm	1.ThS. Hoàng Thị Thu Hiền, ThS. Bùi Thị Bích, ThS. Nguyễn Như Khương, ThS. Nguyễn Thanh Thủy (2014), <i>Giáo trình kỹ năng mềm- tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác</i> , NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh 2. Lại Thế Luyện (2014), <i>Kỹ năng tìm việc làm</i> , NXB Thời đại 3. Dương Thị Liễu (2013), <i>Kỹ năng thuyết trình</i> , NXB Kinh tế quốc dân

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
6	Pháp luật đại cương	<p>1. Lê Minh Toàn (2009), <i>Pháp luật đại cương</i>, NXB. Chính trị Quốc gia</p> <p>2. Lê Minh Tâm (2009), <i>Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, Công An Nhân Dân</p> <p>3. Vũ Quang (2014) <i>Giáo trình Pháp luật đại cương</i>, NXB. Bách Khoa Hà Nội</p>
7	Tiếng anh 1	1. Cunningham, Sarah (2011), <i>New cutting Edge (Elementary)</i> , NXB Từ điển bách khoa
8	Tiếng anh 2	1. Cunningham, Sarah (2011), <i>New cutting Edge (Pre-Intermediate)</i> , NXB Từ điển bách khoa.
9	Tiếng anh 3	1. Cunningham, Sarah (2011), <i>New cutting Edge (Pre-Intermediate)</i> , NXB Từ điển bách khoa.
10	Toán cao cấp	<p>1. Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh (2004), <i>Toán học cao cấp (Tập 1,2,3)</i>, Nhà xuất bản Giáo Dục</p> <p>2. Lê Xuân Hùng, Lê Thị Hương, Nguyễn Ngọc Linh, Đàm Thanh Tuấn (2018), <i>Bài tập Toán cao cấp</i>, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>
11	Tin học đại cương	<p>1. Phạm Thị Anh Lê (CB) &nnk, tập 1, 2, 3(2015), <i>Tin học đại cương</i>, , Đại học Sư phạm</p> <p>2. <i>Tự học Microsoft Excel 2010, Tự học PowerPoint 2010 (2012)</i>, NXB Văn hóa Thông tin.</p> <p>3. <i>Tự học Word 2010</i>, (2011), NXB Hồng Bàng.</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
12	Tài chính – Tiền tệ	<p>1. Đinh Xuân Hạng, Phạm Ngọc Dũng (2014), <i>Giáo trình Tài chính – Tiền tệ</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. TS.Lê Thị Mận (2013), <i>Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ</i>, NXB Lao động Xã hội</p> <p>3. Nguyễn Văn Tiến (2011), <i>Giáo trình Tài chính – Tiền tệ</i>, NXB Thống kê</p>
13	Kinh tế vi mô	<p>1. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Nguyễn Gia Thọ, Phạm Thị Ngoan, Đào Thị Thương (2018), <i>GT Kinh tế vi mô</i>, Nhà xuất bản xây dựng</p> <p>2. Vũ Kim Dũng (2012), <i>GT Nguyên lý kinh tế học vi mô</i>, NXB Lao động – Xã hội.</p> <p>3. Phí Mạnh Hồng (2013), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô</i>, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.</p> <p>4. Nguyễn Văn Dân (2011), <i>Kinh tế vi mô 1</i>, NXB Tài chính.</p> <p>5. Robert S.Pindyck, Daniel L.Rubinfeld (2015), <i>Kinh tế học vi mô</i>, NXB Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>6. Đinh Phi Hổ (2013), <i>Kinh tế vi mô căn bản và nâng cao</i>, NXB Tài chính</p>
14	Kinh tế vĩ mô	<p>1. Nguyễn Văn Công (2012), <i>Giáo trình Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô</i>, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam</p> <p>2. Nguyễn Văn Ngọc (2013), <i>Bài giảng Kinh tế vĩ mô</i>, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>3. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Nguyễn Gia Thọ, Ngô Thị Duyên (2018) <i>Giáo trình Kinh tế vĩ mô</i>, Nhà xuất bản Tài chính.</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
15	Nguyên lý thống kê kinh tế	<p>1. Phan Công Nghĩa, Bùi Đức Triệu (2014), <i>Giáo Trình thống kê Kinh tế</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>2. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2017), <i>Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh</i>, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.</p> <p>3. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), <i>Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS</i>, NXB Hồng Đức</p>
16	Cơ sở khoa học môi trường	<p>1. Lưu Đức Hải (2008), <i>Cơ sở khoa học môi trường</i>, NXB ĐHQG Hà Nội.</p> <p>2. Lê Văn Khoa (2008), <i>Khoa học môi trường</i>, NXB Giáo dục</p> <p>3. Nguyễn Chu Hồi (2005), <i>Cơ sở tài nguyên và môi trường biển</i>, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội</p>
17	Nguyên lý kế toán	<p>1. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên (2018), <i>Giáo trình Nguyên lý kế toán</i>, NXB Lao động xã hội</p> <p>2. Bộ Tài chính (2015), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i>, NXB Tài chính</p> <p>3. Phan Đức Dũng (2014), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực</i>, NXB Thống kê</p>
18	Quản trị học	<p>1. Nguyễn Hoàn (2012), <i>Giáo trình quản trị học</i>, NXB Lao động</p> <p>2. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Hải Hà (2015), <i>Giáo trình Quản lý học</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
19	Tâm lý quản lý	<p>1. Đỗ Văn Phúc (2009), <i>Tâm lý trong quản lý doanh nghiệp</i>, NXB Bách Khoa.</p> <p>2. Nguyễn Văn Đồng (2011), <i>Giáo trình Tâm lý học giao tiếp</i>, NXB Chính trị - Hành chính.</p> <p>3. Nguyễn Bá Dương (2000), <i>Tâm lý học Quản lý</i>, NXB Chính trị Quốc gia</p>
20	Lịch sử các học thuyết kinh tế	<p>1. Trần Bình Trọng (2009), <i>Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>2. TS.Hà Quý Tình và Ths.Trần Hậu Hùng (2008), <i>Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>, NXB Tài chính</p> <p>3. Phạm Văn Chiến, Nguyễn Ngọc Thanh (2010), NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.</p>
21	Kinh tế đầu tư	<p>1. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt, PGS.TS Từ Quang Phương (2010), <i>Giáo trình Kinh đầu tư</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân</p> <p>2. TS.Đỗ Phú Trần Tinh (2009), <i>Giáo trình Lập và Thẩm định dự án đầu tư</i>, NXB Giao thông vận tải</p> <p>3. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), <i>Giáo trình Lập dự án đầu tư</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p>
22	Quản lý nhà nước về kinh tế	<p>1. Phan Huy Đường, Phan Anh, (2017), <i>Quản lý nhà nước về kinh tế</i>, NXB Đại học Đại học quốc gia Hà Nội</p> <p>2. Nguyễn Văn Sáu (2013), <i>Giáo trình quản lý kinh tế</i>, NXB Chính trị – Hành chính Quốc gia.</p>
23	Tài chính công	<p>1. Bùi Tiến Hanh, Phạm Thị Hoàng Phương (2016), <i>Giáo trình Quản lý tài chính công</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. Hoàng Thị Thuý Nguyệt, Đào Thị Bích Hạnh (2016), <i>Giáo trình Lý thuyết Quản lý tài chính công</i>, NXB Tài chính</p> <p>3. Phan Huy Đường (2014), <i>Giáo trình quản lý công</i>, NXB</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		ĐH Quốc gia Hà Nội
24	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám	<ol style="list-style-type: none"> 1. Vũ Danh Tuyên và nnk (2013), <i>Cơ sở viễn thám</i>, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. 2. Dương Đăng Khôi (2012), <i>Hệ thống thông tin địa lý</i>, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. 3. Lâm Quang Dốc (2003), <i>Bản đồ chuyên đề</i>, NXB Đại học Sư phạm
25	Cơ sở lý thuyết trong kinh tế tài nguyên và môi trường	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phạm Văn Minh (2011), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô 2</i>, NXB lao động - xã hội. 2. Vũ Cương, Phạm Văn Vận (2013), <i>Giáo trình Kinh tế công cộng</i>, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân 3. Cao Thúy Xiêm (2008), <i>Kinh tế vi mô phần 2</i>, NXB Kinh tế quốc dân
26	Kinh tế công cộng	<ol style="list-style-type: none"> 1. TS. Vũ Cương, PGS.TS Phạm Văn Vận, (2013), <i>Giáo trình Kinh tế công cộng</i>, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân 2. PGS. TS Nguyễn Văn Dàn, TS Đỗ Thị Thục (2013), <i>Giáo trình Kinh tế công cộng</i>, Nhà xuất bản tài chính. 3. PGS. TS Vũ Kim Dũng, PGS. TS Nguyễn Văn Công, (2012), <i>Giáo trình Kinh tế học (Tập II)</i>, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
27	Phân tích chi phí - lợi ích	<p>1. Trần Võ Hùng Sơn (2003), <i>Nhập môn phân tích lợi ích - chi phí</i>, NXB QG TP HCM</p> <p>2. Phạm Thị Bích Thủy (2011), <i>Phân tích Lợi ích chi phí</i>, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</p> <p>3. Nguyễn Hoàn, Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Tân Huyền, (2017), <i>Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi trường</i>, Nhà xuất bản tài chính</p>
28	Kinh tế học Biến đổi Khí hậu	<p>1. Trần Thọ Đạt (2012), <i>Biến đổi khí hậu và sinh kế ven biển</i>, NXB Giao thông vận tải</p> <p>2. Nguyễn Thế Chinh (2009), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, Nhà xuất bản Thống kê.</p> <p>3. Vũ Kim Dũng (2012), <i>Giáo trình Nguyên lý kinh tế học vi mô</i>, Nhà xuất bản Lao động – xã hội.</p>
29	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	<p>1. Vũ Cao Đàm (2014), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p> <p>2. Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh (2012), <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh</i>, NXB Tài chính</p> <p>3. Nguyễn Văn Thắng (2014), <i>Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p>
30	Kế toán tài chính	<p>1. Nguyễn Hoàn (2018), <i>Giáo trình Kế toán tài chính</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. Bộ Tài chính (2015), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i>, NXB Tài chính</p> <p>3. Phan Đức Dũng (2014), <i>Bài tập và bài giải Kế toán tài chính</i>, NXB lao động – xã hội.</p>
31	Thương mại và tài nguyên môi	<p>1. Nguyễn Xuân Thiên (2015), <i>Giáo trình thương mại quốc tế</i>, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
	trường	<p>2. Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng (2013), <i>Giáo trình Kinh tế quốc tế</i>, NXB Đại học KTQD</p> <p>3. GS. TS. Phạm Ngọc Linh, TS. Nguyễn Thị Kim Dung (2013), <i>Giáo trình Kinh tế phát triển</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.</p>
32	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	<p>1. PGS.TS. Từ Quang Phương (2014), <i>Giáo trình Quản lý dự án đầu tư</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân</p> <p>2. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), <i>Lập dự án đầu tư</i>, NXB Thống kê</p> <p>3. Từ Quang Phương, PGS.TS. Phạm Văn Hùng (2013), <i>Giáo trình Kinh tế đầu tư</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p>
33	Hạch toán quản lý môi trường	<p>1. Nguyễn Thế Chinh (2003), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, NXB Thống kê</p> <p>2. Mai Văn Tiến (2016), <i>Kiểm soát và đánh giá chất lượng môi trường</i>, <i>Giáo trình</i>, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</p> <p>3. Phạm Đức Hiếu (2012), <i>Giáo trình kế toán môi trường trong doanh nghiệp</i>, NXB Giáo dục.</p>
34	Lượng giá kinh tế TN và MT	<p>1. Đinh Đức Trường, Lê Hà Thanh (2013), <i>Lượng giá tài nguyên và môi trường: từ lý thuyết đến ứng dụng tại Việt Nam</i>, NXB Giao thông vận tải</p> <p>2. Nguyễn Thế Chinh (2013), <i>Lượng giá thiệt hại kinh tế do ô nhiễm, suy thoái môi trường</i>, NXB Chính trị Quốc gia.</p> <p>3. Nguyễn Hoàn, Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Tân Huyền, (2017), <i>Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi trường</i>, Nhà xuất bản tài chính</p>
35	Kinh tế môi trường	<p>1. Nguyễn Thế Chinh (2003), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, Nhà xuất bản Thống kê.</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<p>2. Hoàng Xuân Cơ (2005), <i>Giáo trình Kinh tế môi trường</i>, Nhà xuất bản Giáo dục.</p> <p>3. Nguyễn Mậu Dũng (2009), <i>Giáo trình Kinh tế môi trường</i>, NXB Thống kê.</p>
36	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	<p>1. Brian Tracy (2018), <i>Nghệ thuật quản lý thời gian</i>, NXB Lao động</p> <p>2. Shibamoto Hidenori (2018), <i>Kỹ năng tư duy logic</i>, NXB lao động.</p> <p>3. Jonh Adair (2018), <i>Ra quyết định và giải quyết vấn đề</i>, NXB Hồng Đức</p>
37	Kinh tế tài nguyên biển	<p>1. Nguyễn Hoàn, Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Tân Huyền, (2017), <i>Giáo trình kinh tế tài nguyên và môi trường</i>, Nhà xuất bản tài chính</p> <p>2. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính</p> <p>3. Lê Đức Tố, Hoàng Trọng Lập, Trần Công Trục, Nguyễn Quang Vinh (2005), <i>Quản lý biển</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>
38	Đề án môn học - Kinh tế tài nguyên và môi trường	<p>1. Nguyễn Thế Chinh (2013), <i>Kinh tế và quản lý môi trường</i>, NXB Thống kê.</p> <p>2. Đinh Đức Trường, Lê Hà Thanh (2013), <i>Lượng giá tài nguyên và môi trường từ lý thuyết đến ứng dụng tại Việt Nam</i>, NXB Giao thông vận tải.</p> <p>3. Nguyễn Văn Song (2012), <i>Phương pháp kinh tế nghiên cứu tài nguyên môi trường</i>, NXB Đại học Nông nghiệp</p>
39	Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên	<p>1. Huỳnh Quang Tín (2011), <i>Giáo trình Quản lý tài nguyên thiên nhiên trên cơ sở phát triển cộng đồng</i>, NXB Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<p>2. Nguyễn Thanh Sơn (2005), <i>Đánh giá tài nguyên nước Việt Nam</i>, NXB Giáo dục</p> <p>3. Trần Đức Viên, Nguyễn Vinh Quang, Mai Văn Thành (2005), <i>Phân cấp trong quản lý tài nguyên rừng và sinh kế người dân</i>, NXB Nông nghiệp</p>
40	Dự báo phát triển kinh tế xã hội	<p>1. Bộ môn Dự báo, Khoa kế hoạch và phát triển, (2014), <i>Dự báo phát triển kinh tế xã hội</i>, Trường đại học Kinh tế Quốc Dân, NXB Thống kê.</p> <p>2. Nguyễn Quang Đông (2012), <i>Giáo trình Kinh tế lượng</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p> <p>3. Nguyễn Trọng Hoài, Phùng Thanh Bình, Nguyễn Khánh Duy (2009), <i>Dự báo và phân tích dữ liệu trong Kinh tế và Tài chính</i>, NXB Thống kê</p>
41	Du lịch sinh thái	<p>1. Lê Huy Bá (2006), <i>Du lịch sinh thái</i>, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>2. Bùi Thị Hải Yến (2011), <i>Tài nguyên du lịch</i>, NXB Giáo dục Việt Nam</p> <p>3. Nguyễn Đình Hòe, Vũ Văn Hiều (2001), <i>Du lịch bền vững</i>, NXB ĐHQGHN</p>
42	Kiểm soát ô nhiễm môi trường	<p>1. Mai Văn Tiến (2016), <i>Kiểm soát và đánh giá chất lượng môi trường</i>, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</p> <p>2. Trần Ngọc Chân (2000), <i>Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải, Tập 1,2,3</i>. Nhà xuất bản KHKT Hà Nội.</p> <p>3. J. R. Mudakavi (2010), <i>Principles and Practices of Air Pollution Control and Analysis.</i>, India</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
43	Thống kê tài nguyên và môi trường	<p>1. Phạm Ngọc Kiểm (2010), <i>GT Thống kê doanh nghiệp</i> NXB Lao động Xã hội</p> <p>2. Nguyễn Kim Thúy, (2009), <i>Nguyên lý thống kê: Lý thuyết thống kê, ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất - Dịch vụ</i>. Thống Kê;</p>
44	Đánh giá tác động môi trường	<p>1. Hoàng Ngọc Khắc, Nguyễn Khắc Thành, Vũ Văn Doanh (2014), <i>Giáo trình Đánh giá tác động môi trường</i>, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</p> <p>2. Trần Văn Ý (2006), <i>Đánh giá tác động môi trường các dự án phát triển</i>, NXB Thống kê</p> <p>3. Phạm Ngọc Hồ & Hoàng Xuân Cơ (2006), <i>Đánh giá tác động môi trường các dự án phát triển</i>, NXB ĐHQG HN.</p>
45	Kiểm toán môi trường	<p>1. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Kiểm toán môi trường</i>, NXB Lao động và xã hội.</p> <p>2. Quý Lâm, Kim Phượng (2014), <i>Hệ thống tiêu chuẩn quy chuẩn về môi trường</i>, NXB Lao động xã hội.</p> <p>3. Lê Văn Khoa (2010), <i>Giáo trình Con người và môi trường</i>, NXB giáo dục Việt nam.</p>
46	Quản lý kinh tế môi trường	<p>1. Nguyễn Văn Song (2012), <i>Phương pháp tế nghiên cứu tài nguyên môi trường kinh</i>, NXB Đại học Nông nghiệp</p> <p>2. Nguyễn Thế Chinh (2009), <i>GT Kinh tế và quản lý quốc dân</i>, NXB Thống kê</p> <p>3. Phan Huy Đường, Phan Anh, (2017), <i>Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế</i>, NXB Đại học Đại học quốc gia Hà Nội</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
47	Quản lý kinh tế tài nguyên	<p>1. Nguyễn Thế Chinh (2009), <i>Giáo trình kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính</p> <p>2. Nguyễn Văn Song (2005), <i>Giáo trình tài nguyên nước</i>, NXB ĐHQG HN</p> <p>3. Phan Huy Đường, Phan Anh, (2017), <i>Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế</i>, NXB Đại học Đại học quốc gia Hà Nội</p>
48	Kinh tế tài nguyên du lịch	<p>1. Nguyễn Văn Đình, Trần Thị Minh Hòa (2009), <i>Giáo trình Kinh tế du lịch</i>, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.</p> <p>2. Bùi Thị Hải Yến, Phạm Hồng Long (2011), <i>Tài nguyên du lịch</i>, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.</p>
49	Kinh tế tài nguyên đất	<p>1. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Giáo trình Kinh tế đất</i>, NXB Lao động.</p> <p>3. Quentin Grafton, Wiktor Adamowicz, Diane Dupont, Hary Nelson, Robert J.Hill, and Steven Renzetti (2004), <i>The Economics of the Environment and Natural Resources</i>, Backwell Publisher.</p>
50	Kinh tế tài nguyên nước	<p>1. Nguyễn Bá Uân, Ngô Thị Thanh Vân (2006), <i>Giáo trình Kinh tế thủy lợi</i>, NXB Xây dựng.</p> <p>2. Nguyễn Thanh Sơn (2005), <i>Đánh giá tài nguyên nước Việt Nam</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>3. Trần Võ Hùng Sơn (2003), <i>Nhập môn phân tích lợi ích – chi phí</i>, NXB Quốc gia TP.HCM</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
51	Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản	<p>1. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. Bùi Đức Hùng, Phạm Hoàng Lương, Nguyễn Việt Dũng, Bùi Thanh Hùng, (2018), <i>Quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả</i>, NXB Bách khoa Hà Nội</p>
52	Kinh tế tài nguyên rừng và đa dạng sinh học	<p>1. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. Quentin Grafton, Wiktor Adamowicz, Diane Dupont, Hary Nelson, Robert J.Hill, and Steven Renzetti (2004), <i>The Economics of the Environment and Natural Resources</i>, Blackwell Publisher.</p>
53	Kinh tế tài nguyên sinh vật biển	<p>1. Nguyễn Hoàn, Phạm Thị Bích Thủy, Nguyễn Tân Huyền (2017), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên và Môi trường</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. Vũ Trung Tạng (2004), <i>Sinh học và sinh thái học biển</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>3. Lê Đức Tố, Hoàng Trọng Lập, Trần Công Trục (2005), <i>Quản lý biển</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội</p>
54	Kinh tế tài nguyên năng lượng và khoáng sản biển	<p>1. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. Bùi Đức Hùng, Phạm Hoàng Lương, Nguyễn Việt Dũng, Bùi Thanh Hùng, (2018), <i>Quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả</i>, NXB Bách khoa Hà Nội</p> <p>3. Quentin Grafton, Wiktor Adamowicz, Diane Dupont, Hary Nelson, Robert J.Hill, and Steven Renzetti (2004), <i>The Economics of the Environment and Natural</i></p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<i>Resources</i> , Blackwell Publisher.
55	Kinh tế tài nguyên du lịch biển	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính. 2. Bùi Thị Hải Yến (2011), <i>Tài nguyên du lịch</i>, NXB Giáo dục Việt Nam 3. Nguyễn Đình Hòa, Vũ Văn Hiếu(2001), <i>Du lịch bền vững</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
56	Quản lý tổng hợp vùng ven biển	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Thế Chinh (2009), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, Nhà xuất bản Thống kê. 2. GS. TS. Nguyễn Hoàng Toàn, PGS, TS. Mai Văn Bưu, (2008), <i>Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 3. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính.
57	Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, (2009), NXB Tài chính. 2. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Giáo trình Kinh tế đất</i>, NXB Lao Động. 3. Nguyễn Thế Chinh (2003), <i>Giáo trình Kinh tế và quản lý môi trường</i>, NXB Thống kê.

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
58	Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Thế Chinh (2003), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, Nhà xuất bản Thống kê. 2. Hoàng Xuân Cơ (2005), <i>Giáo trình Kinh tế môi trường</i>, Nhà xuất bản Giáo dục. 3. Nguyễn Mậu Dũng (2010), <i>Giáo trình Kinh tế môi trường</i>, Nhà xuất bản Tài chính.
59	Phân tích tổng hợp quản lý tài nguyên biển	<ol style="list-style-type: none"> 1. TS. Nguyễn Hoàn, ThS. Phạm Thị Bích Thủy, ThS. Nguyễn Tân Huyền (2017), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên và môi trường</i>, NXB Tài chính. 2. Nguyễn Kỳ Phùng (2016), <i>Quản lý tài nguyên và môi trường biển</i>, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh. 3. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, (2009), NXB Tài chính.
60	Phân tích tổng hợp kinh tế tài nguyên biển	<ol style="list-style-type: none"> 1. TS. Nguyễn Hoàn, ThS. Phạm Thị Bích Thủy, ThS. Nguyễn Tân Huyền (2017), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên và môi trường</i>, NXB Tài chính. 2. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, (2009), NXB Tài chính. 3. Vũ Trung Tạng (2004), <i>Sinh học và sinh thái học biển</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.6.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
1	Hà Thị Thanh Thủy	TS	Kinh tế học	Khoa KTTN&MT
2	Bùi Thị Thùy	ThS	Máy tính (Khoa học máy tính)	Khoa CNTT
3	Đàm Thanh Tuấn	ThS	Toán học	Khoa KHĐC
4	Đỗ Minh Anh	ThS	Triết học	Khoa LLCT
5	Hoàng Thị Ngọc Minh	ThS	Hồ Chí Minh học	Khoa LLCT
6	Lê Đắc Trường	ThS	Khoa học môi trường	Khoa MT
7	Đào Thị Thương	ThS	Thương mại	Khoa KTTN&MT
8	Phạm Thị Hồng Quế	ThS	Ngôn ngữ Anh	BMNN
9	Mai Thị Hiền	ThS	Lý luận và PP giảng dạy tiếng anh	BMNN
10	Phạm Thị Thương Huyền	ThS	Kỹ thuật trắc địa	Khoa TĐBĐ
11	Trần Lệ Thu	ThS	Luật	Khoa LLCT
12	Nguyễn Thị Trang	ThS	Toán học	Khoa KHĐC
13	Nguyễn Thị Diệu Linh	ThS	Kế toán	Khoa KTTN&MT
14	Đỗ Diệu Linh	ThS	Kinh tế	Khoa KTTN&MT
15	Đỗ Thị Ngọc Thúy	ThS	Kinh tế và Quản lý môi trường	Khoa KTTN&MT
16	Đỗ Thị Phương	ThS	Quản trị kinh doanh	Khoa KTTN&MT
17	Đặng Thị Hiền	ThS	Quản lý kinh tế	Khoa KTTN&MT
18	Nguyễn Thị Hiền	ThS	Quản lý kinh tế	Khoa KTTN&MT
19	Bùi Phương Nhung	ThS	Kế toán	Khoa KTTN&MT
20	Lê Thị Bích Lan	ThS	Kinh tế	Khoa KTTN&MT

4.7. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 50÷80 giờ thực tập, tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định. Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ). Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ (Trừ học kỳ cuối khóa) là không dưới 14TC đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường và 10÷14TC đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập của chương trình.

- Lưu ý khi sắp xếp lịch học thực hành, thực tập giữa các học phần trong cùng một học kỳ phải so le nhau, tránh chồng chéo./.
